

BA ĐỒNG VÀNG



Virginia Woolf

Table of Contents

Table of Contents

TÁC GIẢ

GIỚI THIỆU

PHẦN MỘT

PHẦN HAI

PHẦN BA

HẾT

★★★

• Chú thích

Ba Đồng Vàng

Virginia Woolf

Chia sẻ ebook: <https://downloadsach.com>

Follow us on Facebook: <https://facebook.com/caphebuoitoi>

Table of Contents

TÁC GIẢ

GIỚI THIỆU

PHẦN MỘT

PHẦN HAI

PHẦN BA

CHÚ THÍCH

TÁC GIẢ

Nữ tiểu thuyết gia, tiểu luận gia, nhà phê bình văn học người Anh Virginia Woolf sinh ngày 25-1-1882 tại London. Nhũ danh của bà là Adeline Virginia Stephen.

Trong suốt đời mình, Virginia Woolf luôn bị quấy rầy bởi những cơn trầm cảm và những chứng bệnh liên quan. Dù các cơn đau này thường gây ảnh hưởng tới hoạt động xã hội của mình, bà vẫn tiếp tục sáng tác với một vài thời kỳ gián đoạn cho tới khi qua đời do tự tử.

Đêm 28-3-1941, Virginia Woolf nhét đầy đá vào những túi áo khoác rồi đi bộ tới con sông Ouse gần nhà và tự trầm mình.

Hiện nay bà được đánh giá là một trong các tác giả vĩ đại nhất của thế kỷ 20, đồng thời cũng là một nhân vật trọng yếu trong lịch sử văn chương Anh ngữ với tư cách một người bênh vực nữ quyền và là một trong những người sáng lập nên trào lưu Chủ nghĩa Hiện đại bao gồm T.S. Eliot, Ezra Pound, James Joyce và Gertrude Stein.

Trong quãng đời ngắn ngủi và chiến đấu thường xuyên với căn bệnh thần kinh của mình, Virginia Woolf đã trước tác một lượng khổng lồ các tác phẩm với đủ thể loại: 8 tiểu thuyết (*The Voyage Out* - 1915; *Night and Day* - 1919; *Jacob's Room* - 1922; *Mrs. Dalloway* - 1925; *To The Lighthouse* - 1927; *The Waves* - 1931; *The Years* - 1937; *Between The Acts* - 1941); 14 tập tiểu luận, trong đó nổi bật nhất là *A Room of One's Own* (1929) và *Three Guineas* (1938); sáu tập truyện ngắn; ba tập tiểu sử, trong đó nổi bật nhất là quyển *Orlando: A Biography* (1928); và một vở kịch (*Freshwater: A Comedy* - công diễn 1923; xuất bản 1976). Ngoài ra còn có vô số thư từ liên quan tới cuộc sống và công việc của bà đã được xuất bản bao gồm ba quyển *Congenial Spirits: The Selected Letters* (1993), *The Letters of Virginia Woolf 1888-1941* (sáu tập, 1975-1980) và *Paper Darts: The Illustrated Letters of Virginia Woolf* (1991).

GIỚI THIỆU

“Ba đồng ghi-nê” (Three guineas) được Virginia Woolf khởi thảo vào khoảng năm 1932 và được NXB Harcourt, Brace and Co. xuất bản năm 1938. Tập tiểu luận này là một bước triển khai sâu và rộng hơn những vấn đề đã được kết luận khá lỏng lẻo trong tập Căn phòng riêng(*) (A room of one’s own).

Ý tưởng ban đầu của bà là viết một tập “tiểu thuyết-tiểu luận”, kết hợp đồng thời giữa những chương kể chuyện hư cấu và những chương tiểu luận phi hư cấu để đưa ra những quan điểm của bà về chiến tranh và vai trò của phụ nữ trước nguy cơ chiến tranh sắp sửa bùng nổ do sự xuất hiện của chủ nghĩa phát xít và Đức Quốc Xã. Tập văn xuôi chưa hoàn chỉnh hỗn hợp giữa hai thể loại này được xuất bản năm 1937 với tựa đề “Gia tộc Pargiter” (The Pargiters).

Sau đó Woolf nhận ra ý tưởng kết hợp giữa hai thể loại này không hiệu quả mấy. Bà tách tác phẩm thành hai phần và hoàn chỉnh chúng. Tác phẩm phi hư cấu là “Ba đồng ghi-nê”, còn tác phẩm hư cấu là “Những năm ấy” (The Years), phác họa về cuộc sống của những người trong gia đình thượng lưu Pargiter ở London từ năm 1880 tới thời điểm xuất bản tác phẩm. “Những năm ấy” phổ biến đến độ nó được xuất bản dưới dạng sách bỏ túi để những người lính đọc tiêu khiển trong thời kỳ Thế chiến II.

Ghi-nê là loại tiền đồng được đúc bằng vàng ròng của Anh từ năm 1663 tới năm 1813. Ban đầu một đồng ghi-nê có giá trị tương đương với một bảng Anh hoặc hai mươi shilling, nhưng do giá vàng tăng cao so với giá bạc, giá trị của đồng ghi-nê cũng tăng theo, có lúc lên tới ba mươi shilling. Từ năm 1717 đến năm 1816, giá trị của nó được chính thức ấn định ở mức hai mươi một shilling. Tên gọi của loại tiền này xuất phát từ địa danh Guinea ở Tây Phi, nơi cung cấp nguồn vàng chủ yếu để đúc loại tiền này vào thời kỳ đầu. Dù bị thu hồi và đúc lại thành đồng sovereign (bảng 20 shilling) vào năm 1816, và không còn lưu hành kể từ đó, đồng ghi-nê vẫn tồn tại trong tính toán giao dịch của một số tầng lớp, nhất là trong giới đua ngựa và trong mua bán cừu, tương đương với một bảng Anh và một shilling (21 shilling) hoặc một bảng Anh và sáu xu trong hệ thống tiền tệ thập phân.

Toàn tập tiểu luận được cấu trúc như là một lá thư phúc đáp cho một quý ông trí thức. Ông ta đã gửi một lá thư yêu cầu Virginia Woolf tham gia vào những nỗ lực của hiệp hội của mình nhằm ngăn chặn chiến tranh. Trong lá

thư, quý ông này (không bao giờ được nêu tên) yêu cầu bà góp ý về phương cách ngăn chặn chiến tranh và cũng đề xuất một số biện pháp để thực hiện điều đó.

Để đáp ứng lại yêu cầu đó, Virginia lần lượt đưa ra những luận điểm với giọng văn hơi ngoa dụ, dí dỏm, đậm chất châm biếm, nhưng vô cùng lô gích trong lập luận. Bà xoáy sâu vào từng vấn đề, phân tích chúng dựa trên ba nguồn chứng cứ: lịch sử, tiểu sử cá nhân và báo chí (mà bà gọi là lịch sử ở dạng thô sơ) để đáp lại ba câu hỏi:

— Từ một hội phản chiến của các quý ông: “Làm cách nào để ngăn chặn chiến tranh.”

— Từ một quỹ tái thiết trường cao đẳng cho phụ nữ: “Vì sao chính phủ không hỗ trợ cho công tác giáo dục phụ nữ?”

— Từ một hội cổ động cho việc nâng cao trình độ chuyên môn của phụ nữ: “Vì sao phụ nữ không được tham gia làm việc ở những ngành nghề chuyên môn?”

Ở tập tiểu luận này, chúng ta cần chú ý một điều, bà không nhân danh phụ nữ nói chung mà chỉ đại diện cho một tầng lớp, “con gái của những người đàn ông trí thức” (the educated men’s daughters).

Ba đồng ghi-nê được phân thành ba chương, mỗi chương giải quyết một vấn đề như đã nêu trên.

Trong tập tiểu luận này, hầu như từng luận đề và luận điểm, chứng cứ đều đan xen với nhau chặt chẽ để đến cuối mỗi một chương tác giả đưa ra một kết luận cho câu hỏi đặt ra.

Ban đầu, tôi định đưa ra những luận đề, luận điểm chủ yếu và trích dẫn tác phẩm vào lời giới thiệu này, nhưng chính vì sự gẫn bó chặt chẽ của từng luận đề, luận điểm như nêu trên, công việc này hoặc sẽ trở nên quá dài dòng thừa thãi hoặc trái lại sẽ thiếu sót vì không đề cập đầy đủ mọi chi tiết.

Vì vậy, xin được khép lại phần giới thiệu tại đây với các nhận định sau của hai độc giả nước ngoài đối với Ba đồng ghi-nê:

“Không còn ngờ gì nữa, cuốn sách này của VW là cuốn sách mà tôi yêu quý, ưa thích nhất. Tôi có thể đi xa hơn nữa khi nói rằng, thật ra đây là cuốn sách tôi ưa thích nhất và là cuốn sách hay nhất tôi từng đọc. Nó nên được đọc ở trường thay vì cuốn Mrs Dalloway, và điều đó có thể thay đổi quan điểm tiêu cực (hoàn toàn sai lầm và bất công) của nhiều người đối với nhà văn này. Ba đồng ghi-nê là một tiếng kêu thương, một lời cầu nguyện, một

khẳng nhận mạnh mẽ về sự bình đẳng giữa nam và nữ và về quyền được giáo dục, một khúc tình ca tuyệt diệu đối với mọi phụ nữ ở mọi thời đại. Bất kỳ phụ nữ trí thức nào cũng nên đọc và yêu quý nó mãi mãi, như một lời nhắc nhở về việc chúng ta đã từng như thế nào và đã tiến được bao xa. Quan trọng nhất, nó có thể phục vụ như một lời nhắc nhở, rằng, ngay hiện giờ, không phải mọi phụ nữ trên quả đất đều có cái quyền được học hành mà chúng ta vẫn dễ dàng xem là lẽ đương nhiên. Và cuối cùng, những phụ nữ trí thức ngày nay có thể sử dụng cuốn sách này như là một vũ khí để chinh phục và ban cái quyền được học hành đó cho mọi phụ nữ trên trái đất. Bởi vì, như VW nói: “Với tư cách phụ nữ, tôi không có quê hương. Với tư cách phụ nữ, quê hương của tôi là toàn thế giới.” (Maria - Goodread review)

(“Without a hint of a doubt, my favourite, most cherished book of VW. I would go as far to say that this is, in fact, my favourite book ever and the best book I ever read. It should be read at school instead of Mrs Dalloway, and that would change the (totally wrong and unfair) negative opinion many have on this writer. Three guineas is a cry, a prayer, and a strong affirmation of equality between men and women and of the right to education, and an amazing song of love for all women of all times. Any educated woman should read it and cherish it forever, as a reminder of what it used to be and of how far we have come. Most importantly, it should serve as a reminder that, to the present day, not every woman on earth has the right to education that we so easily take for granted. And finally, this book should be used as weapon from the educated women of today to conquer and grant the same right to education to every other woman on earth. Because, to put it like VW, "As woman, I have no country. As woman, my country is the whole world".)

“Woolf được biết tới nhiều nhất ở sáng tác hư cấu phức tạp, nhưng bà là một nhà bình luận chính trị sâu sắc đến khó tin. Dù được viết trước Thế chiến II, “Ba đồng ghi-nê” có những quan sát về chiến tranh, giống, và giáo dục vẫn còn rất phù hợp với hôm nay.” (Carollyn MH - Goodread review)

(“Woolf is best known for complicated fiction, but she is an incredibly insightful political commentator. Though written prior to WWII, "Three Guineas" has observations on war, gender, and education that are still very applicable today.”)

Sài Gòn, 10/2013

Nguyễn Thành Nhân

PHẦN MỘT

Ba năm là một thời gian dài để gác lại việc hồi đáp một lá thư, và thư của ông đã nằm đó không có hồi âm thậm chí còn lâu hơn thế. Tôi đã hy vọng rằng nó có thể tự giải đáp, hoặc những người khác sẽ giải đáp cho tôi. Nhưng lá thư và câu hỏi của nó - Theo ý bà, chúng ta ngăn ngừa chiến tranh bằng cách nào? - vẫn chưa được giải đáp.

Đúng là có nhiều giải đáp đã nảy sinh, nhưng không giải đáp nào không cần sự lý giải, và lý giải thì mất thời gian. Trong trường hợp này cũng vậy, có những lý do vì sao việc tránh hiểu lầm lại đặc biệt khó khăn. Trọn một trang có thể đầy những lý do biện bạch và lời xin lỗi; những tuyên bố về tình trạng vô tài, bất lực, thiếu kiến thức và kinh nghiệm: và hẳn là thật thế. Nhưng ngay cả khi những điều đó được nói ra, vẫn còn có một số khó khăn cơ bản đến độ việc giải thích hay làm cho ông hiểu được chúng tôi rõ ràng là bất khả. Nhưng người ta không muốn gác lại không hồi đáp một lá thư đáng chú ý như thư của ông - một lá thư có lẽ là độc nhất vô nhị trong lịch sử thư tín của loài người, vì trước đó, đã có khi nào một người đàn ông trí thức hỏi một phụ nữ rằng theo ý của cô ta, có thể ngăn ngừa chiến tranh bằng cách nào? Vì thế chúng ta hãy cố một lần; ngay cả khi việc này tất phải thất bại mà thôi.

Trước hết chúng ta hãy vạch ra thứ mà tất cả mọi kẻ viết thư đều vạch ra theo bản năng, một phác họa về cá nhân nhận lá thư. Nếu không có hơi ấm và hơi thở của một ai đó ở phía bên kia trang giấy, những ngôn từ là vô giá trị. Hồi ấy, ông, người đưa ra câu hỏi, đã lún phún tóc bạc ở hai bên thái dương; tóc trên đỉnh đầu ông không còn dày nữa. Ở tuổi trung tuần, ông đã trở thành một luật sư, không phải không nỗ lực; nhưng nhìn chung hành trình của ông đều thuận lợi. Không có chút cản trở, tiêu tụy hay bất mãn trên nét mặt ông. Và, không muốn tâng bốc ông đâu nhé, sự thành đạt của ông - vợ con, nhà cửa - là xứng đáng. Ông không hề chìm vào sự thờ ơ thỏa mãn của cuộc sống tuổi trung tuần, vì, như thư của ông từ một văn phòng ở trung tâm London cho thấy, thay vì trở trần trên gối, thúc đuổi đàn heo và cắt tỉa những cây lê của mình - ông có vài mẫu Anh ở Norfolk - ông đang viết những lá thư, dự những cuộc họp, điều hành chuyện này chuyện khác, đưa ra những câu hỏi, với âm thanh của súng đạn trong tai. Đối với số người còn lại, ông bắt đầu học vấn của mình ở một trong những trường tư thục lớn và kết thúc ở trường đại học.

Chính lúc này khó khăn đầu tiên trong việc giao tiếp giữa chúng ta xuất hiện. Chúng ta hãy nhanh chóng chỉ ra nguyên do. Trong thời đại lai tạp này, khi mà dù con cái có dòng máu pha trộn, các giai tầng vẫn cố định, cả hai chúng ta đều xuất thân từ chỗ có thể gọi một cách thuận tiện là tầng lớp trí thức. Khi gặp mặt nhau, chúng ta nói cùng một giọng; dùng dao nĩa theo cùng một cách; mong đợi những cô hầu nấu ăn và dọn rửa sau bữa ăn; và có thể trò chuyện không chút khó khăn về chính trị và mọi người trong bữa ăn; chiến tranh và hòa bình; man rợ và văn minh - tất cả những vấn đề mà thật ra lá thư của ông đã nêu lên. Ngoài ra, cả hai chúng ta đều làm ăn kiếm sống. Nhưng... ba dấu chấm đó đánh dấu một vách dựng, một vực nước giữa chúng ta, sâu đến độ trong suốt hơn ba năm tôi đã ngồi bên phía của mình tự hỏi có ích lợi gì không khi cố nói xuyên qua nó. Chúng ta hãy đề nghị một người khác nói thay cho chúng ta vậy - đó là Mary Kingsley.

“Tôi không biết đã bao giờ tôi tiết lộ với bạn sự thật rằng được phép học tiếng Đức là TẤT CẢ nền học vấn phải trả tiền mà tôi từng có hay chưa. Tôi đã tiêu của em tôi hai ngàn bảng mà tôi vẫn còn hy vọng là không uổng phí.”^[1] Mary Kingsley không chỉ nói cho riêng bản thân mình, bà đang nói thay cho nhiều cô con gái của những người đàn ông trí thức. Và bà không chỉ nói thay cho họ; bà cũng đang chỉ ra một thực tế rất quan trọng về họ, một thực tế hẳn phải tác động sâu xa tới tất cả mọi thứ theo sau: thực tế về Quỹ Giáo dục Arthur^[1]. Ông, người từng đọc Pendennis^[2], sẽ nhớ ba mẫu tự bí ẩn A.E.F. được hiểu như thế nào trong những cuốn sổ tay nội trợ. Kể từ thế kỷ 13, các gia đình Anh vẫn đang chi trả cho khoản tiền đó. Từ gia tộc Paston tới gia tộc Pendennis, tất cả những gia tộc trí thức từ thế kỷ 13 cho tới nay đã chi trả cho khoản tiền đó. Đó là một cái bụng phàm ăn. Ở nhà nào có nhiều con trai, gia đình phải có một nỗ lực lớn lao để giữ cho nó được đầy. Vì việc học của ông không chỉ là học trong sách vở; những trò chơi trui rèn cơ thể ông; bằng hữu dạy cho ông nhiều hơn những cuốn sách hay những trò chơi. Việc trò chuyện với họ mở rộng tầm nhìn của ông và làm phong phú tâm trí ông. Ông đi du lịch vào những kỳ nghỉ lễ; thủ đắc một thị hiếu về nghệ thuật; một tri thức về chính trị ở hải ngoại; và rồi, trước khi ông có thể tự kiếm sống, cha ông cấp cho ông một khoản chi tiêu để ông có thể sống trong lúc học ngành nghề chuyên môn mà giờ đây cho phép ông bổ sung hai chữ K.C^[3] vào tên mình. Tất cả đến từ Quỹ giáo dục Arthur. Và như Mary Kingsley chỉ ra, các chị em gái của ông đã góp phần vào đó. Không chỉ nền học vấn của chính bản thân họ, ngoài những khoản nhỏ để trả cho giáo viên tiếng Đức, đều đi vào đó; mà còn nhiều thứ trong

những khoản xa hoa và thêm thắt, mà nói cho cùng, là một phần chủ yếu của nền học vấn, chẳng hạn như du lịch, xã hội, trạng thái cô đơn, ăn ở xa nhà -những thứ này đều cần được thanh toán. Nó là một cái bụng phàm ăn, một thực tế sờ sờ - Quỹ Giáo dục Arthur - một thực tế thật sự sờ sờ trước mắt đến nỗi nó phủ bóng lên toàn thể bức tranh phong cảnh. Và kết quả là dù chúng ta nhìn vào cùng những điều như nhau, chúng ta nhìn thấy chúng một cách khác biệt nhau. Cái tập hợp công trình xây dựng đó là gì, với một phong cách bán tu viện, với những tiểu giáo đường, đại sảnh và những sân chơi xanh cỏ? Với ông, nó là trường trung học cũ của ông: Eton hoặc Harrow; đại học cũ của ông, Oxford hoặc Cambridge; nguồn cội của vô số hồi ức và truyền thống.

Nhưng với chúng tôi, những người nhìn nó qua cái bóng của Quỹ Giáo dục Arthur, nó là một cái bàn trong lớp học, một chiếc xe buýt hai tầng chạy tới trường, một người phụ nữ nhỏ bé với một cái mũi đỏ, bản thân không có mấy học thức, nhưng có một người mẹ bệnh tật cần trợ giúp; một khoản trợ cấp hàng năm 50 bảng, để mua sắm quần áo, tặng quà và thực hiện những hành trình tới sự trưởng thành. Đó là những tác động của Quỹ Giáo dục Arthur đối với chúng tôi. Nó thay đổi bức tranh một cách nhiệm màu đến nỗi những khoảnh sân và khuôn viên cao quý của Oxford và Cambridge thường xuất hiện trước mắt các cô con gái của những người đàn ông trí thức^[1] như những chiếc váy lót dài nhiều lỗ rách, những chiếc chân cừu lạnh, và con tàu khởi hành tới bến cảng đi nước ngoài trong lúc những người gác cửa đóng cửa lại trước mặt họ.

Thực tế rằng Quỹ Giáo dục Arthur làm biến chuyển bức tranh phong cảnh - những sảnh đường, sân chơi, những dinh thự thiêng liêng - là một thực tế quan trọng; nhưng khía cạnh đó phải được gác lại cho cuộc thảo luận trong tương lai. Ở đây chúng ta chỉ quan tâm tới tới thực tế hiển nhiên, khi xét tới câu hỏi hệ trọng này - chúng tôi sẽ giúp các ông ngăn ngừa chiến tranh bằng cách nào - nền học vấn đó tạo nên sự khác biệt. Một số tri kiến về chính trị, về quan hệ quốc tế của nền kinh tế, hiển nhiên là cần yếu để thấu hiểu những nguyên do dẫn tới chiến tranh. Triết học, thậm chí học thuyết, có thể góp phần đắc lực. Ông, kẻ thất học, ông, kẻ có trí tuệ chưa được trui rèn, không thể có khả năng giải quyết những câu hỏi đó một cách thỏa đáng. Chiến tranh, với tư cách kết quả của những lực lượng phi cá nhân, là điều, ông sẽ đồng ý, nằm ngoài tầm thấu hiểu của một trí tuệ chưa rèn luyện. Nhưng chiến tranh với tư cách bản chất con người là một chuyện khác. Nếu

ông không tin rằng bản chất con người, những nguyên do, những cảm xúc của đàn ông và phụ nữ bình thường, dẫn tới chiến tranh, thì hẳn ông đã không viết thư yêu cầu sự giúp đỡ của chúng tôi. Ông ắt phải lý luận rằng, đàn ông và phụ nữ, tại đây và vào lúc này, có thể vận dụng ý chí của họ; họ không phải là những con tốt và những con rối nhảy múa trên một sợi dây do những bàn tay vô hình điều khiển. Họ có thể hành động và tư duy cho chính họ. Có lẽ thậm chí họ có thể tác động tới những ý tưởng và hành động của nhiều người khác. Một số lập luận như thế ắt phải dẫn ông tới việc liên hệ tới chúng tôi; và với sự biện minh. Bởi lẽ thật là vui khi có một nhánh giáo dục đến từ cái tên gọi “giáo dục không phải trả tiền” - sự thấu hiểu về con người và những động cơ của họ mà, nếu từ này loại bỏ những liên kết khoa học của nó, có thể được gọi là tâm lý học. Hôn nhân, cái nghề nghiệp lớn lao mở ra cho giai tầng của chúng tôi kể từ thuở hồng hoang cho tới năm 1919; hôn nhân, nghệ thuật chọn lựa một người để sống một đời sống vẹn toàn, hẳn đã dạy chúng ta một kỹ năng trong điều đó. Nhưng ở đây lại có một khó khăn khác đối mặt với chúng ta. Bởi dù cả hai giới ít nhiều gì đều có những bản năng chung, đấu tranh luôn là thói quen của đàn ông chứ không phải của phụ nữ. Pháp luật và thực hành đã phát triển sự khác biệt đó, dù là bẩm sinh hay ngẫu nhiên. Trong quá trình lịch sử, hiếm khi một con người gục ngã dưới khẩu súng của một phụ nữ; đại đa số các loài chim và thú đều bị giết bởi các ông chứ không phải bởi chúng tôi; và khó mà phán xét điều chúng tôi không chia sẻ.[\[III\]](#)

Vậy thì chúng tôi phải hiểu vấn đề của các ông thế nào đây, và nếu chúng tôi không thể, làm sao chúng tôi có thể trả lời câu hỏi của ông, làm cách nào để ngăn chặn chiến tranh? Câu trả lời dựa trên kinh nghiệm và tâm lý của chúng tôi - Vì sao đánh nhau? - là một câu trả lời không có chút giá trị nào. Hiển nhiên với các ông có một sự vinh quang nào đó, một nhu cầu thiết yếu nào đó, một cảm giác thỏa mãn nào đó trong việc chiến đấu mà chúng tôi chưa bao giờ cảm thấy hay thích thú. Sự thấu hiểu trọn vẹn chỉ có thể đạt được thông qua sự truyền máu và truyền ký ức - một phép màu vẫn còn nằm ngoài tầm với của khoa học. Nhưng chúng tôi, những kẻ hiện đang sống có một cái để thay thế cho việc truyền máu và truyền ký ức; và nó phải phục vụ trong tình thế ngặt nghèo. Có sự trợ giúp tuyệt trần, luôn không ngừng đổi mới, thế nhưng lại không được khai thác một cách rộng rãi trong việc thấu hiểu những động cơ của con người, được cung cấp trong thời đại của chúng ta bởi tiểu sử và tự truyện. Còn có nhật báo nữa, lịch sử ở thể thô sơ. Như vậy không còn bất cứ lý do nào để bị giới hạn trong quãng thời gian một phút của kinh nghiệm thật sự, thứ mà với chúng tôi vẫn còn quá

hẹp, quá hạn chế. Dĩ nhiên đây chỉ là một bức tranh hiện tại, nhưng nó phải phục vụ ở mức đó. Vậy chính tiểu sử là thứ chúng tôi sẽ quay sang trước nhất, một cách nhanh chóng và ngắn gọn, để cố thấu hiểu chiến tranh có ý nghĩa gì đối với các ông. Chúng ta hãy trích dẫn vài câu từ một tiểu sử. Đầu tiên, đoạn này từ cuộc đời của một người lính:

Tôi đã có một cuộc sống khả dĩ là hạnh phúc nhất, và luôn làm việc cho chiến tranh, và hiện đang bước vào thời kỳ lớn lao nhất của một đời chiến sĩ... Tạ ơn Thượng đế, một giờ nữa chúng tôi xuất quân. Thật là một trung đoàn tuyệt phách! Những con người như thế, những con ngựa như thế! Trong vòng mười ngày, tôi hy vọng Francis và tôi sẽ phi ngựa cạnh nhau thẳng vào bọn Đức.[\[IV\]](#)

Ở đây, người viết tiểu sử bổ sung thêm:

Từ giờ đầu tiên anh ta đã cực kỳ hạnh phúc, vì anh ta đã tìm ra tiếng gọi thật sự của mình.

Với nhận định đó, chúng ta hãy bổ sung thêm đoạn này từ cuộc đời của một phi công:

Chúng tôi nói về Hội Quốc Liên[\[4\]](#) và những viễn cảnh về hòa bình và giải trừ quân bị. Về chủ đề này ông ta tỏ ra có tính thượng võ hơn là quân phiệt. Sự khó khăn mà ông ta không thể tìm ra lời giải đáp cho nó là nếu đạt được hòa bình thường xuyên, và các quân đội cùng hải quân thôi tồn tại, sẽ không có lối thoát cho những phẩm chất đàn ông mà việc chiến đấu đã phát triển, và thể chất con người, tính cách con người đó sẽ trở nên sa đọa.[\[V\]](#)

Ở đây, ngay lập tức, có ba nguyên do dẫn giới tính của các ông tới chỗ đánh nhau; chiến tranh là một nghề nghiệp; một nguồn hạnh phúc và phấn khích; và nó còn là lối thoát cho những phẩm chất đàn ông, mà nếu không có nó những người đàn ông sẽ trở nên tồi tệ. Nhưng việc những cảm giác và ý kiến này không hề có chút tính phổ quát nào đối với giới tính của các ông đã được chứng minh bởi đoạn trích sau từ một tiểu sử khác, cuộc đời của một thi sĩ đã bị giết trong cuộc chiến châu Âu. Wilfred Owen.

Tôi đã thấu hiểu một thứ ánh sáng sẽ không bao giờ ngấm vào tín điều của bất kỳ nhà thờ quốc gia nào: cụ thể, một trong những chỉ thị chủ yếu của Chúa Ky-tô là: Thụ động ở bất cứ giá nào! Hãy gánh chịu sự ô nhục và bị ghét bỏ, nhưng đừng bao giờ viện tới vũ khí. Bị ức hiếp, bị lăng nhục, bị giết chết; nhưng đừng giết chóc... Bạn thấy giáo lý Cơ đốc thuần túy sẽ không phù hợp với chủ nghĩa ái quốc thuần túy ra sao rồi đó.

Và trong một số ghi chú đối với những bài thơ mà ông ta không còn sống để viết là những đoạn sau:

Sự phi tự nhiên của các thứ vũ khí... Sự phi nhân của chiến tranh... Tính chất không thể chịu nổi của chiến tranh... Sự tham lam kinh khủng của chiến tranh... Sự ngu xuẩn của chiến tranh...[\[VI\]](#)

Từ những trích dẫn này. Rõ ràng là cùng một giới tính lại có những ý kiến rất khác nhau về cùng một thứ. Nhưng cũng rõ ràng, từ nhật báo ngày nay, rằng bất kể có nhiều người không tán thành quan điểm đa số đến mấy, đại đa số giới tính của ông ngày nay ủng hộ chiến tranh. Cả Hội thảo Scarborough của những người đàn ông trí thức lẫn Hội thảo Bournemouth của giới lao động đều nhất trí rằng việc sử dụng 300.000.000 bảng hàng năm là một sự cần thiết. Họ cho rằng Wilfred Owen đã sai lầm; rằng giết vẫn tốt hơn là bị giết. Thế nhưng vì tiểu sử cho thấy rằng có nhiều khác biệt về ý kiến, rõ ràng là hẳn phải có một lý do nào đó thắng thế để mang tới sự nhất trí hoàn toàn áp đảo này. Chúng ta sẽ gọi nó, vì tính khúc chiết, là “lòng yêu nước”? Vậy thì, tiếp đó chúng ta phải hỏi, phải chăng cái “lòng yêu nước” này dẫn các ông tới chiến tranh? Hãy để ngài Chánh án tối cao của nước Anh diễn dịch điều này cho chúng ta:

Người Anh tự hào về nước Anh. Với những người đã được đào tạo trong các trường trung học và đại học Anh, và những người đã kiếm sống ở nước Anh, ít có tình yêu nào mạnh mẽ hơn tình yêu chúng ta dành cho đất nước của chúng ta. Khi chúng ta xét tới những quốc gia khác, khi chúng ta phân xét những phẩm chất của chính sách của nước này hay nước nọ, chúng ta áp dụng chính chuẩn mực của đất nước mình... Tự do đã chọn nơi cư ngụ ở nước Anh. Nước Anh là quê hương của những thể chế dân chủ... Đúng là giữa chúng ta có nhiều kẻ thù của nền tự do - một số trong đó, có lẽ, ở những khu vực khá bất ngờ. Nhưng chúng ta đang đứng vững. Người ta đã bảo rằng nhà của một người Anh là tòa lâu đài của anh ta. Ngôi nhà của Tự do nằm ở nước Anh. Và nó thật sự là một tòa lâu đài - một tòa lâu đài sẽ được phòng vệ cho tới lúc cuối cùng... Vâng, chúng ta, những người Anh, thật rất đổi hạnh phúc.[\[VII\]](#)

Đó là một phát biểu chung khá rõ về ý nghĩa của lòng yêu nước đối với một người đàn ông trí thức và những bốn phận anh ta phải gánh vác. Nhưng còn cô em gái của người đàn ông trí thức - với cô ta, “lòng yêu nước” có nghĩa là gì? Cô ta có cùng những lý do để tự hào về nước Anh, để yêu mến nước Anh, để bảo vệ nước Anh hay không? Cô ta có “rất đổi hạnh phúc” ở

nước Anh hay không? Có vẻ như khi bị chất vấn, lịch sử và tiểu sử sẽ chỉ ra rằng địa vị của cô ta trong ngôi nhà của nền tự do khác với địa vị của “anh cô ta” và dường như tâm lý học sẽ gợi ý rằng lịch sử không phải không tác động lên tâm trí và cơ thể. Do đó, diễn dịch của cô ta về từ “lòng ái quốc” có thể rất khác với diễn dịch của anh ta. Và sự khác biệt đó có thể khiến cho cô ta cực kỳ khó khăn trong việc thấu hiểu định nghĩa của anh ta về lòng yêu nước và những bổn phận mà nó đưa tới. Nếu vậy, câu trả lời của chúng tôi cho câu hỏi của ông, “Theo ý bà chúng ta sẽ ngăn chặn chiến tranh bằng cách nào?” tùy thuộc vào việc thấu hiểu các nguyên do, các cảm xúc, lòng trung thành đã dẫn những người đàn ông tới chỗ chiến tranh, và lá thư này tốt hơn nên bị xé ngang và vất vào sọt giấy vụn. Vì dường như rõ ràng là chúng ta không thể hiểu nhau do những khác biệt này. Dường như rõ ràng rằng chúng ta tư duy khác nhau là do chúng ta sinh ra khác nhau; có một quan điểm của Grenfell; một quan điểm của Knebworth; một quan điểm của Wilfred Owen; một quan điểm của ngài Chánh án tối cao và quan điểm của con gái một người đàn ông trí thức. Tất cả đều khác biệt. Nhưng có một quan điểm tuyệt đối hay không? Chúng ta có thể tìm được một phán xét đạo đức được viết ra đâu đó trong những lá thư của lửa hay vàng rằng “Điều này đúng. Điều này sai.” - một phán xét đạo đức mà bất kể các khác biệt của chúng ta có ra sao, tất cả chúng ta phải chấp nhận hay không? Vậy thì chúng ta hãy tham chiếu vấn đề về tính chất đúng hay sai của chiến tranh tới những những người tạo ra đạo đức cho nghề nghiệp của họ - giới tăng lữ. Chắc chắn nếu chúng ta hỏi giới tăng lữ câu hỏi đơn giản: “Chiến tranh đúng hay sai?” họ sẽ đưa ra cho chúng ta một câu trả lời minh bạch mà chúng ta không thể chối bỏ. Nhưng không - Giáo hội của nước Anh, có thể được cho là có khả năng trừu tượng hóa câu hỏi từ những rối rắm trần tục của nó, cũng ngần ngại lưỡng lự. Ông Giám mục thành London khẳng khái rằng “mỗi nguy thật sự đối với hòa bình thế giới ngày nay là những người theo chủ nghĩa hòa bình. Chiến tranh xấu là thế nhưng mất danh dự còn tệ hơn nhiều.”^[VIII] Mặt khác, ông Giám mục thành Birmingham^[IX] đã tự mô tả bản thân như là một “người theo chủ nghĩa hòa bình cực đoan... tôi không thể tự mình nhìn ra rằng chiến tranh có thể được xem là hòa hợp với tinh thần Cơ đốc.” Vậy là bản thân Giáo hội đã cho chúng ta một lời tư vấn nước đôi - trong một số hoàn cảnh chiến đấu là đúng; trong bất kỳ hoàn cảnh nào chiến đấu là đúng. Thực tế này thật đáng lo, gây trở ngại và làm người ta rối trí, nhưng phải được đối mặt; không hề có sự chắc chắn ở trời cao hay mặt đất. Thật sự càng đọc về nhiều cuộc đời, càng nghe nhiều phát

biểu, càng tham khảo nhiều ý kiến, sự rối rắm càng trở nên lớn lao hơn và nó càng có vẻ ít khả năng hơn, vì chúng tôi không thể hiểu những thôi thúc, những động cơ, hay đạo đức dẫn các ông tới việc tham gia chiến tranh, để đưa ra bất kỳ đề xuất nào có thể giúp ông ngăn chặn chiến tranh.

Nhưng ngoài những bức tranh này về cuộc đời và tâm trí của những người khác - những tiểu sử và lịch sử này - còn có những bức tranh khác - những bức tranh về các sự kiện thực tế; những tấm ảnh. Những tấm ảnh, tất nhiên, không phải là những lập luận hướng tới nguyên do; đơn giản chúng là những phát biểu về sự thật được đưa tới con mắt. Nhưng chính tính chất giản đơn đó có thể có đôi chút dụng ích. Chúng ta hãy xét xem khi nhìn vào cùng những tấm ảnh, chúng ta có cùng một cảm nhận hay chẳng. Tại đây, trên mặt bàn trước mắt chúng ta có những tấm ảnh. Chính phủ Tây ban Nha đã gửi chúng tới với sự ngoan cố đầy nhẫn nại khoảng hai lần một tuần.^[5] Chúng không phải là những tấm ảnh thú vị để nhìn. Đa số, chúng là ảnh chụp những thi thể. Bộ sưu tập sáng nay bao gồm ảnh của thứ có thể là thi thể của một người đàn ông hay một người phụ nữ; nó bị thương tổn đến mức có thể là, mặt khác, thi thể của một con lợn. Nhưng chắc chắn những tấm kia là lũ trẻ con đã chết, và tấm đó không còn ngờ gì là một phần của một ngôi nhà. Một quả bom đã phá tung một phía; vẫn còn một cái lồng chim treo trong cái có thể giả đoán là phòng khách, nhưng phần còn lại của ngôi nhà trông không khác gì một bó thẻ gỗ treo giữa không trung.

Những tấm ảnh này không phải là một lập luận; đơn giản chúng là một phát biểu thô bạo về sự thật được gửi tới con mắt. Nhưng con mắt kết nối với bộ não; bộ não có hệ thần kinh. Hệ thống đó gửi những thông điệp của nó trong một chớp mắt qua mọi ký ức quá khứ và cảm giác hiện tại. Khi nhìn những tấm ảnh đó, trong lòng chúng ta như có gì đó chảy tan ra, bất chấp sự khác biệt về học vấn và các truyền thống giữa chúng ta, những tri giác của chúng ta giống như nhau; và chúng tàn bạo. Ông, chính ông, gọi chúng là “khủng khiếp và ghê tởm”. Chúng tôi cũng gọi chúng là khủng khiếp và ghê tởm. Và những từ giống nhau vọt lên môi chúng ta. Chiến tranh, ông nói, là một điều kinh tởm; một sự dã man; phải chặn chặn chiến tranh ở bất cứ giá nào. Và chúng ta đồng thanh cất tiếng. Chiến tranh là một điều kinh tởm; một sự dã man; phải ngăn chặn chiến tranh. Vì cuối cùng giờ đây chúng ta đang nhìn vào cùng một bức tranh; chúng tôi và ông đang nhìn thấy cùng những thi thể, cùng những ngôi nhà bị tàn phá.

Vậy chúng ta hãy, trong giây lát, từ bỏ nỗ lực giải đáp câu hỏi của ông, chúng tôi có thể giúp ông ngăn chặn chiến tranh như thế nào, bằng cách

thảo luận về những nguyên do chính trị, yêu nước hay tâm lý đã đưa ông tới cuộc chiến. Cảm xúc quá xác thực để có thể chịu đựng sự phân tích nhẫn nại. Chúng ta hãy tập trung vào những đề xuất mang tính thực tế mà ông đã đặt ra cho chúng tôi cân nhắc. Có ba đề xuất. Trước tiên là ký một lá thư gửi cho những tờ báo; thứ hai là tham gia một hội đoàn cụ thể; thứ ba là đóng góp cho ngân quỹ của nó. Trên bề mặt, không còn gì có thể đơn giản hơn thế. Viết nguệch ngoạc một cái tên trên một tờ giấy thật dễ dàng; tham gia một cuộc họp nơi những ý kiến yêu chuộng hòa bình ít nhiều đã được lặp lại một cách cường điệu với những người đã sẵn lòng tin vào chúng; và viết một tấm chi phiếu để ủng hộ cho những ý kiến có thể chấp nhận một cách mơ hồ đó, dù không phải dễ, là một phương cách rẻ tiền để xoa dịu cái có thể gọi một cách thuận tiện là lương tâm của một người. Thế nhưng có những lý do khiến chúng tôi do dự; những lý do mà chúng tôi phải đi sâu hơn vào nó sau đây. Tới đây đã đủ để nói rằng dù ba phương thức mà ông đề xuất có vẻ hợp lý, thế nhưng cũng có vẻ như nếu chúng tôi làm theo những gì ông yêu cầu, cảm xúc gây ra bởi những tấm ảnh vẫn còn đó chẳng thể nguôi ngoai. Cảm xúc đó, chính cái cảm xúc xác thực đó, đòi hỏi một điều gì đó tích cực hơn là một cái tên viết trên một tờ giấy; một giờ lắng nghe những lời phát biểu; một tấm chi phiếu viết ra bất cứ khoản tiền nào chúng tôi có thể đáp ứng - cứ cho là một đồng ghi-nê. Dường như cần phải có một phương thức mạnh mẽ hơn, tích cực hơn để thể hiện niềm tin của chúng tôi rằng chiến tranh là dã man, chiến tranh là phi nhân, rằng chiến tranh, như Wilfred đã nhận định, là không thể chịu nổi, khủng khiếp và đầy thú tính. Nhưng, gạt bỏ sự hoa mỹ sang bên, phương thức tích cực nào mở ra cho chúng tôi đây? Chúng ta hãy cân nhắc và so sánh. Ông, dĩ nhiên, có thể đã hơn một lần cầm vũ khí - ở Tây Ban Nha, như trước đó ở Pháp - để bảo vệ hòa bình. Nhưng có thể giả định đó là một phương thức mà sau khi thử ông đã khước từ. Ở bất cứ giá nào, phương thức đó không mở ra cho chúng tôi; cả lục quân và hải quân đều khép lại trước giới tính của chúng tôi. Chúng tôi không được phép chiến đấu. Chúng tôi cũng không được phép là thành viên của sà n chứng khoán. Như vậy chúng tôi không thể sử dụng áp lực của sức mạnh lẫn áp lực của đồng tiền. Những vũ khí ít trực tiếp hơn nhưng vẫn hữu hiệu mà các anh em trai của chúng tôi, với tư cách là những người trí thức, đoạt được trong hoạt động ngoại giao, trong nhà thờ, cũng chối bỏ chúng tôi. Chúng tôi không thể giảng đạo hay đàm phán những hòa ước. Vậy, một lần nữa, dù đúng là chúng tôi có thể viết những bài báo hay gửi những lá thư tới báo giới, sự kiểm soát của báo giới - quyết

định in cái gì và không in cái gì - hoàn toàn nằm trong tay của giới tính các ông. Đúng là trong hai mươi năm qua chúng tôi đã được chấp nhận cho hành nghề công chức và hành nghề luật; nhưng vị thế của chúng tôi vẫn rất bấp bênh và thậm chí quyền của chúng tôi ở mức thấp nhất. Như vậy tất cả những thứ vũ khí mà với chúng một người đàn ông trí thức có thể thực thi ý kiến của mình hoặc ngoài tầm tay hoặc gần như nằm ngoài tầm tay chúng tôi đến độ ngay cả khi chúng tôi sử dụng chúng, chúng tôi vẫn hầu như không thể tạo được một vết xước nào. Nếu những người đàn ông trong nghề của ông đoàn kết lại trong bất kỳ đòi hỏi nào và nói: “Nếu việc này không được cho phép, chúng tôi sẽ ngưng làm việc,” luật pháp nước Anh sẽ không còn ai điều hành nữa. Nếu những người phụ nữ trong nghề của ông nói giống hệt như vậy, việc đó không tạo nên bất kỳ khác biệt nào đối với luật pháp nước Anh. Chúng tôi không chỉ yếu hơn những người đàn ông thuộc giai tầng của chính chúng tôi một cách không tài nào so sánh được; chúng tôi còn yếu hơn những người phụ nữ thuộc giai cấp lao động. Nếu những phụ nữ đang lao động trong nước nói: “Nếu các anh tham gia chiến tranh, chúng tôi sẽ từ chối việc chế tạo đạn dược hay giúp sản xuất hàng hóa,” sự khó khăn trong thực hiện chiến tranh sẽ gia tăng nghiêm trọng. Nhưng nếu tất cả những cô con gái của những người đàn ông trí thức vất bỏ công cụ làm việc vào ngày mai, không có gì chủ yếu trong cuộc sống hoặc trong việc thực hiện chiến tranh của cộng đồng trở nên rối rắm. Giai cấp của chúng tôi là giai cấp yếu ớt nhất trong tất cả mọi giai cấp trong nước. Chúng tôi không có vũ khí nào để thực thi ý chí của chúng tôi.[X]

Câu trả lời cho điều đó quen thuộc đến độ chúng ta có thể dễ dàng đoán ra. Con gái của những người đàn ông trí thức không có ảnh hưởng trực tiếp, điều đó đúng; nhưng họ có một sức mạnh lớn hơn hết; đó là tầm ảnh hưởng mà họ có thể tạo nên đối với những người đàn ông trí thức. Nếu điều này đúng, nghĩa là, nếu tầm ảnh hưởng vẫn là thứ vũ khí mạnh nhất của chúng tôi và là thứ vũ khí duy nhất có thể hữu hiệu trong việc giúp các ông ngăn chặn chiến tranh, chúng ta hãy, trước khi chúng tôi ký vào bản tuyên ngôn của các ông hay gia nhập đoàn thể của các ông, cân nhắc xem ảnh hưởng đó quan trọng tới mức nào. Rõ ràng nó không có tầm quan trọng lớn lao để xứng với một sự thâm cứu sâu sắc và kéo dài. Ảnh hưởng của chúng tôi không thể sâu sắc; nó cũng không thể kéo dài; nó phải nhanh chóng và không hoàn hảo - tuy nhiên chúng ta cứ cố thử xem sao.

Vậy trong quá khứ chúng tôi đã có ảnh hưởng ra sao đối với nghề nghiệp nổi kết gắn nhất với chiến tranh - đối với chính trị? Một lần nữa, có nhiều

vô số các tiểu sử vô giá trị, nhưng một nhà giả kim có thể rối trí khi trích ra từ khối đông cuộc đời của những nhà chính khách cái sức căng cụ thể đó, tầm ảnh hưởng của phụ nữ đối với họ. Phân tích của chúng tôi có thể khinh suất và nông cạn; tuy nhiên nếu chúng tôi thu hẹp yêu cầu vào những giới hạn có thể kiểm soát, và lược qua những cuốn hồi ức của một thế kỷ rưỡi, chúng tôi hầu như không thể từ chối rằng có những phụ nữ đã tác động tới chính trị. Nữ công tước xứ Devonshire, phu nhân Palmerston, Phu nhân Melbourne, Madame de Lieven, Phu nhân Holland, Phu nhân Ashburton nổi tiếng - lướt từ cái tên nổi tiếng này tới cái tên khác - tất cả, không ngờ gì nữa, đều có một tầm ảnh hưởng chính trị to lớn. Những ngôi nhà và những bữa tiệc nổi tiếng của họ đóng một vai trò lớn trong các cuốn hồi ức chính trị của thời đó đến độ chúng ta hầu như không thể chối bỏ rằng chính trị nước Anh, thậm chí có lẽ cả những cuộc chiến của Anh, hẳn sẽ khác đi nếu những ngôi nhà và những bữa tiệc đó chưa bao giờ tồn tại. Nhưng có một đặc điểm chung trong tất cả những cuốn hồi ức đó; tên của những lãnh tụ chính trị lớn - Pitt, Fox, Burke, Sheridan, Peel, Canning, Palmerston, Disraeli, Gladstone - nằm rải rác trên mọi trang; nhưng ông sẽ không tìm thấy dù là ở đầu cầu thang để đón tiếp quan khách hoặc trong những gian phòng riêng tư hơn của ngôi nhà, bất kỳ cô con gái nào của một người đàn ông trí thức.

Có thể là họ kém coi về vẻ duyên dáng, trí thông minh, tầng lớp hay trang phục. Dù nguyên do là gì đi nữa, ông có thể lật từ tờ này sang tờ khác, cuốn này sang cuốn khác, và dù ông sẽ tìm thấy những anh em trai và những ông chồng của họ - Sheridan ở tòa nhà Devonshire, Macaulay ở tòa nhà Holland, Mathew Arnold ở tòa nhà Lansdowne, Carlyle ở tòa nhà Bath, những cái tên của Jane Austen, Charlotte Brontë, và George Eliot không xuất hiện; và dù bà Carlyle có xuất hiện, dường như bà cũng tỏ ra cảm thấy không thoải mái.

Nhưng, như ông sẽ chỉ ra, con gái của những người đàn ông trí thức có một loại ảnh hưởng khác - một thứ ảnh hưởng độc lập với sự giàu có và địa vị, rượu vang, thực phẩm, quần áo và tất cả những thứ tiện nghi khác khiến cho những ngôi nhà lớn của các vị đại phu nhân trở nên quyến rũ. Thật sự, ở đây chúng ta đứng trên nền đất cứng, vì dĩ nhiên có một chính nghĩa chính trị mà con gái của những người đàn ông trí thức luôn để tâm tới trong suốt 150 năm qua: quyền bầu cử. Nhưng khi chúng ta xét tới việc họ đã mất bao lâu để giành thắng lợi cho chính nghĩa đó, và mất bao nhiêu công sức, chúng ta chỉ có thể kết luận rằng ảnh hưởng này phải kết hợp với sự giàu có để có thể trở nên một vũ khí chính trị hữu hiệu, và loại ảnh hưởng có thể

được vận dụng bởi con gái của những người đàn ông trí thức này rất yếu về sức mạnh, rất chậm trong hành động, và rất đau khổ trong sử dụng.[\[XI\]](#)

Hẳn nhiên thành tựu chính trị to lớn này của con gái một người đàn ông trí thức bắt cô ta phải trả giá hơn một thế kỷ lao động kiệt sức như con ở; khiến cô ta lê bước trong những đám diễu hành, làm việc trong những văn phòng, phát biểu ở những góc phố; cuối cùng, vì đã sử dụng vũ lực, cô ta bị tổng giam, và có khả năng vẫn còn bị giam ở đó, nếu sự tình không diễn ra rằng, khá là nghịch lý, sự trợ giúp cô trao cho những anh em trai của mình khi họ dùng vũ lực rốt cuộc đã cho cô ta cái quyền để tự gọi mình, nếu không phải là một đứa con ruột thì cũng là một đứa con ghẻ của nước Anh.[\[XII\]](#)

Như vậy, khi kiểm tra lại, dường như tầm ảnh hưởng này chỉ đạt được hiệu quả trọn vẹn khi kết hợp với địa vị, sự giàu có và những ngôi nhà lớn. Những kẻ có thể lực là con gái của những người quý tộc chứ không phải con gái của những người trí thức. Và ảnh hưởng đó là loại ảnh hưởng đã được mô tả bởi một thành viên xuất chúng trong nghề nghiệp của ông, Sir Ernest Wild quá cố.

Ông khẳng định rằng ảnh hưởng lớn mà những người phụ nữ đã tạo nên đối với những người đàn ông đã là, và luôn phải là, một ảnh hưởng trực tiếp. Đàn ông thích nghĩ anh ta đang tự làm công việc của mình khi, trên thực tế, anh ta chỉ đang làm điều mà người đàn bà muốn, nhưng người đàn bà thông minh luôn để cho anh ta nghĩ rằng anh ta đang điều hành vở diễn trong khi không phải vậy. Bất cứ phụ nữ nào quan tâm tới chính trị đều có một quyền lực lớn hơn nếu không bầu cử so với bầu cử, vì cô ta có thể tác động tới nhiều cử tri. Cảm giác của ông là việc đưa phụ nữ xuống tầm mức của đàn ông là điều không đúng. Ông ngẩng lên nhìn những người phụ nữ, và muốn tiếp tục làm như thế. Ông ước ao rằng thời đại của tinh thần mã thượng sẽ không trôi qua, vì mọi gã đàn ông có một người phụ nữ chăm sóc cho mình đều thích được tỏa sáng trong đôi mắt của nàng ta.[\[XIII\]](#)

Vân vân.

Nếu đó là bản chất thật sự của tầm ảnh hưởng của chúng tôi, và tất cả chúng tôi đều công nhận sự mô tả đó và đã lưu tâm tới những hiệu quả, hoặc nó nằm ngoài tầm với của chúng tôi, vì nhiều người trong số chúng tôi đơn giản, nghèo và già; hoặc ở dưới mức sự khinh thị của chúng tôi, vì nhiều người trong số chúng tôi thích tự gọi mình một cách đơn giản là

những cô gái điếm và đứng công khai dưới những ngọn đèn ở giao lộ Piccadilly Circus hơn là sử dụng nó. Nếu đó là bản chất thật sự, bản chất gián tiếp, của thứ vũ khí trừ danh này, chúng tôi phải hành động mà không có nó; bổ sung sự thúc đẩy nhỏ bé của chúng tôi vào những lực lượng đáng kể hơn của các ông, và trông cậy vào, như ông đề nghị, việc ký tên vào những lá thư, gia nhập đoàn thể và thỉnh thoảng rút ra một tấm chi phiếu eo hẹp. Những việc như thế dường như là kết luận không thể tránh khỏi, dù gây khó chịu, của cuộc điều tra đi sâu vào bản chất của tầm ảnh hưởng của chúng tôi, mà vì một nguyên do nào đó không bao giờ được giải thích một cách thỏa đáng; quyền bầu cử,^[XIV] tự nó hoàn toàn không phải không đáng kể, đã được nối kết một cách bí ẩn với một quyền khác có giá trị lớn lao đối với con gái của những người đàn ông trí thức đến nỗi hầu như mỗi từ trong cuốn tự điển đều đã bị nó làm cho thay đổi, bao gồm từ “tầm ảnh hưởng”. Ông sẽ không nghĩ những lời này là cường điệu nếu chúng tôi giải thích rằng chúng ám chỉ tới quyền kiểm soát.

Thưa ông, đó là cái quyền đã được trao cho chúng tôi hồi chưa đầy hai mươi năm trước, vào năm 1919, bởi một đạo luật bãi bỏ sự cấm đoán về nghề nghiệp. Cánh cửa của ngôi nhà riêng đã được mở toang. Trong mọi cái ví dụ có, hoặc có thể có, một đồng sáu xu mới keng mà dưới ánh sáng của nó mọi ý nghĩ, mọi cảnh tượng, mọi hành động, đều trông có vẻ khác đi. Hai mươi năm, như diễn tiến thời gian, không phải là một quãng thời gian dài; một đồng sáu xu cũng không hề là một đồng xu rất quan trọng; chúng ta cũng chưa thể rút ra từ tiểu sử được cung cấp cho chúng ta một bức ảnh về cuộc sống và tâm hồn của những người chủ của đồng sáu xu mới. Nhưng có lẽ trong trí tưởng tượng, chúng ta có thể nhìn thấy con gái của người đàn ông trí thức, khi cô ta bước ra từ bóng râm của ngôi nhà riêng, và đứng trên chiếc cầu nằm giữa thế giới cũ và thế giới mới, và hỏi, trong lúc cô ta xoay tròn đồng xu thiêng liêng trong tay mình, “Tôi sẽ làm gì với nó? Tôi thấy gì với nó?” Qua ánh sáng đó chúng ta có thể đoán được mọi thứ cô ta nhìn trông khác hẳn đi - những người đàn ông và những người phụ nữ, những chiếc xe hơi và những giáo đường. Thậm chí cả mặt trăng, vốn đang sợ hãi vì thật ra nó và những miện núi lửa đã bị bỏ quên, dường như đối với cô là một đồng sáu xu trắng, một đồng sáu xu trinh bạch, một bàn thờ mà trên đó cô ta nguyện thề không bao giờ đứng cùng phía với kẻ nô lệ, những kẻ ký kết, vì nó là của cô ta để làm những gì mà cô ta thích - đồng sáu xu thiêng liêng mà cô ta đã tự kiếm được với đôi tay của chính mình. Và nếu kiểm tra trí tưởng tượng với sự phán đoán thực tế tầm thường, ông phản đối rằng phụ thuộc vào một nghề nghiệp chỉ là một hình thức nô lệ khác, ông sẽ thừa

nhận từ kinh nghiệm của riêng mình rằng phụ thuộc vào một nghề nghiệp là một hình thức nô lệ ít đáng ghét hơn phụ thuộc vào một ông bố. Hãy nhớ lại niềm vui mà với nó ông nhận đồng ghi-nê đầu tiên cho bản tóm lược hồ sơ đầu tiên của mình, và hơi thở sâu của sự tự do mà ông hít vào khi ông nhận ra rằng những ngày mình phụ thuộc vào Quỹ Giáo dục Arthur đã kết thúc. Từ đồng ghi-nê đó, như từ một trong những hòn bi màu nhiệm mà lũ trẻ con đốt cháy và một cái cây mọc lên, tất cả những gì ông đánh giá cao nhất - vợ con, nhà cửa - và trên tất cả, tầm ảnh hưởng mà hiện giờ cho phép ông tác động tới những người đàn ông khác, đã xuất hiện. Tầm ảnh hưởng đó sẽ là gì nếu ông vẫn rút ra từ cái ví của gia đình 40 bảng mỗi năm, và bất kỳ sự bổ sung nào cho khoản thu nhập đó phụ thuộc thậm chí vào sự rộng lượng nhất của các ông bố? Nhưng không cần thiết phải bàn luận dông dài. Bất kể nguyên do là gì, dù là lòng tự hào, tình yêu tự do, hay sự căm ghét thói đạo đức giả, ông sẽ hiểu sự phẫn khích mà với nó năm 1919 những người chị em gái của ông đã bắt đầu kiếm được không phải một đồng ghi-nê mà là một đồng sáu xu nhỏ nhoi, và sẽ không khinh rẻ niềm tự hào đó, hoặc không thừa nhận rằng nó đã được bố trí một cách công bằng, vì nó có nghĩa là họ không còn cần dùng tới tầm ảnh hưởng mà Sir Ernest Wild đã mô tả nữa.

Vậy là từ “tầm ảnh hưởng” đã đổi thay. Lúc này con gái của người đàn ông trí thức có quyền tùy nghi sử dụng một tầm ảnh hưởng khác với bất kỳ tầm ảnh hưởng nào cô ta đã có trước đó. Nó không phải là tầm ảnh hưởng mà quý cô vĩ đại, nàng Mỹ nhân ngư, đã sở hữu; nó cũng không phải là tầm ảnh hưởng mà cô con gái của người đàn ông trí thức sở hữu khi cô ta không có quyền bầu cử; nó cũng không phải là tầm ảnh hưởng mà cô ta sở hữu khi cô ta có quyền bầu cử nhưng bị ngăn cấm khỏi quyền kiểm soát. Nó khác, vì nó là tầm ảnh hưởng mà từ đó yếu tố quyền rũ đã bị loại bỏ; nó là một tầm ảnh hưởng mà từ đó yếu tố tiền bạc đã bị loại bỏ. Cô ta không còn cần dùng tới sự quyền rũ của mình để kiếm tiền từ cha mình hay anh mình. Vì nó nằm ngoài quyền lực trừng phạt về mặt tài chính của gia đình, cô ta có thể bày tỏ những ý kiến của mình. Thay vì những cảm xúc ngưỡng mộ và ác cảm thường bị sai khiến một cách vô thức bởi nhu cầu tiền bạc, cô ta có thể tuyên bố những thứ thích và không thích đích thực của mình. Nói tóm lại, cô ta không cần chấp nhận; cô ta có thể phê phán. Rốt cuộc cô ta đã sở hữu được một tầm ảnh hưởng bất vụ lợi.

Những điều như thế trong những nét phác thảo nhanh và thô sơ là bản chất của thứ vũ khí mới của chúng tôi, tầm ảnh hưởng mà lúc này con gái của người đàn ông trí thức có thể vận dụng để có thể kiểm soát. Câu hỏi sẽ được thảo luận kế tiếp, do đó, là cô ta có thể dùng thứ vũ khí mới để giúp

ông ngăn chặn chiến tranh như thế nào? Và hiển nhiên ngay lập tức rằng nếu không có sự khác biệt giữa những người đàn ông có thể kiếm sống nhờ các nghề nghiệp và những người phụ nữ kiếm sống, thì lá thư này có thể kết thúc; vì nếu quan điểm của chúng tôi cũng hệt như quan điểm của ông thì chúng tôi phải cộng sáu xu của chúng tôi vào đồng ghi-nê của ông; làm theo những phương thức của ông và lặp lại những lời lẽ của ông. Nhưng, dù là may hoặc không may, điều đó không đúng. Hai nhóm vẫn khác biệt một cách lớn lao. Và để chứng minh điều này, chúng tôi không cần phải viện tới những học thuyết nguy hiểm và không chắc chắn của những nhà tâm lý học và những nhà sinh học; chúng tôi có thể dựa vào những thực tế. Hãy chọn thực tế về giáo dục. Nhóm của ông đã được giáo dục ở những trường trung học tư thục và trường đại học trong năm hoặc sáu năm, chúng tôi trong suốt sáu mươi năm. Hãy chọn thực tế về tài sản.^[xv] Nhóm của ông sở hữu do quyền làm chủ thực tế chứ không phải thông qua hôn nhân tất cả mọi vốn liếng, mọi đất đai, mọi thứ châu báu, và mọi quyền bổ nhiệm chức vụ ở nước Anh. Nhóm của chúng tôi sở hữu do quyền làm chủ thực tế chứ không phải thông qua hôn nhân không một vốn liếng nào, không mảnh đất nào, không thứ châu báu nào, không quyền bổ nhiệm nào ở nước Anh. Không nhà tâm lý học hay nhà sinh học nào không thừa nhận rằng những khác biệt đó tạo ra những khác biệt rất đáng kể trong tâm trí và cơ thể. Dường như theo sau điều này là một thực tế không thể tranh cãi rằng “chúng tôi” - “chúng tôi” với ý nghĩa một tổng thể được đào tạo và chịu ảnh hưởng một cách rất khác biệt bởi ký ức và truyền thống - vẫn phải khác biệt ở vài phương diện chủ yếu với “các ông”, những kẻ mà cơ thể, bộ não và tinh thần đã được đào tạo rất khác biệt và chịu ảnh hưởng rất khác biệt bởi ký ức và truyền thống. Dù chúng ta nhìn thấy cùng một thế giới, chúng ta nhìn thấy nó qua những đôi mắt khác nhau. Bất kỳ sự trợ giúp nào chúng tôi có thể trao cho các ông phải khác với sự trợ giúp các ông có thể trao cho chúng tôi, và có lẽ giá trị của sự trợ giúp đó nằm trong thực tế của sự khác biệt đó. Do vậy, trước khi chúng tôi đồng ý ký vào bản tuyên ngôn của các ông hay gia nhập đoàn thể của các ông, có lẽ cũng nên khám phá xem những khác biệt nằm ở đâu, vì khi đó chúng tôi cũng có thể phát hiện ra sự trợ giúp nằm ở đâu. Vậy chúng ta hãy, thông qua một phương cách rất cơ bản, bắt đầu đặt trước mặt ông một bức ảnh - một bức ảnh màu thô kệch - về thế giới của ông theo cách nó xuất hiện trước chúng tôi, những kẻ nhìn thấy nó từ ngưỡng cửa của ngôi nhà riêng; xuyên qua bóng của tấm voan mà nhà thờ

St Paul vẫn còn đặt trên mắt chúng tôi; từ chiếc cầu nối liền ngôi nhà riêng với thế giới của đời sống công cộng.

Thế giới của các ông, thế giới của tầng lớp chuyên nghiệp, của đời sống công cộng, chắc chắn trông rất lạ lùng khi nhìn từ góc độ này. Thoạt nhìn, nó cực kỳ gây ấn tượng. Chen chúc nhau trong một phạm vi không gian hoàn toàn nhỏ bé là Nhà thờ St Paul, Ngân hàng Anh, nhà của Thị trưởng London, những bức tường có lỗ châu mai đồ sộ buồn thảm của Tòa án Hoàng gia; và ở phía kia là tu viện Westminster và Tòa nhà Quốc hội. Chúng tôi tạm dừng, tự nhủ, trong khoảnh khắc chuyển tiếp trên chiếc cầu, cha anh của chúng tôi đã dành hết cuộc đời của họ ở đó. Suốt mấy trăm năm qua họ đã bước lên những bậc thềm đó, vào ra những cánh cửa đó, bước lên những cái bục đó, rao giảng, kiếm tiền, điều hành công lý. Ngôi nhà riêng (nói đại khái, ở đâu đó trong khu West End) đã thu nhận những tín điều, luật pháp, y phục và những tấm thảm, thịt bò và thịt cừu chính từ thế giới này. Và rồi, vì giờ đây đã được phép, chúng tôi thận trọng đẩy những cánh cửa xoay của những ngôi đền đó sang một bên, rón rén bước vào và tỉ mỉ khảo sát từng chi tiết của quan cảnh. Cảm giác đầu tiên về kích thước khổng lồ, về công trình xây dựng nguy nga tráng lệ vỡ tan thành vô số điểm kinh ngạc hòa lẫn với sự tra vấn. Ngay từ đầu, y phục của các ông đã khiến chúng tôi há hốc mồm kinh ngạc.^[XVI] Chúng phong phú, tuyệt diệu, lộng lẫy cực kỳ - những bộ y phục được mặc bởi người đàn ông trí thức trong năng lực công cộng của ông ta! Khi thì ông mặc màu tím; một chiếc thánh giá nạm ngọc đong đưa trên ngực; khi thì đôi vai của ông bao phủ bởi những dải dăng ten; khi thì những chiếc áo khoác lông chồn; khi thì quàng lên những bộ dây chuyền với những viên đá quý kết nối với nhau. Khi thì các ông đội tóc giả trên đầu; những lọn tóc xoắn xòa xuống cổ. Mũ của các ông khi thì mang hình con thuyền, hay có vành bẻ hất lên; khi thì chúng vươn cao trong những hình chóp bằng da thú đen; khi thì chúng làm bằng đồng thau và có hình dáng con thoi; bao phủ lên chúng khi thì những chiếc lông chim đỏ, khi thì những túm lông xanh. Đôi khi những cái áo choàng che phủ đôi chân của các ông, đôi khi là đôi ghệt. Những chiếc áo khoác ngắn đính huy hiệu thêu hình sư tử và kỳ lân rủ xuống từ vai các ông; những vật thể kim loại hình ngôi sao hay nằm trong những vòng tròn lấp la lấp lánh trên ngực các ông. Những dải ruy băng đủ màu đủ sắc - xanh dương, tím đỏ, đỏ tươi - cắt chéo từ bờ vai này sang bờ vai kia. Sau sự giản dị tương đối của y phục

trong nhà của các ông, sự lộng lẫy của y phục công cộng của các ông thật là chói lọi.

Nhưng còn có hai thực tế khác dần dà tự hé lộ bản thân chúng khi mắt của chúng tôi đã hồi phục lại sau cơn kinh ngạc đầu tiên. Trang phục toàn thân của những người đàn ông không chỉ giống nhau vào mùa hè và mùa đông - một đặc điểm lạ lùng đối với một giới tính vốn thay đổi y phục của nó theo mùa, vì những nguyên do về sở thích và sự thoải mái riêng tư - mà dường như từng cái cúc áo, từng cái nơ hoa hồng và phù hiệu đều có một ý nghĩa biểu tượng nào đó. Một số chỉ được quyền có những chiếc cúc áo đơn giản; số khác những cái nơ hoa hồng; một số có thể đeo một cái phù hiệu duy nhất; số khác ba, bốn, năm hoặc sáu. Và mỗi lọn tóc xoắn hay mỗi cái huy hiệu được may cách nhau một khoảng chính xác; nó có thể là một in-sơ đối với người này; một in-sơ và một phần tư đối với người khác. Một lần nữa các quy tắc quy định rằng dây vàng phải ở trên vai áo, dải viền trên quần, phù hiệu mũ ở trên mũ - nhưng không đôi mắt duy nhất nào có thể quan sát được tất cả những khác biệt này, đừng nói tới chuyện giải thích chúng một cách chính xác.

Tuy nhiên, còn lạ lùng hơn cả sự lộng lẫy mang tính biểu tượng ở y phục của các ông là những nghi thức diễn ra khi các ông mặc chúng. Ở đây các ông quỳ gối; ở kia các ông cúi chào; ở đây các ông đi trong đám diễu hành sau một người đàn ông cầm một chiếc que bạc; ở đây các ông ngồi lên một cái ghế chạm trổ; ở đây các ông tỏ ra tôn kính một mảnh gỗ sơn; ở đây các ông tự hạ mình trước những cái bàn che phủ bởi những tấm thảm thêu công phu. Và bất kể những nghi thức đó có nghĩa là gì, các ông luôn cùng nhau thực hiện chúng, luôn đi đều bước, luôn trong bộ đồng phục xứng hợp với con người và sự kiện.

Ngoài những nghi thức, những thứ y phục trang trí như thế là cực kỳ lạ lùng đối với chúng tôi ở thoáng nhìn đầu tiên. Đối với y phục, như cách chúng tôi sử dụng nó, thì tương đối giản dị. Ngoài chức năng cơ bản là che phủ cơ thể, nó có hai chức năng khác - đó là nó tạo ra vẻ đẹp cho con mắt, và nó thu hút sự ngưỡng mộ của giới tính các ông. Vì cho tới năm 1919 - cách nay chưa đầy hai mươi năm - hôn nhân là nghề nghiệp duy nhất mở ra đối với chúng tôi, tầm quan trọng lớn lao của y phục đối với một người phụ nữ hầu như không thể cường điệu lên thêm được. Nó đối với cô ta cũng như các thân chủ đối với các ông - y phục là phương pháp chính của cô ta, có lẽ chỉ của cô ta, để trở thành Đại pháp quan. Nhưng y phục của các ông, với sự chuẩn bị công phu ghê gớm, hiển nhiên là có một chức năng khác. Nó

không chỉ che phủ tình trạng trần truồng, thỏa mãn tính phù phiếm, và tạo lạc thú cho con mắt, mà còn phục vụ để quảng bá vị trí xã hội, nghề nghiệp hay trình độ tri thức của người mặc. Nếu ông thứ lỗi cho sự minh họa khiêm tốn, y phục của các ông thực hiện cùng một chức năng với những tấm nhãn ghi giá hàng hóa trong một cửa hiệu tạp hóa. Nhưng, ở đây, thay vì nói “Đây là bơ thực vật; đây là bơ đơn thuần; đây là loại bơ tốt nhất trong chợ,” nó nói, ‘Người đàn ông này là một người thông minh - ông ta là Bạc thầy các môn nghệ thuật; người đàn ông này là người thông minh nhất - ông ta là Thành viên của nhóm Order of Merit.[6]’ Dường như đối với chúng tôi, chức năng này - chức năng quảng cáo - của y phục của các ông là nổi bật nhất. Theo quan điểm của nhà thờ St Paul, sự quảng cáo như thế, ở bất kỳ mức độ nào, đối với chúng tôi cũng đều không thích đáng và khiếm nhã; cho tới chỉ vài năm trước đây chúng tôi vẫn khước từ không sử dụng nó. Và truyền thống, hay niềm tin đó vẫn còn tồn tại lây lất trong số chúng tôi, rằng việc thể hiện giá trị ở bất cứ dạng nào, dù là về tri thức hay đạo đức, bằng cách đeo hay mặc những mẫu kim loại hay ruy băng, những chiếc áo trùm đầu hay áo choàng màu mè, là một sự thô tục xứng đáng với sự nhạo báng mà chúng tôi dành cho những nghi thức man rợ. Một người phụ nữ quảng cáo cương vị làm mẹ của mình bằng một túm lông ngựa trên vai trái thì rất hiếm khi, ông sẽ đồng ý, là một đối tượng khả kính.

Nhưng sự khác biệt giữa chúng ta ở đây gieo thứ ánh sáng nào lên vấn đề đặt ra trước mặt chúng ta? Có mối liên kết nào giữa những thứ y phục lộng lẫy của người đàn ông học thức và bức ảnh chụp những ngôi nhà đổ nát và những thi thể? Rõ ràng mối liên kết giữa y phục và chiến tranh không quá xa để tìm kiếm; những thứ quần áo đẹp nhất của các ông là những thứ y phục các ông mặc với tư cách những người lính. Vì đỏ và vàng, đồng thau và lông chim bị loại bỏ trong quân ngũ, đơn giản là người ta có thể giả sử rằng dù chúng có đắt tiền hay không, sự lộng lẫy hợp vệ sinh được phát minh một phần là để gây ấn tượng cho người chứng kiến với vẻ uy nghiêm của chức vụ quân sự, một phần là để thông qua sự phù phiếm của nó quyến dụ những người đàn ông trẻ trở thành những người lính. Như vậy, ở đây ảnh hưởng và sự khác biệt của chúng ta có thể có một hiệu quả nào đó; chúng tôi, những kẻ bị cấm đoán mặc những thứ y phục đó, có thể bày tỏ ý kiến rằng đối với chúng tôi, người mặc không phải là một cảnh tượng làm hài lòng hay tạo ấn tượng. Trái lại anh ta là một hình ảnh lỗ bịch, man rợ, gây khó chịu. Nhưng với tư cách con gái của những người đàn ông trí thức

chúng tôi có thể sử dụng ảnh hưởng của mình một cách hiệu quả hơn ở một chiều hướng khác, đối với chính giai tầng của chúng tôi - giai tầng của những người đàn ông trí thức. Vì ở đó, trong các tòa án và các trường đại học, chúng tôi tìm thấy cùng một tình yêu về y phục. Ở đó, cũng có nhung và lụa, áo da và lông chồn. Chúng tôi có thể nói rằng việc những người đàn ông trí thức nhấn mạnh tính ưu việt của mình đối với những kẻ khác, dù là về xuất thân hay tri thức, bằng cách ăn mặc một cách khác biệt, hoặc thêm những tước vị vào phía trước hay những mẫu tự vào phía sau tên họ của mình là những hành động khơi gợi sự cạnh tranh và lòng ganh ghét - những cảm xúc, mà chắc chắn là chúng tôi không cần rút ra từ tiêu sử để chứng minh, cũng không cần phải yêu cầu tâm lý học chỉ ra, có phần chia của chúng trong việc khuyến khích một thiên hướng đối với chiến tranh. Vậy nếu chúng tôi bày tỏ quan điểm rằng sự những phân biệt như thế khiến cho những người sở hữu chúng trở nên lỗ bịch và đáng khinh, chúng tôi phải làm một điều gì đó, một cách gián tiếp, để ngăn trở những cảm giác dẫn tới chiến tranh. Hạnh phúc thay, giờ đây chúng tôi có thể hành động chứ không phải chỉ bày tỏ một ý kiến; chúng tôi có thể khước từ tất cả những phân biệt như thế và tất cả những bộ đồng phục như thế dành cho chúng tôi. Đây sẽ là một đóng góp tuy không đáng kể nhưng xác định đối với vấn đề trước mặt chúng ta - làm thế nào để ngăn cản chiến tranh; và là một đóng góp mà một sự đào tạo khác và một truyền thống khác đặt vào tầm với của chúng tôi để dàng hơn là vào tầm với của các ông.[\[XVII\]](#)

Nhưng tầm nhìn từ trên cao của chúng tôi tới bên ngoài các sự vật không hoàn toàn đáng khích lệ. Bức ảnh màu mà chúng ta đã nhìn thấy đưa ra một số điểm đáng chú ý, điều đó đúng; nhưng nó giúp nhắc nhở cho chúng tôi rằng có nhiều căn phòng bí mật bên trong mà chúng tôi không thể bước vào. Chúng tôi có thể mang tới ảnh hưởng thực sự nào để tác động đến luật pháp hay hoạt động kinh doanh, tôn giáo hay chính trị - chúng tôi, những kẻ mà với họ nhiều cánh cửa vẫn còn khóa kín, hay cùng lắm chỉ hé mở, chúng tôi, những kẻ không có cả tư bản lẫn lực lượng ở phía sau lưng mình? Có vẻ như tầm ảnh hưởng của chúng tôi phải chững lại ngay ở bề mặt. Khi bày tỏ một quan điểm chỉ nằm trên bề mặt, chúng tôi đã thực hiện tất cả những gì chúng tôi có thể. Đúng là bề mặt đó có thể có một nối kết nào đó với những độ sâu, nhưng nếu muốn giúp các ông ngăn ngừa chiến tranh, chúng tôi phải cố thâm nhập sâu hơn vào bên dưới lớp da. Vậy chúng ta hãy nhìn sang một hướng khác - sang một hướng có tính chất tự nhiên đối với con gái của những người đàn ông trí thức, sang hướng của chính bản thân nền giáo dục.

Ở đây, may thay, một năm, cái năm 1919 thiêng liêng, đã đến để trợ giúp chúng tôi. Vì cái năm đó đã trao quyền kiểm soát cho con gái của những người đàn ông trí thức, cuối cùng họ cũng đã có một ảnh hưởng thật sự nào đó đối với nền giáo dục. Họ có tiền. Họ có tiền để quyên góp cho những chính nghĩa. Những vị thủ quỹ danh dự cầu khẩn sự giúp đỡ của họ. Để chứng minh điều này một cách đúng lúc, ở đây, ngay kể bên lá thư của ông, là một lá thư từ một vị thủ quỹ như thế yêu cầu quyên góp tiền để xây dựng lại một trường cao đẳng dành cho nữ giới. Và khi các vị thủ quỹ danh dự kêu gọi sự giúp sức, có khả năng là người ta có thể mặc cả với họ. Chúng tôi có quyền nói với bà ta, “Bà sẽ có chỉ một đồng ghi-nê của chúng tôi để giúp bà xây dựng lại trường của bà nếu bà chịu giúp quý ông này, người mà lá thư của ông ta cũng đang nằm trước mặt chúng tôi, ngăn cản chiến tranh.” Chúng tôi có thể nói với bà ta, “Bà phải giáo dục để giới trẻ căm ghét chiến tranh. Bà phải giáo dục để họ cảm nhận được sự phi nhân, sự thú tính, tính chất không thể chịu đựng nổi của chiến tranh.” Nhưng chúng tôi sẽ mặc cả cho loại hình giáo dục nào đây? Loại giáo dục nào sẽ dạy cho giới trẻ biết căm ghét chiến tranh?

Đó là một câu hỏi mà tự thân nó đã đủ khó khăn; và dường như cũng có khả năng không thể giải đáp bởi những kẻ đặt niềm tin vào Mary Kingsley - những kẻ mà tự thân họ không có một kinh nghiệm trực tiếp về nền giáo dục đại học. Thế nhưng vai trò của giáo dục trong cuộc sống của con người rất quan trọng, và vai trò mà nó có thể giữ trong việc trả lời câu hỏi của ông lớn lao đến độ việc thu nhỏ lại bất kỳ nỗ lực nào để nhìn thấy làm thế nào chúng tôi có thể tác động tới giới trẻ thông qua giáo dục để chống lại chiến tranh có thể là sự hèn nhát. Do vậy chúng ta hãy quay lưng khỏi vị trí của chúng ta trên chiếc cầu bắc qua sông Thames để đi tới một chiếc cầu khác bắc qua một con sông khác, lần này là một trong những trường đại học lớn; vì cả hai đều có những dòng sông, và cả hai đều có những chiếc cầu để chúng ta đứng bên trên. Một lần nữa, trông nó lạ lùng làm sao, cái thế giới này của những mái vòm và chóp nhọn, của những giảng đường và phòng thí nghiệm, từ cao điểm của chúng ta! Với chúng tôi, trông nó khác biệt biết bao với dáng vẻ mà nó phải có đối với các ông! Đối với những kẻ nhìn thấy nó từ góc độ của Mary Kingsley - “được phép học tiếng Đức là tất cả nền giáo dục phải trả tiền mà tôi từng có” - nó cũng có thể có vẻ như một thế giới xa xôi, ghê gớm, rối rắm trong những nghi thức và truyền thống của nó đến nỗi bất kỳ sự chỉ trích hay phê phán nào cũng dường như vô hiệu quả. Tại đây, cũng vậy, chúng tôi kinh ngạc với y phục rườm rà của các ông; tại đây, cũng vậy, chúng tôi quan sát những người cầm gậy chỉ huy vươn thẳng thân hình của họ và những đám diễu hành hình thành, và ghi nhận với những đôi mắt ngạc nhiên để ghi chép lại những khác biệt, chưa nói đến

việc lý giải chúng, những khác biệt tinh tế của những cái mũ và những chiếc áo thụng, của những sắc tím và sắc đỏ, của nhung và vải, của mũ miện áo choàng. Đó là một cảnh tượng trang nghiêm. Những ca từ trong bài ca của Arthur trong quyển Pendennis vọt lên môi chúng tôi:

Dù tôi không bước vào
Nhưng vòng quanh chỗ đó
Đôi khi tôi lảng vảng
Ở cánh cổng thiêng liêng.
Với đôi mắt khát khao
Tôi đợi chờ, kỳ vọng
Và thêm một lần nữa
Tôi vẫn không vào đó
Kéo sẽ làm nuốc nơ
Lời nguyện cầu thanh khiết (của bạn)
Với những ý nghĩ phóng túng.
Nhưng tôi đau khổ cất bước
Quanh nơi chốn cấm vào
Nấn ná lại một phút
Như những linh hồn lang thang,
Những kẻ chờ đợi
Và qua cổng Thiên đường
Thấy các thiên sứ bên trong.

Nhưng, vì cả ông, thừa ông, lẫn vị thủ quỹ danh dự của ngân quỹ tái xây dựng trường cao đẳng đều đang đợi những câu trả lời cho thư của quý vị, chúng tôi phải thôi la cà trên những chiếc cầu cũ kỹ, ngâm nga những bài hát cũ; chúng tôi phải cố gắng giải quyết câu hỏi về giáo dục, cho dù không hoàn hảo đến đâu.

Vậy thì, “Nền giáo dục đại học” - mà chị em của Mary Kingsley đã nghe nói nhiều về nó và đã đóng góp cho nó một cách rất khó khăn - này là gì? Tiến trình bí ẩn mất tới khoảng ba năm để hoàn thành và tốn một khoản tiền

mặt lớn, và biến những con người non nớt, thô thiển thành sản phẩm hoàn thiện - một người đàn ông hoặc phụ nữ trí thức - này là gì? Ngay từ đầu, không thể có ngờ vực nào về giá trị tối cao của nó. Bằng chứng của tiểu sử - loại bằng chứng mà bất kỳ một ai có thể đọc tiếng Anh có thể tham khảo trên các kệ sách của bất kỳ thư viện công cộng nào đều đồng ý về điểm này; giá trị của giáo dục nằm trong số những giá trị lớn nhất của con người. Tiểu sử chứng minh điều này theo hai cách. Thứ nhất, có một thực tế là đại đa số đàn ông, những kẻ từng cai trị nước Anh trong suốt 500 năm qua, và những kẻ hiện đang điều hành nước Anh trong Quốc hội và các cơ quan chính phủ, đã nhận được một nền giáo dục đại học. Thứ hai, có một thực tế thậm chí còn ấn tượng hơn nếu ông xét tới những lao khổ, những thiếu thốn mà nó bao hàm - và về điều này, cũng có dư bằng chứng trong tiểu sử - thực tế về khoản tiền to lớn đã chi tiêu cho giáo dục trong 500 năm qua. Thu nhập của trường Đại học Oxford là 435.656 bảng (1933-4), thu nhập của trường Đại học Cambridge là 212.000 bảng (1930). Ngoài tổng thu nhập của trường đại học, mỗi trường cao đẳng còn có thu nhập riêng của nó, mà, chỉ xét từ những món quà và di sản để lại theo chúc thư từ thời này sang thời khác đã nêu trong báo, trong vài trường hợp phải ở một tỷ lệ khó tin.[\[XVIII\]](#) Nếu chúng ta cộng thêm những thu nhập có được ở các trường tư thục lớn - Eton, Harrow, Winchester, Rugby, chỉ kể tới những trường lớn nhất - chúng ta đạt tới một khoản tiền lớn đến độ không thể ngờ vực gì về giá trị lớn lao mà con người đặt vào giáo dục. Và việc nghiên cứu tiểu sử - cuộc đời của những người nghèo khổ, những kẻ vô danh tiểu tốt, những người thất học - chứng tỏ rằng họ sẽ thực hiện bất kỳ nỗ lực nào, bất kỳ sự hy sinh nào để có được một nền giáo dục ở một trong những trường đại học.[\[XIX\]](#)

Nhưng có lẽ sự chứng thực lớn nhất cho giá trị của giáo dục mà tiểu sử cung cấp cho chúng ta là thực tế rằng các chị em gái của những người đàn ông trí thức không chỉ có những hy sinh về sự tiện nghi và lạc thú, vốn cần thiết để giáo dục anh em của họ, mà chính bản thân họ cũng thật sự khao khát được giáo dục. Khi chúng ta xét tới quy định của Giáo hội về vấn đề này, một quy định mà chúng ta biết từ tiểu sử rằng chỉ mới có hiệu lực cách đây vài năm - "...người ta nói với tôi rằng khát khao học hỏi ở những người phụ nữ là chống lại ý Chúa..."[\[XX\]](#) - chúng ta phải công nhận rằng niềm khao khát của họ hẳn là rất mãnh liệt. Và nếu chúng ta suy ngẫm rằng tất cả những nghề nghiệp chuyên môn mà một nền giáo dục đại học đã điều chỉnh cho phù hợp với những anh em trai của cô ta cũng gần gũi với cô ta, niềm

tin của cô ta vào giá trị của giáo dục phải tỏ ra mãnh liệt hơn, vì cô ta phải tin vào bản thân nền giáo dục. Và nếu chúng ta ngẫm nghĩ xa hơn rằng chính thứ nghề nghiệp mở ra với họ - hôn nhân - đã được duy trì để không cần tới học vấn và thật sự có cái bản chất khiến học vấn không được điều chỉnh cho phù hợp để những người phụ nữ có thể thực hành nó, vậy không có gì phải ngạc nhiên khi phát hiện ra rằng cô ta đã từ bỏ bất kỳ ước muốn hay nỗ lực nào để được đào tạo học vấn, nhưng tự mãn nguyện với việc cung cấp học vấn cho các anh em trai của cô ta; với đại đa số những phụ nữ, những kẻ vô danh, những kẻ nghèo khổ: bằng cách cắt giảm các chi tiêu trong nhà; với thiểu số những phụ nữ, những kẻ có tước vị, những kẻ giàu có: bằng cách thành lập trường đại học hoặc trợ cấp học phí cho những người đàn ông. Họ đã thật sự làm điều này. Nhưng niềm khao khát đối với học vấn có tính chất bẩm sinh trong bản chất con người đến mức bạn sẽ phát hiện ra, nếu bạn tham khảo tiểu sử, rằng niềm khao khát đó cũng tồn tại trong số những người phụ nữ, bất chấp mọi ngăn trở mà truyền thống, sự nghèo khó và sự nhạo báng có thể đặt ra trên con đường của nó. Để chứng minh điều này, chúng ta hãy kiểm chứng một cuộc đời duy nhất - cuộc đời của Mary Astell.^[XXI] Người ta không biết gì nhiều về bà, nhưng đủ để chỉ ra rằng gần 250 năm trước niềm khao khát ngoan cố và có lẽ phi tín ngưỡng này đã hiện hữu trong bà; bà đã thật sự đề nghị thành lập một trường cao đẳng cho phụ nữ. Điều cũng đáng chú ý không kém là Công chúa Anne đã sẵn sàng tặng cho bà 10.000 bảng - một khoản tiền rất lớn vào thời bấy giờ, và, thật sự, ngay cả hiện nay, đối với bất kỳ người phụ nữ nào, để tùy nghi sử dụng - để thanh toán các khoản chi phí. Và rồi - lúc này chúng ta gặp một thực tế cực kỳ đáng chú ý, cả về mặt lịch sử và về mặt tâm lý học: Giáo hội đã can thiệp. Giám mục Burnet có ý kiến rằng giáo dục những người chị em của những người đàn ông trí thức sẽ là sự cổ vũ cho nhánh giáo phái đi chệch đường lối của niềm tin Ky-tô giáo, nghĩa là nhánh Công giáo La Mã. Số tiền đó được chi cho chuyện khác; ngôi trường không bao giờ được thành lập.

Nhưng các thực tế này, như các thực tế thường vẫn vậy, chứng tỏ là có tính chất hai mặt; vì dù chúng xác lập giá trị của giáo dục, chúng cũng chứng minh rằng giáo dục không hề là một giá trị tích cực chút nào; nó không tốt trong tất cả mọi hoàn cảnh, và không tốt cho tất cả mọi người; nó chỉ tốt đối với một số người và đối với một số mục đích. Nó tốt nếu nó sản sinh ra một niềm tin vào Giáo hội Anh; xấu nếu nó sản sinh ra một niềm tin

vào Giáo hội La Mã; nó tốt đối với một giới tính và một số ngành nghề, nhưng tệ hại đối với giới tính kia và một ngành nghề khác.

Chí ít đó dường như là câu trả lời của tiểu sử - lời sấm truyền không cam lạng, nhưng khá đáng ngờ. Tuy nhiên, vì việc chúng tôi phải sử dụng tầm ảnh hưởng của mình thông qua giáo dục để tác động giới trẻ chống lại chiến tranh có một tầm quan trọng lớn lao, chúng tôi không được để cho những sự lảng tránh của tiểu sử ngăn cản hay bị quyến rũ bởi sức mê hoặc của nó. Chúng tôi phải cố nhìn ra đâu là loại giáo dục mà hiện nay em gái của một người đàn ông trí thức nhận được, để có thể cố hết sức vận dụng tầm ảnh hưởng của chúng tôi trong các trường cao đẳng, nơi đích xác nó thuộc về, và nơi nó sẽ có nhiều cơ hội nhất để thâm nhập vào bên dưới lớp da. Hạnh phúc thay, hiện giờ chúng ta không còn cần phải phụ thuộc vào tiểu sử nữa, điều này là không thể tránh khỏi, vì nó liên quan tới cuộc sống riêng tư, đầy dẫy vô số xung đột về quan điểm riêng. Hiện giờ chúng tôi phải tự giúp mình ghi chép lại đời sống công cộng, vốn là lịch sử. Ngay cả những kẻ ngoại cuộc cũng có thể tham khảo những quyển biên niên sử về các nhân vật của công chúng mà trong đó ghi chép lại không phải những ý kiến hàng ngày của những cá nhân riêng lẻ, mà sử dụng một giọng nói lớn hơn và chuyên chở qua các phát ngôn của những Quốc hội và những Thượng viện những ý kiến đã cân nhắc về các nhóm đàn ông trí thức.

Ngay lập tức, lịch sử thông báo với chúng tôi rằng hiện giờ, và từ khoảng năm 1870, có những trường cao đẳng dành cho chị em của những người đàn ông trí thức cả ở Oxford lẫn Cambridge. Nhưng lịch sử cũng thông báo với chúng tôi những thực tế của một bản chất về các trường cao đẳng đó, rằng mọi nỗ lực để tác động giới trẻ chống lại chiến tranh thông qua sự giáo dục mà họ tiếp nhận ở đó phải bị từ bỏ. Đứng trước chúng, việc nói về “sự tác động tới giới trẻ” chỉ tổ lãng phí thời gian và hơi sức; việc nêu ra những thuật ngữ chỉ tổ vô ích, trước khi cho phép vị thủ quỹ danh dự có được đồng ghi-nê của bà ta; tốt hơn nên đón chuyến tàu đầu tiên tới London thay vì la cà ở những cánh cổng thiêng liêng. Nhưng, ông sẽ ngắt lời, những thực tế này là gì? Vì vậy hãy để chúng tôi đặt chúng ra trước mặt ông, xin cảnh báo ông rằng chúng chỉ được thu thập từ những ghi chép sẵn có cho một kẻ ngoại cuộc và từ những biên niên sử của trường đại học không phải là trường của chính ông - Cambridge. Phán xét của ông, do đó, sẽ không bị bóp méo bởi lòng trung thành đối với những mối ràng buộc cũ, hay lòng biết ơn vì những lợi ích đã nhận được, mà nó sẽ vô tư và bất vụ lợi.

Vậy hãy bắt đầu từ chỗ chúng ta đã rời khỏi: Nữ hoàng Anne đã chết, Giám mục Burnet đã chết và Mary Astell cũng đã chết; nhưng niềm khát khao của bà, thành lập một trường cao đẳng cho chính giới tính của mình,

thì không chết. Thật ra, nó ngày càng trở nên mãnh liệt hơn. Tới giữa thế kỷ mười chín nó trở nên mạnh mẽ đến độ một ngôi nhà ở Cambridge đã bị lấy làm nơi ở cho các sinh viên. Đó không phải là một ngôi nhà đẹp; nó là một ngôi nhà không có vườn cây, ở giữa một đường phố ồn ào. Rồi tới ngôi nhà thứ hai bị lấy, lần này là một ngôi nhà tốt hơn, dù thật ra nước chảy ào ào qua phòng khách trong thời tiết mưa bão và không có sân chơi. Nhưng ngôi nhà đó không đủ; niềm khao khát đối với học vấn khẩn thiết đến nỗi cần phải có thêm nhiều phòng, một khu vườn để tản bộ, một sân chơi để chơi đùa. Do đó cần phải có một ngôi nhà khác. Lúc này lịch sử báo cho chúng ta biết rằng để xây dựng ngôi nhà này cần có tiền. Ông sẽ không thắc mắc về thực tế này nhưng có thể ông sẽ thắc mắc về thực tế tiếp theo - rằng số tiền đó đã được cho mượn. Với ông dường như có khả năng số tiền đó được hiến tặng nhiều hơn. Các trường cao đẳng khác, ông sẽ nói, đều giàu; tất cả đều thu được các khoản thu một cách gián tiếp, một số thì trực tiếp, từ các chị em của họ. Có bài tụng ca của Gray để chứng minh điều này. Và ông sẽ trích dẫn bài ca mà với nó ông ta đã ca ngợi những nhà hảo tâm: Nữ Bá tước hạt Pembroke, người đã sáng lập trường Pembroke; Nữ Bá tước xứ Clare, người đã sáng lập trường Clare; Margaret xứ Anjou, người đã sáng lập trường Queen's; Nữ Bá tước xứ Richmon và Derby, người đã sáng lập trường St John's và Christ's.

Sự vĩ đại là gì, sức mạnh là gì?

Công việc nặng nhọc hơn, đau khổ cao hơn

Chúng ta đạt được phần thưởng rạng ngời nào?

Ký ức biết ơn của người tốt

Hơi thở ngọt ngào của cơn mưa xuân

Con ong hút chất mật ngọt quý báu

Âm nhạc ngọt ngào đang tan loãng, thế nhưng càng ngọt ngào hơn

Giọng nói bé nhỏ lặng lẽ của lòng biết ơn.[\[XXII\]](#)

Đây, ông sẽ nói với bằng giọng đều đều tỉnh táo, là một cơ hội để trả lại món nợ. Vì người ta đã cần tới khoản tiền nào? Một khoản tiền nhỏ xíu 10.000 bảng - chính số tiền mà vị giám mục đã ngăn chặn hồi khoảng hai thế kỷ trước. Chắc chắn là số tiền 10.000 bảng đó đã bị nôn ra bởi Giáo hội, vốn đã nuốt chửng nó? Nhưng các nhà thờ không dễ nôn ra những gì họ đã nuốt vào. Vậy thì các trường cao đẳng, ông sẽ nói, những nơi đã được trợ giúp, họ phải vui mừng cho nó đi để tưởng nhớ những nhà nữ hảo tâm cao

quý của họ chứ? Số tiền 10.000 bảng thì có nghĩa lý gì với trường St John's, trường Clare hay trường Christ's? Và mảnh đất thuộc về trường St John's. Nhưng mảnh đất, lịch sử bảo, đã được cho thuê; và số tiền 10.000 bảng không được hiến tặng; nó được gom góp một cách cần cù từ những cái ví riêng. Trong số đó, người ta phải nhớ mãi tới một quý bà vì bà đã hiến tặng 1.000 bảng; và kẻ ả danh phải nhận bất cứ lời cảm ơn nào mà kẻ ả danh sẽ hài lòng nhận lấy, vì bà đã tặng những khoản tiền từ 20 bảng cho đến 100 bảng. Và một quý bà khác có khả năng, nhờ khoản thừa kế từ mẹ mình, hiến tặng sự phục vụ của mình với tư cách một cô giáo không hưởng lương. Và bản thân các sinh viên cũng đã quyên góp - trong chừng mực khả năng của họ - bằng cách đóng những cái giường và rửa bát đĩa, bằng cách từ bỏ những thú vui và sống với thức ăn đơn giản. Mười ngàn bảng không hề là một số tiền nhỏ xíu khi nó phải được gom góp từ những cái ví của người nghèo, từ những đoàn thể thanh niên. Cần có thời gian, năng lượng, những bộ não, để gom góp nó, và sự hy sinh để hiến tặng nó. Tất nhiên, nhiều người đàn ông trí thức rất tốt bụng; họ giảng dạy cho chị em của họ; một số khác không tốt đến thế; họ từ chối không chịu dạy cho chị em của họ. Một số đàn ông trí thức rất tốt bụng và cố vũ chị em của họ; một số không tốt đến thế, họ khiến cho chị em của họ nản lòng. [XXIII] Dù sao đi nữa, bằng đủ mọi cách, rốt cuộc ngày đó đã tới, lịch sử nói với chúng ta, khi một ai đó đã thi đậu. Và rồi những cô giáo, những vị hiệu trưởng hay bất cứ thứ gì họ tự gọi mình - vì cái danh hiệu nên được mang bởi một người phụ nữ vốn sẽ không nhận tiền lương phải là một nghi vấn - đã hỏi những vị hiệu trưởng danh dự và những thầy giáo mà danh hiệu của họ không cần phải đặt vấn đề nghi vấn, rằng ở bất cứ giá nào với điểm số đó, các cô gái đã thi đậu có thể công khai thông báo sự kiện đó, như những quý ông đã làm, bằng cách đặt những mẫu tự sau tên họ của mình hay không. Điều này đáng được làm, bởi lẽ, như giảng viên hiện tại của trường Trinity, Sir J.J. Thomson, O.M. [7], F.R.S [8], sau khi chế giễu tí chút một cách chính đáng "sự phù phiếm có thể bỏ qua" của những người đặt các mẫu tự sau tên của họ, thông báo với chúng tôi, "công chúng, những kẻ không tự mình đạt được một bằng cấp gắn một tầm quan trọng lớn hơn nhiều vào mẫu tự B.A. sau tên của một cá nhân so với những người có bằng cấp. Do đó, các cô hiệu trưởng của các trường thích một ban giảng huấn có các mẫu tự theo sau họ tên hơn, khiến cho các sinh viên của trường Newnham và Girton, vì họ không thể đặt mẫu tự B.A sau tên mình, gặp bất lợi trong các đợt bổ nhiệm." Và trong số các khả năng, cả hai chúng ta có thể hỏi, có thể có nguyên do có thể nhận thức

nào ở đó để ngăn cản không cho họ đặt chữ B.A sau tên của mình nếu nó giúp cho họ được bổ nhiệm hay không? Với câu hỏi đó, lịch sử không cung cấp một lời giải đáp nào; chúng ta phải tìm kiếm nó trong tâm lý học; nhưng lịch sử cung cấp cho chúng ta một thực tế. “Tuy nhiên, đề xuất đó,” vị giảng viên của trường Trinity nói tiếp - đề xuất đó, tức là, việc những người đã thi đậu có thể tự gọi mình là B.A. - “đã gặp phải sự chống đối cực kỳ dứt khoát... Vào ngày bỏ phiếu, có một đám rất đông những sinh viên ngoại trú và đề xuất đã bị loại bỏ do tỷ số bỏ phiếu áp đảo 1707/661. Tôi tin là con số những người bỏ phiếu không bao giờ ngang nhau... Hành vi của một số người trong số những sinh viên sau đại học sau khi cuộc bỏ phiếu được thông báo trong Văn phòng Trung tâm là cực kỳ tệ hại và đáng hổ thẹn. Một nhóm lớn trong số họ đã rời khỏi Văn phòng Trung tâm, tiến về trường Newnham và phá hoại những cánh cổng bằng đồng đã được dựng lên để tưởng niệm Cô Clough, vị hiệu trưởng đầu tiên.” [XXIV]

Điều đó đã đủ chưa? Chúng tôi có cần thu thập thêm các sự thật từ lịch sử và tiểu sử để chứng minh cho phát biểu của chúng tôi rằng mọi nỗ lực để tác động giới trẻ chống lại chiến tranh thông qua nền giáo dục mà họ nhận được ở các trường đại học phải bị từ bỏ? Bởi không phải chúng đã chứng minh rằng giáo dục, nền giáo dục tốt đẹp nhất trên thế giới, không dạy mọi người căm ghét vũ lực, mà dạy cách sử dụng nó hay sao? Không phải chúng đã chứng minh rằng giáo dục, thay vì dạy dỗ sự bao dung và lòng cao thượng, trái lại khiến cho họ rất nôn nóng duy trì những thứ mà họ chiếm hữu, rằng “sự vĩ đại và sức mạnh” mà nhà thơ đã nói, đang nằm trong tay họ, rằng họ sẽ sử dụng không phải vũ lực mà những phương pháp tinh tế hơn vũ lực nhiều khi họ được yêu cầu chia sẻ chúng hay sao? Và không phải vũ lực và sự chiếm hữu liên kết rất gần gũi với chiến tranh hay sao? Vậy thì một nền giáo dục đại học có dụng ích gì trong việc tác động tới mọi người để ngăn ngừa chiến tranh? Nhưng dĩ nhiên lịch sử vẫn tiếp tục; năm này nối tiếp năm kia. Những năm tháng thay đổi mọi điều; chúng thay đổi mọi sự một cách nhẹ nhàng nhưng không thể nhận thấy. Và lịch sử nói cho chúng ta biết rằng cuối cùng, sau khi tiêu phí thời gian và sức mạnh mà giá trị của chúng là bất khả đo lường cho việc khẩn nài lập đi lập lại giới có thẩm quyền với sự khiêm tốn được kỳ vọng ở giới tính của chúng tôi và sự thích đáng đối với những kẻ ban phát, cái quyền để tạo ấn tượng cho những cô hiệu trưởng bằng cách đặt các mẫu tự B.A. sau tên mình đã được ban tặng. Nhưng quyền lợi đó, như lịch sử nói với chúng ta, chỉ là một quyền lợi

trên danh nghĩa. Ở Cambridge, năm 1937, các trường nữ - ông sẽ gần như không tin nổi, thưa ông, nhưng một lần nữa tiếng nói của sự thật đang nói, chứ không phải của sự hư cấu - các trường dành cho phụ nữ không được phép là thành viên của trường đại học;[XXV] và số lượng con gái của những người đàn ông trí thức được phép tiếp nhận một nền giáo dục đại học vẫn còn bị giới hạn nghiêm ngặt; dù cả hai giới tính đều đóng góp cho các ngân quỹ của trường.[XXVI] Còn về sự nghèo khổ, tờ Times cung cấp cho chúng ta những con số; bất kỳ người buôn đồ sắt nào cũng sẽ cung cấp cho chúng ta một cây thước đo foot; nếu chúng ta đo số tiền sẵn có cho các học bổng ở các trường nam với số tiền sẵn có cho các chị em của họ ở các trường nữ, chúng ta sẽ tránh cho mình mỗi phiền toái của việc cộng thêm; và đi tới kết luận rằng các trường trung học cho chị em của những người đàn ông trí thức nghèo nàn một cách đáng xấu hổ và không thể tin nổi so với các trường của những anh em trai của họ.[XXVII]

Chứng cứ của thực tế cuối cùng này đến một cách kịp thời trong lá thư của vị thủ quỹ danh dự; đang yêu cầu tiền để xây dựng lại trường của bà ta. Bà ta đã yêu cầu trong một thời gian; và có vẻ như bà ta vẫn tiếp tục yêu cầu. Nhưng, sau những gì đã nói bên trên, không có gì khiến chúng ta phải cảm thấy khó hiểu, cả ở thực tế rằng bà ta nghèo, lẫn ở thực tế rằng trường của bà ta cần được xây dựng lại. Điều gây khó hiểu, và vẫn đang trở nên ngày càng khó hiểu, khi xét tới những thực tế đưa ra bên trên, là điều này: Chúng tôi nên trả lời bà ta thế nào đây khi bà ta yêu cầu chúng tôi giúp bà ta xây dựng lại trường của mình? Lịch sử, tiểu sử, và nhật báo năm giữa chúng khiến cho việc trả lời những lá thư của bà ta hay đưa ra những điều kiện đều trở nên khó khăn. Vì chúng đã đặt ra nhiều câu hỏi giữa chúng. Đầu tiên, có lý do gì để nghĩ rằng một nền giáo dục đại học khiến cho người được đào tạo chống lại chiến tranh? Một lần nữa, nếu chúng tôi giúp con gái của một người đàn ông học thức vào học ở Cambridge, chúng tôi có ép buộc cô ta phải nghĩ về chiến tranh chứ không phải về giáo dục hay chẳng? - không phải việc cô ta có thể học tập thế nào, mà là việc cô ta có thể chiến đấu thế nào để có thể có được những thuận lợi như các anh em của mình? Ngoài ra, vì con gái của những người đàn ông trí thức không phải là thành viên của trường đại học Cambridge, họ không có tiếng nói gì trong nền giáo dục đó, thế nên làm sao họ có thể thay đổi nền giáo dục đó ngay cả khi chúng tôi yêu cầu họ làm điều đó? Và khi ấy, dĩ nhiên, các câu hỏi khác nảy sinh - các câu hỏi về một bản chất thực tế, vốn dễ hiểu đối với một người đàn ông bận rộn, một vị thủ quỹ danh dự, như chính bản thân ông, thưa ông. Ông sẽ là người đầu tiên đồng ý rằng yêu cầu những người vốn đang cực kỳ

mê mãi với việc kêu gọi các quỹ đóng góp để xây dựng lại một trường trung học phải xem xét bản chất của nền giáo dục và tác động nào nó có thể có đối với chiến tranh là chất thêm một bó rơm khác lên một cái lưng đã vác một gánh nặng quá sức. Thêm nữa, từ một người ngoại cuộc, kẻ không có quyền lên tiếng, một yêu cầu như thế có thể xứng đáng với, và có lẽ cũng nhận được, một câu trả lời thuyết phục đến độ không thể trích dẫn ra. Nhưng chúng tôi đã nguyện thề rằng chúng tôi sẽ làm tất cả những gì có thể để giúp các ông ngăn ngừa chiến tranh bằng cách sử dụng tầm ảnh hưởng của chúng tôi - tầm ảnh hưởng của tiền bạc kiếm được của chúng tôi. Và giáo dục là một phương thức hiển nhiên. Vì bà ta nghèo, vì bà ta đang yêu cầu tiền, và vì kẻ hiến tặng tiền được quyền đưa ra những điều kiện, chúng tôi cứ thử đánh liều thảo một lá thư cho bà ta, đặt ra những điều kiện mà theo đó bà ta sẽ nhận được tiền của chúng tôi để giúp xây dựng lại trường của bà ta. Sau đây là một cố gắng như vậy:

“Thưa bà, thư của bà đã chờ đợi một thời gian mà chưa có hồi âm. Nhưng có những hoài nghi và câu hỏi đã nảy sinh. Chúng tôi có thể đặt ra với bà, một cách dốt nát như một kẻ ngoại cuộc phải thế, nhưng thẳng thắn như một kẻ ngoại cuộc nên xử sự khi được đề nghị đóng góp tiền, hay không? Bà bảo rằng bà đang yêu cầu 10.000 bảng để xây dựng lại trường của mình. Nhưng làm sao bà có thể ngốc nghếch như thế? Hay phải chăng bà đang sống quá ảm đạm giữa những con chim họa mi và những rặng liễu, hoặc quá bận bịu với những vấn đề sâu sắc về áo choàng mũ miện, và việc con vật nào đầu tiên bước vào phòng khách của Hiệu trưởng - con chó púc của Thầy giáo hay con chó pomeran của Cô giáo - đến độ bà không còn thì giờ để đọc những tờ nhật báo? Hay bà bị quấy rầy với vấn đề kêu gọi một cách nhã nhặn số tiền 100.000 bảng từ một công chúng thờ ơ đến độ bà chỉ có thể nghĩ tới những lời thỉnh nguyện và những ủy ban, những cửa hàng phúc thiện và nước đá, dâu tây và kem?

“Chúng tôi xin thông báo với bà: chúng tôi đang chi tiêu ba trăm triệu bảng mỗi năm cho lục quân và hải quân; bởi, theo một lá thư đang nằm sát cạnh lá thư của bà, đang có một nguy cơ chiến tranh nghiêm trọng. Vậy làm sao bà có thể nghiêm túc yêu cầu chúng tôi cung cấp tiền để bà xây dựng lại trường học của mình? Nếu bà trả lời rằng ngôi trường đã được xây dựng với quá ít tiền, và cần được xây dựng lại, điều đó có thể đúng. Nhưng khi bà tiếp tục nói rằng công chúng rất hào phóng, và rằng công chúng vẫn còn có khả năng cung cấp những khoản tiền lớn để xây dựng lại các trường cao đẳng, chúng tôi xin hướng sự chú ý của bà tới một đoạn quan trọng trong Hồi ký của Giáo sư trường Trinity. Nó như thế này: “Tuy nhiên, may thay, ngay sau đầu thế kỷ này trường đại học bắt đầu liên tiếp nhận được những

khoản di sản theo chúc thư và những khoản quyên góp hậu hĩ, và những khoản này, được bổ sung thêm bởi một khoản trợ cấp hào phóng từ Chính phủ, đã đưa tài chính của trường đại học lên một vị trí tốt đến mức hoàn toàn không cần phải yêu cầu bất kỳ một mức gia tăng nào trong sự đóng góp từ các trường cao đẳng. Thu nhập của trường đại học từ tất cả các nguồn đã tăng từ khoảng 60.000 bảng năm 1900 lên 212.000 bảng năm 1930. Không hề là một giả đoán điên rồ khi cho rằng điều này, ở một mức độ lớn, là nhờ những khám phá quan trọng và rất thú vị đã được thực hiện ở trường đại học, và trường Cambridge có thể được trích dẫn như là một ví dụ cho những kết quả thực tế vốn xuất phát từ Công tác nghiên cứu vì chính bản thân nó.”

“Hãy xem xét câu cuối đó. “Trường Cambridge có thể được trích dẫn như là một ví dụ cho những kết quả thực tế vốn xuất phát từ Công tác nghiên cứu vì chính bản thân nó.” Trường của bà đã làm gì để khuyến khích những nhà sản xuất lớn trợ cấp cho nó? Bà có giữ một vai trò lãnh đạo trong việc phát minh ra những công cụ chiến tranh hay không? Sinh viên của bà đã thành công tới mức nào trong kinh doanh với tư cách những nhà tư bản? Vậy làm sao bà có thể mong đợi “những khoản di sản theo chúc thư và những khoản quyên góp hào phóng” xuất hiện trên con đường của bà? Xin hỏi lại, bà có phải là một thành viên của Đại học Cambridge hay không? Bà không phải. Vậy làm sao bà có thể yêu cầu một cách chính đáng bất kỳ sự phân phối nào của họ? Bà không thể. Do đó, thưa bà, rõ ràng là bà phải đứng ở cửa, mũ trong tay, tổ chức những bữa tiệc, tiêu tốn sức lực và thời gian của mình trong việc nài xin những khoản đóng góp. Điều đó rất rõ ràng. Nhưng cũng rõ ràng là những kẻ ngoại cuộc, đã phát hiện ra bà bận bịu như thế, phải tự hỏi, khi họ nhận được một yêu cầu đóng góp cho việc xây dựng lại trường học của bà, Mình có nên gửi nó đi hay không? Nếu mình gửi nó đi, mình sẽ yêu cầu họ làm điều gì với nó? Mình có nên yêu cầu họ xây dựng lại trường trên những ranh giới cũ? Hay mình nên yêu cầu họ xây dựng lại nó theo cách khác? Hoặc mình có nên yêu cầu họ mua giẻ rách và xăng và diêm quẹt của hãng Bryant & May’s rồi thiêu rụi ngôi trường hay không?

“Chính những câu hỏi này, thưa bà, đã khiến cho lá thư của bà không được hồi âm lâu đến thế. Chúng là những câu hỏi rất khó giải đáp và có lẽ là những câu hỏi vô ích. Nhưng chúng tôi có thể mặc cho chúng không được giải đáp khi xét tới những câu hỏi của quý ông này được không? Ông ta đang hỏi chúng tôi có thể giúp ông ta ngăn ngừa chiến tranh bằng cách nào? Ông ta đang hỏi chúng tôi có thể làm gì để bảo vệ nền tự do; để bảo vệ nền văn hóa? Cũng nên xét tới những bức ảnh này nữa: chúng là những bức

ảnh chụp những thi thể và những ngôi nhà đổ nát. Chắc chắn khi xét tới những câu hỏi và những bức ảnh này bà phải cân nhắc thật thận trọng trước khi bắt đầu xây dựng lại trường học của mình rằng mục đích của giáo dục là gì, nó nên tìm cách sản sinh ra loại xã hội nào, loại con người nào. Ở bất cứ giá nào, tôi sẽ chỉ gửi cho bà một đồng ghi-nê để giúp xây dựng lại trường học của bà nếu bà có thể đáp ứng với tôi rằng bà sẽ dùng nó để tạo ra loại xã hội, loại con người mà sẽ giúp ngăn ngừa chiến tranh.

“Vây chúng ta hãy cố thảo luận hết sức nhanh về loại giáo dục cần thiết. Lúc này, vì lịch sử và tiểu sử - chứng cứ duy nhất sẵn có đối với một kẻ ngoại cuộc - dường như chứng minh rằng nền giáo dục cũ của những trường cao đẳng cũ đã không sản sinh ra một sự tôn trọng đặc biệt đối với tự do lẫn một sự căm ghét đặc biệt đối với chiến tranh, rõ ràng là bà phải xây dựng lại trường của mình một cách khác hẳn. Nó còn trẻ và nghèo; do đó hãy để cho nó tận dụng những phẩm chất đó và được xây dựng trên nền tảng nghèo khó và trẻ trung. Khi đó, hiển nhiên nó phải là một ngôi trường mang tính thể nghiệm, một ngôi trường có tính mạo hiểm. Hãy xây dựng nó trên những ranh giới của chính nó. Nó phải được xây dựng không bằng đá chạm và kính màu, mà bằng một chất liệu rẻ tiền, dễ cháy nào đó, không tích tụ bụi và xâm phạm các truyền thống. Không có những nhà nguyện.[\[XXVIII\]](#) Không có những viện bảo tàng và những thư viện với những cuốn sách bị buộc chặt và những xuất bản phẩm đợt đầu tiên nằm dưới những hòm thủy tinh. Hãy để cho những bức tranh và những cuốn sách được mới mẻ và luôn thay đổi. Hãy để cho nó được trang trí lại bởi mỗi thế hệ với chính đôi tay của mình một cách ít tốn kém. Công lao động của người đang sống thì ít tốn kém; thông thường họ sẽ cho nó vì được phép thực hiện nó. Kế tiếp, những gì nên được dạy ở ngôi trường mới, ngôi trường nghèo nàn? Không phải là những nghệ thuật thống trị người khác; cũng không phải các nghệ thuật về cai trị, giết chóc, chiếm hữu đất đai và tư bản. Chúng đòi hỏi quá nhiều tổng chi phí; các khoản tiền lương, đồng phục và các nghi lễ. Ngôi trường nghèo này phải dạy duy nhất những nghệ thuật có thể được dạy một cách ít tốn kém và được thực hành bởi những người nghèo; chẳng hạn y học, toán học, âm nhạc, hội họa và văn học. Nó phải dạy những nghệ thuật về giao tiếp giữa con người; nghệ thuật thấu hiểu cuộc sống và tâm hồn của những người khác, và những nghệ thuật nhỏ về cách chuyện trò, ăn mặc, nấu nướng vốn có mối liên kết với chúng. Mục đích của ngôi trường mới, ngôi trường rẻ tiền này, không nên hướng tới sự cô lập và chuyên biệt hóa, mà hướng tới sự kết hợp. Nó phải khai thác những phương cách mà trong đó

tâm trí và cơ thể có thể được tạo ra để hợp tác; phát hiện ra những cách kết hợp mới mẻ để tạo nên toàn điều tốt đẹp trong đời sống con người. Các thầy cô nên được rút ra từ những người sống có đạo đức cũng như từ những người có tư tưởng tốt. Sẽ không có khó khăn gì trong việc thu hút họ. Vì sẽ không có một rào chắn nào của sự giàu có và nghi thức, của sự quảng cáo và cạnh tranh mà hiện đang biến những trường đại học già nua và giàu có trở thành những nơi ngụ cư khó chịu - những thành phố của sự xung đột, những thành phố nơi thứ này bị nhốt chặt, thứ kia bị trói buộc; nơi không một ai có thể bước đi một cách tự do vì nỗi e sợ sẽ vượt quá một vạch phấn đánh dấu nào đó, sẽ làm mất lòng một kẻ quyền cao chức trọng nào đó. Nhưng nếu ngôi trường nghèo, nó sẽ không có gì để đưa ra; sự cạnh tranh sẽ bị thủ tiêu. Cuộc sống sẽ cởi mở và dễ chịu. Mọi người yêu thích việc học tập vì chính bản thân nó sẽ vui mừng được tới đó. Những nhạc sĩ, họa sĩ, nhà văn, sẽ dạy ở đó, vì họ sẽ học. Đối với một nhà văn, còn có sự trợ giúp nào lớn hơn là được thảo luận về nghệ thuật viết văn với những người đang suy nghĩ không phải về những cuộc thi hay những bằng cấp hay danh dự hay quyền lợi nào họ có thể buộc văn học trao cho họ mà chỉ về chính bản thân nghệ thuật đó?

“Và các nghệ thuật và nghệ nhân khác cũng thế. Họ sẽ tới ngôi trường nghèo và thực hành những nghệ thuật của họ vì nó sẽ là một địa điểm nơi xã hội được tự do; không bị phân chia thành những sự phân biệt khốn khổ giữa giàu và nghèo, giữa thông minh và ngu ngốc; mà là nơi tất cả những mức độ và loại lợi ích về trí tuệ, cơ thể và tâm hồn khác nhau kết hợp lại. Vậy chúng ta hãy thành lập ngôi trường mới này; ngôi trường nghèo này; trong đó người ta tìm kiếm sự học tập vì chính bản thân nó; nơi sự quảng cáo bị thủ tiêu; và không có bằng cấp nào cả; và những bài giảng không được đưa ra, những bài thuyết giáo không được rao giảng, và những thói phù phiếm, những sự phô trương xưa cũ đã bị nhiễm độc vốn sản sinh ra sự cạnh tranh và lòng ganh ghét...”

Lá thư ngưng ở đó. Không phải vì thiếu chuyện để nói; thật ra đoạn kết chỉ vừa mới bắt đầu. Đó là vì mặt sau của tờ giấy - cái mặt mà người viết thư luôn luôn nhìn thấy - có vẻ như bị ấn định với một nỗi buồn cụ thể, dựa theo một đoạn văn trong cuốn sách mà từ đó sự trích dẫn đã được thực hiện. “Do đó, các cô hiệu trưởng của các trường thích một ban giảng huấn có các mẫu tự theo sau họ tên hơn, khiến cho các sinh viên của trường Newnham và Girton, vì họ không thể đặt mẫu tự B.A. sau tên mình, gặp bất lợi trong các đợt bổ nhiệm.” Vị thủ quỹ danh dự của Quỹ tái xây dựng trường học đã dán mắt mình vào câu đó. Dường như bà ta đang nói: “Đâu là ích lợi của

việc suy nghĩ làm thế nào để một ngôi trường có thể khác biệt, khi nó phải là một địa điểm nơi các học sinh được giáo dục và giành được sự bổ nhiệm?” “Cứ mơ giấc mơ của bà,” dường như bà ta nói thêm, quay với vẻ khá mệt mỏi về phía cái bàn nơi bà ta đang chuẩn bị cho một lễ hội nào đó, có lẽ là một cửa hàng phúc thiện, “nhưng chúng tôi phải đối mặt với những thực tế.”

Vậy đó là “thực tế” mà đôi mắt bà ta dán vào; học sinh phải được dạy cách kiếm sống. Và vì thực tế đó có nghĩa là bà ta phải xây dựng lại ngôi trường của mình trên cùng những ranh giới như các ngôi trường khác, nó kéo theo rằng ngôi trường của con gái của những người đàn ông học thức cũng phải thực hiện Nghiên cứu sẽ sản sinh ra những kết quả thực tế mà từ đó mang tới những khoản di sản theo thừa kế và những khoản quyên góp từ những người giàu có; nó phải cố vũ cho sự cạnh tranh; nó phải chấp nhận những bằng cấp và những chiếc áo choàng nhiều màu sắc; nó phải tích lũy sự giàu có lớn; nó phải loại trừ những kẻ khác khỏi một phần chia sự giàu có của nó; và do đó, trong khoảng 500 năm, cả ngôi trường đó cũng phải hỏi cùng câu hỏi mà ông, đang hỏi hiện giờ, thưa ông: “Theo ý bà thì làm thế nào để ngăn chặn chiến tranh?”

Đó dường như là một kết quả không đáng ao ước; vậy thì tại sao phải đóng góp một đồng ghinê để chuốc lấy nó? Ở bất kỳ giá nào, câu hỏi đó đã được trả lời. Không một đồng ghi-nê kiếm được nào nên được đóng góp cho việc xây dựng lại ngôi trường dựa trên kế hoạch cũ; cũng chắc chắn là không một đồng ghi-nê nào có thể được chi cho việc xây dựng một ngôi trường dựa trên một kế hoạch mới; do đó đồng ghi-nê này nên được đánh dấu riêng: “Giẻ rách. Xăng. Diêm quẹt.” Và nên đính kèm với nó chú thích này: “Hãy nhận đồng ghi-nê này và với nó hãy thiêu rụi ngôi trường. Đốt sạch những hành động đạo đức giả cũ kỹ. Để cho ánh sáng của tòa nhà đang cháy làm cho lũ chim họa mi hoảng sợ và nhuộm hồng những cây liễu. Và hãy để cho con gái của những người đàn ông học thức nhảy múa quanh ánh lửa và chất hết ôm lá chết này tới ôm lá chết khác lên ngọn lửa. Và hãy để cho mẹ của họ nghiêng người từ những cửa sổ tầng trên và kêu lên ‘Cứ để nó cháy bùng! Cứ để nó cháy bùng! Vì chúng tôi đã xong việc với “nền giáo dục” này!’”

Đoạn văn đó, thưa ông, không hề khoa trương trống rỗng, vì nó dựa trên ý kiến đáng tôn trọng của cựu hiệu trưởng trường Eton, hiện là Khoa trưởng ở trường đại học Durham.^[XXIX] Tuy nhiên, có gì đó chưa xác thực lắm ở đoạn văn này, vì nó được chỉ ra bởi sự xung đột với thực tế của một khoảnh khắc. Chúng tôi đã nói rằng tầm ảnh hưởng duy nhất mà con gái của những

người đàn ông học thức hiện tại có thể vận dụng để chống lại chiến tranh là tầm ảnh hưởng bất vụ lợi mà họ thu đắc thông qua việc kiếm sống của mình. Nếu không có phương tiện đào tạo nào cho họ để họ kiếm sống, tầm ảnh hưởng đó sẽ kết thúc. Họ không thể giành được những sự bổ nhiệm. Nếu họ không giành được sự bổ nhiệm, họ sẽ một lần nữa phụ thuộc vào cha và anh em của họ; và nếu một lần nữa họ phụ thuộc vào cha và anh em của họ, họ sẽ một lần nữa, một cách ý thức và vô ý thức, ủng hộ cho chiến tranh. Có vẻ như lịch sử sẽ đặt điều đó ra khỏi vòng nghi vấn. Do đó chúng tôi phải gửi một đồng ghi-nê cho vị thủ quỹ danh dự của quỹ tái xây dựng trường học, và để mặc cho bà ta làm điều có thể làm với nó. Việc kèm theo những điều kiện cũng vô ích như cách thức mà trong đó đồng ghi-nê đó được sử dụng.

Vậy những thực tế đó là câu trả lời khá khập khiễng và gây thất vọng cho câu hỏi của chúng tôi rằng chúng tôi có thể yêu cầu giới thẩm quyền của các trường trung học cho con gái của những người đàn ông trí thức sử dụng tầm ảnh hưởng của họ thông qua giáo dục để ngăn ngừa chiến tranh hay không. Có vẻ như chúng tôi không thể yêu cầu họ làm bất cứ điều gì; họ phải đi theo con đường cũ tới kết thúc cũ; ảnh hưởng của chúng tôi với tư cách những kẻ ngoại cuộc chỉ có thể là một loại ảnh hưởng gián tiếp nhất. Nếu chúng tôi được yêu cầu đứng ra giảng dạy, chúng tôi có thể thử nghiệm rất thận trọng mục đích của công tác giảng dạy đó, và từ chối dạy bất kỳ nghệ thuật hay khoa học nào cổ động chiến tranh. Thêm nữa, chúng tôi có thể trút sự khinh miệt nhẹ nhàng lên những nhà nguyện, lên những bằng cấp, và lên giá trị của các cuộc thi cử. Chúng tôi có thể kín đáo bày tỏ rằng một bài thơ đoạt giải vẫn có thể có phẩm chất xứng đáng bất chấp thực tế rằng nó đã chiếm được một giải thưởng, và xác nhận rằng một cuốn sách vẫn đáng đọc bất chấp thực tế rằng tác giả của nó đã đạt hạng nhất với những bằng danh dự ở cuộc thi sinh viên giỏi của nước Anh. Nếu chúng tôi được yêu cầu thuyết trình, chúng tôi có thể từ chối ủng hộ hệ thống thuyết trình “rỗng tuếch và không hợp cách” [XXX] bằng cách từ chối thuyết trình. Và, dĩ nhiên, nếu chúng tôi được cung cấp những chức vụ và những vinh dự cho bản thân, chúng tôi có thể từ chối chúng - thật sự, xét tới các thực tế, làm sao chúng tôi có thể làm khác được? Nhưng không hề có sự nhắm mắt làm ngơ thực tế rằng trong tình trạng hiện tại của các sự vật, phương cách hiệu quả nhất mà trong đó chúng tôi có thể giúp ông ngăn ngừa chiến tranh thông qua giáo dục là đóng góp càng hào phóng càng tốt cho các ngôi

trường dành cho con gái của những người đàn ông trí thức. Bởi, xin lặp lại, nếu những cô con gái đó không được giáo dục, họ sẽ không kiếm sống được, nếu họ không kiếm sống được, một lần nữa họ sẽ bị giới hạn với sự giáo dục ở tư gia; và nếu họ bị giới hạn với sự giáo dục ở tư gia họ sẽ, một lần nữa, vận dụng mọi ảnh hưởng của họ một cách có ý thức hay vô ý thức để ủng hộ chiến tranh. Không có chút nghi ngờ nào về điều đó. Nếu như ông hoài nghi nó, nếu như ông yêu cầu bằng chứng, chúng ta hãy một lần nữa tham khảo tiểu sử. Sự chứng thực của nó ở điểm này rất thuyết phục, nhưng dài dòng đến nỗi chúng tôi phải cố nén nhiều bộ sách lại thành một câu chuyện. Vậy dưới đây là chuyện kể về cuộc đời của con gái một người đàn ông trí thức đã phụ thuộc vào cha và anh trai trong ngôi nhà riêng của thế kỷ mười chín.

Ngày hôm đó nóng bức, nhưng cô không thể ra ngoài. “Mình đã trải qua biết bao mùa hè dài tẻ ngắt bị giam hãm trong nhà vì không có chỗ cho mình trong cỗ xe ngựa của gia đình và không có nàng hầu của phu nhân nào có thì giờ để đi dạo với mình”. Mặt trời lặn; và cô ra khỏi nhà, mặc một bộ y phục coi được nhất trong khả năng xoay xở dựa trên khoản trợ cấp từ 40 tới 100 bảng mỗi năm.^[XXXI] Nhưng “với bất kỳ loại hình tiêu khiển nào, cô cũng phải được hộ tống bởi cha hay mẹ hay một người phụ nữ đã kết hôn.” Cô gặp ai ở những khu giải trí đó khi ăn mặc như thế, được hộ tống như thế? Những người đàn ông học thức - “các ông bộ trưởng, các ông đại sứ, những người lính nổi tiếng và những kẻ đại loại như thế, tất cả đều ăn mặc thật tuyệt vời, đeo những thứ đồ trang sức.” Họ trò chuyện về điều gì? Bất cứ điều gì làm tươi tỉnh lại tâm trí của những người đàn ông bận rộn, vốn muốn quên đi công việc của mình - “chuyện tầm phào về thế giới khiêu vũ” rất có tác dụng. Những ngày trôi qua. Thứ bảy tới. Hôm Thứ bảy, “các ông nghị sĩ và những quý ông bận rộn khác có thời giờ rỗi để hưởng thụ cuộc sống xã hội”; họ tới dự các buổi tiệc trà và những bữa ăn tối. Ngày kế là Chủ nhật. Vào những ngày Chủ nhật “đại đa số chúng tôi dĩ nhiên là đi lễ buổi sáng ở nhà thờ.” Các mùa chuyển dịch. Giờ là mùa hè. Vào mùa hè “họ nghiên cứu lịch sử, văn học và âm nhạc, và thử vẽ tranh bằng màu nước và sơn dầu. Nếu họ không tạo được thứ gì nổi bật họ cũng học hỏi được nhiều thứ trong quá trình này”. Và cứ thế, cùng vài cuộc thăm viếng người ốm và dạy học cho người nghèo, những năm trôi qua. Và đâu là kết thúc và mục đích lớn lao của những năm tháng đó, của nền giáo dục đó? Hôn nhân, tất nhiên. “...đây không phải là vấn đề chúng ta có nên kết hôn hay không,

mà đơn giản là vấn đề chúng ta nên kết hôn với ai,” một trong số bọn họ nói. Tâm trí của cô được giáo dục chính là nhờ ở một quan điểm về hôn nhân. Nhờ ở một quan điểm về hôn nhân mà cô ngồi gõ phím dương cầm, nhưng không được phép tham gia một ban nhạc; phác họa những cảnh tượng không có hại trong nhà, nhưng không được phép nghiên cứu tranh khỏa thân; đọc cuốn sách này, nhưng không được phép đọc cuốn kia, quyển rữ và trò chuyện. Nhờ ở một quan điểm về hôn nhân mà cơ thể của cô được giáo dục; gia đình cung cấp cho cô một nàng hầu; mà những đường phố khép lại đối với cô; mà những cánh đồng khép lại đối với cô; mà sự lẻ loi khước từ cô - tất cả những điều này được áp đặt lên cô để cô có thể giữ gìn nguyên vẹn cơ thể cho đức ông chồng của mình. Nói tóm lại, cái ý nghĩ về hôn nhân ảnh hưởng tới những gì cô nói, những gì cô làm. Làm sao có thể khác đi được? Hôn nhân là nghề nghiệp duy nhất mở ra cho cô.[XXXII]

Cảnh tượng này kỳ lạ thông qua những gì mà nó cho thấy về người đàn ông trí thức cũng như cô con gái của ông ta đến độ nó có xu hướng tồn tại lây lất [trong tâm trí chúng ta]. Bản thân ảnh hưởng của con gà lôi đối với tình yêu đáng được viết một chương.[XXXIII] Nhưng lúc này chúng ta đang đặt ra một câu hỏi thú vị, ảnh hưởng của nền giáo dục đó đối với chúng tộc là gì? Chúng ta đang hỏi vì sao một nền giáo dục như thế lại khiến cho một cá nhân được giáo dục một cách có ý thức và vô ý thức để ủng hộ chiến tranh? Vì một cách có ý thức, điều này rất hiển nhiên, cô bị ép buộc phải sử dụng bất kỳ ảnh hưởng nào của mình để ủng hộ cho cái hệ thống đã cung cấp cho cô những nàng hầu; những cỗ xe ngựa; quần áo đẹp, những bữa tiệc tuyệt vời - chính nhờ những phương tiện đó mà cô đạt được hôn nhân. Một cách có ý thức, cô phải sử dụng bất kỳ sức quyến rũ hay vẻ đẹp nào mà cô sở hữu để tăng bốc và phỉnh phờ những người đàn ông bận rộn, những người lính, những luật sư, những ông đại sứ, những ông bộ trưởng vốn muốn có sự tái tạo sau công việc trong ngày của họ. Một cách có ý thức, cô phải chấp nhận những quan điểm của họ, và đồng tình với những sắc lệnh của họ vì chỉ có thế cô mới có thể dỗ ngọt họ cho cô những phương tiện để kết hôn hay chính bản thân hôn nhân.[XXXIV] Nói tóm lại, tất cả những nỗ lực có ý thức của cô phải ủng hộ cho cái mà phu nhân Lovelace đã gọi là “Đế chế tuyệt vời của chúng ta”... “cái giá của điều đó,” cô viết thêm, “chủ yếu được trả bởi những người phụ nữ.” Và ai có thể ngờ vực cô, hay ngờ rằng cái giá đó quá cao?

Nhưng có lẽ ảnh hưởng vô ý thức của cô thậm chí còn ủng hộ chiến tranh mạnh mẽ hơn. Chúng ta còn có thể lý giải theo cách nào khác sự bùng nổ hồi tháng Tám năm 1914, khi con gái của những người đàn ông trí thức, những kẻ đã được giáo dục như thế, đổ xô vào những bệnh viện, một số vẫn còn được hộ tống bởi các nàng hầu, lái những chiếc xe tải, làm việc trên những cánh đồng và những nhà máy sản xuất đạn dược, và sử dụng mọi kho chứa sự quỵến rũ, sự cảm thông mênh mêng của họ để thuyết phục những người đàn ông trẻ rằng chiến đấu là anh hùng, rằng bị thương trong chiến trận xứng đáng với mọi sự chăm sóc và mọi lời ca ngợi của các cô? Các nguyên nhân nằm trong cùng một nền giáo dục đó. Sự căm ghét vô ý thức của cô đối với nền giáo dục của ngôi nhà riêng với sự tàn ác của nó, sự nghèo nàn của nó, sự đạo đức giả của nó, sự vô đạo đức của nó, sự trống rỗng của nó sâu sắc đến độ cô sẽ thực hiện bất kỳ công việc thấp hèn nào, thực hành bất kỳ sự mê hoặc có tính chất định mệnh nào có thể cho phép cô trốn thoát. Như vậy cô đã ước ao một cách có ý thức “Để chế tuyệt vời của chúng ta”; cô đã ước ao một cách vô ý thức cuộc chiến tranh tuyệt vời của chúng ta.

Do vậy, thưa ông, nếu ông muốn chúng tôi giúp ông ngăn ngừa chiến tranh, lời kết luận có vẻ như không thể tránh khỏi; chúng tôi phải giúp xây dựng lại ngôi trường cao đẳng mà, dù có thể không hoàn hảo tới đâu, vẫn là khả năng thay thế duy nhất cho nền giáo dục tư gia. Chúng tôi phải hy vọng rằng khi tới đúng thời điểm, nền giáo dục đó có thể đổi thay. Đồng ghi-nê đó phải được cho đi trước khi chúng tôi cho ông đồng ghi-nê mà ông yêu cầu cho xã hội của chính ông. Nhưng nó được đóng góp cho cùng một chính nghĩa - để ngăn ngừa chiến tranh. Những đồng ghi-nê thì hiếm hoi; những đồng ghi-nê thì có giá trị, nhưng cứ để chúng tôi gửi một đồng mà không có bất kỳ điều kiện nào kèm theo cho vị thủ quỹ danh dự của quỹ tái xây dựng, bởi bằng cách làm như thế chúng tôi đang thực hiện một sự đóng góp tích cực cho việc ngăn ngừa chiến tranh.

PHẦN HAI

Hiện giờ, sau khi đã hiến tặng một đồng ghi-nê để xây dựng lại một trường cao đẳng, chúng tôi phải xem xét coi chúng tôi còn có thể làm gì thêm nữa để giúp ông ngăn chặn chiến tranh. Và ngay lập tức, nếu những gì chúng tôi đã nói về tầm ảnh hưởng đều đúng, hiển nhiên là chúng tôi phải quay sang các nghề nghiệp chuyên môn, vì nếu chúng tôi có thể thuyết phục những người có khả năng kiếm sống, và do đó thật sự nắm trong tay họ thứ vũ khí mới này, thứ vũ khí duy nhất của chúng tôi, thứ vũ khí của ý kiến độc lập dựa trên thu nhập độc lập, sử dụng thứ vũ khí đó để chống chiến tranh, chúng tôi nên làm nhiều hơn nữa để giúp đỡ ông bằng cách khẩn nài những người phải dạy dỗ giới trẻ để kiếm sống; hoặc bằng cách nán lại, bất kể bao lâu, quanh những nơi chốn nghiêm cấm và những cánh cổng thiêng liêng của các trường đại học nơi họ giảng dạy. Do đó, đây là một vấn đề quan trọng hơn vấn đề kia.

Vậy chúng ta hãy đặt lá thư yêu cầu trợ giúp ngăn chặn chiến tranh của ông trước mặt những con người độc lập, những con người trưởng thành, những kẻ đang kiếm sống trong các ngành nghề. Không cần tới sự hùng biện; hầu như không cần tới sự tranh luận, người ta có thể giả sử. “Đây là một người đàn ông,” người ta chỉ phải nói thế, “người mà tất cả chúng ta đều có lý do để kính trọng; ông ta đã nói với chúng tôi rằng chiến tranh là điều khả dĩ; có lẽ chắc chắn; ông ta yêu cầu chúng ta, những kẻ có thể kiếm sống, giúp ông ta bằng bất cứ cách nào có thể để ngăn chặn chiến tranh.” Chắc chắn như thế là đủ, không cần phải chỉ tới những bức ảnh trong suốt thời gian đó vẫn xếp đống trên bàn - những bức ảnh về những thi thể, về nhiều ngôi nhà đổ nát hơn, để đem tới một câu trả lời, và là câu trả lời sẽ cho ông, thưa ông, chính sự trợ giúp mà ông đòi hỏi. Nhưng... có vẻ như có một sự do dự nào đó, một sự hoài nghi nào đó - không chắc chắn rằng chiến tranh là khủng khiếp, rằng chiến tranh là đầy thú tính, rằng chiến tranh là không thể chịu đựng nổi và chiến tranh là phi nhân, như Wilfred Owen đã nói, hay rằng chúng tôi muốn làm tất cả những gì chúng tôi có thể để giúp ông ngăn chặn chiến tranh. Dù sao đi nữa, có những ngờ vực và những do dự; và cách nhanh nhất để hiểu chúng là đặt trước mặt ông một lá thư khác, một lá thư cũng độc đáo như lá thư của ông, một lá thư đã tình cờ nằm bên cạnh nó trên bàn. [1]

Nó là thư của một vị thủ quỹ danh dự khác, và một lần nữa, nó đang yêu cầu tiền. Bà ta viết: “Bà có sẵn lòng gửi một khoản đóng góp (cho một tổ chức giúp cho con gái của những người đàn ông trí thức được tuyển dụng trong các ngành chuyên môn) để giúp chúng tôi kiếm sống hay không?” “Nếu không có tiền,” bà ta viết tiếp, “thì bất cứ thứ quà tặng nào cũng được chấp nhận - sách vở, trái cây hay quần áo bỏ đi mà có thể bán được trong một cửa hàng phúc thiện.” Lá thư đó dẫn tới quá nhiều ngờ vực và do dự đã nói tới bên trên, và đối với sự giúp đỡ mà chúng tôi có thể trao cho ông, dường như không thể gửi cho bà ta hoặc gửi cho ông một đồng ghi-nê cho tới khi chúng tôi đã cân nhắc những câu hỏi mà nó đặt ra.

Câu hỏi thứ nhất khá hiển nhiên, Vì sao bà ta yêu cầu tiền? Vì sao bà ta nghèo đến thế, người đại diện cho những phụ nữ có nghề nghiệp chuyên môn này, đến độ phải xin cả những quần áo bỏ đi cho một cửa hàng phúc thiện? Đó là điểm đầu tiên phải làm rõ, vì nếu bà ta nghèo như lá thư cho thấy, vậy thì thứ vũ khí của ý kiến độc lập mà chúng tôi đang dựa vào để giúp ông ngăn chặn chiến tranh không phải là, nói một cách nhẹ nhàng, một vũ khí rất có uy lực. Mặc khác, nghèo khó cũng có những lợi thế của nó; vì nếu bà ta nghèo, nghèo như bà ta giả vờ, lúc đó chúng tôi có thể mặc cả với bà ta, như đã mặc cả với người chị em của bà ta ở Cambridge, và thực thi quyền của những người hiến tặng tiềm năng để đưa ra những điều kiện. Vậy chúng tôi hãy cứ hỏi bà ta về tình trạng tài chính của bà ta và những thực tế cụ thể khác trước khi hiến tặng cho bà ta một đồng ghi-nê, hoặc đưa ra những điều khoản mà theo đó bà ta sẽ có nó. Dưới đây là bản nháp của một lá thư như thế:

“Xin nhận ở đây lời xin lỗi ngàn lần, thưa bà, vì đã khiến bà chờ quá lâu một lời phúc đáp cho lá thư của bà. Thực tế là đã có những câu hỏi nảy sinh, mà chúng tôi phải yêu cầu bà trả lời chúng trước khi chúng tôi gửi cho bà một khoản đóng góp. Đầu tiên, bà yêu cầu tiền - số tiền mà bà dùng để trả tiền thuê. Nhưng làm sao có thể, làm sao có khả năng, thưa bà, rằng bà nghèo khủng khiếp đến thế? Các nghề nghiệp đã mở ra cho các cô con gái của những người đàn ông trí thức trong gần 20 năm qua. Do đó, làm thế nào có thể có chuyện bà, người mà chúng tôi xem là đại diện của họ, lại đang đứng, như người chị em của bà ở Cambridge, mũ trong tay, đang nài xin tiền, hoặc nếu không có tiền, thì trái cây, sách, hoặc quần áo bỏ đi, để bán ở một cửa hàng phúc thiện? Làm sao có thể như thế, chúng tôi lặp lại? Chắc chắn phải có một sự thiếu hụt trầm trọng nào đó về lòng nhân đạo chung chung, hoặc công lý chung chung, hoặc lương tri. Hoặc có thể chỉ đơn giản là bà đang nhăn nhó mặt mày và kể một câu chuyện phóng đại như người ăn

mày ở góc phố, kẻ có một túi đầy những đồng ghi-nê đang cất giấu an toàn bên dưới cái giường ở nhà mình? Trong bất kỳ trường hợp nào, việc không ngớt yêu cầu tiền bạc và viện cố nghèo khổ này đang công khai đặt bà ra trước những lời trách móc rất trầm trọng, không chỉ từ những kẻ ngoại cuộc biếng nhác không ưa việc suy nghĩ về những công việc thực tế cũng ngang với việc ký những tờ chi phiếu, mà còn từ những người đàn ông trí thức. Bà đang thu hút về mình sự chỉ trích và coi thường của những người đàn bà đã thành danh như các triết gia và tiểu thuyết gia - của những người đàn ông như ông Joad và ông Well. Họ không chỉ chối bỏ sự nghèo khổ của bà, họ còn cáo buộc bà về sự thờ ơ và lãnh đạm. Để tôi hướng sự chú ý của bà tới những lời buộc tội mà họ đưa ra chống lại bà. Trước tiên, hãy lắng nghe những gì ông C.E.M. Joad phải nói về bà. Ông ta nói: “Tôi ngờ vực không biết vào bất kỳ thời điểm nào trong năm mươi năm qua những người phụ nữ trẻ có trở nên thờ ơ về mặt chính trị, trở nên lãnh đạm về mặt xã hội hơn ở thời điểm hiện tại hay không.” Đó là cách ông ta bắt đầu. Và ông ta tiếp tục nói, rất đúng đắn, rằng nói cho bà biết điều bà nên làm không phải là việc của ông ta; nhưng ông ta nói thêm, rất tử tế, rằng ông ta sẽ cho bà một ví dụ về điều bà có thể làm. Bà có thể noi gương những người chị em của mình ở Hoa Kỳ. Bà có thể thành lập “một tổ chức cổ động hòa bình”. Ông ta đưa ra một ví dụ. Tổ chức này giải thích, “Tôi không biết với sự thật nào, mà con số bảng Anh được thế giới chi tiêu cho những thứ vũ khí trong năm nay lại chính xác ngang bằng với số phút (hoặc phải chăng đó là số giây?) đã trôi qua từ khi cái chết của Chúa Ki-tô, kẻ đã dạy rằng chiến tranh là trái với giáo lý Cơ đốc...” Vì sao cả bà nữa, lại không noi theo tấm gương của họ và lập ra một tổ chức như thế tại Anh? Nó sẽ cần tiền, tất nhiên; nhưng - và đây là điểm mà tôi muốn đặc biệt nhấn mạnh - chắc chắn là bà có tiền. Ông Joad cung cấp chứng cứ: “Trước chiến tranh tiền bạc đổ vào những cái két của W.S.P.U.^[9] để những người phụ nữ có thể đạt được quyền bầu cử mà, người ta hy vọng, sẽ cho phép họ biến chiến tranh thành một chuyện của quá khứ. Quyền bầu cử đã đạt được,” ông Joad nói tiếp, “nhưng chiến tranh còn lâu mới là một chuyện của quá khứ.” Bản thân tôi có thể làm chứng cho điều đó - chứng cứ là lá thư này từ một quý ông đang yêu cầu giúp ngăn chặn chiến tranh, và có những tấm ảnh cụ thể về các thi thể và những ngôi nhà đổ nát - nhưng cứ để cho ông Joad tiếp tục. “Có phi lý hay không,” ông nói, “khi yêu cầu rằng những người phụ nữ đương thời nên chuẩn bị để cống hiến càng nhiều năng lượng và tiền bạc càng tốt, gánh chịu sự lãng mạ và sỉ nhục càng nhiều càng tốt vì chính nghĩa của hòa bình, như mẹ của họ

đã cống hiến và gánh chịu vì chính nghĩa của sự bình đẳng?” Và một lần nữa tôi không thể không lặp lại, có phi lý hay không khi yêu cầu những người phụ nữ, hết thế hệ này sang thế hệ khác, phải tiếp tục gánh chịu sự lãng mạ và sỉ nhục hết từ những người anh em của họ rồi lại tới vì những người anh em của họ? Có phải chẳng nói chung cả hai đều hoàn toàn không hợp lý đối với sự khỏe khoắn về vật chất, đạo đức và tinh thần của họ? Nhưng chúng ta đừng cắt ngang lời của ông Joad. “Nếu là thế, vậy thì họ càng sớm từ bỏ việc chơi đùa vờ vịch với các vấn đề công cộng và quay lại với đời sống riêng tư càng tốt. Nếu họ không thể thực hiện một công việc của Hạ viện, ít ra hãy để cho họ làm việc gì đó trong nhà của chính họ. Nếu họ không thể học cách cứu những người đàn ông khỏi sự hủy diệt mà tính hiềm ác không thể chữa trị của giống đực hứa hẹn sẽ giáng lên họ, ít ra hãy để cho những người phụ nữ học cách nuôi sống họ, trước khi họ tự hủy diệt chính mình.”^[III] Chúng ta đừng dừng lại để hỏi làm thế nào họ có thể, ngay cả với một quyền bầu cử, cứu chữa được điều mà chính ông Joad cũng thừa nhận là không thể cứu chữa, vì điểm chính là làm thế nào, trước phát biểu đó, bà có thể mặt dày mày dạn để yêu cầu tôi một đồng ghi-nê cho tiền thuê của bà? Theo ông Joad, bà không chỉ cực kỳ giàu có; bà còn cực kỳ lười biếng; và đã lệ thuộc vào việc ăn đậu phộng và kem lạnh đến nỗi bà không thèm học cách nấu cho ông ta một bữa ăn trước khi ông ta tự hủy diệt mình, đừng nói tới việc làm thế nào để ngăn chặn hành động có tính định mệnh đó. Nhưng tiếp theo còn có những lời buộc tội nghiêm trọng hơn. Sự thờ ơ của bà tệ hại đến mức bà sẽ không đấu tranh thậm chí để bảo vệ nền tự do mà các bà mẹ của bà đã giành được cho bà. Lời buộc tội chống lại bà đó đến từ tiểu thuyết gia Anh nổi tiếng nhất đang còn sống - ông H.G. Wells. Ông H. G. Wells nói: “Không có phong trào rõ rệt nào của phụ nữ chống lại sự xóa sạch trên thực tế tự do của họ bởi những người theo chủ nghĩa phát xít.”^[III] Giàu có, lười nhát và thờ ơ như bà, làm thế nào bà có thể mặt dày mày dạn yêu cầu tôi đóng góp cho một tổ chức đứng ra giúp các cô con gái của những người đàn ông trí thức kiếm sống trong các ngành nghề? Vì như các quý ông đó chứng minh dù có quyền bầu cử và sự giàu có mà hẳn quyền đó phải mang lại cùng với nó, bà đã không chấm dứt chiến tranh; dù có quyền bầu cử và sức mạnh mà quyền đó phải mang lại cùng với nó, bà đã không chống lại sự xóa sạch trên thực tế nền tự do của bà bởi những tên Phát xít hay Đức Quốc Xã. Vậy còn kết luận nào khác mà người ta có thể rút ra ngoại trừ rằng toàn bộ cái gọi là “phong trào phụ nữ” đã tự chứng minh là một thất bại; và đồng ghi-nê mà tôi đang gửi cho bà kèm theo đây

là để cống hiến không phải cho việc trả tiền thuê của bà mà cho việc đốt sạch tòa nhà của bà. Và khi tòa nhà đó cháy rụi, hãy một lần nữa lui về nhà bếp, thưa bà, và học cách, nếu bà có thể, nấu bữa ăn mà có thể bà không chia sẻ...{IV}

Lá thư dừng lại ở đó, thưa ông; vì khi đối diện với mặt kia của lá thư - mặt mà một người viết thư luôn nhìn thấy - là một sự thể hiện, phải chăng đó là vẻ chán nản, hay là vẻ mệt mỏi? Ánh mắt của vị thủ quỹ danh dự dường như đập lên một mẫu giấy nhỏ, trên đó đã viết ra hai thực tế nhỏ ảm đạm, và vì chúng dẫn tới câu hỏi chúng ta đang thảo luận, làm sao các cô con gái của những người đàn ông trí thức, những kẻ đang kiếm sống trong các ngành nghề có thể giúp ông ngăn chặn chiến tranh, chúng có thể được chép lại ở đây.{V} Thực tế đầu tiên là thu nhập của W.S.P.U. mà ông Joad đã ước đoán mức độ dồi dào của nó (vào năm 1912, ở đỉnh cao hoạt động của nó) là 42.000 bảng. Thực tế thứ hai là: “Kiếm được 250 bảng mỗi năm thật sự là một thành tựu thậm chí đối với một phụ nữ có khả năng cao với nhiều năm kinh nghiệm.”{VI} Thời điểm của phát biểu này là 1934.

Cả hai thực tế đều thú vị; và vì cả hai đều trực tiếp dẫn tới câu hỏi trước mặt chúng ta, chúng ta hãy kiểm tra chúng. Đầu tiên hãy xét tới thực tế thứ nhất - thật thú vị vì nó chỉ ra rằng một trong những thay đổi chính trị lớn nhất thời đại chúng ta đã được thực hiện với một khoản thu nhập nhỏ đến khó tin 42.000 bảng một năm. “Nhỏ đến khó tin”, dĩ nhiên, là một từ ngữ có tính tương đối; nó nhỏ đến khó tin, nghĩa là, so với thu nhập mà Đảng Bảo thủ, hay Đảng Tự do có sẵn để tùy nghi sử dụng cho các chính nghĩa về chính trị của họ. Nó ít hơn một cách đáng kể so với thu nhập mà Đảng Lao động - đảng phái mà anh em của người nữ công nhân thuộc về - có sẵn để tùy nghi sử dụng.{VII} Nó nhỏ đến khó tin so với những khoản tiền mà một tổ chức như Hội bãi bỏ chế độ nô lệ chẳng hạn có sẵn để tùy nghi sử dụng cho việc bãi bỏ chế độ nô lệ. Nó nhỏ đến khó tin so với những khoản tiền mà người đàn ông trí thức chi tiêu hàng năm, không cho các chính nghĩa chính trị, mà cho các môn thể thao và lạc thú. Nhưng sự kinh ngạc của chúng ta, dù là với sự nghèo nàn của các cô con gái của những người đàn ông trí thức hay với sự tiết kiệm của họ, là một cảm xúc dứt khoát không hề thú vị chút nào trong trường hợp này, vì nó buộc chúng ta phải nghi ngờ rằng vị thủ quỹ danh dự đang nói ra một sự thật nghiêm trang; bà ta nghèo; và nó buộc chúng ta phải hỏi một lần nữa họ làm cách nào, nếu 42.000 bảng là tất cả những gì con gái của những người đàn ông trí thức có thể gom góp

sau nhiều năm lao động không biết mệt vì chính nghĩa của họ, để có thể giúp ông giành được những chính nghĩa của ông? Khoản tiền 42.000 bảng một năm sẽ mua được bao nhiêu hòa bình vào thời điểm hiện tại khi chúng ta đang chi 300.000.000 bảng mỗi năm cho vũ khí?

Nhưng thực tế thứ hai còn đáng kinh ngạc và đáng buồn nản hơn trong số hai thực tế - rằng hiện nay, sau gần 20 năm, nghĩa là sau khi họ đã được chấp nhận đối với các ngành nghề kiếm ra tiền, “kiếm được 250 bảng một năm hoàn toàn là một thành tựu thậm chí đối với một phụ nữ có khả năng cao và nhiều năm kinh nghiệm.” Thật sự, thực tế đó, nếu nó là một thực tế, rất đáng kinh ngạc và đã chất nặng thêm rất nhiều lên câu hỏi trước mặt chúng ta đến độ chúng ta phải dừng lại giây lát để kiểm tra nó. Hơn thế nữa, nó quan trọng đến độ nó phải được kiểm tra bởi ánh sáng trắng của những thực tế, chứ không phải bởi ánh sáng màu của tiểu sử. Vậy chúng ta hãy cầu viện tới một chuyên gia vô tư và bất vụ lợi, kẻ không có một động cơ vị kỷ nào- chẳng hạn cuốn niên giám của Whitaker. Whitaker, không cần phải nói, không chỉ là một trong những tác giả vô tư nhất mà còn là một trong những tác giả có phương pháp nhất. Ở đó, trong cuốn Niên giám của mình, ông đã tập hợp tất cả những sự kiện về tất cả, hoặc gần như tất cả mọi ngành nghề đã mở ra với con gái của những người đàn ông trí thức. Trong một phần gọi là “Chính phủ và các Văn phòng công cộng”, cùng với một phát biểu rõ ràng, ông cung cấp cho chúng ta thông tin về những người mà Nhà nước tuyển dụng trong lĩnh vực chuyên môn và mức độ mà Nhà nước chi trả cho những người đó. Vì Whitaker áp dụng hệ thống ABC, chúng ta hãy đi theo cách dẫn dắt của ông và kiểm tra sáu mẫu tự ABC đầu tiên. Dưới mẫu tự A có Bộ Hải quân, Bộ Không quân và Bộ Nông nghiệp. Dưới mẫu tự B có Tổng công ty Phát thanh Truyền hình Anh; dưới mẫu tự C có Văn phòng Thuộc địa và Các Ủy viên Từ thiện; dưới mẫu tự D có Văn phòng Các thuộc địa và Ủy ban Phát triển; dưới mẫu tự E có Các Ủy viên Giáo hội và Ủy ban Giáo dục; và thế là chúng ta đi tới mẫu tự thứ sáu F mà bên dưới chúng ta tìm thấy Bộ Ngư nghiệp, Văn phòng Đối ngoại, Các Hiệp hội thân hữu và Các bộ môn nghệ thuật. Vậy các cơ quan này là một số ngành nghề chuyên môn mà hiện nay, như chúng ta thường được nhắc nhở, mở ra cho cả nam lẫn nữ một cách bình đẳng. Và tiền lương chi trả cho những ai làm việc trong các cơ quan đó trích ra từ tiền công cộng được cung cấp bởi cả hai giới tính một cách bình đẳng. Và thuế thu nhập áp dụng cho các khoản lương đó (trong số các khoản khác) hiện nay là vào khoảng năm shiling trên một bảng. Do đó, tất cả chúng ta đều có một sự quan tâm khi hỏi rằng số tiền đó được sử dụng như thế nào, và cho ai. Chúng ta hãy nhìn vào bảng lương của Ủy ban Giáo dục, vì đó là tầng lớp

mà cả hai chúng ta, thưa ông, dù ở các cấp độ rất khác nhau, đều có vinh dự thuộc về. Vị chủ tịch, Whitaker nói, của Ủy ban Giáo dục được 2.000 bảng; Chánh bí thư của ông ta được từ 847 tới 1.058 bảng; Phó bí thư của ông ta được từ 277 tới 634 bảng. Rồi còn có Thư ký thường trực của Ủy ban Giáo dục. Ông ta được 3.000 bảng; Bí thư của ông ta được từ 277 tới 634 bảng. Thư ký Quốc hội được 1.200 bảng; Bí thư của ông ta được từ 277 tới 634 bảng. Phó Thư ký được 2.200 bảng. Thư ký thường trực của Văn phòng xứ Wales được 1.650 bảng. Rồi có các Phó tổng bí thư và trợ lý thư ký, có giám đốc của các đơn vị, các kế toán trưởng - các quan chức tài chính chủ yếu, các quan chức tài chính, các cố vấn pháp lý, các trợ lý cố vấn pháp lý - tất cả các quý bà quý ông này, ngài Whitaker hoàn hảo và vô tư thông báo với chúng ta, nhận được các khoản thu nhập với bốn con số hoặc hơn. Một khoản thu nhập vào khoảng một ngàn bảng hoặc hơn một năm là một con số tốt đẹp khi nó được thanh toán hàng năm và thanh toán đúng kỳ hạn; nhưng khi chúng ta xét rằng công việc đó là một công việc toàn thời gian và đòi hỏi kỹ năng, chúng ta sẽ không đổ kỵ với các quý bà quý ông này về tiền lương của họ, thậm chí khi thuế thu nhập của chúng ta không ở mức năm si-ling trên một bảng, và thu nhập của chúng ta không hề được thanh toán hàng năm hay đúng kỳ hạn bao giờ. Những người đàn ông và phụ nữ làm việc hàng ngày và cả ngày trong một văn phòng nằm trong lứa tuổi từ khoảng 23 cho tới 60 xứng đáng với từng xu mà họ nhận được. Chỉ có điều, sự phản ánh sẽ đụng chạm với chính nó, nếu các quý bà này đang kiếm được 1.000, 2.000 và 3.000 bảng mỗi năm, không chỉ trong Ủy ban Giáo dục, mà trong tất cả các ủy ban và văn phòng mà giờ đây mở ra với họ, từ Hải quân ở đầu danh sách ABC cho tới Ủy ban Các việc làm ở cuối bảng, lời phát biểu rằng “250 bảng hoàn toàn là một thành tựu, thậm chí đối với một phụ nữ có kỹ năng cao với nhiều năm kinh nghiệm” phải là, nếu nói thẳng thắn, một lời nói dối hoàn toàn. Vì sao, chúng ta chỉ cần bước xuống phố Whitehall; xem coi có bao nhiêu ủy ban và văn phòng tọa lạc ở đó; ngẫm lại ban bệ của mỗi ủy ban hay văn phòng là cả một đám thư ký và thư ký tập sự, đông đảo và có chọn lọc đến độ chính họ tên của họ đủ khiến cho đầu óc chúng ta quay cuồng; và nhớ rằng mỗi cá nhân đều có mức lương đầy đủ, để kêu lên rằng phát biểu đó là không thể nào, là bất khả lý giải. Làm sao chúng ta có thể giải thích nó? Chỉ bằng cách đeo lên một cặp kính nhiều độ hơn. Chúng ta hãy đọc xuôi xuống bản danh sách, ngày càng xuống xa hơn. Cuối cùng chúng ta tới một cái tên đính kèm với tiếp đầu ngữ “Cô”. Có thể nào tất cả những cái tên ở phía trên tên của cô ta, tất cả những cái tên gắn liền với những khoản lương cao, đều là tên của các quý ông? Dường như là vậy. Thế thì không phải là đang thiếu các khoản lương; mà là thiếu con gái của những người đàn ông trí thức.

Lúc này đã có những lý do tốt cho sự thiếu hụt lạ lùng hoặc sự khu biệt nằm trên bề mặt. Tiến sĩ Robson cung cấp cho chúng ta lý do đầu - “Tầng lớp điều hành, vốn chiếm chỗ tất cả những vị trí kiểm soát trong Văn phòng Bộ trưởng, bao gồm tới một mức độ áp đảo một số ít kẻ may mắn có thể xoay xở để vào Oxford và Cambridge; và cuộc thi tuyển luôn được thiết kế riêng cho mục đích đó.”^[VIII] Số ít kẻ may mắn trong tầng lớp của chúng tôi, con gái của những người đàn ông học thức, là rất, rất ít. Oxford và Cambridge, như chúng ta đã thấy, hạn chế gặt gao con số các cô con gái của những người đàn ông trí thức, những kẻ được phép tiếp nhận một nền giáo dục đại học. Thứ hai, số lượng các cô con gái ở nhà để chăm sóc những bà mẹ già nhiều hơn là số lượng các cậu con trai ở nhà để chăm sóc cho các ông bố già. Ngôi nhà riêng, chúng ta phải nhớ, vẫn còn là một mối quan tâm dai dẳng. Vì vậy, số lượng nữ tham gia thi tuyển công chức ít hơn số lượng nam. Thứ ba, chúng ta có thể giả đoán một cách công bằng rằng 60 năm chọn lọc thông qua thi tuyển khônghiệu quả bằng 500 năm. Thi tuyển công chức là một cuộc thi cứng nhắc; chúng ta có thể mong đợi một cách hợp lý rằng có nhiều nam thi đậu hơn là nữ. Dù sao đi nữa, chúng ta phải lý giải thực tế lạ lùng rằng dù có một số lượng nhất định các cô con gái dự thi và thi đậu, những người mà tên có đính kèm chữ “Cô” có vẻ như không nằm trong khu vực bốn con số. Sự phân biệt giới tính có vẻ như, theo Whitaker, sở hữu một phẩm chất nặng nề lạ lùng, có trách nhiệm giữ bất kỳ cái tên nào mà nó gắn chặt nằm gọn ở các tầng lớp thấp hơn. Rõ ràng nguyên nhân của điều này có thể không nằm trên bề mặt mà ở bên trong. Có thể là, nói một cách huych toẹt, chính bản thân các cô con gái cũng kém cỏi; họ đã tự tỏ ra không đáng tin cậy; không tạo được sự hài lòng; thiếu năng lực cần thiết đến độ việc giữ họ lại các đẳng cấp thấp hơn là vì lợi ích công cộng; ở các đẳng cấp đó, nếu họ được trả lương ít hơn, họ có ít cơ hội cản trở sự thực hiện công việc công cộng hơn. Giải pháp này sẽ dễ dàng nhưng, thật không may, người ta khước từ không áp dụng nó đối với chúng tôi. Chính bản thân ông Thủ tướng đã khước từ không áp dụng nó đối với chúng tôi. Phụ nữ trong các ngành công chức không phải không đáng tin cậy, một hôm nọ ông Baldwin^[10] đã thông báo với chúng tôi. “Nhiều người trong số họ,” ông ta nói, “đang ở những vị trí mà trong thời gian làm việc phải tích lũy các thông tin bí mật. Các thông tin bí mật có một cách rò rỉ rất thường xuyên, như các chính khách chúng tôi biết với cái giá chúng tôi phải trả. Tôi chưa bao giờ biết một trường hợp rò rỉ như thế do một phụ nữ, và tôi đã biết nhiều trường hợp rò rỉ xuất phát từ những người đàn ông, những kẻ lẽ ra

phải hiểu biết hơn thế nhiều.” Vậy là họ không quá nhiều chuyện và khoái ngồi lê đôi mách như truyền thống ngời? Một đóng góp hữu ích trên con đường đi tới tâm lý học của nó và là một gợi ý cho các tiểu thuyết gia; nhưng có thể vẫn còn có những chống đối khác đối với việc tuyển dụng phụ nữ vào làm với tư cách công chức.

Về mặt trí tuệ, họ có thể không có nhiều khả năng như anh em trai của họ. Nhưng ở đây một lần nữa ngài Thủ tướng sẽ không giúp chúng tôi. “Ông ta chưa chuẩn bị để nói rằng đã có bất kỳ kết luận nào được hình thành - hoặc thậm chí cần thiết phải có - rằng phụ nữ cũng tốt ngang với, hoặc tốt hơn đàn ông, nhưng ông ta tin rằng những người phụ nữ đã làm trong ngành công chức vì sự hài lòng của chính họ, và tất nhiên với sự hài lòng của mọi người có liên quan tới họ.” Cuối cùng, như thế để đưa ra cái nhất thiết phải là một phát biểu mang tính kết luận tốt hơn bằng cách bày tỏ một ý kiến cá nhân mà có thể mang tính chất tích cực hơn một cách đúng đắn, ông nói, “Tôi xin bày tỏ lòng kính trọng đối với ngành nghề này, năng suất làm việc, khả năng và sự trung thành của những người phụ nữ mà tôi đã gặp ở các vị trí công chức.” Và ông tiếp tục bày tỏ niềm hy vọng rằng những nam doanh nhân sẽ tận dụng nhiều hơn những phẩm chất rất có giá trị đó. {IX}

Vậy thì, nếu có bất cứ một ai ở một vị trí có thể hiểu biết các thực tế, đó là ngài Thủ tướng; và nếu có bất kỳ một ai có khả năng nói ra sự thật về họ, đó cũng là ngài Thủ tướng. Thế nhưng ông Baldwin nói một đằng; ông Whitaker lại nói một nẻo. Nếu ông Baldwin nắm bắt được thông tin thì ông Whitaker cũng vậy. Tuy nhiên, họ phủ nhận lẫn nhau. Vấn đề được nối kết lại; ông Baldwin nói rằng những người phụ nữ là những công chức hạng nhất; ông Whitaker nói rằng họ là những công chức hạng ba. Nói tóm lại, đây là một trường hợp Baldwin chống Whitaker, và do nó là một trường hợp rất quan trọng, vì phụ thuộc vào nó là lời giải đáp cho nhiều câu hỏi khiến chúng tôi bối rối, không chỉ về sự nghèo khó của các cô con gái của những người đàn ông trí thức mà còn về tâm lý của các cậu con trai những người đàn ông trí thức, chúng ta hãy thử xét trường hợp Thủ tướng chống Niên giám.

Đối với một thử thách như thế, ông có những phẩm chất xác định, thưa ông; với tư cách một luật sư biện hộ, ông có kiến thức trực tiếp về một nghề nghiệp, và với tư cách một người đàn ông trí thức, có kiến thức gián tiếp về nhiều ngành nghề khác. Và nếu đúng thật là các cô con gái của những người đàn ông trí thức mà theo niềm tin của Mary Kingsley là không có kiến thức trực tiếp, tuy nhiên, thông qua các ông bố và các ông chú ông bác, những

anh em họ và những anh em ruột, họ có thể khẳng định một kiến thức gián tiếp nào đó về đời sống chuyên nghiệp - nó là một bức ảnh mà họ thường nhìn vào - và họ có thể nâng cao kiến thức gián tiếp này, nếu họ có đầu óc, bằng cách nhìn kỹ qua những cánh cửa, ghi chú, và kín đáo đặt những câu hỏi. Vậy thì, nếu chúng tôi gom góp các kiến thức trực tiếp và gián tiếp về các nghề nghiệp với một quan điểm nhằm thử thách trường hợp quan trọng Baldwin chống Whitaker, chúng tôi sẽ đồng ý từ đầu rằng các nghề nghiệp là những thứ đáng ngờ. Nó hoàn toàn không đi theo cách thức rằng một người đàn ông thông minh vượt lên trên đỉnh hay một người đàn ông ngu xuẩn ở lại dưới đáy. Sự lên voi xuống chó này không hề là một quá trình hữu lý, rõ ràng, không có gì mới mẻ; cả hai chúng ta sẽ đồng ý. Nói cho cùng, vì cả hai chúng ta đều có lý trí để biết, những vị quan tòa là những ông bố; và những vị bí thư thường trực có các cậu con trai. Các vị quan tòa cần có quan chức phụ trách nghi thức; các bí thư thường trực cần có những thư ký riêng. Còn gì tự nhiên hơn khi một cậu cháu họ nên là một quan chức phụ trách nghi thức hay con trai của một người bạn học cũ nên là một viên thư ký riêng? Việc người công chức có những đặc quyền đặc lợi như thế cũng giống như việc nhận được một miếng xì gà vào lúc này lúc khác hay một bộ quần áo cũ từ nơi này nơi khác là những đặc quyền của người hầu ở tư gia. Nhưng việc ban cho những đặc quyền như thế, việc thi hành tầm ảnh hưởng như thế, đã làm hỏng các ngành nghề. Thành công dễ hơn đối với một số người, khó khăn hơn đối với một số khác, bất kể năng lực bộ não có thể ngang nhau, khiến cho một số người bất ngờ lên voi; số khác đột ngột xuống chó; một số người vẫn ở vị trí cũ một cách kỳ lạ; với hậu quả là các ngành nghề bị làm cho rối loạn. Vì không người nào, từ ông hiệu trưởng trường Trinity trở xuống (trừ ra một vài cô hiệu trưởng, có lẽ), tin vào tính không thể sai lầm của những người chấm thi, lợi ích công cộng có một mức độ co giãn nhất định; vì sự vô tư rất có thể sai lầm, tốt nhất là nó nên được hỗ trợ bởi tính cá nhân. Do đó, hạnh phúc cho tất cả chúng ta, chúng ta có thể kết luận, quả là một ủy ban không được tạo thành từ gỗ sồi, một bộ phận cơ quan không được tạo thành từ sắt. Cả các ủy ban lẫn các bộ phận đều truyền lan những mối đồng cảm của con người, và phản ánh những ác cảm của con người, và kết quả là sự không hoàn hảo của hệ thống thi cử đã được chỉnh đốn; lợi ích công cộng đã được phục vụ; và những liên hệ huyết thống và bằng hữu được thừa nhận. Như vậy, hoàn toàn có khả năng rằng cái danh từ chung “Cô” đã lan truyền qua một ủy ban hay bộ phận một rung động nào đó vốn không được ghi nhận trong phòng thi. “Cô” lan truyền đi

giới tính; và giới tính có thể mang theo cùng với nó một hương vị. “Cô” có thể mang theo cùng với nó tiếng sột soạt của chiếc váy dài, sự dễ chịu của một mùi thơm hay những hương vị có thể nhận biết khác đối với cái lỗ mũi ở phía xa của tấm vách ngăn và đáng ghét đối với nó. Những gì quyến rũ và làm cho khuây khỏa trong ngôi nhà riêng có thể gây nên sự xao lãng và bực dọc ở văn phòng làm việc. Hội đồng Tổng giám mục trấn an chúng ta rằng ở trong giới tăng lữ cũng như thế.^{X} Phố Whitehall cũng có thể bị ảnh hưởng tương đương. Ở bất kỳ giá nào, vì Cô là một phụ nữ, Cô không được giáo dục ở trường Eton hay Giáo hội Cơ đốc. Vì Cô là một người phụ nữ, Cô không phải là một cậu con trai hay cậu cháu họ. Chúng ta đang mạo hiểm tìm đường giữa những thứ không thể đo lường. Chúng ta hầu như không thể tiến tới nhiều lắm trên những đầu ngón chân. Chúng ta đang cố gắng, xin nhớ lại, để phát hiện ra hương vị nào đã tự gắn nó vào giới tính trong một văn phòng công cộng; chúng ta đang đánh hơi một cách tế nhị nhất không phải những thực tế mà là những hương vị. Và do đó tốt nhất là không nên phụ thuộc vào mũi riêng của chúng ta, mà nên thu thập chứng cứ từ bên ngoài. Chúng ta hãy quay sang báo giới để xem có thể phát hiện ra từ những ý kiến được trình bày ở đó bất kỳ gợi ý nào để dẫn dắt chúng ta trong nỗ lực xác định câu hỏi tế nhị và khó khăn về mùi thơm, bầu không khí xung quanh cái từ “Cô” ở phố Whitehall hay không. Chúng ta sẽ tham khảo những tờ nhật báo.

Đầu tiên:

Tôi nghĩ thư của ông... đã tổng kết đúng thảo luận về sự quan sát này rằng phụ nữ có quá nhiều tự do. Có lẽ cái gọi là tự do này đến cùng với chiến tranh, khi những người phụ nữ được cho là có những trách nhiệm mà cho tới nay họ chưa hề biết tới. Họ đã phục vụ một cách tuyệt vời trong những ngày đó. Thật không may, họ được ca ngợi và nuông chiều vượt khỏi tất cả mọi tỷ lệ đối với giá trị của các thành tích của họ.^{XI}

Đoạn đó rất tốt cho một sự bắt đầu. Nhưng chúng ta hãy tiếp tục:

Tôi có ý kiến rằng một lượng đáng kể của sự khốn cùng vốn phổ biến trong bộ phận này của cộng đồng [giới văn phòng] có thể giảm nhẹ bởi chính sách thuê mượn đàn ông thay vì phụ nữ, ở bất kỳ chỗ nào có thể. Hiện nay có nhiều ngàn phụ nữ đang làm công việc mà những người đàn ông có thể làm trong các văn phòng chính phủ, các nhà bưu điện, các công ty bảo hiểm, các nhà băng và các văn phòng khác. Đồng thời có nhiều ngàn

đàn ông đủ phẩm chất, trẻ và ở lứa trung niên, không thể kiếm được một công việc thuộc bất cứ loại nào. Có một yêu cầu lớn đối với lao động nữ trong công việc nội trợ, và trong tiến trình tái phân loại một số lượng lớn phụ nữ đã trôi giạt vào dịch vụ văn phòng sẽ trở nên sẵn có cho công việc nội trợ.{XII}

Mùi hương đã đậm hơn, ông sẽ đồng ý.

Vậy thêm một lần nữa:

Tôi chắc chắn rằng tôi thốt lên ý kiến của hàng ngàn người đàn ông trẻ tuổi khi tôi nói rằng nếu những người đàn ông làm công việc mà hàng ngàn phụ nữ trẻ tuổi đang làm hiện nay, những người đàn ông sẽ có thể giữ chính những phụ nữ đó trong những ngôi nhà tươm tất. Những ngôi nhà là nơi chốn thật sự của những phụ nữ mà hiện nay đang ép buộc những người đàn ông phải ngồi chơi sơi nước. Đã tới lúc Chính phủ phải dứt khoát về người lao động, trao công ăn việc làm cho nhiều đàn ông hơn, từ đó cho phép họ cưới những phụ nữ mà hiện nay họ không thể tiếp cận.{XIII}

Đó! Giờ thì không thể ngờ vực gì nữa về mùi hương này. Con mèo đã ra khỏi cái giỏ; và nó là một Con mèo đực.

Sau khi cân nhắc chứng cứ chứa đựng trong ba đoạn trích trên, ông sẽ đồng ý rằng có lý do tốt để nghĩ rằng cái từ “Cô”, dù mùi của nó có thơm tho đến cỡ nào trong ngôi nhà riêng, có một mùi hương cụ thể gắn liền với nó ở phố Whitehall vốn khó ngửi đối với những cái mũi ở phía bên kia tấm vách ngăn; và có khả năng rằng một cái tên gắn liền với từ “Cô” sẽ, do cái mùi hương này, bị gói tròn trong những lĩnh vực thấp hơn nơi các mức lương là nhỏ bé hơn thay vì leo lên những lĩnh vực cao hơn nơi các mức lương là đáng kể. Còn về từ “Ông”, đó là một từ bản thiêu; một từ tục tĩu. Càng ít nói về từ đó thì càng tốt. Mùi của nó là thế đó, nó bốc mùi trong những lỗ mũi của phố Whitehall đến nỗi phố Whitehall hoàn toàn loại trừ nó. Ở phố Whitehall cũng như ở trên thiên đường, không có việc cưới xin cũng như việc trao đi trong hôn lễ.{XIV}

Khi đó mùi hương - hay chúng ta sẽ gọi nó là “bầu không khí”? - là một nguyên tố rất quan trọng trong đời sống nghề nghiệp; bất chấp thực tế rằng giống như các nguyên tố quan trọng khác, nó rất ư tinh tế. Nó có thể thoát khỏi lỗ mũi của những giám khảo trong những phòng thi, thế nhưng lại xâm nhập vào những ủy ban và bộ phận và làm ảnh hưởng tới các giác quan của những người trong đó. Ý nghĩa của nó đối với trường hợp đặt ra trước mặt

chúng ta là không thể chối bỏ. Vì nó cho phép chúng ta quyết định trong trường hợp Baldwin chống Whitaker rằng cả ông Thủ tướng và Cuốn niên giám đều nói lên sự thật. Đúng là các nữ công chức xứng đáng được trả lương ngang với những người đàn ông; nhưng cũng đúng là họ không được trả lương nhiều bằng những người đàn ông. Sự khác biệt là do bầu không khí.

Bầu không khí hiển nhiên là một lực lượng rất hùng mạnh. Bầu không khí không chỉ thay đổi kích thước và hình dáng của các sự vật; nó tác động tới những thể rắn khác, như các mức lương, mà người ta có thể nghĩ là không thể thấm thấu đối với bầu không khí. Người ta có thể viết một bài thơ mang tính sử thi về bầu không khí, hoặc một cuốn tiểu thuyết dài mười hoặc mười lăm tập. Nhưng vì đây chỉ là một lá thư, và ông rất bức bối về thời gian, chúng ta hãy tự giới hạn ở phát biểu giản đơn rằng bầu không khí là một trong các thứ quyền lực nhất, phần vì nó là một trong những thứ không thể thấm thấu nhất, của những kẻ thù mà với họ những cô con gái của những người đàn ông trí thức phải đấu tranh. Nếu ông nghĩ rằng phát biểu đó cường điệu, hãy nhìn một lần nữa vào những mô hình của bầu không khí chứa đựng trong ba đoạn trích trên. Chúng ta sẽ tìm thấy ở đó không chỉ lý do vì sao tiền lương của người phụ nữ làm công việc chuyên môn vẫn còn rất thấp, mà cả một điều gì đó nguy hiểm hơn, một điều gì đó mà, nếu nó lan trải ra, có thể đầu độc cả hai giới tính ngang nhau. Trong ba đoạn trích trên, có quả trứng của cùng một con sâu mà chúng ta biết dưới những cái tên khác ở những đất nước khác. Chúng ta có sinh vật còn phôi thai này, chúng ta gọi hãn là Kẻ độc tài khi hãn ở Ý hay Đức, kẻ tin rằng hãn có thẩm quyền vô hình dù được ban cho bởi Thượng đế, Tự nhiên, giới tính hay chủng tộc, để ra lệnh cho những con người khác phải sống như thế nào; phải làm những gì. Chúng ta hãy trích dẫn lần nữa: “Những ngôi nhà là nơi chốn thật sự của những phụ nữ mà hiện nay đang ép buộc những người đàn ông phải ngồi chơi sơi nước. Đã tới lúc Chính phủ phải dứt khoát về người lao động, trao công ăn việc làm cho nhiều đàn ông hơn, từ đó cho phép họ cưới những phụ nữ mà hiện nay họ không thể tiếp cận.” hãy đặt nó bên cạnh một trích dẫn khác: “Có hai thế giới trong đời sống của một dân tộc, thế giới của đàn ông và thế giới của phụ nữ. Tự nhiên đã làm tốt khi giao phó cho đàn ông việc chăm sóc gia đình và dân tộc của anh ta. Thế giới của người phụ nữ là gia đình của cô ta, chồng của cô ta, con cái của cô ta, và ngôi nhà của cô ta.” Một trích dẫn được viết bằng tiếng Anh, trích dẫn kia được viết bằng tiếng Đức. Nhưng đâu là chỗ khác nhau? Không phải là cả hai đều nói lên cùng một điều hay sao? Không phải là cả hai đều là giọng nói của những Kẻ độc tài hay sao, dù họ nói bằng tiếng Anh hay tiếng Đức, và không phải là tất cả chúng ta đều đồng ý rằng Kẻ độc tài khi chúng ta

gặp hãn ở bên ngoài là một con vật rất nguy hiểm cũng như rất xấu xí hay sao? Và hãn ở đây giữa chúng ta, đang ngóc cái đầu xấu xí của hãn lên, phun nọc độc của hãn, vẫn còn bé nhỏ, cuộn lại như một con sâu bướm trên một chiếc lá, nhưng ngay trong quả tim của nước Anh. Không phải là chính từ quả trứng này, xin lại trích dẫn ông Wells, mà “sự phá hủy thật sự nền tự do (của chúng ta) bởi những tên Phát xít hay Đức Quốc Xã” sẽ xuất hiện hay sao? Và không phải là người phụ nữ, kẻ phải hít thứ chất độc đó và chiến đấu với con côn trùng đó, một cách kín đáo và không vũ khí, trong văn phòng của cô ta, cũng đang chiến đấu với tên Phát xít và tên Đức Quốc Xã một cách chắc chắn như những người chiến đấu với hãn ta với vũ khí dưới ánh đèn quảng cáo chói chang hay sao? Và có phải là cuộc chiến đấu đó không được rút kiệt sức lực và tinh thần của cô ta hay không? Chúng ta có nên giúp cô ta nghiền nát hãn trong đất nước của chính chúng ta trước khi chúng ta yêu cầu cô ta giúp chúng ta nghiền nát hãn ở nước ngoài hay không? Và chúng ta có quyền gì, thưa ông, để rống lên những lý tưởng về tự do và công lý của chúng ta với các quốc gia khác khi chúng ta có thể lặc cho rơi ra từ những tờ nhật báo khả kính nhất của mình những quả trứng như thế vào bất cứ ngày nào trong tuần?

Ở đây, một cách đúng đắn, ông sẽ kiểm tra cái có tất cả mọi triệu chứng của việc trở thành một đoạn kết của bài diễn văn bằng cách chỉ ra rằng dù những ý kiến thể hiện trong các lá thư đó không hoàn toàn nhất trí với lòng tự trọng dân tộc của chúng ta, chúng là những biểu hiện tự nhiên của sự sợ hãi và một sự ganh ghét mà chúng ta phải thấu hiểu trước khi khinh thị nó. Đúng là, ông sẽ nói, những quý ông dường như quan tâm một cách không chính đáng tới mức lương và sự an toàn của chính họ, nhưng điều đó có thể hiểu được, xét tới những truyền thống của giới tính của họ, và thậm chí nó còn tương hợp với một tình yêu tự do đích thực và một sự căm ghét đích thực đối với sự độc tài. Vì các quý ông đó là, hoặc mong muốn là, những ông chồng và những ông bố, và trong trường hợp đó sự ủng hộ của gia đình sẽ phụ thuộc vào họ. Nói cách khác, thưa ông, tôi muốn ông hình dung thế giới như chính bản thân nó hiện tại, bị chia thành hai hình thức phục vụ; một có tính chất công cộng và một có tính chất riêng tư. Trong thế giới này con trai của những người đàn ông trí thức làm việc với tư cách những công chức, quan tòa, chiến sĩ được trả công cho công việc đó; trong thế giới kia, con gái của những người đàn ông trí thức làm việc với tư cách những người vợ, những bà mẹ, những cô con gái - nhưng họ có được trả công cho công việc đó hay không? Phải chăng công việc của một người mẹ, một người vợ, một người con gái, không đáng giá gì đối với dân tộc về mặt tiền bạc? Thực tế đó, nếu nó là một thực tế, đáng kinh ngạc đến độ chúng ta phải xác nhận nó bằng cách cầu cứu Whitaker hoàn hảo một lần nữa. Chúng ta hãy lật lại

những trang sách của ông ta. Chúng ta có thể lật, rồi lại lật. Nó có vẻ như khó mà tin được, thế nhưng nó có vẻ như khó mà chối bỏ được. Trong số tất cả những văn phòng đó không có một văn phòng nào là văn phòng của một bà mẹ; trong tất cả những mức lương đó không có mức lương nào là mức lương của một bà mẹ. Công việc của một tổng giám mục đáng giá 15.000 bảng một năm đối với Nhà nước; công việc của một quan tòa đáng giá 5000 bảng một năm; công việc của một thư ký thường trực đáng giá 3000 bảng một năm; công việc của một đại úy hải quân, của một thượng sĩ không quân, của một cảnh sát, của một nhân viên bưu điện - tất cả các công việc đó đáng được trả lương từ các khoản thuế, nhưng những bà vợ, những bà mẹ và những cô con gái làm việc suốt ngày và hàng ngày, mà nếu không có công việc của họ Nhà nước sẽ sụp đổ và tan rã thành từng mảnh, nếu không có công việc của họ, con trai của các ông, thừa ông, sẽ ngưng tồn tại, lại không được trả cho bất cứ thứ gì. Có thể như thế được không? Hay chúng ta phải kết án Whitaker, con người hoàn hảo, về lỗi in ấn?

À, ông sẽ ngắt lời, ở đây có một sự hiểu lầm khác. Chồng và vợ không chỉ là một xác thịt; họ còn là một ví tiền. Lương của bà vợ là phân nửa thu nhập của ông chồng. Người đàn ông được trả nhiều hơn phụ nữ chính là vì lý do đó - vì ông ta có một bà vợ để hỗ trợ. Vậy ra một cử nhân được trả ngang với một phụ nữ chưa kết hôn? Có vẻ là không phải - một tác động lạ lùng khác của bầu không khí, không ngờ gì nữa; nhưng cứ cho nó qua đi. Phát biểu của ông rằng tiền lương của bà vợ là phân nửa thu nhập của ông chồng dường như là một sự sắp xếp công bằng, và không ngờ gì nữa, vì nó công bằng, nó được xác nhận bởi pháp luật. Câu trả lời của ông rằng luật pháp để mặc cho các vấn đề riêng tư đó được quyết định một cách riêng tư kém thỏa đáng hơn, vì nó có nghĩa rằng phần chia phân nửa của bà vợ trong thu nhập chung không được trả một cách hợp pháp vào tay của bà ta, mà vào tay của ông chồng bà ta. Nhưng một quyền tinh thần vẫn có thể ràng buộc như một quyền pháp lý; và nếu bà vợ của một người đàn ông trí thức có một quyền tinh thần đối với phân nửa thu nhập của chồng mình, vậy chúng ta có thể giả sử rằng bà vợ đó có tiền để chi tiêu cho bất kỳ lý do gì cần thiết đối với bà ta, sau khi đã thanh toán những hóa đơn chung trong gia đình, ngang với chồng bà ta. Lúc này ông chồng của bà ta, với nhân chứng là Whitaker, với nhân chứng là những bản chúc thư trong những tờ nhật báo, thường không chỉ đơn giản được trả công bởi nghề nghiệp của mình, mà là ông chủ của một khoản vốn rất đáng kể. Do đó quý bà này, người xác nhận rằng 250 bảng một năm là tất cả những gì một người phụ nữ có thể kiếm được hiện nay trong các nghề nghiệp, đang lảng tránh vấn đề; vì nghề kết hôn ở tầng lớp trí thức là một nghề được trả công cao, vì bà ta có một quyền, một quyền tinh thần, đối với phân nửa tiền lương của ông chồng. Sự rắc rối sâu

hơn; sự bí ẩn dày đặc hơn. Vì nếu bản thân những bà vợ của những người đàn ông giàu có cũng là những phụ nữ giàu có, làm sao có chuyện thu nhập của W.S.P.U. chỉ có 42.000 bảng một năm; làm sao có chuyện vị thủ quỹ danh dự của quỹ tái thiết trường cao đẳng đang hỏi xin 100.000 bảng; làm sao có chuyện vị thủ quỹ của một tổ chức nhằm trợ giúp cho những người phụ nữ có chuyên môn được tuyển dụng vẫn đang hỏi xin không chỉ tiền để trả tiền thuê nhân công của mình mà còn rất biết ơn về những cuốn sách, trái cây hay những quần áo bỏ đi?

Nó gắn liền với lý do rằng nếu người vợ có một quyền tinh thần đối với phân nửa thu nhập của chồng mình vì công việc của bà ta với tư cách là người vợ không được trả lương, khi đó bà phải có số tiền để tiêu xài cho những lý do hấp dẫn bà ngang bằng với số tiền ông ta có. Và vì những lý do đó đang đứng khúm núm xin xỏ, chúng ta buộc phải kết luận rằng chúng là những lý do không thu hút sự ưa thích của vợ người đàn ông trí thức. Gánh nặng chi tiêu của bà ta là một gánh nặng rất nghiêm trọng. Vì khi xét tới - nếu có tiền - số ngân quỹ dư thừa đó có thể dành cho giáo dục, cho niềm vui thú, cho hành động nhân ái khi các chi phí trong nhà đã được đáp ứng; bà ta có thể tự do tiêu xài phần chia của mình như chồng của bà ta có thể tiêu xài phần chia của ông ấy. Bà có thể tiêu nó cho bất kỳ lý do gì bà thích; thế nhưng bà sẽ không tiêu nó cho những lý do gắn gũi với giới tính của mình. Chúng đứng đó, khúm núm xin xỏ. Đó là một bốn phận kinh khủng chống lại bà.

Nhưng chúng ta hãy tạm dừng giây lát trước khi quyết định về bốn phận chống lại bà ta đó. Chúng ta hãy hỏi các lý do, những niềm vui thú, những hành động nhân ái mà trên thực tế vợ người đàn ông trí thức tiêu phần chia của mình trong số ngân quỹ chung dư thừa đó là gì. Và tới đây chúng ta chạm trán với những thực tế mà, dù có thích chúng hay không, chúng ta phải đối mặt. Thực tế là những thị hiếu của người phụ nữ có chồng thuộc tầng lớp của chúng ta rõ ràng có thiên hướng nam tính. Bà ta tiêu một số tiền lớn hàng năm cho các quỹ tổ chức tiệc; cho thể thao; cho những cánh đồng hoang thả gà gô; cho môn crickê và bóng đá. Bà ta vung tiền cho những câu lạc bộ - Brooks', White's, the Travellers', the Reform, the Athenaeum - chỉ để cập tới những nơi nổi bật nhất. Chi tiêu của bà ta cho những lý do, những niềm vui và hành động nhân ái này phải tới nhiều triệu mỗi năm. Thế nhưng cho tới lúc này phần lớn hơn của số tiền đó được dùng cho những lạc thú mà bà ta không chia sẻ. Bà ta tiêu nhiều ngàn và nhiều ngàn bảng cho những câu lạc bộ mà giới tính của chính bà ta không được chấp nhận; [{XV}](#) cho những cuộc đua ngựa mà bà ta không thể tham gia; cho

những trường cao đẳng mà giới tính của chính bà ta bị loại trừ. Bà ta chi trả một hóa đơn khổng lồ hàng năm cho khoản rượu vang mà bà ta không uống và cho những điều xì gà mà bà ta không hút. Nói tóm lại, chỉ có hai kết luận mà chúng ta có thể rút ra về vợ của người đàn ông trí thức - đầu tiên, bà ta là con người vị tha nhất, kẻ thích tiêu phần chia của mình trong quỹ chung cho những lạc thú và lý do của chồng mình; thứ hai, và chắc chắn hơn, nếu ít đáng ca ngợi hơn, bà ta không phải là con người vị tha nhất, mà là quyền tinh thần của bà ta đối với phần chia bằng phân nửa thu nhập của chồng bà ta cạn kiệt dần trong việc thực thi một quyền thật sự đối với việc ăn ở và một khoản trợ cấp nhỏ hàng năm cho tiền bỏ túi và y phục. Kết luận nào trong hai kết luận này cũng đều khả dĩ; chứng cứ của các thiết chế công cộng và những danh sách đóng niên liễm khiến bất kỳ kết luận nào khác đều không khả dĩ. Bởi cứ xét tới việc người đàn ông trí thức đã hỗ trợ hào hiệp thế nào cho trường trung học cũ, trường đại học cũ của ông ta; ông ta đã quyên góp rộng tay ra sao cho các quỹ tiệc tùng; ông ta đã đóng góp hào phóng thế nào cho tất cả các tổ chức từ thiện và các môn thể thao mà nhờ chúng ông ta và các cậu con trai giáo dục tâm trí và phát triển thân thể của mình - những tờ nhật báo là nhân chứng hàng ngày cho các sự thật không thể tranh cãi đó. Nhưng sự vắng mặt của tên bà ta từ các danh sách đóng góp, và sự nghèo nàn của những tổ chức giáo dục tâm trí và thân thể của bà ta dường như chứng minh rằng có cái gì đó trong không khí của ngôi nhà riêng đã làm chệch hướng phần chia tinh thần của người vợ trong thu nhập chung một cách tế vi nhưng khó mà cưỡng được với những lý do mà chồng bà ta chấp nhận và những lạc thú mà ông ta tận hưởng. Dù có đáng tin hay không đáng tin, đó là thực tế. Và đó là nguyên nhân vì sao các lý do đó phải thò tay xin xỏ.

Với những thực tế của Whitaker và những thực tế của các danh sách quyên góp trước mặt chúng ta, có vẻ như chúng ta đã đi tới ba sự thật không thể tranh cãi và phải có một ảnh hưởng lớn lao đối với câu hỏi của chúng tôi là bằng cách nào chúng tôi có thể giúp ông ngăn chặn chiến tranh. Đầu tiên là các cô con gái của những người đàn ông trí thức được trả rất ít từ các quỹ công cho các phục vụ công của họ; thứ hai là họ không được trả tí gì từ các quỹ công cho các phục vụ tư của họ; và thứ ba là phần chia của họ trong thu nhập của ông chồng không phải là một phần chia máu thịt mà là một phần chia tinh thần hoặc chỉ có trên danh nghĩa, nghĩa là khi cả hai chi tiêu cho ăn mặc, cái ngân quỹ dư thừa vốn có thể dành cho các chính nghĩa, các lạc thú hay các việc làm từ thiện lại hưởng một cách bí ẩn nhưng không thể

tranh cãi tới các chính nghĩa, các lạc thú và các việc làm từ thiện mà ông chồng tận hưởng, và chấp nhận. Dường như cá nhân thật sự nhận được khoản tiền lương là cá nhân có quyền thật sự để quyết định khoản lương đó sẽ được tiêu như thế nào.

Các thực tế này đưa chúng ta quay lại trong một tâm trạng kèm chế và với những cách nhìn khá đối khác đối với điểm xuất phát của chúng ta. Bởi chúng ta sắp, ông có thể nhớ, đặt lời khẩn cầu giúp đỡ của ông trong việc ngăn chặn chiến tranh ra trước những người phụ nữ đang kiếm sống bằng nghề nghiệp chuyên môn. Chúng ta đã nói, chính họ là những người chúng ta phải khẩn cầu, vì chính họ, những kẻ có thứ vũ khí mới của chúng tôi, tầm ảnh hưởng của một ý kiến độc lập dựa trên một thu nhập độc lập, trong nghề nghiệp chuyên môn của họ. Nhưng các thực tế lại một lần nữa gây chán nản. Họ làm rõ ngay từ đầu rằng chúng tôi phải loại bỏ, với tư cách là những người trợ giúp khả dĩ, cái nhóm lớn đó của những người mà với họ hôn nhân là một nghề nghiệp, vì nó là một nghề nghiệp không lương, và vì phần chia tinh thần của phân nửa tiền lương của ông chồng không phải, dường như thực tế chỉ ra, là một phần chia thật sự. Do đó, tầm ảnh hưởng bất vụ lợi của bà ta đối với một khoản thu nhập độc lập là con số không. Nếu ông ta ủng hộ vũ lực, cả bà ta cũng sẽ ủng hộ vũ lực. Thứ hai, dường như các thực tế chứng minh rằng phát biểu “Kiếm 250 bảng một năm hoàn toàn là một thành tựu thậm chí đối với một phụ nữ có khả năng cao với nhiều năm kinh nghiệm” không phải là một lời dối trá tuyệt đối mà là một sự thật có khả năng được chứng minh cao. Do đó, ảnh hưởng mà con gái của những người đàn ông trí thức hiện có từ khả năng kiếm tiền của họ không thể được đánh giá cao cho lắm. Thế nhưng vì ngày càng hiển nhiên rằng chúng ta phải tìm kiếm sự giúp đỡ từ họ, vì chỉ họ mới có thể giúp đỡ chúng ta, chính họ là những người chúng ta phải khẩn cầu. Kết luận này đưa chúng ta quay lại với lá thư mà chúng ta đã trích dẫn bên trên - lá thư của vị thủ quỹ danh dự, lá thư yêu cầu một khoản quyên góp cho tổ chức để giúp con gái của những người đàn ông trí thức được tuyển dụng vào các ngành nghề chuyên môn. Ông sẽ đồng ý, thưa ông, rằng chúng ta có những động cơ vị kỷ mạnh mẽ đối với việc giúp đỡ bà ta - không thể có nghi ngờ nào về điều đó. Bởi việc giúp đỡ những người phụ nữ kiếm sống bằng các nghề chuyên môn là giúp họ chiếm hữu thứ vũ khí của ý kiến độc lập vốn vẫn là vũ khí hùng hậu nhất của họ. Đó là giúp họ có một đầu óc của chính mình và một ý chí của chính mình mà với nó họ sẽ giúp ông ngăn ngừa chiến tranh. Nhưng... - ở đây, trong ba chấm đó, những hoài nghi và do dự lại một lần nữa tự khẳng định bản thân chúng - chúng tôi có thể, xét tới những thực tế đưa ra bên trên, gửi cho bà ta đồng ghi-nê của chúng tôi mà

không đưa ra những điều kiện rất nghiêm ngặt về cách sử dụng đồng ghi-nê đó hay không?

Bởi những thực tế mà chúng ta đã phát hiện trong việc kiểm tra lời phát biểu của bà ta về vị thế tài chính của bà ta đã đẩy lên những câu hỏi khiến chúng ta tự hỏi chúng ta có khôn ngoan hay chẳng khi khuyến khích mọi người tiến vào các nghề nghiệp chuyên môn nếu chúng ta muốn ngăn ngừa chiến tranh. Ông sẽ nhớ rằng chúng tôi đang sử dụng nhận thức sâu sắc về mặt tâm lý của mình (bởi đó là phẩm chất duy nhất của chúng tôi) để quyết định loại phẩm chất nào trong bản chất con người có khả năng dẫn tới chiến tranh. Và những thực tế đã vạch ra bên trên là loại phẩm chất khiến chúng tôi cất tiếng hỏi, trước khi ký vào chi phiếu, rằng nếu chúng tôi khuyến khích con gái của những người đàn ông trí thức tiến vào các nghề nghiệp chuyên môn, chúng tôi có khuyến khích những phẩm chất mà chúng tôi muốn ngăn ngừa hay không? Chúng tôi có sử dụng đồng ghi-nê của mình một cách xứng đáng để bảo đảm rằng trong hai hoặc ba thế kỷ không chỉ những người đàn ông trí thức trong các ngành nghề chuyên môn mà cả những người phụ nữ trí thức trong các ngành nghề chuyên môn sẽ hỏi - ồ, về ai? như nhà thơ nói - chính cái câu hỏi mà hiện ông đang hỏi chúng tôi: Chúng ta có thể ngăn ngừa chiến tranh hay không? Nếu chúng ta khuyến khích các cô con gái tiến vào các nghề nghiệp chuyên môn mà không yêu cầu bất cứ điều kiện nào theo cách thức mà trong đó các nghề nghiệp chuyên môn được thực hành, chúng ta có cố hết sức để lặp lại như đúc cái âm điệu cũ mà bản chất con người, như một cái máy hát bị kẹt kim, hiện đang rít lên với sự nhất trí đầy tai họa hay không? “Chúng ta đi quanh cây dâu, cây dâu, cây dâu. Đưa hết cả cho tôi, cho tôi, cho tôi. Ba trăm triệu đã tiêu cho chiến tranh”.^[11] Với bài ca đó, hay thứ gì đại loại vậy, đang ngân lên trong tai chúng tôi, chúng tôi không thể gửi đồng ghi-nê của mình cho vị thủ quỹ danh dự mà không cảnh báo bà ta rằng bà ta sẽ chỉ có nó với điều kiện rằng bà ta phải thề rằng các nghề nghiệp chuyên môn trong tương lai sẽ được thực hành để chúng có thể dẫn tới một bài ca khác và một kết luận khác. Bà ta sẽ chỉ có nó nếu bà ta đáp ứng với chúng tôi rằng đồng ghi-nê của chúng tôi sẽ được tiêu vì chính nghĩa hòa bình. Khó mà phát biểu rõ ràng những điều kiện như thế; với sự thiếu hiểu biết về tâm lý hiện nay của chúng tôi có lẽ đó là điều bất khả. Nhưng vấn đề rất nghiêm trọng, chiến tranh là thứ không thể chấp nhận, khủng khiếp, phi nhân, đến độ chúng tôi phải thực hiện một nỗ lực. Vậy đây là một lá thư khác gửi cho cùng quý bà đó.

“Thưa bà, lá thư của bà đã chờ hồi âm một thời gian dài, nhưng chúng tôi đã kiểm tra những lời buộc tội cụ thể chống lại bà và có một số yêu cầu nhất định. Chúng tôi đã tuyên bố bà trắng án, thưa bà, bà sẽ nhẹ nhõm biết thế, về việc nói dối. Có vẻ như thật sự là bà nghèo. Chúng tôi còn tuyên bố cho bà trắng án về sự biếng nhác, sự thờ ơ và tham lam. Con số những nguyên nhân rằng bà đang thắng lợi, dù bí mật và chưa đầy đủ, ủng hộ cho bà. Nếu bà thích kem và đậu phộng hơn thịt sườn nướng và bia, nguyên nhân sẽ có vẻ vì lý do kinh tế hơn là vị giác. Có vẻ như chắc chắn rằng bà không có nhiều tiền để chi cho thực phẩm hay nhiều lạc thú hơn trong việc ẩm thực khi xét tới những cáo thị và tờ rơi bà phân phát, những cuộc họp bà chuẩn bị, những cửa hàng từ thiện bà tổ chức. Thật sự, có vẻ bà đang làm việc không lương nhiều giờ hơn mức Văn phòng quản lý gia đình chấp thuận. Nhưng dù chúng tôi sẵn sàng thương xót cho sự nghèo túng của bà và ca ngợi ngành của bà, chúng tôi sẽ không gửi cho bà một ghi-nê để giúp bà giúp những người phụ nữ tiến vào các nghề nghiệp chuyên môn trừ phi bà có thể bảo đảm rằng họ sẽ thực hành những nghề nghiệp theo một cách thức có thể ngăn ngừa chiến tranh. Điều đó, bà sẽ nói, là một phát biểu mơ hồ, một điều kiện bất khả thi. Tuy nhiên, vì những đồng ghi-nê thì hiếm và có giá trị, bà sẽ lắng nghe những điều khoản mà chúng tôi muốn đưa ra nếu, bà ngụ ý, chúng có thể được phát biểu một cách ngắn gọn. Vậy thì, thưa bà, vì bà chịu sức ép của thời gian, mà với Dự luật lương hưu, với việc lừa những Ông Nghị vào Thượng viện để họ có thể bỏ phiếu cho nó như bà đã hướng dẫn, với việc đọc Biên bản chính thức của các cuộc họp nghị viện và những tờ nhật báo - dù điều đó sẽ không mất nhiều thời gian; bà sẽ không tìm thấy đề cập nào về những hoạt động của bà ở đó; {XVI} một sự thông đồng im lặng dường như là nguyên tắc; với việc lằng lằng âm mưu cho tiền công bình đẳng đối với công việc bình đẳng trong ngành công chức, trong khi đồng thời bà đang chuẩn bị những chú thỏ rừng và những nôi cà phê cũ để dụ dỗ mọi người chi trả nhiều hơn mức họ đáng được nhận một cách nghiêm khắc ở một cửa hàng phúc thiện - vì, nói tóm một lời, rõ ràng là bà bận rộn, chúng ta hãy nhanh lên; tiến hành một khảo sát nhanh; thảo luận vài đoạn trong những cuốn sách trong thư viện của bà; trong những tờ báo trên bàn của bà, và sau đó xem coi chúng ta có thể khiến cho phát biểu đó ít mơ hồ hơn, các điều kiện trở nên rõ ràng hơn hay không.

“Chúng ta hãy bắt đầu bằng cách nhìn vào phía ngoài của các sự vật, ở phương diện chung. Các sự vật có những phía ngoài cũng cho phép chúng ta nhớ lại những phía bên trong. Gần sát bên là một chiếc cầu bắc qua sông

Thames, một chứng cứ tiện lợi tuyệt vời cho một cuộc khảo sát như thế. Dòng sông chảy bên dưới, những chiếc sà lan lướt qua, nặng trĩu những khúc gỗ, đẫy ắp ngô; ở một bên bờ sông là những mái vòm và ngọn tháp của thành phố; ở bờ bên kia là Westminster và Tòa Thượng viện. Đó là một nơi để đứng và mơ mộng. Nhưng không phải lúc này. Lúc này chúng ta đang chịu áp lực của thời gian. Lúc này chúng ta ở đây để xem xét các thực tế; lúc này chúng ta phải dán mắt vào đám điều hành - đám điều hành của con trai của những người đàn ông trí thức.

“Họ tiến tới, những người anh em của chúng ta, những kẻ đã được giáo dục ở các trường tư thục và đại học, bước lên những bậc thềm đó, vào ra ngang qua những cánh cửa đó, bước lên những cái bậc đó, giảng đạo, dạy học, thực thi công lý, thực hành y khoa, giao dịch kinh doanh, làm ra tiền. Nó luôn là một cảnh tượng trang nghiêm - một đám điều hành, như một thương đoàn lớn băng ngang qua sa mạc. Những ông cố, những ông nội, những ông bố, những ông chú bác - tất cả bọn họ đều đi con đường ấy, mặc áo thụng, đội tóc giả, một số đeo ruy băng ngang ngực, số khác thì không. Một vị là giám mục. Vị kia là quan tòa. Một vị là đô đốc. Vị kia là tướng quân. Một vị là giáo sư. Vị kia là bác sĩ. Và một số rời khỏi đám điều hành và được nghe nói tới lần cuối đang ở Tasmania mà chẳng làm gì cả; được nhìn thấy, ăn mặc khá tồi tàn, đang bán báo ở Charing Cross. Nhưng hầu hết bọn họ vẫn tiếp bước, đi theo lễ luật, và với bất kỳ phương tiện nào có thể, tìm đủ tiền để duy trì ngôi nhà của gia đình, ở một nơi nào đó, đang mạnh mẽ phát biểu ở West End, được cung cấp thịt bò và thịt cừu cho cả nhà, và với một học vấn dành cho Arthur. Đó là một cảnh tượng trang nghiêm, cái đám điều hành này, một cảnh tượng thường khiến chúng ta, bà có thể nhớ, nhìn vào một bên của nó từ một cửa sổ tầng trên, tự hỏi một số câu hỏi nhất định. Nhưng hiện giờ, trong khoảng hai mươi năm qua, nó không còn đơn thuần là một cảnh tượng, một tấm ảnh, hay một bức bích họa bỏ đọc lên những bức tường thời gian mà chúng ta có thể nhìn vào với một sự tán thưởng thẩm mỹ đơn thuần. Vì ở đó, đi thớ thẩn theo sau cái đuôi của đám điều hành, là chính chúng ta. Và điều đó làm nên một khác biệt. Chúng ta, những kẻ đã nhìn quá lâu vào những hoạt cảnh lịch sử trong những cuốn sách, hay quan sát từ một cửa sổ buồng rèm những người đàn ông trí thức rời nhà vào khoảng chín giờ rưỡi để tới một văn phòng, quay về nhà vào khoảng sáu giờ rưỡi từ một văn phòng, không cần trông có vẻ thụ động nữa. Cả chúng ta cũng có thể rời khỏi nhà, có thể bước lên những bậc thềm đó, vào ra những cánh cửa đó, đội tóc giả và mặc áo thụng, kiếm tiền, điều hành công lý. Cứ nghĩ xem - một ngày nào đó, bà có thể đội mái tóc giả của một quan tòa lên đầu, khoác một cái áo choàng lông chồn lên vai; ngồi bên dưới con sư tử và kỳ lân; hưởng một khoản lương năm ngàn bảng một năm

với một khoản lương hưu khi nghỉ việc. Chúng ta, những kẻ hiện giờ đang bối rối về những điều hèn mọn này có thể đứng phát biểu trên một cái bục vào một hoặc hai thế kỷ nữa. Khi đó sẽ không ai dám phủ nhận chúng ta; chúng ta sẽ là phát ngôn viên của tinh thần linh thánh - một ý nghĩ nghiêm túc, phải không? Ai có thể nói được, theo thời gian, chúng ta có thể mặc quân phục, với những dải đăng ten vàng trên ngực, kiếm bên hông, và đội một thứ gì đó giống như một cái thùng đựng than cũ trong nhà lên đầu hay chẳng, ngoại trừ rằng vật thể khả kính đó không bao giờ được trang trí với những chùm lông ngựa trắng. Bà bật cười - thật sự cái bóng của ngôi nhà riêng vẫn còn khiến cho những bộ y phục đó trông khá là kỳ cục. Chúng ta đã mặc y phục riêng quá lâu - cái tấm mạng che mặt mà St Paul đã giới thiệu. Nhưng chúng ta không tới đây để cười, hay để trò chuyện về thời trang của đàn ông và phụ nữ. Chúng ta ở đây, trên chiếc cầu, để tự hỏi chính mình những câu hỏi nhất định. Và chúng là những câu hỏi rất quan trọng; và chúng ta có rất ít thời gian để trả lời chúng. Những câu hỏi mà chúng ta phải đặt ra và phải trả lời về đám diễu hành trong thời khắc chuyển tiếp này quan trọng đến độ chúng có thể biến đổi cuộc đời của tất cả đàn ông và phụ nữ mãi mãi. Bởi chúng ta phải tự hỏi chính mình, tại đây và ngay bây giờ, chúng ta có muốn tham gia đám diễu hành đó hay không? Chúng ta sẽ tham gia đám diễu hành đó với điều kiện nào? Trên hết, nó dẫn chúng ta tới đâu, cái đám diễu hành của những người đàn ông trí thức ấy? Thời khắc này ngắn ngủi; nó có thể kéo dài năm năm; mười năm, hay có lẽ chỉ kéo dài vài tháng. Nhưng những câu hỏi phải được giải đáp; và chúng quan trọng đến độ nếu tất cả các cô con gái của những người đàn ông trí thức không làm gì cả, từ sáng cho tới tối, ngoài việc xem xét cái đám diễu hành đó từ mọi góc độ, nếu họ không làm gì cả ngoài việc cân nhắc và phân tích nó, suy nghĩ về nó, đọc về nó và góp chung những điều họ suy nghĩ và đọc, những gì họ thấy và đoán, thì giờ của họ sẽ được sử dụng tốt hơn so với bất kỳ hoạt động nào khác hiện đang mở ra cho họ. Nhưng, bà sẽ phản đối, bà không có thì giờ để suy nghĩ; bà có những trận chiến phải xông vào, tiền thuê phải trả, những cửa hàng phúc thiện phải tổ chức. Lý do bào chữa đó sẽ không phục vụ cho bà, thừa bà. Như bà biết từ kinh nghiệm của chính mình, và có những thực tế đã chứng minh nó, con gái của những người đàn ông trí thức luôn luôn thực hiện việc suy nghĩ từ tay đến miệng; không phải dưới những ngọn đèn xanh ở những bàn học trong những hành lang của những trường cao đẳng tách biệt. Họ suy nghĩ trong lúc đang khuấy nôi, trong lúc đang đưa nôi. Chính vì thế họ đã giành được cho chúng ta cái quyền đối với đồng sáu xu mới toanh của chúng ta. Hiện giờ việc của chúng ta tiếp tục làm là suy nghĩ; chúng ta sẽ sử dụng sáu xu đó thế nào? Chúng ta phải suy nghĩ. Chúng ta hãy suy nghĩ trong những văn phòng; trong những chiếc xe buýt

hai tầng; trong lúc chúng ta đang đứng trong đám đông quan sát những lễ đăng quang và những cuộc trình diễn của ngài Thị trưởng; chúng ta hãy suy nghĩ khi đi ngang qua đài tưởng niệm Cenotaph; và trên phố Whitehall; trong hành lang của Hạ nghị viện; trong những tòa án; chúng ta hãy suy nghĩ trong những buổi lễ rửa tội, trong những hôn lễ và tang lễ. Chúng ta hãy suy nghĩ không ngừng - “nền văn minh” mà chúng ta nhận ra mình đang ở trong nó này là cái gì? Những nghi lễ này là gì và vì sao chúng ta phải tham dự chúng? Những nghề nghiệp chuyên môn này là gì và vì sao chúng ta kiếm ra tiền từ chúng? Nói tóm, nó đang dẫn chúng ta tới đâu, cái đám diễu hành của con trai của những người đàn ông trí thức này?

“Nhưng bà đang bận; chúng ta hãy quay lại với những thực tế. Vậy hãy bước vào cửa, và mở những cuốn sách trên kệ thư viện của bà. Vì bà có một thư viện, một thư viện tốt. Một thư viện đang hoạt động, một thư viện đang sống; một thư viện không có thứ gì bị cột ràng lại, không có thứ gì bị nhét vào ngăn tủ khóa kín; một thư viện nơi những bài hát của những ca sĩ cất lên tự nhiên từ cuộc sống của những người đang sống. Kia là những bài thơ, đây là những tiểu sử? Chúng khuyến khích tới mức nào để chúng ta suy nghĩ rằng nếu chúng ta giúp các cô con gái trở thành những người phụ nữ có chuyên môn chúng ta sẽ ngăn cản chiến tranh? Lời giải đáp cho câu hỏi đó nằm rải rác trong tất cả những bộ sách này; và dễ đọc đối với bất kỳ một ai có thể đọc được tiếng Anh đơn giản. Và câu trả lời, người ta phải thừa nhận, cực kỳ lạ lùng. Bởi hầu như mọi tiểu sử mà chúng ta đọc về những người đàn ông trí thức trong thế kỷ mười chín, tự giới hạn mình ở thời kỳ không xa cách và có đầy đủ tư liệu đó, đều có liên quan rất nhiều tới chiến tranh. Có vẻ như họ đều là những chiến binh vĩ đại, những người đàn ông có chuyên môn dưới triều đại của Nữ hoàng Victoria. Có trận chiến Westminster. Có trận chiến phố Whitehall. Có trận chiến phố Harley Street. Có trận chiến của Viện hàn lâm Hoàng gia. Một số trận trong đó, như bà có thể kiểm chứng, vẫn còn đang tiếp diễn. Thật sự nghề nghiệp chuyên môn duy nhất có vẻ như không phải tham gia một trận chiến dữ dội hồi thế kỷ mười chín là nghề nghiệp văn chương. Tất cả các nghề chuyên môn khác, theo sự chứng thực của tiểu sử, có vẻ như khát máu không thua gì chính cái nghề cầm vũ khí. Đúng là những người tham chiến không gây ra những vết thương da thịt; [{XVII}](#) tinh thần mã thượng ngăn cấm điều đó; nhưng bà sẽ đồng ý rằng một trận đánh lãng phí thời gian cũng gây chết chóc không kém gì một trận đánh lãng phí máu xương. Bà sẽ đồng ý rằng một trận đánh tốn kém tiền bạc cũng chết người không kém một trận đánh phải trả giá một

cánh tay hay một căng chân. Bà sẽ đồng ý rằng một trận đánh buộc tuổi trẻ phải tiêu phí sức mạnh của nó để tranh cãi trong những văn phòng ủy ban, khấn nài những ân huệ, khoác một cái mặt nạ tôn sùng để che đậy sự lỗ lã của nó; tạo nên những vết thương mà không cuộc phẫu thuật nào có thể chữa lành cho tinh thần của con người. Thậm chí trận đánh để đòi lương bình đẳng cho công việc bình đẳng cũng tước mất thời gian, tinh thần, như chính bản thân bà có thể thừa nhận, nếu như bà không kín đáo một cách bất khả lý giải về một số vấn đề nhất định. Hiện giờ, những cuốn sách trong thư viện của bà ghi chép lại nhiều trận đánh trong số này đến độ không thể nào đọc hết tất cả; nhưng vì tất cả bọn họ dường như đã chiến đấu theo cùng một kế hoạch, bởi cùng những bên tham chiến, nghĩa là những người đàn ông trí thức chống lại các chị em gái và con gái của họ, chúng ta hãy, vì thời gian thúc ép, liếc qua chỉ một trong các chiến dịch này và kiểm tra trận đánh ở phố Harley Street, để có thể hiểu những nghề nghiệp chuyên môn đã tác động ra sao tới những kẻ thực hành chúng.

“Chiến dịch này mở ra năm 1869 dưới sự lãnh đạo của Sophia Jex-Blake. Trường hợp của bà ấy là một ví dụ rất điển hình về trận chiến lớn thời Victoria giữa những nạn nhân của hệ thống xã hội gia trưởng và những kẻ gia trưởng, của các cô con gái chống lại các ông bố, đến độ nó đáng để kiểm tra trong giấy lát. Cha của Sophia là một mẫu người khả kính của giới đàn ông trí thức thời Victoria, tốt bụng, có học thức và giàu có. Ông là một Tổng giám thị của Hội Luật sư Dân sự London. Ông có đủ tiền để duy trì sáu người hầu, một đàn ngựa và những cỗ xe, và có thể cung cấp cho con gái mình không chỉ nơi ăn chốn ở mà cả những “đồ nội thất xinh đẹp” và một “lò sưởi ấm cúng” trong phòng ngủ của cô. Về tiền lương tháng cho “y phục và tiền riêng bỏ túi”, ông cho cô 40 bảng một năm. Vì lý do nào đó cô thấy rằng số tiền này thì không đủ. Năm 1869, khi xét tới thực tế rằng cô chỉ còn chín shilling và chín xu để sống tiếp ba tháng tới, cô muốn tự mình kiếm tiền. Và cô được đề nghị một vị trí gia sư với tiền công năm shilling mỗi giờ. Cô nói với cha mình về đề nghị đó. Ông đáp: “Con thân yêu, giây phút này ta chỉ nghe rằng con đang ngẫm nghĩ tới việc được trả tiền cho công việc gia sư. Nó hoàn toàn thấp kém so với con, con yêu ạ, và ta KHÔNG THỂ CHẤP NHẬN ĐIỀU ĐÓ.” Cô tranh cãi: “Vì sao con không thể nhận nó? Cha là một người đàn ông làm công việc của mình và nhận tiền công cho nó, và không ai nghĩ rằng điều đó làm hạ phẩm giá, mà là một trao đổi công bằng... Tom đang làm ở một cấp độ lớn điều con đang làm ở

một cấp độ nhỏ.” Ông đáp” Trường hợp con trích dẫn, con yêu, không phải là vấn đề... T.W. cảm thấy ràng buộc với tư cách một NGƯỜI ĐÀN ÔNG... để hỗ trợ cho vợ và gia đình mình, và anh ta có vị trí cao, chỉ có thể do một người đàn ông có tính cách hàng đầu đảm nhiệm, và mang tới cho anh ta gần một ngàn bảng một năm... Trường hợp của con hoàn toàn khác! Con không cần gì cả, và biết rằng (nói một cách con người) con sẽ không cần gì cả. Nếu ngày mai con kết hôn - và cha thích - và cha không tin con sẽ không bao giờ lấy chồng - cha sẽ cho con một tương lai tốt đẹp.” Bình luận của cô về câu này trong một nhật ký riêng là: “Như một đứa ngu xuẩn, tôi đã chấp nhận từ bỏ khoản tiền công chỉ vì điều này - dù tôi nghèo túng một cách khốn khổ. Vụ này thật ngu xuẩn. Nó chỉ trì hoãn cuộc đấu tranh.” {XVIII}

“Ở đó bà ta đúng. Cuộc đấu tranh với cha của bà ta đã kết thúc. Nhưng cuộc đấu tranh với các ông bố nói chung, với chính bản thân chế độ gia trưởng, đã hoãn lại cho một địa điểm khác và thời điểm khác. Trận chiến thứ hai là ở Edinburgh vào năm 1869. Bà ta đã được nhận vào trường Cao đẳng Phẫu thuật Hoàng gia. Sau đây là lý giải của một tờ báo về cuộc giao chiến đầu tiên. “Một sự náo động của một bản chất rất không thích hợp đã xảy ra vào chiều hôm qua ở trước trường Cao đẳng Phẫu thuật Hoàng gia... Ngay trước bốn giờ... gần 200 sinh viên tập hợp ở trước cánh cổng dẫn vào tòa nhà...” Các sinh viên y khoa hò hét và hát vang những bài ca. “Cánh cổng đóng kín trước mặt họ (những người phụ nữ)... Bác sĩ Handyside thấy rằng cực kỳ bất khả để bắt đầu sự chứng minh của ông... một chú cừ non đã được đưa vào phòng” vân vân. Các phương pháp rất giống với những phương pháp đã được vận dụng ở Cambridge trong trận chiến đòi Chứng chỉ. Và một lần nữa, như ở sự kiện đó, giới chức thẩm quyền đã triển khai các phương pháp thẳng thừng đó và tuyển dụng những người khác, tinh ranh hơn và hữu hiệu hơn. Không gì có thể dụ dỗ những kẻ có thẩm quyền cắm trại trong phạm vi những cánh cổng thiêng liêng để cho phép những người phụ nữ bước vào. Họ nói rằng Thượng đế đứng về phía họ, Tự nhiên đứng về phía họ, Luật pháp đứng về phía họ, và Cửa cải đứng về phía họ. Trường cao đẳng được thành lập chỉ cho lợi ích của những người đàn ông; và chỉ những người đàn ông được pháp luật cho phép hưởng lợi từ các tài sản của nó. Các ủy ban thông thường được thành lập. Các đơn thỉnh nguyện thông thường được ký. Các khẩn nài khiêm tốn được thực hiện. Các cửa hàng phúc thiện thông thường được tổ chức. Các câu hỏi thông thường về các chiến thuật được đưa ra tranh cãi. Như thường lệ, là câu hỏi, chúng ta có nên tấn công ngay lúc này, hay chờ đợi thì khôn ngoan hơn? Ai là bạn và ai là kẻ thù của chúng ta? Có những khác biệt thông thường trong các ý

kiến, những phân rẽ thông thường giữa các vị cố vấn. Nhưng vì sao phải khu biệt hóa?

Toàn bộ đám diễu hành quen thuộc đến độ trận chiến của phố Harley hồi năm 1869 có thể là trận chiến của Đại học Cambridge ngay hiện tại. Ở cả hai sự kiện đều có cùng một sự lãng phí sức mạnh, lãng phí tâm trạng, lãng phí thời gian và lãng phí tiền bạc. Hầu như cùng những cô con gái yêu cầu cùng những người anh em trai về hầu như cùng các đặc quyền đặc lợi. Hầu như cùng các quý ông cùng phát ra cùng những lời từ chối vì những nguyên do hầu như giống nhau. Có vẻ như không có chút tiến triển nào ở nòi giống loài người mà chỉ có có sự lặp lại. Chúng ta hầu như có thể nghe thấy họ nếu chúng ta lắng nghe tiếng hát của cùng bài ca cũ, “Chúng ta ở đây đi vòng quanh cây dâu, cây dâu, cây dâu,” và nếu chúng ta bổ sung, “của tài sản, của tài sản, của tài sản,” chúng ta sẽ phủ đầy giai điệu mà không hề làm điều gì thô bạo đối với các thực tế.

“Nhưng chúng ta không ở đây để hát những bài ca cũ hay lấp đầy những giai điệu bị bỏ quên. Chúng ta ở đây để xem xét những thực tế. Và những thực tế mà chúng ta vừa trích ra từ tiểu sử dường như đã chứng minh rằng các nghề chuyên môn có một ảnh hưởng không thể chối bỏ đối với các giáo sư. Chúng khiến cho những người thực hành chúng trở nên có đầu óc chiếm hữu, ghen tức với bất kỳ xâm phạm nào tới các quyền lợi của họ, và trở nên cực kỳ hiếu chiến nếu bất kỳ một ai dám tranh chấp với họ. Vậy chúng ta có đúng hay không khi nghĩ rằng nếu chúng ta bước vào cùng các nghề nghiệp đó chúng ta sẽ thủ đắc cùng những phẩm chất đó? Và các phẩm chất đó có dẫn tới chiến tranh hay không? Ở một thế kỷ khác nếu chúng ta thực hành cùng các nghề chuyên môn theo cùng một cách, chúng ta có bị phán xét là cũng có đầu óc chiếm hữu, ghen ghét, cũng thích gây gỗ, cũng tiêu cực như phán quyết của Thượng đế, Tự nhiên, Luật Pháp và Tài sản như các quý ông này hiện giờ hay không? Do đó đồng ghi-nê này, nhằm giúp bà giúp những người phụ nữ đi vào các nghề chuyên môn, có một điều kiện với ý nghĩa là điều kiện tiên quyết gắn liền với nó. Bà phải thề rằng bà sẽ làm tất cả mọi điều trong khả năng của mình để dứt khoát rằng bất kỳ phụ nữ nào bước vào bất kỳ nghề chuyên môn nào sẽ không ngăn cản bất kỳ người nào, dù là đàn ông hay phụ nữ, trắng hay đen, miễn là anh ta hoặc cô ta có đủ phẩm chất bước vào nghề nghiệp đó, được tham gia nghề nghiệp đó; mà sẽ làm tất cả mọi thứ trong khả năng để giúp họ.

“Bà đã sẵn sàng giơ tay thề điều đó, tại đây và ngay bây giờ, bà nói, và đồng thời giơ bàn tay đó ra để nhận đồng ghi-nê. Nhưng gượng đã. Các điều kiện khác gắn liền với nó trước khi nó là của bà. Hãy xem xét lần nữa đám

điều hành của con trai của những người đàn ông trí thức; tự hỏi bản thân lần nữa, nó đang dẫn chúng ta tới đâu? Ngay lập tức một câu trả lời tự đề xuất nó với chúng ta. Tới những khoản thu nhập, điều đó có vẻ hiển nhiên, ít nhất là đối với chúng ta, cực kỳ tuyệt vời. Whitaker xem điều đó vượt khỏi một sự ngờ vực. Và ngoài chứng cứ của Whitaker, còn có chứng cứ của nhật báo - chứng cứ của những chúc thư, của những danh sách quyên góp mà chúng ta đã xem xét. Trong một ấn bản của một tờ báo, ví dụ, nó phát biểu rằng có ba người đàn ông trí thức chết; một người để lại 1.193.251 bảng; người kia 1.010.288 bảng; người cuối 1.404.132 bảng. Đó là những khoản tiền lớn để những người làm việc nhà góp nhặt, bà sẽ thừa nhận. Và vào đúng lúc, vì sao chúng ta lại không góp nhặt? Hiện giờ, khi ngành công chức đã mở ra với chúng ta, chúng ta có thể kiếm được một ngàn tới ba ngàn mỗi năm; hiện giờ khi công đường mở ra với chúng ta, chúng ta có thể kiếm được 5000 bảng mỗi năm với nghề thẩm phán, và bất kỳ tổng số nào lên tới bốn mươi hoặc năm mươi ngàn mỗi năm với nghề luật sư. Khi giáo hội mở ra với chúng ta, chúng ta có thể nhận được những khoảng lương mười lăm ngàn, năm ngàn hoặc ba ngàn hàng năm, kèm theo là nhà ở và địa phận cai quản. Khi thị trường chứng khoán mở ra với chúng ta, cái chết của chúng ta có thể đáng giá nhiều triệu như Pierpont Morgant[12], hoặc chính bản thân Rockefeller[13]. Với nghề bác sĩ, chúng ta có thể kiếm được từ hai ngàn tới năm mươi ngàn một năm. Với nghề biên tập viên, thậm chí chúng ta có thể kiếm được những khoảng lương không tệ chút nào. Người này có một ngàn mỗi năm; người khác hai ngàn; nghe đồn rằng biên tập của một tờ nhật trình lớn có mức lương năm ngàn mỗi năm. Tất cả những số tiền sẽ đến tay chúng ta vào đúng lúc nếu chúng ta theo đuổi các nghề nghiệp chuyên môn. Tóm lại, chúng ta có thể chuyển đổi vị trí từ những nạn nhân của hệ thống gia trưởng, được trả công bằng hàng hóa, với một thu nhập tiền mặt mỗi năm 30 hay 30 bảng cộng với nơi ăn ở, trở thành những chiến sĩ của hệ thống tư bản, với một thu nhập hàng năm nhiều ngàn theo nghề nghiệp chuyên môn mà, với sự đầu tư sáng suốt, có thể lên tới một khoản vốn nhiều triệu lớn hơn số mà chúng ta có thể đếm được khi xuôi tay nhắm mắt.

“Đây là một ý nghĩ đầy quyến rũ. Hãy xét xem nó có ý nghĩa gì nếu trong số chúng ta hiện giờ có một phụ nữ là nhà sản xuất xe hơi. Với một nét bút, bà ta có thể chu cấp cho những trường cao đẳng dành cho phụ nữ, mỗi trường hai hoặc ba trăm ngàn bảng. Khi đó, ắt hẳn vị thủ quỹ danh dự của

quỹ tái thiết, người chị em của bà ở Cambridge, có thể chiêu cố một đáng đáng kể cho những người lao động của mình. Sẽ không còn cần tới những lời nài nỉ hay những ủy ban, về những quả dâu tây, kem và những cửa hàng phúc thiện. Và hãy giả sử rằng không chỉ có một phụ nữ giàu, mà những người phụ nữ giàu cũng là chuyện bình thường như những người đàn ông giàu. Có điều gì mà bà không làm được? Bà có thể đóng cửa văn phòng của mình ngay tắp lự. Bà có thể tài trợ cho bữa tiệc của một người phụ nữ ở Hạ viện. Bà có thể quản lý một tờ nhật báo gắn kết với một mưu đồ, không phải là của sự im lặng, mà là của lời phát biểu. Bà có thể chu cấp cho những phụ nữ không chồng; những nạn nhân của chế độ gia trưởng, với tiền tiêu vật thiếu thốn và không có cả nơi ăn chốn ở. Bà có thể thể trả lương bình đẳng cho những công việc ngang nhau. Bà có thể cung cấp thuốc gây mê cho mọi bà mẹ đến ngày sinh nở;{XIX}, giảm đi tử suất của những bà mẹ từ bốn phần ngàn xuống còn con số không, có lẽ. Trong một phiên họp bà có thể thông qua những dự luật mà hiện giờ có lẽ bà phải mất cả một trăm năm lao tâm khổ tứ liên tục để thâm nhập vào Hạ viện. Dường như ở thoáng nhìn đầu tiên chẳng có điều gì mà bà không làm được, nếu bà có cùng số vốn tùy nghi sử dụng như những người anh em trai của mình. Vậy thì, bà cảm thán, tại sao không giúp chúng tôi cất bước đầu tiên tới việc thủ đắc điều đó? Những nghề nghiệp chuyên môn là con đường duy nhất để chúng ta có thể kiếm tiền. Tiền là phương tiện duy nhất để chúng ta có thể đạt được những đối tượng đáng khát khao vô tả. Thế nhưng bà đang ở đây, có vẻ như bà đang phản đối, tranh cãi và mặc cả về những điều kiện. Nhưng hãy xét tới lá thư này của một người đàn ông có nghề nghiệp chuyên môn đang yêu cầu chúng tôi giúp ông ta ngăn chặn chiến tranh. Cũng hãy nhìn vào những tấm ảnh chụp những thi thể và những ngôi nhà đổ nát mà chính phủ Tây Ban Nha gửi tới hầu như mỗi tuần. Đó là lý do vì sao tranh cãi và mặc cả về những điều kiện là điều cần thiết.

“Vì khi kết hợp chứng cứ của lá thư và những tấm ảnh với những thực tế mà lịch sử và tiểu sử cung cấp cho chúng ta về những nghề nghiệp chuyên môn, có vẻ như chúng gieo một ánh sáng cụ thể, một ánh sáng đỏ, chúng ta phải nói thế, lên cùng những nghề nghiệp chuyên môn như nhau. Bà tạo ra tiền nhờ chúng; điều đó đúng; nhưng tiền, khi xét tới những thực tế đó, tự bản thân nó là một sự sở hữu đáng ước ao tới mức nào? Một quyền lực vĩ đại đối với kiếp người, bà sẽ nhớ, đã xác định từ hơn hai ngàn năm trước rằng những sở hữu to lớn thì có thể gây phiền toái. Bà đáp lại điều này, với một độ nóng như thể bà đang mong đợi một lý do khác để giữ chặt sợi dây

buộc ví, rằng những lời của Chúa Ki-tô về người giàu và Nước Trời không còn hữu dụng đối với những người phải đối mặt với những thực tế khác trong một thế giới khác. Bà lập luận rằng với mọi thứ như ở nước Anh hiện nay, sự nghèo túng cực kỳ không đáng ước ao cho bằng giàu có cực kỳ. Sự nghèo túng của những người Cơ đốc sẵn sàng cho đi mọi của cải của mình đã tạo nên, như chúng ta có những chứng cứ hàng ngày và thừa thãi, sự què quặt trong cơ thể, sự nhu nhược trong tâm hồn. Kẻ thất nghiệp, xin đơn cử một ví dụ cụ thể, không phải là một nguồn của cải tinh thần hay tri thức đối với đất nước của họ. Đây là những lập luận có sức nặng, nhưng hãy xét tới trong giây lát cuộc đời của Pierpont Morgan. Phải chăng bà không đồng ý rằng với chứng cứ trước mặt chúng ta đó, giàu có cực kỳ cũng gây phiền toái không kém, và vì cùng những nguyên do? Nếu giàu có cực kỳ gây phiền toái và nghèo túng cực kỳ cũng gây phiền toái, có thể lý luận rằng có một ý nghĩa đáng ước ao nào đó nằm giữa hai điều này. Vậy ý nghĩa đó là gì - cần có bao nhiêu tiền để sống ở nước Anh ngày nay? Số tiền đó nên được sử dụng thế nào? Kiểu sống nào, kiểu người nào, bà đề nghị hướng tới như thể bà đã thành công trong việc trích xuất đồng ghi-nê này? Thưa bà, đó là những câu hỏi mà tôi đang yêu cầu bà cân nhắc và bà không thể chối bỏ rằng đó là những câu hỏi có tầm quan trọng tột cùng. Nhưng, chao ôi, chúng là những câu hỏi có thể đưa chúng ta ra xa khỏi thế giới hiện hữu của những thực tại đang giam hãm chúng ta. Vì thế chúng ta hãy gập lại quyển kinh Tân Ước; Shakespeare, Shelley, Tolstoy và số còn lại, rồi đối mặt với thực tế đang chòng chọc nhìn vào mặt chúng ta ở chính thời điểm quá độ này - thực tế của đám diễu hành; thực tế rằng chúng ta đang thơ thân đầu đó phía sau đám rước và phải cân nhắc thực tế đó trước khi có thể dán mắt vào viễn tượng ở phía chân trời.

“Vậy thì, trước mắt chúng ta, đám diễu hành của con trai của những người đàn ông trí thức, đang bước xuống những cái bậc đó, bước lên những bậc thềm đó, ra vào những cánh cửa đó, giảng giải, giáo huấn, điều hành công lý, thực hành y khoa, làm ra tiền. Và rõ ràng nếu bà sắp kiếm được cùng những khoản thu nhập từ cùng những nghề nghiệp chuyên môn như những người đàn ông đó, bà sẽ phải chấp nhận cùng những điều kiện mà họ chấp nhận. Thậm chí từ một cửa sổ bên trên và từ những quyển sách, chúng ta cũng có thể biết hoặc đoán ra những điều kiện đó là gì. Bà sẽ phải rời nhà lúc chín giờ và trở về lúc sáu giờ. Việc đó chừa lại rất ít thời gian để những ông bố hiểu biết con cái họ. Bà sẽ phải làm điều này hàng ngày từ hai mươi mốt hoặc cỡ đó cho tới khoảng sáu mươi lăm tuổi. Việc đó chừa lại rất ít thời gian cho bạn hữu, du lịch hay nghệ thuật. Bà sẽ phải thực hiện một số bốn phận rất gay go, số khác rất ư man rợ. Bà sẽ phải mặc những bộ đồng

phục nhất định và tuyên xưng những lòng trung thành nhất định. Nếu bà thành công trong sự nghiệp, những từ “Vì Thượng đế và Đế chế” sẽ rất có khả năng được viết ra, giống như dòng địa chỉ trên một cái vòng cổ chó quanh cổ bà.[{XX}](#) Và nếu ngôn từ có ý nghĩa, vì có lẽ hẳn ngôn từ phải có ý nghĩa, bà sẽ phải chấp nhận ý nghĩa đó và làm những gì bà có thể để thực thi nó. Nói tóm lại, bà sẽ sống cùng một cuộc sống và tuyên xưng cùng những lòng trung thành mà những người đàn ông có nghề nghiệp chuyên môn đã tuyên xưng suốt nhiều thế kỷ. Không thể ngờ vực gì về điều đó.

“Nếu bà trả đũa, ‘Thì có tổn hại gì trong chuyện đó chứ? Vì sao chúng ta phải do dự khi làm những điều mà cha ông chúng ta đã thực hiện trước chúng ta?’ Chúng ta hãy đi vào chi tiết lớn hơn và tham khảo những thực tế hiện đang mở rộng cho sự thẩm tra của tất cả những ai có khả năng đọc tiểu sử bằng tiếng mẹ đẻ. Chúng kia rồi, những công trình nhiều vô số và vô giá đó trên những kệ sách thư viện của chính bà. Chúng ta hãy liếc nhanh qua cuộc đời của những người đàn ông có nghề nghiệp chuyên môn và thành đạt với nghề của họ. Đây là một đoạn trích từ cuộc đời của một đại luật sư: “Ông vào phòng ngủ vào khoảng chín giờ rưỡi... Ông mang theo về nhà những bản tóm tắt hồ sơ vụ án... thế nên ông sẽ may mắn nếu được lên giường vào khoảng một hoặc hai giờ sáng.”[{XXI}](#) Đoạn đó lý giải vì sao khó mà ngồi gần hầu hết những luật sư thành đạt vào bữa tối - họ cứ ngáp dài ngáp vắn. Tiếp theo là một trích đoạn từ diễn văn của một chính khách nổi tiếng: “...từ năm 1914 tôi chưa từng trông thấy cảnh nở hoa từ cây mận tía đầu tiên cho tới cây táo cuối cùng - chưa từng có lần nào tôi nhìn thấy cảnh đó ở Worcestershire kể từ 1914, và nếu đó không phải là một sự hy sinh thì tôi không biết gọi nó là gì.”[{XXII}](#) Quả thật đó là một sự hy sinh, và một lý giải cho sự thờ ơ muôn thuở của Chính phủ đối với nghệ thuật - sao nữa, những quý ông không may mắn này hẳn phải mù như những con dơi. Kế tiếp hãy xét tới nghề nghiệp mang tính tôn giáo. Đây là một trích dẫn từ cuộc đời của một đại giám mục: “Đây là một cuộc sống đáng sợ có tính chất hủy diệt tâm trí và linh hồn. Tôi thật sự không biết làm sao để sống cuộc sống này. Các món nợ công việc quan trọng cứ dồn đống lại và đè bẹp tôi.”[{XXIII}](#) Điều đó khẳng nhận cho điều hiện rất nhiều người đang nói về Giáo hội và quốc gia. Các vị giám mục và tu viện trưởng của chúng ta dường như không có linh hồn để giảng đạo hay tâm trí để viết. Hãy lắng nghe bất kỳ bài thuyết giáo nào trong bất kỳ nhà thờ nào; hãy đọc bài của Tu viện trưởng Alington hay Tu viện trưởng Inge trong bất kỳ tờ báo nào. Tiếp theo

hãy xét tới nghề bác sĩ: “Tôi đã kiếm được một khoản khá trên 13.000 bảng trong năm, nhưng không thể nào duy trì được việc này, và trong lúc nó tồn tại, nó là sự nô lệ. Điều tôi cảm thấy nhiều nhất là sự thường xuyên xa cách Eliza và bọn trẻ vào những ngày Chủ nhật, và một lần nữa vào những lễ Giáng sinh.” {XXIV} Đó là lời than phiền của một đại bác sĩ; và có khả năng bệnh nhân của ông lập lại nó, vì có vị chuyên gia nào ở phố Harley có thì giờ để thấu hiểu cơ thể, chưa nói tới tâm trí hay sự kết hợp của cả hai, khi ông ta là một nô lệ của số tiền mười ba ngàn bảng một năm? Nhưng cuộc đời của một tác giả chuyên nghiệp có khá hơn tí nào chẳng? Đây là một mẫu trích từ cuộc đời của một nhà báo rất ư thành đạt: “Vào giờ này hôm khác ông viết một bài báo dài 1.600 từ về Nietzsche, một xã luận dài tương đương về cuộc đình công ngành hỏa xa để yêu cầu Tiêu chuẩn, 600 từ cho tờ Tribune và vào buổi tối thì ngồi ở thư viện Shoe Lane.” {XXV} Điều đó, trong số các lý do khác, lý giải vì sao công chúng đọc các chính khách với sự hoài nghi giễu cợt, còn các tác giả đọc những bài điểm sách với những cây thước đo foot - chính quảng cáo là cái đáng tiền; ca tụng hay phỉ báng đã thôi không còn có bất kỳ ý nghĩa nào. Và chúng ta cũng hãy thoáng nhìn thêm vào cuộc đời của một chính khách, vì nói cho cùng, về mặt thực hành, nghề nghiệp của ông ta là thứ quan trọng nhất: “Thượng nghị sĩ Hugh LẮNG VÀNG TRONG HÀNH LANG... Dự luật [Dự luật về việc kết hôn với chị em gái của người vợ quá cố] đang bị bỏ xó, và các cơ may xa hơn của chính nghĩa này được quy cho những may rủi của một năm khác.” {XXVI} Đoạn này không chỉ giúp giải thích một mối hoài nghi phổ biến nhất định về các chính khách mà còn nhắc nhở chúng ta rằng vì bà có Dự luật về Lương hưu để lèo lái qua những hành lang của một thiết chế rất đổi công bình và nhân ái như Hạ viện, chúng ta không được lãng vãng quá lâu giữa những tiểu sử thú vị này, mà phải cố tóm lược những thông tin chúng ta đã thu thập được từ chúng.

“Vậy thì những trích dẫn từ cuộc đời của những người đàn ông có nghề nghiệp chuyên môn thành đạt đó chứng minh điều gì? bà hỏi. Chúng, như Whitaker chứng minh, chẳng chứng minh được gì hết. Nghĩa là, nếu Whitaker nói rằng một giám mục được trả năm ngàn bảng một năm, đó là một thực tế; ta có thể kiểm tra và xác nhận nó. Nhưng nếu Giám mục Gore bảo rằng cuộc đời của một giám mục là “một cuộc sống đáng sợ có tính chất hủy diệt tâm trí và linh hồn”, ông ta chỉ đơn giản đưa ra ý kiến của mình; một giám mục kế tiếp trên băng ghế hạ viện có thể thẳng thừng phủ nhận ông ta. Vậy nên những trích dẫn này không chứng minh cho điều gì có

thể kiểm tra và xác nhận; chúng chỉ đơn giản khiến chúng ta phải nắm chắc các quan điểm. Và các quan điểm đó khiến cho chúng ta ngỡ vực, phê phán và đặt dấu hỏi về giá trị của cuộc sống chuyên nghiệp - không phải về giá trị tiền mặt của nó; điều đó thì tuyệt; mà về giá trị tinh thần, luân lý, trí tuệ của nó. Chúng mang tới cho chúng ta quan điểm rằng nếu người ta rất ư thành công trong nghề nghiệp, họ đánh mất các tri giác của mình. Thị giác đội nón ra đi. Họ không có thì giờ nhìn những bức tranh. Thính giác lên đường. Họ không có thì giờ nghe nhạc. Lời lẽ cũng nhần nát biến. Họ không có thì giờ để chuyện trò. Họ đánh mất ý thức về sự tương quan - những mối quan hệ giữa điều này và điều khác. Nhân tính không còn. Việc kiếm tiền trở nên quan trọng đến độ họ phải làm việc suốt ngày đêm. Sức khỏe biệt tăm. Và họ trở nên cạnh tranh đến độ họ sẽ không chia sẻ công việc của mình cho những người khác dù họ có nhiều hơn mức họ có thể tự thực hiện. Vậy thì còn lại thứ gì ở một con người đã đánh mất thị giác, thính giác và ý thức về sự tương quan? Chỉ là một người què trong hang động.

“Tất nhiên đó chỉ là một con số, một câu chuyện tưởng tượng; nhưng có vẻ như có khả năng nó có một kết nối nào đó với những con số mang tính thống kê và không hề tưởng tượng - với ba trăm triệu bảng đã chi cho vũ khí. Một điều như thế, ở bất cứ giá nào, dường như là quan điểm của những quan sát viên bất vụ lợi mà vị trí của họ mang tới cho họ mọi cơ hội để phán xét một cách rộng rãi và công minh. Chúng ta hãy kiểm tra chỉ hai quan điểm như thế. Các Hầu tước ở Londonderry nói:

Dường như chúng tôi nghe thấy những âm thanh hỗn độn thiếu phương hướng và sự dẫn dắt, và có vẻ như thế giới đang đánh dấu thời gian... Trong suốt thế kỷ qua những lực lượng lớn lao của khám phá khoa học đã được nói lỏng, đồng thời trong lúc đó chúng ta không thể phân định được tiến bộ tương ứng nào trong thành tựu về văn chương hay khoa học... Câu hỏi chúng tôi đang đặt ra cho mình là con người có khả năng hưởng thụ những thành quả mới này của tri thức và khám phá khoa học hay chẳng, hay do việc sử dụng chúng sai mục đích, con người sẽ mang tới sự hủy diệt của chính mình và của nền văn minh.[{XXVII}](#)

Ông Churchill nói:

Tất nhiên là trong lúc con người đang thu thập tri thức và quyền lực với tốc độ không ngừng tăng lên và không thể đo lường, đạo đức và trí tuệ của họ không cho thấy bất kỳ một tiến bộ đáng kể nào sau nhiều thế kỷ. Bộ não của một người hiện đại về bản chất không khác chi bộ não của con người

từng chiến đấu và yêu thương tại đây hồi nhiều triệu năm trước. Bản chất của con người cho tới nay thực tế không hề thay đổi. Dưới áp lực đủ mạnh - nạn đói, sự khủng bố, niềm đam mê chiến trận, hay thậm chí sự cuồng loạn lãnh đạm về trí tuệ - con người hiện đại mà chúng ta biết rất rõ sẽ thực hiện những hành vi khủng khiếp nhất, và người phụ nữ hiện đại của anh ta sẽ ủng hộ anh ta.[{XXVIII}](#)

Đó chỉ là hai trích dẫn từ một số lượng lớn có cùng hiệu quả. Và chúng ta hãy bổ sung thêm vào đó một trích dẫn khác, từ một nguồn ít ấn tượng hơn nhưng đáng để bà đọc vì cả nó cũng chứa đựng vấn đề của chúng ta, từ ông Cyril Chaventry ở North Wembley.

Nhận thức của một phụ nữ về các giá trị [ông ta viết], khác biệt hiển nhiên với nhận thức của một người đàn ông. Do đó, rõ ràng một phụ nữ gặp bất lợi và chịu sự nghi ngờ khi cạnh tranh trong một lĩnh vực hoạt động do đàn ông tạo ra. Hơn bao giờ hết, hiện nay phụ nữ có cơ hội để tạo dựng một thế giới mới mẻ và tốt đẹp hơn, nhưng với sự bất chước mù quáng những người đàn ông, họ đã lãng phí cơ may của mình.[{XXIX}](#)

“Cả quan điểm đó cũng là một quan điểm điển hình, một quan điểm đến từ một số lượng lớn có cùng tác động do những tờ nhật báo cung cấp. Và cả ba quan điểm này khi đặt cạnh nhau có tính chất hướng dẫn lớn lao. Hai quan điểm đầu dường như chứng minh rằng khả năng chuyên môn lớn lao của người đàn ông trí thức đã không mang tới một tình trạng hoàn toàn đáng ước ao của mọi thứ trong thế giới văn minh; và quan điểm cuối cùng, vốn kêu gọi những phụ nữ có chuyên môn sử dụng “nhận thức khác biệt về các giá trị của họ” để “xây dựng một thế giới mới mẻ và tốt đẹp hơn”, không chỉ hàm ý rằng những kẻ đã xây dựng thế giới đó không thỏa mãn với các kết quả, mà còn, thông qua việc kêu gọi một giới tính khác khắc phục cái ác, đặt ra một trách nhiệm lớn lao và hàm ý một sự ca tụng lớn lao. Vì nếu ông Chaventry và các quý ông đồng ý với ông ta tin rằng “trong tình trạng bất lợi và chịu sự nghi ngờ” của người phụ nữ, với sự đào tạo ít ỏi hoặc không được đào tạo về chính trị và chuyên môn và tiền lương khoảng 250 bảng một năm, người phụ nữ có chuyên môn chưa có khả năng “xây dựng một thế giới mới mẻ và tốt đẹp hơn”, họ phải tin tưởng giao cho bà ta những quyền lực mà gần như có thể gọi là siêu phàm thoát tục. Họ phải đồng ý với Goethe:

Những sự vật phải trôi qua

Chỉ là những biểu tượng;

Ở đây mọi thất bại
Vươn lên sự tự thành,
Ở đây cái Bất khả tư nghị
Thực thi mọi điều
Người phụ nữ trong phụ nữ
Mãi dẫn đường tiến lên. [{XXX}](#)

— Một lời ca tụng lớn lao khác, và từ một nhà thơ rất vĩ đại, bà sẽ đồng ý.

“Nhưng bà không cần những lời ca tụng; bà đang suy ngẫm về những câu trích dẫn. Và vì thể hiện của bà rõ ràng đầy chán nản, có vẻ như thể những trích dẫn này về bản chất của đời sống chuyên nghiệp đã mang tới cho bà một kết luận u buồn nào đó. Nó có thể là gì? Đơn giản là vì, bà trả lời, chúng ta, con gái của những người đàn ông trí thức, đang nằm giữa nanh hùm và hàm sấu. Sau lưng chúng ta là hệ thống gia trưởng; ngôi nhà riêng, với sự bất lực của nó, sự vô đạo đức của nó, sự đạo đức giả của nó, tinh thần nô lệ của nó. Phía trước chúng ta là thế giới công cộng, hệ thống chuyên nghiệp, với sự chiếm hữu của nó, sự ganh ghét của nó, sự hung hăng hiếu chiến của nó, sự tham lam của nó. Người này buộc chúng ta ngậm im thin thít như những nô lệ trong một hậu cung; kẻ khác ép ta quay vòng vòng quanh cây dâu tằm, cái cây thiêng liêng của cơ ngơi sản nghiệp, từ đầu tới chân hết như những con sâu bướm. Đây là sự chọn lựa của những cái ác. Mỗi chọn lựa đều tệ hại. Phải chăng tốt hơn chúng ta nên lao người từ cây cầu xuống dòng sông; từ bỏ cuộc chơi; tuyên bố rằng toàn bộ đời người là một sai lầm, thế nên kết thúc nó là vừa?

“Nhưng thưa bà, trước khi bà cất bước, một bước chân mang tính quyết định, trừ phi bà chia sẻ quan điểm của các giáo sư của Giáo hội nước Anh rằng cái chết là cánh cổng của sự sống - *Mors Janua Vitae*, được viết trên một vòm cổng ở nhà thờ St Paul's - trong trường hợp đó, dĩ nhiên, rất nên nhắc tới nó, và chúng ta hãy xem một lời giải đáp khác có khả dĩ hay không.

“Một giải đáp khác có thể đang nhìn trừng trừng vào mặt chúng ta từ những kệ sách trong thư viện của chính bà, một lần nữa, trong những cuốn tiểu sử. Phải chăng có khả năng rằng bằng cách xem xét những thí nghiệm mà những người đã chết từng thực hiện với cuộc đời của họ trong quá khứ, chúng ta có thể tìm được một sự trợ giúp nào đó để giải đáp cho câu hỏi khó khăn đang được đặt ra cho chúng ta? Với bất giá nào, chúng ta hãy cứ thử

xem. Câu hỏi mà lúc này chúng ta đặt ra cho tiểu sử là: Vì những nguyên do đã nêu bên trên chúng ta đồng ý rằng chúng ta phải kiếm tiền nhờ vào những nghề nghiệp chuyên môn. Vì những nguyên do đã nêu bên trên có vẻ như đối với chúng ta những nghề nghiệp đó thật đáng ước ao. Câu hỏi chúng ta đặt ra cho người, hồi cuộc đời của những người đã chết, là chúng ta có thể thâm nhập vào các nghề nghiệp bằng cách nào, và tuy vậy vẫn giữ nguyên những con người văn minh; nghĩa là những con người mong muốn ngăn chặn chiến tranh?

“Lần này chúng ta hãy quay sang cuộc đời của những phụ nữ chứ không phải đàn ông hồi thế kỷ mười chín - cuộc đời của những phụ nữ có chuyên môn. Nhưng có vẻ như sẽ có một khoảng trống trong thư viện của bà, thưa bà. Không có cuộc đời nào của những phụ nữ có chuyên môn hồi thế kỷ mười chín. Một bà Tomlinson, vợ của một ông Tomlinson, F.R.S., F.C.S., giải thích lý do. Quý phu nhân này, kẻ đã viết một cuốn sách “ ủng hộ việc tuyển dụng những phụ nữ trẻ làm bảo mẫu cho trẻ em” nói rằng: “...dường như thế không có cách nào để một phụ nữ chưa chồng có thể kiếm sống ngoài việc nhận làm nữ gia sư, mà đối với vị trí đó cô ta thường là không phù hợp do tính cách và giáo dục, hay mong muốn giáo dục.” {XXXI}. Câu này được viết năm 1859 - chưa đầy một trăm năm trước. Điều đó lý giải cho khoảng trống trên những kệ sách của bà. Không có phụ nữ có chuyên môn nào, trừ những nữ gia sư, để có những cuốn sách về cuộc đời của họ. Và cuộc đời của những nữ gia sư, nghĩa là những cuộc đời được ghi chép lại, có thể đếm được trên những ngón của một bàn tay. Vậy chúng ta có thể học được gì từ cuộc đời của những phụ nữ có chuyên môn từ việc nghiên cứu cuộc đời của những nữ gia sư? Hạnh phúc thay, những cái tủ sắt đang bắt đầu để lộ những bí mật xa xưa của chúng. Một ngày nọ, một tư liệu như thế được viết vào khoảng năm 1811 đã xuất hiện. Có vẻ như đã có một cô Wheeton vô danh nào đó, người đã viết ra những ý nghĩ của mình về cuộc sống chuyên môn trong số những điều khác khi các học trò của cô đã lên giường. Đây là một ý nghĩ như thế: “Ôi! Mình khao khát biết bao được học tiếng Latin, các môn nghệ thuật, các môn khoa học, bất cứ thứ gì khác với con đường tẻ ngắt đều đều của việc may vá, dạy học, viết những bản sao và rửa chén bát hàng ngày... Vì sao nữ giới không được phép nghiên cứu vật lý, thần học, thiên văn học, vân vân, với những người dự học, hóa học, sinh học, logic, toán học...?” {XXXII}. Nhận định này về cuộc sống của những nữ gia sư, câu hỏi đó từ đôi môi của những nữ gia sư, vươn tới chúng ta từ bóng tối. Nó còn có tính soi sáng nữa. Nhưng chúng ta hãy tiếp tục thăm

dò; chúng ta hãy thu nhặt một gợi ý ở nơi này nơi khác về những nghề nghiệp chuyên môn được thực hành bởi những phụ nữ hồi thế kỷ 19. Kể đến chúng ta tìm thấy Anne Clough, em gái của Arthur Clough, học trò của Tiến sĩ Arnold, Thành viên nhóm học giả của trường Oriel, người mà, dù bà phục vụ không lương, từng đảm trách chức vụ hiệu trưởng đầu tiên của trường Newnham, và do vậy có thể được gọi là một phụ nữ có chuyên môn ở thời kỳ phôi thai - chúng ta nhận thấy bà ta đã rèn luyện chuyên môn cho mình bằng cách ‘làm nhiều việc nội trợ’... ‘kiếm tiền để chi trả những khoản mà bạn hữu của họ đã cho vay’, “buộc phải cho thuê nhà để duy trì một ngôi trường nhỏ”, đọc những cuốn sách mà anh bà cho mượn, và cảm thán: ‘Nếu tôi là một người đàn ông, tôi sẽ không làm việc để trở nên giàu có, danh vọng hay để bỏ lại sau lưng mình một gia đình giàu có. Không, tôi nghĩ tôi sẽ làm việc cho đất nước tôi, và biến nhân dân thành người thừa kế của tôi.’ {XXXIII}. Đường như những phụ nữ ở thế kỷ 19 không phải là không có tham vọng. Kể đến chúng ta tìm thấy Josephine Butler, người mà, dù không phát biểu nghiêm khắc với tư cách một phụ nữ có nghề chuyên môn, đã dẫn dắt chiến dịch chống Đạo luật về các bệnh truyền nhiễm^[14] tới thắng lợi, sau đó là chiến dịch chống việc mua bán trẻ em “vì những mục đích bỉ ổi” - chúng ta phát hiện ra rằng Josephine Butler khước từ việc viết lại cuộc đời của bà, và nói về những phụ nữ đã từng giúp bà trong các chiến dịch đó: ‘Sự vắng mặt tốt cùng trong họ đối với bất kỳ ao ước được công nhận nào, đối với bất kỳ dấu tích của sự tự cao tự đại dưới bất kỳ hình thức nào, đáng được nhắc tới. Trong sự thuần khiết của những động cơ của họ, họ tỏa sáng “trong treo như pha lê.” {XXXIV}. Vậy, đó là một trong những phẩm chất mà người phụ nữ thời Victoria này đã ca tụng và thực hành - một phẩm chất tiêu cực, điều đó đúng; không muốn được công nhận; không muốn tỏ ra tự cao tự đại; thực hiện công việc vì chính bản thân việc thực hiện công việc đó. {XXXV}. Một đóng góp thú vị cho ngành tâm lý học theo cách của nó. Và rồi chúng ta tới gần hơn với thời đại của chính chúng ta; chúng ta tìm thấy Gertrude Bell, người mà, dù công việc ngoại giao đã và đang buộc những phụ nữ phải câm nín, đã chiếm một vị trí ở Đông phương khiến bà được tôn xưng là một nhà ngoại giao giả hiệu - chúng ta kinh ngạc khi phát hiện thêm rằng ‘Gertrude không bao giờ ra khỏi nhà ở London mà không có một người bạn nữ, hay, nếu không làm được điều đó, thì với một người hầu nữ.’ {XXXVI}... khi đối với Gerrude có vẻ như không thể tránh khỏi việc phải ngồi xe ngựa với một người đàn ông trẻ từ một buổi tiệc này tới một buổi tiệc khác, bà cảm thấy buộc phải viết và thú nhận nó với mẹ tôi.’ {XXXVII}.

Vậy ra họ là những phụ nữ trinh bạch, những nhà nữ ngoại giao giả hiệu hồi thời Victoria? Và không chỉ ở cơ thể; mà còn ở tâm hồn. {XXXXVIII} Gertrude không được phép đọc cuốn *Tông đồ* của Bourget vì e rằng sẽ nhiễm phải bất kỳ chứng bệnh nào mà cuốn sách đó có thể gieo rắc. Không thỏa mãn nhưng đầy tham vọng, đầy tham vọng nhưng khắc khổ, trinh bạch nhưng mạo hiểm - đó là một số trong số các phẩm chất mà chúng ta đã phát hiện. Nhưng chúng ta hãy tiếp tục tìm xem - nếu không phải ở những dòng, thì là giữa những dòng tiểu sử. Và chúng ta tìm thấy, giữa những dòng tiểu sử của chồng họ, rất nhiều phụ nữ đang thực hành - nhưng chúng ta sẽ gọi thứ nghề bao gồm việc đưa chín hay mười đứa trẻ con vào cõi đời này, thứ nghề bao gồm việc điều hành một ngôi nhà, chăm sóc một người bệnh tật, thăm viếng những người nghèo và đau ốm, chăm sóc nơi này một cha già, nơi nọ một mẹ già là gì? - không có cái tên nào và không có khoản tiền nào trả cho nghề nghiệp đó; nhưng chúng ta tìm thấy nhiều bà mẹ, các cô chị em gái và con gái của những người đàn ông trí thức thực hành nó hồi thế kỷ 19 đến độ chúng ta phải dồn thành đồng họ và cuộc đời của họ vào phía sau cuộc đời của những ông chồng và những anh em của họ và để mặc họ chuyển giao thông điệp của mình cho những ai có thì giờ để trích dẫn nó và có trí tưởng tượng để giải mã chúng. Vậy tự bản thân chúng ta, những kẻ mà theo gợi ý của bà đang chịu áp lực của thời gian, hãy tổng kết những gợi ý và phản ánh ngẫu nhiên này về đời sống nghề nghiệp của phụ nữ ở thế kỷ mười chín bằng cách trích dẫn thêm lần nữa những lời vô cùng hệ trọng của một phụ nữ vốn không phải là người có nghề nghiệp chuyên môn theo ý nghĩa nghiêm mật của từ này nhưng lại có một thứ thanh danh khó tả với tư cách là một khách du hành - Mary Kingsley:

“Tôi không biết đã bao giờ tôi tiết lộ với bạn sự thật rằng được phép học tiếng Đức là **TẤT CẢ** nền học vấn phải trả tiền mà tôi từng có hay chưa. Tôi đã tiêu của em tôi hai ngàn bảng mà tôi vẫn hy vọng là không uổng phí.”

Phát biểu đó có tính chất gợi ý đến độ nó có thể giúp chúng ta không phải bận tâm dò dẫm kiếm tìm giữa những dòng chữ về cuộc sống của những người đàn ông có nghề chuyên môn cuộc sống của những chị em gái họ. Nếu chúng ta phát triển các gợi ý trong phát biểu đó, và kết nối nó với những gợi ý và đoạn văn khác mà chúng ta đã phát hiện được, chúng ta có thể đi tới một lý thuyết hay quan điểm có thể giúp chúng ta giải đáp câu hỏi rất khó hiện đang đối mặt với chúng ta. Vì khi Mary Kingsley nói: “...được phép học tiếng Đức là **TẤT CẢ** nền học vấn phải trả tiền mà tôi từng có,”

bà gợi ý tới một nền học vấn không phải trả tiền. Những cuộc đời khác mà chúng ta đã và đang kiểm chứng củng cố cho gợi ý đó. Vậy thì bản chất của “nền học vấn không phải trả tiền” mà dù tốt dù xấu đã là của chúng ta suốt nhiều thế kỷ đó là gì? Nếu chúng ta tập hợp cuộc đời của những kẻ vô danh sau bốn cuộc đời không hề vô danh mà lại thành đạt và nổi bật đến độ họ đã thật sự được viết về, cuộc đời của Florence Nightingale, Cô Clough, Mary Kingsley và Gestrude Bell, dường như không thể chối bỏ được rằng tất cả bọn họ đều được giáo dục bởi cùng những vị thầy. Và những vị thầy đó, như tiểu sử cho thấy, một cách quanh co và gián tiếp, nhưng dù sao cũng rõ ràng và hiển nhiên, là sự nghèo khổ, sự trong trắng, sự nhạo báng, và - nhưng từ nào diễn tả nổi “sự thiếu các quyền và đặc quyền”? Chúng ta có nên dùng tới cái từ xưa cũ “tự do” không nhỉ? “Tự do thoát khỏi những lòng trung thành không có thật”, do vậy, là vị thầy thứ tư của họ; sự tự do thoát khỏi lòng trung thành với những trường trung học xưa cũ, những trường cao đẳng xưa cũ, những giáo đường xưa cũ, những nghi thức xưa cũ, những đất nước xưa cũ mà tất cả những người phụ nữ đó thụ hưởng, và ở một mức độ lớn lao, chúng ta vẫn còn thụ hưởng theo luật pháp và tập quán của nước Anh. Chúng ta không có thời gian để đặt ra những từ mới, dù ngôn ngữ rất cần tới chúng. Vậy hãy để cụm từ “thoát khỏi những lòng trung thành không có thật” đại diện cho vị thầy vĩ đại thứ tư của con gái của những người đàn ông trí thức.

“Như vậy, tiểu sử cung cấp cho chúng ta thực tế rằng con gái của những người đàn ông trí thức nhận được một nền giáo dục không phải trả tiền từ bàn tay của sự nghèo khổ, sự trong trắng, sự nhạo báng và sự thoát khỏi những lòng trung thành không có thật. Tiểu sử cho chúng ta biết chính nền giáo dục không phải trả tiền này đã gắn họ, khá là thích đáng, với những nghề nghiệp không lương. Và tiểu sử cũng cho chúng ta biết những nghề nghiệp không lương đó cũng có luật pháp, truyền thống và lực lượng lao động của chúng không thua kém chi những nghề nghiệp có lương. Hơn nữa, sinh viên ngành tiểu sử không thể ngờ vực từ chứng cứ của tiểu sử rằng nền giáo dục này và những nghề này tệ hại đến cực độ theo nhiều cách, cả đối với bản thân những người không được trả lương và con cháu họ. Sự sinh đẻ tập trung của bà vợ không lương, sự kiếm tiền tập trung của ông chồng có lương hồi thời Victoria có những hậu quả kinh khủng, chúng ta không thể ngờ vực, lên tâm trí và cơ thể của thời hiện đại. Để chứng minh điều này chúng ta không cần trích dẫn một lần nữa đoạn văn lừng lẫy mà trong đó Florence Nightingale đã tố giác giáo dục và những kết quả của nó; hay nhấn mạnh sự vui sướng tự nhiên khi bà chào mừng cuộc chiến Crimean; hay minh họa từ những nguồn khác - ái chà, chúng nhiều vô số - sự trống rỗng, sự nhỏ nhen, sự thù hằn ác ý, sự chuyên chế, sự đạo đức giả, sự vô luân mà

nó sinh ra như cuộc đời của cả hai giới tính đã chứng thực một cách thừa thãi. Ở bất cứ giá nào, chứng cứ chung cuộc của sự áp chế của nó lên một giới tính có thể tìm thấy trong những biên niên sử về “cuộc chiến vĩ đại” của chúng ta, khi những bệnh viện, những đồng lúa và các công việc chế tạo đạn dược được cung cấp nhân sự một cách rộng rãi bởi những người bị nạn bay từ những cảnh tượng kinh hoàng của nó tới nơi tương đối tiện nghi của họ.

“Nhưng tiểu sử có nhiều mặt; tiểu sử không bao giờ đưa ra một giải đáp độc nhất và giản đơn cho bất kỳ câu hỏi nào được đặt ra với nó. Do vậy tiểu sử của những ai có tiểu sử - như Florence Nightingale, Anne Clough, Emily Brontë, Christina Rossetti, Mary Kingsley - chứng minh không chút ngờ vực rằng chính nền giáo dục không phải trả tiền này phải có những phẩm chất lớn cũng như những nhược điểm lớn, bởi chúng ta không thể chối bỏ rằng những người này, nếu không có học vấn, vẫn là những phụ nữ văn minh. Chúng ta không thể, khi xét tới cuộc đời của những người mẹ và người bà thiếu học vấn của chúng ta, phán xét nền giáo dục một cách giản đơn bằng quyền lực để “nhận được sự bổ nhiệm”, để được vinh danh, để kiếm tiền của nó. Nếu trung thực, chúng ta phải thừa nhận rằng những kẻ có một học vấn không phải trả tiền, không được hưởng lương và không được bổ nhiệm là những con người văn minh - họ có thể được gọi một cách đúng đắn là “phụ nữ Anh” hay chẳng là một vấn đề để tranh luận; và do vậy thừa nhận rằng chúng ta phải cực kỳ ngu xuẩn nếu vứt bỏ những kết quả của nền học vấn đó hay từ bỏ kiến thức mà chúng ta thu đắc từ nó vì bất kỳ sự mua chuộc hay tưởng thưởng nào. Như vậy tiểu sử, khi được hỏi câu hỏi mà chúng ta đặt ra - làm thế nào chúng ta có thể thâm nhập vào những nghề nghiệp chuyên môn nhưng vẫn là những con người văn minh, những con người ngăn cản chiến tranh, có lẽ sẽ đáp rằng: Nếu bạn khước từ việc bị tách rời khỏi bốn vị thầy vĩ đại của con gái của những người đàn ông trí thức - sự nghèo khổ, sự trong trắng, sự nhạo báng và sự thoát khỏi những lòng trung thành không có thật - mà kết hợp chúng với một sản nghiệp, một kiến thức và một sự phục vụ nào đó với những lòng trung thành có thật thì khi đó bạn có thể thâm nhập vào các nghề chuyên môn và thoát khỏi những nguy cơ mà có thể khiến cho chúng trở nên rắc rối.

“Đó chính là giải đáp của lời tiên tri, đó chính là những điều kiện gắn liền với đồng ghi-nê này. Bà sẽ có nó, nói tóm lại, với điều kiện là bà giúp đỡ cho tất cả mọi người có phẩm chất đúng đắn, thuộc bất kỳ giới tính, giai cấp hay màu da nào, để thâm nhập vào nghề chuyên môn của bà; và hơn thế, với điều kiện là trong khi thực hành nghề chuyên môn của mình, bà khước từ việc bị tách rời khỏi sự nghèo khổ, sự trong trắng, sự nhạo báng và sự

thoát khỏi những lòng trung thành không có thật. Giờ đây phát biểu có tích cực hơn không, các điều kiện có được làm rõ hơn không, và bà có đồng ý với những điều kiện đó không? Bà lưỡng lự. Một số điều kiện, có vẻ như bà đề nghị, cần được thảo luận thêm. Vậy thì chúng ta hãy thảo luận chúng theo thứ tự.

Vượt qua sự nghèo khổ nghĩa là có đủ tiền sinh sống. Tức là bà phải kiếm đủ tiền để trở nên độc lập với bất kỳ con người nào và để mua chút ít sức khỏe, lạc thú, kiến thức, vân vân... cần thiết cho sự phát triển toàn vẹn của cơ thể và tâm trí. Nhưng không hơn. Không hơn một xu.

“Vượt qua sự trong trắng nghĩa là khi bà kiếm đủ tiền để sống bằng nghề chuyên môn bà phải khước từ bán trí óc của mình vì tiền. Tức là bà phải ngưng thực hành nghề nghiệp của bà, hoặc thực hành nó vì công cuộc nghiên cứu và thực nghiệm; hoặc, nếu bà là một nghệ sĩ, thì vì nghệ thuật; hoặc trao tặng kiến thức chuyên môn đã thu đắc cho những người cần tới nó không vì thứ gì cả. Nhưng ngay lập tức, cây dâu bắt đầu phá vỡ cái vòng tròn của bà. Hãy ném vào cây dâu những tiếng cười.

“Vượt qua sự nhạo báng - một từ không tốt đẹp, nhưng một lần nữa ngôn ngữ Anh rất cần tới những từ mới - nghĩa là bà phải khước từ mọi phương thức quảng cáo công trạng, và tâm niệm rằng sự chế nhạo, sự vô danh và sự chỉ trích thì thích hợp hơn, vì những nguyên do tâm lý, đối với danh vọng và sự ca tụng. Hãy lập tức ném trả vào mặt của người trao tặng những huy hiệu, những mệnh lệnh hay học vị mà bà nhận được.

“Vượt qua sự thoát khỏi những lòng trung thành không có thật nghĩa là bà phải tự vất bỏ đầu tiên là lòng tự hào và quốc tịch; và cả lòng tự hào về tôn giáo, lòng tự hào về trường cao đẳng, lòng tự hào về trường trung học, lòng tự hào về gia đình, lòng tự hào về giới tính và những thứ trung thành không có thật nảy sinh từ chúng. Ngay lập tức, những kẻ cám dỗ xuất hiện với những thứ cám dỗ của họ để mua chuộc, đẩy bà vào tình trạng bị câu thúc, hãy xé toang những tờ giấy da dê; khước từ việc điền vào những mẫu đơn.

“Và nếu bà vẫn phản đối rằng những định nghĩa này vừa quá tùy tiện vừa quá chung chung, và hỏi một kẻ bất kỳ nào đó có thể nói cần có bao nhiêu tiền và bao nhiêu kiến thức cho sự phát triển toàn vẹn của cơ thể và tâm trí, và những lòng trung thành thật sự mà chúng ta phải bảo tồn là gì, những lòng trung thành không có thật mà chúng ta phải khinh miệt là gì. Tôi chỉ có thể chỉ dẫn bà tới hai thứ có thẩm quyền chuyên môn - do thời gian thúc ép. Một thứ khá là quen thuộc. Đó là cái thước đo tâm lý bà đeo trên cổ tay mình, cái thiết bị nho nhỏ mà bà cấy vào nó trong mọi quan hệ cá nhân.

Nếu nó hữu hình, trông nó sẽ giống như một cái nhiệt kế. Nó có một mạch thủy ngân ở bên trong và mạch này bị tác động bởi bất kỳ cơ thể hay linh hồn, ngôi nhà hay xã hội nào mà trước sự hiện diện của những thứ đó nó được phơi bày ra. Nếu bà muốn tìm xem giàu có tới mức nào là đáng ước ao, hãy phơi bày nó trước sự hiện diện của một người giàu có; học tập tới mức nào là đáng ước ao, phơi bày nó trước sự hiện diện của một người trí thức. Cũng thế với lòng ái quốc, tôn giáo và các thứ còn lại. Cuộc đối thoại không cần phải bị cắt ngang trong khi bà tham khảo nó; sự thoải mái của nó cũng không bị quấy rầy chút nào. Nhưng nếu bà phản đối rằng đây là một phương thức quá cá nhân và có khả năng sai lầm để áp dụng mà không tạo ra nguy cơ hay lầm lỗi, khi chứng kiến thực tế rằng cái thước đo tâm lý riêng tư này đã dẫn tới nhiều cuộc hôn nhân bất hạnh và những tình bạn tan vỡ, vậy thì có một thứ có đầy đủ thẩm quyền khác mà hiện khá dễ dàng nằm trong tầm tay của ngay cả kẻ nghèo nhất trong số những cô con gái của những người đàn ông trí thức. Cứ tới những phòng trưng bày mỹ thuật công cộng và nhìn những bức tranh; mở radio và cào âm nhạc từ không trung xuống; vào bất kỳ thư viện công cộng nào hiện miễn phí cho tất cả. Ở đó bà có thể tham khảo những phát hiện của cái thước đo tâm lý công cộng. Xin đơn cử một ví dụ, vì chúng ta không có thời gian. vở bi kịch Antigone của Sophocles từng được dịch sang văn xuôi hay văn vần tiếng Anh bởi một người có cái tên phi vật chất.[{XXXIX}](#) Hãy xét tới nhân vật Creon. Ở đó bà có một phân tích sâu sắc nhất của một nhà thơ, vốn là một nhà tâm lý học trong hành động, về tác động của quyền lực và của cải lên linh hồn. Hãy xét tới lời yêu sách sự thống trị tuyệt đối đối với những thần dân của Creon. Đó là một phân tích mang tính hướng dẫn về sự chuyên chế sâu xa hơn phân tích của bất kỳ chính trị nào đưa ra cho chúng ta. Bà muốn biết đâu là những lòng trung thành không có thật mà chúng ta phải khinh miệt, đâu là những lòng trung thành thật sự mà chúng ta phải tôn vinh? Hãy xét tới sự phân biệt giữa các luật pháp và Luật của vở Antigone. Đó là một phát biểu sâu sắc về các bổn phận của cá nhân đối với xã hội cao xa hơn phân tích của bất kỳ nhà xã hội học nào có thể đưa ra cho chúng ta. Què quặt như bản dịch tiếng Anh, năm từ của Antigone cũng còn xứng đáng hơn mọi bài thuyết giáo của mọi tổng giám mục.[{XXXX}](#) Nhưng bàn luận sâu hơn sẽ là xác xược. Phán xét riêng tư vẫn tự do trong sự riêng tư và sự tự do đó là bản chất của sự tự do.

“Với số còn lại, dù các điều kiện có thể có vẻ nhiều và đồng ghi-nê, ái chà, chỉ có một, chúng không dành cho phần lớn nhất vì mọi sự hiện tại rất khó mà thành tựu. Với ngoại lệ của điều đầu tiên - rằng chúng ta phải kiếm đủ tiền để sống - chúng bảo đảm cho chúng ta một cách rộng rãi bởi luật pháp của nước Anh. Theo luật pháp Anh, chúng ta không thừa kế những tài sản lớn; luật pháp Anh khước từ chúng ta, và chúng ta hãy hy vọng nó còn tiếp tục khước từ chúng ta dài dài, một vết nhơ hoàn hảo của quốc tịch. Vậy thì chắc chắn là chúng ta không còn ngờ vực gì rằng những những người anh em của chúng ta sẽ cung cấp cho chúng ta trong nhiều thế kỷ sắp tới, như họ từng làm suốt nhiều thế kỷ qua, với thứ rất then chốt đối với sự đúng mực, và vô giá trong việc ngăn cản những tội ác lớn hiện đại của tính phù hoa, tự cao tự đại, hoang tưởng - nghĩa là sự nhạo báng, sự chỉ trích và khinh miệt. {XXXXX}. Và chừng nào Giáo hội Anh còn từ chối sự phục vụ của chúng ta - có thể nó còn loại trừ chúng ta dài dài! - và những trường trung học và cao đẳng cổ xưa khước từ không cho chúng ta một phần chia của những tài sản hiến tặng và đặc quyền của chúng, chúng ta sẽ được miễn trừ mà không gặp bất kỳ rắc rối nào về phần chúng ta từ những lòng trung thành mà những tài sản hiến tặng và đặc quyền cụ thể đó mang tới. Ngoài ra, thừa bà, những truyền thống của ngôi nhà riêng, cái ký ức do tổ tiên truyền lại vốn nằm sau lưng khoảnh khắc hiện tại đó, đang có mặt tại đó để giúp bà. Chúng ta đã nhìn thấy trong những trích dẫn đưa ra bên trên về việc sự trong trắng, sự trong trắng cơ thể, đóng vai trò lớn lao thế nào trong nền giáo dục không phải trả tiền của giới tính chúng ta. Sẽ không khó mấy trong việc chuyển hóa lý tưởng xưa cũ về sự trong trắng cơ thể thành lý tưởng mới về sự trong trắng tinh thần - để cho rằng nếu việc bán thân vì tiền là sai thì sẽ còn sai trái hơn nữa khi bán tâm trí để lấy tiền, vì tâm trí, thiên hạ bảo, cao quý hơn thân thể. Vậy một lần nữa, phải chăng chúng ta không được củng cố vững mạnh trong việc chống lại những cám dỗ của cái có quyền lực nhất trong mọi thứ cám dỗ - tiền - bởi cùng những truyền thống đó? Vì đã bao nhiêu thế kỷ chúng ta không hưởng thụ cái quyền làm việc suốt ngày và mỗi ngày vì 40 bảng một năm cộng thêm ăn ở? Và phải chăng Whitaker đã không chứng minh rằng phân nửa số công việc của con gái những người đàn ông trí thức vẫn còn là công việc không lương? Cuối cùng, danh dự, danh vọng, hệ quả - phải chăng chúng ta khó mà cưỡng lại sự cám dỗ đó, chúng ta, những kẻ đã lao động suốt nhiều thế kỷ mà không có thứ danh dự nào ngoài cái được phản ánh từ những mũ miện và huy hiệu trên đầu và trên ngực của cha hoặc chồng chúng ta?

“Như vậy, với luật pháp và tài sản đứng về phía chúng ta, và ký ức lưu truyền từ tổ tiên dẫn dắt chúng ta, không cần phải tranh luận thêm nữa; bà sẽ đồng ý rằng những điều kiện mà dựa vào đó đồng ghi-nê này thuộc về bà, với ngoại lệ của điều kiện đầu tiên, là tương đối dễ thực hiện. Chúng chỉ đơn giản đòi hỏi rằng bà phải phát triển, bổ sung và chỉ đạo thông qua những phát hiện của hai thước đo tâm lý những truyền thống và nền giáo dục của ngôi nhà riêng vốn đã tồn tại suốt 2000 năm qua. Và nếu bà sẽ đồng ý làm điều đó, vụ mặc cả của chúng ta có thể kết thúc. Khi ấy số ghi-nê dùng để trả tiền thuê nhà bà là của bà - nó sẽ là một ngàn! Bởi nếu bà đồng ý những điều khoản này, bà có thể tham gia vào các nghề chuyên môn thể nhưng vẫn không bị chúng làm cho ô uế; bà có thể trục xuất tính ích kỷ, tính ganh tị, tính gây hấn, tính tham lam của chúng. Bà có thể sử dụng chúng để có một tâm trí riêng và ý chí riêng. Và bà có thể sử dụng tâm trí và ý chí đó để xóa bỏ sự vô nhân đạo, sự tham lam vô độ, sự kinh hoàng, sự điên rồ của chiến tranh. Vậy hãy nhận đồng ghi-nê này và sử dụng nó, không phải để thiêu rụi ngôi nhà, mà để làm cho những ô cửa sổ của nó sáng bừng lên. Và hãy để cho con gái của những người phụ nữ thiếu giáo dục nhảy múa xung quanh ngôi nhà mới, ngôi nhà nghèo nàn, ngôi nhà nằm trên một đường phố hẹp nơi những chiếc xe buýt hai tầng chạy qua và những người bán rong cất tiếng rao hàng, và hãy để họ hát ca, ‘Chúng ta đã xong việc với chiến tranh! Chúng ta đã xong việc với sự chuyên chế!’ Và mẹ của họ sẽ cất tiếng cười từ những năm mộ, ‘Chỉ vì điều này mà chúng tôi đã gánh chịu sự lãng nhục và khinh miệt! Hãy thả sáng những ô cửa sổ của ngôi nhà mới, các con gái! Hãy làm cho chúng sáng bừng lên!’

“Vậy thì đó là những điều khoản mà dựa vào đó tôi trao cho bà đồng ghi-nê này để bà giúp con gái của những người phụ nữ thiếu giáo dục thâm nhập vào các nghề chuyên môn. Và bằng cách rút ngắn đoạn kết bài diễn văn, chúng ta hãy hy vọng rằng bà sẽ có thể kết thúc các chi tiết cho cửa hàng phúc thiện của bà, chuẩn bị con thỏ rừng và bình cà phê, và đón tiếp Tôn ông cao quý Sampson Legend, O.M., K.C.B., LL.D., D.C.L., P.C., vân vân, với dáng vẻ tươi cười tôn trọng vốn thích hợp với con gái của một người đàn ông trí thức khi anh trai của cô ta hiện diện.”

Thế đấy, thưa ông, đó là lá thư cuối cùng gửi cho vị thủ quỹ danh dự của hội để giúp đỡ con gái của những người đàn ông trí thức thâm nhập vào các nghề chuyên môn. Đó là những điều kiện mà dựa vào đó bà ta sẽ có đồng ghi-nê của mình. Chúng đã được ấn định, càng sâu xa càng tốt, để đảm bảo rằng bà ta sẽ làm tất cả những gì một đồng ghi-nê có thể buộc bà ta phải làm để giúp ông ngăn chặn chiến tranh. Những điều kiện này có được đặt ra một cách đúng đắn hay không, ai mà nói được? Nhưng như ông sẽ thấy, cần

thiết phải trả lời lá thư của bà ta và lá thư của vị thủ quỹ danh dự của quỹ tái thiết trường cao đẳng, và gửi cho cả hai người bọn họ những đồng ghi-nê trước khi trả lời thư của ông, bởi lẽ trừ phi họ được giúp đỡ, trước hết là để giáo dục con gái của những người đàn ông trí thức, sau nữa là để họ kiếm sống bằng những nghề chuyên môn, những cô con gái đó không thể thủ đắc một sự độc lập và một tầm ảnh hưởng bất vụ lợi mà nhờ đó sẽ giúp ông ngăn chặn chiến tranh. Các nguyên do dường như đã được kết nối. Nhưng sau khi đã chỉ ra điều này với khả năng cao nhất của chúng ta, chúng ta hãy quay lại với lá thư của ông và yêu cầu của ông về việc quyên góp cho hội của chính ông.

PHẦN BA

Vậy đây là lá thư của chính ông. Trong đó, như chúng ta đã thấy, sau khi đề nghị góp ý về cách ngăn chặn chiến tranh, ông tiếp tục đề nghị các biện pháp thực hành cụ thể mà nhờ đó chúng tôi có thể giúp ông ngăn chặn nó. Đó là dường như chúng tôi nên ký một bản tuyên ngôn, cam kết sẽ “bảo vệ văn hóa và tự do trí tuệ”⁽¹⁾; rằng chúng tôi nên gia nhập một hiệp hội cụ thể, cống hiến những biện pháp cụ thể nhằm mục đích gìn giữ hòa bình; và, cuối cùng, rằng chúng tôi nên đóng góp cho hiệp hội đó, vốn cũng giống như các hiệp hội khác, đang cần có ngân sách.

Thế thì trước hết chúng ta hãy xét xem chúng tôi có thể giúp ông ngăn chặn chiến tranh bằng cách bảo vệ văn hóa và tự do trí tuệ như thế nào, vì ông bảo đảm với chúng tôi rằng có một sự nối kết giữa những từ khá trừu tượng đó và những tấm ảnh rất xác thực này - những tấm ảnh về những thi thể và những ngôi nhà đổ nát.

Nhưng nếu việc được đề nghị góp ý về cách thức ngăn chặn chiến tranh là điều đáng ngạc nhiên; thậm chí còn đáng ngạc nhiên hơn khi được yêu cầu giúp ông trong những thuật ngữ khá trừu tượng của tuyên ngôn của ông nhằm bảo vệ văn hóa và tự do trí tuệ. Hãy xét xem, thưa ông, dưới ánh sáng của những thực tế đã đưa ra bên trên, yêu cầu của ông có ý nghĩa gì. Nó có nghĩa rằng trong năm 1938, con trai của những người đàn ông trí thức đang yêu cầu các cô con gái giúp họ bảo vệ văn hóa và tự do trí tuệ. Và tại sao, ông có thể hỏi, điều đó lại đáng ngạc nhiên đến thế? Hãy giả sử rằng Công tước xứ Devonshire, trong lễ phục mũ miện của mình, bước vào bếp và nói với nàng hầu đang lột vỏ khoai tây với một vết bẩn trên má: “Hãy ngưng lột vỏ khoai đi, Mary, và giúp tôi phân tích cái đoạn khá khó hiểu này trong cuốn thơ Pindar^[15], lẽ nào Mary không kinh ngạc và vừa hét toáng lên vừa chạy tới chỗ đầu bếp Louisa, “Chúa ơi, Louie, hẳn là ông chủ điên rồi!” Đó, hoặc đại loại như thế, là tiếng kêu thoát ra từ đôi môi chúng tôi khi các cậu con trai của những người đàn ông trí thức yêu cầu chúng tôi, chị em gái của họ, bảo vệ tự do trí tuệ và văn hóa. Nhưng chúng ta hãy cố diễn dịch tiếng kêu của nàng hầu bếp sang ngôn ngữ của người trí thức.

Một lần nữa chúng tôi cầu xin ông, thưa ông, hãy nhìn từ góc độ của chúng tôi, từ quan điểm của chúng tôi, vào Quỹ giáo dục Arthur. Hãy cố lần nữa, dù nó khó khăn, quay đầu ông về hướng đó, để hiểu rằng đối với

chúng tôi việc giữ cho các kho chứa đó luôn đầy trong suốt bao nhiêu thế kỷ để cho khoảng 10.000 anh em trai của chúng tôi có thể được giáo dục hàng năm ở Oxford và Cambridge khó khăn như thế nào. Nó có nghĩa rằng chúng tôi đã cống hiến cho chính nghĩa của văn hóa và tự do trí tuệ nhiều hơn bất cứ tầng lớp nào khác trong cộng đồng. Vì không phải các cô con gái của những người đàn ông trí thức đã thanh toán cho Quỹ giáo dục Arthur từ năm 1262 tới năm 1879 tất cả số tiền cần thiết cho học vấn của chính họ, giảm bớt những khoản tiền khốn khổ để trả cho nữ gia sư, giáo viên tiếng Đức, và vũ sư đó hay sao? Không phải họ đã chi trả với chính học vấn của họ cho trường Eton và Harrow, Oxford và Cambridge, và toàn bộ những trường trung học và đại học lớn trên lục địa - trường Sorbonne và Heidelberg, Salamanca và Padua và Rome hay sao? Không phải họ đã chi trả rất hào phóng hay nếu nói một cách gián tiếp là phung phí đến mức rất cuộc, vào thế kỷ 19, khi họ đã giành được cái quyền có một nền giáo dục phải trả tiền cho chính họ, không có đến một phụ nữ duy nhất nào tiếp nhận đủ nền giáo dục phải trả tiền để có khả năng dạy họ hay sao?(II) Và hiện nay, vô cùng đột ngột, chỉ vừa khi họ đang hy vọng rằng họ có thể đánh cắp không chỉ một phần nhỏ của nền giáo dục đại học đó cho chính họ mà cả một số thứ kèm theo - du lịch, lạc thú, tự do, thì lá thư của ông ở đây thông báo với họ rằng cái khoản tiền to ấy, khoản tiền như trong mơ ấy - dù được tính một cách trực tiếp bằng tiền mặt hay một cách gián tiếp trong những điều đã thực hiện, cái khoản trút đầy cho Quỹ giáo dục Arthur là rất lớn - đã bị lãng phí hay sử dụng sai. Các trường đại học Oxford và Cambridge được thành lập vì mục đích gì ngoài việc bảo vệ văn hóa và tự do trí tuệ? Vì đối tượng nào mà các chị em gái của ông bước ra không hề có học vấn hay du lịch hay những thứ xa hoa cho chính họ ngoại trừ với số tiền dành dụm để các anh em trai của họ được tới các trường trung học và đại học và học cách bảo vệ văn hóa và tự do trí tuệ ở đó? Nhưng giờ đây, vì ông tuyên bố họ đang gặp nguy nan và yêu cầu chúng tôi chúng tôi bổ sung giọng của chúng tôi vào giọng của các ông, và bổ sung đồng sáu xu của chúng tôi vào đồng ghi-nê của ông, chúng tôi phải giả đoán rằng số tiền được dùng như thế đã bị lãng phí và các hiệp hội đó đã thất bại. Thế nhưng sự phản ánh phải đùng chạm, nếu những trường trung học và đại học tự thực với cơ cấu phức tạp để đào tạo tâm trí và rèn luyện cơ thể đã thất bại, còn có lý do gì để nghĩ rằng hiệp hội của ông, dù được bảo trợ bởi những cái tên lỗi lạc, sẽ thành công, hoặc rằng tuyên ngôn của ông, dù được ký bởi những cái tên thậm chí lỗi lạc hơn, sẽ tạo ra cải cách? Phải chăng trước khi

thuê một văn phòng, mượn một thư ký, bầu một ủy ban và cầu xin các ngân quỹ, ông nên xét xem vì sao những trường trung học và đại học đó thất bại?

Tuy nhiên, đó là một câu hỏi mà ông phải trả lời. Câu hỏi mà chúng tôi quan tâm là chúng tôi có thể cho ông sự trợ giúp khả dĩ nào để bảo vệ văn hóa và tự do trí tuệ - chúng tôi, những kẻ đã bị tống khứ khỏi các trường đại học hết lần này sang lần khác, và hiện giờ chỉ được phép một cách rất hạn chế; chúng tôi, những kẻ nhận được bất kỳ nền học vấn không phải trả tiền nào, ít đến độ chúng tôi chỉ có thể đọc thứ tiếng của chính mình và viết thứ chữ của chính mình, thật sự, chúng tôi không phải là những thành viên của giới trí thức mà của giới dốt nát? Để khẳng định chúng tôi bằng ước đoán khiêm tốn nhất về văn hóa của chúng tôi và để chứng minh rằng thật ra ông chia sẻ nó, có Whitaker với những thực tế của ông ta. Không có cô con gái nào của một người đàn ông trí thức được cho là có khả năng giảng dạy văn học của chính ngôn ngữ của mình ở trường đại học. Mà cả ý kiến của cô ta cũng không đáng để tham khảo, Whitaker thông báo với chúng ta, khi cần mua một bức tranh cho Phòng trưng bày mỹ thuật quốc gia, một bức chân dung cho Phòng trưng bày tranh chân dung hay một xác ướp cho Bảo tàng Anh Quốc. Vậy thì làm sao chúng tôi đáng để cho ông yêu cầu giúp bảo vệ văn hóa hay tự do trí tuệ khi mà, như Whitaker chứng minh với những thực tế lạnh lùng của ông ta, ông không có niềm tin rằng lời khuyên của chúng tôi là đáng giá khi cần tới việc chi tiêu tiền, món tiền mà chúng tôi đóng góp, để mua văn hóa và tự do trí tuệ cho quốc gia? Ông có tự hỏi rằng lời khen ngợi bất ngờ khiến chúng tôi rất đỗi ngạc nhiên hay không? Tuy nhiên, lá thư của ông năm đó. Cả trong lá thư đó cũng có những thực tế. Trong đó ông viết rằng chiến tranh sắp xảy ra; và ông tiếp tục nói rằng, bằng nhiều thứ ngôn ngữ - đây là phiên bản tiếng Pháp:^(III) “Seule la culture désintéressée peut garder le monde de sa ruine^[16]” - ông tiếp tục nói rằng bằng cách bảo vệ tự do trí tuệ và di sản văn hóa của mình, chúng tôi có thể giúp ông ngăn chặn chiến tranh. Và vì phát biểu đầu tiên ít nhất là không thể tranh cãi và bất kỳ nàng hầu bếp nào thậm chí nếu tiếng Pháp của cô ta kém cỏi cũng có thể đọc và hiểu ý nghĩa của “Đề phòng máy bay oanh tạc” khi được viết bằng những chữ to trên một bức tường trống, chúng tôi không thể làm ngơ yêu cầu của ông dựa vào cố dốt nát hay giữ im lặng dựa vào cố khiêm tốn. Như bất kỳ nàng hầu bếp nào cũng sẽ cố gắng phân tích một đoạn thơ trong cuốn thơ Pindar nếu người ta bảo rằng cuộc đời của cô ta tùy thuộc vào nó, thế nên con gái của những người đàn ông trí thức, dù học vấn

của họ ít tới đâu, phải xét xem họ có thể làm gì để bảo vệ văn hóa và tự do trí tuệ nếu bằng cách làm điều đó họ có thể giúp ông ngăn chặn chiến tranh. Vì vậy, với mọi phương tiện trong khả năng của mình, chúng ta hãy kiểm chứng biện pháp xa hơn để giúp ông này, và để xem coi, trước khi chúng tôi xét tới yêu cầu của ông rằng chúng tôi nên gia nhập hiệp hội của ông, chúng tôi có thể ký bản tuyên ngôn ủng hộ văn hóa và tự do trí tuệ này với dự định duy trì thế giới của chúng ta hay không.

Thế thì ý nghĩa của những từ khá trừu tượng đó là gì? Nếu chúng tôi sẽ giúp ông bảo vệ chúng, tốt nhất là định nghĩa chúng ngay từ đầu. Nhưng như mọi vị thủ quỹ danh dự, ông bị thời gian thúc ép, và việc rong chơi qua nền văn học Anh để tìm kiếm một định nghĩa, dù có giá trị tiêu khiển thú vị theo cách thức của nó, có thể dẫn chúng ta đi xa. Vậy chúng ta hãy nhất trí, trong hiện tại, rằng chúng ta biết chúng là gì, và tập trung vào câu hỏi thực tế là chúng tôi có thể giúp ông bảo vệ chúng bằng cách nào. Hiện giờ tờ nhật báo với những thực tế sẵn có của nó đang nằm trên bàn; và một trích dẫn đơn lẻ từ nó có thể tiết kiệm thời gian và hạn chế rắc rối của chúng ta. “Hôm qua, trong một cuộc hội thảo của các hiệu trưởng, người ta đã quyết định rằng phụ nữ không thích hợp để làm giáo viên cho các cậu con trai trên tuổi mười bốn.” Thực tế đó ngay lập tức trợ giúp chúng ta ở đây, vì nó chứng minh rằng có những loại trợ giúp nhất định nằm ngoài tầm với của chúng tôi. Với chúng tôi, nỗ lực cải cách nền giáo dục của các anh em trai của chúng tôi ở các trường trung học và đại học tư thục sẽ là lời mời mọc một cơn mưa xác mèo chết, trứng thối và những cánh cổng vỡ toang mà chỉ có những kẻ bới rác và những tay thợ khóa là hưởng lợi từ đó, trong khi các quý ông có thẩm quyền, lịch sử bảo đảm với chúng ta, sẽ khảo sát sự hỗn loạn từ cửa sổ thư phòng của họ mà không cần nhắc những điều xì gà ra khỏi môi hay ngưng nhắm nháp, một cách chậm rãi như hương vị của nó xứng đáng, món rượu vang đỏ đáng ngưỡng mộ của họ.^(IV) Vậy thì bài học của lịch sử, được củng cố thêm bởi bài học của tờ nhật báo, lái chúng tôi tới một vị trí giới hạn hơn. Chúng tôi chỉ có thể giúp ông bảo vệ văn hóa và tự do trí tuệ bằng cách bảo vệ văn hóa của chính chúng tôi và tự do trí tuệ của chính chúng tôi. Nghĩa là, chúng tôi có thể gợi ý, nếu vị thủ quỹ của một trong các trường cao đẳng yêu cầu chúng tôi quyên góp, rằng một thay đổi nào đó có thể được thực hiện trong cái cơ thể lệ thuộc đó khi nó ngưng lệ thuộc; hay xin lập lại, nếu vị thủ quỹ của một hiệp hội nào đó với mục đích mang tới cho phụ nữ quyền được tuyển dụng vào các nghề nghiệp

chuyên môn yêu cầu chúng tôi đóng góp, đề nghị rằng một thay đổi nào đó có thể đáng ước ao, trong những lợi ích của văn hóa và tự do trí tuệ, trong sự thực hành các nghề nghiệp chuyên môn. Nhưng vì nền học vấn phải trả tiền vẫn còn thô sơ non trẻ, và vì số lượng những người được phép thụ hưởng nó ở Oxford và Cambridge vẫn còn bị giới hạn nghiêm ngặt, văn hóa cho đại đa số con gái của những người đàn ông trí thức vẫn phải là thứ văn hóa thủ đắc được ở phía ngoài những cánh cổng thiêng liêng, trong các thư viện công cộng hay thư viện riêng, nơi mà những cánh cửa của chúng còn bỏ ngỏ vì một sơ suất không thể lý giải nào đó. Nó vẫn phải, trong năm 1938, bao gồm một cách rộng rãi việc đọc và viết bằng ngôn ngữ của chính chúng tôi. Do vậy câu hỏi trở nên dễ xử lý hơn. Bị xén mất ánh hào quang của mình, nó trở nên dễ giải quyết hơn. Do vậy, điều mà chúng ta phải làm lúc này, thưa ông, là đặt câu hỏi đó trước con gái của những người đàn ông trí thức để yêu cầu họ giúp ông ngăn chặn chiến tranh, không phải bằng cách khuyên các anh em trai của họ phải làm thế nào để bảo vệ văn hóa và tự do trí tuệ, mà chỉ đơn giản bằng cách đọc và viết ngôn ngữ của chính họ theo một cách thức nhằm tự bảo vệ mình trước những vị nữ thần khá trù tượng đó.

Trên bề mặt, đây là một vấn đề đơn giản, và là một vấn đề không cần phải tranh cãi hay biện luận. Nhưng chúng tôi vấp phải một khó khăn mới ngay từ lúc bắt đầu. Chúng ta đã ghi nhận thực tế rằng nghề viết văn, cứ cho nó một cái tên đơn giản, là nghề duy nhất không gây ra một loạt trận chiến trong thế kỷ 19. Không có trận đánh nào ở phố Grub. Cái nghề đó chưa bao giờ khép kín cửa đối với con gái của những người đàn ông trí thức. Sách, bút máy và giấy khá rẻ tiền, việc đọc và viết, ít nhất là từ thế kỷ 18, được giảng dạy một cách phổ biến trong các lớp học của chúng ta đến độ không có khả năng bất kỳ đoàn thể đàn ông nào có thể độc chiếm những tri thức cần thiết hay từ chối cho phép, ngoại trừ với những thuật ngữ của riêng họ, đối với những người muốn đọc sách hay viết sách. Nhưng kéo theo đó, vì nghề viết văn mở ra cho con gái của những người đàn ông trí thức, là việc không có một vị thủ quỹ danh dự nào của cái nghề này cần một đồng ghi-nê để theo đuổi trận chiến của mình đến độ bà ta sẽ lắng nghe những điều kiện của chúng tôi, và hứa làm những gì bà ta có thể để thực hiện nó. Điều này đặt chúng tôi, ông sẽ đồng ý, vào một tình thế khó khăn bất tiện. Bởi như vậy làm sao chúng tôi có thể gây áp lực với họ - chúng tôi có thể làm gì để thuyết phục họ giúp đỡ chúng tôi? Có vẻ như nghề viết văn khác biệt với tất

cả những nghề khác. Không có người đứng đầu ngành nghề; không có Người cầm đầu Thượng viện như ở trường hợp của riêng ông: không có quan chức nào với quyền lực đặt ra những lề luật và thực thi chúng.(V) Chúng ta không thể ngăn cản phụ nữ sử dụng các thư viện;(VI) hay cấm họ mua mực và giấy; hay quy định rằng chỉ có một giới tính được sử dụng phép ẩn dụ, như duy chỉ nam giới trong các trường mỹ thuật được phép nghiên cứu từ người mẫu khỏa thân; hay quy định rằng chỉ có một giới tính được sử dụng vần điệu như duy chỉ nam giới trong các nhạc viện được phép chơi trong các dàn nhạc. Đó là một giấy phép của nghề viết văn, nó lạ thường đến độ bất kỳ cô con gái nào của một người đàn ông trí thức cũng đều có thể sử dụng một cái tên đàn ông - chẳng hạn George Eliot hoặc George Sand - mà kết quả là một biên tập viên hay một nhà xuất bản, khác với những người cầm quyền ở phố Whitehall, không thể phát hiện ra một khác biệt nào trong mùi vị của một bản thảo, hay thậm chí không biết chắc tác giả có kết hôn hay chưa.

Vậy là, vì chúng tôi có rất ít quyền lực đối với những ai kiếm sống bằng cách đọc hay viết, chúng tôi phải tới gần họ một cách khiêm nhường, không có những khoản mua chuộc hay những biện pháp trừng phạt. Chúng tôi phải tới gần họ, mũ trên tay, như những kẻ ăn xin, và cầu khẩn họ vui lòng dành thời gian lắng nghe yêu cầu của chúng tôi rằng họ sẽ thực hành nghề nghiệp đọc và viết vì lợi ích của văn hóa và tự do trí tuệ.

Và giờ đây rõ ràng một định nghĩa sâu hơn của “văn hóa và tự do trí tuệ” sẽ có ích. May thay, nó không cần phải, với mục đích của chúng ta, bao quát mọi khía cạnh hay phức tạp. Chúng ta không cần phải tham khảo Milton, Goethe, hay Matthew Arnold; bởi định nghĩa của họ áp dụng cho văn hóa phải trả tiền - thứ văn hóa mà, theo định nghĩa của cô Weeton, bao gồm vật lý học, thần học, hóa học, thực vật học, luận lý học và toán học, cũng như tiếng Latin, Hy Lạp và Pháp. Chủ yếu, chúng ta đang nài xin những kẻ mà nền văn hóa của họ là nền văn hóa không phải trả tiền, bao gồm khả năng đọc và viết bằng ngôn ngữ của chính họ. Vạn hạnh thay, bản tuyên ngôn của ông đang có sẵn trên tay để giúp chúng ta định nghĩa từ này sâu hơn, “bất vụ lợi” là từ mà ông sử dụng. Do đó chúng ta hãy định nghĩa vì những mục đích của chúng ta rằng văn hóa là sự theo đuổi việc viết và đọc tiếng Anh một cách bất vụ lợi. Và với những mục đích của chúng ta, tự do trí tuệ có thể định nghĩa là quyền được nói hay viết những gì bạn nghĩ bằng những ngôn từ của chính bạn, theo cách của chính bạn. Đây là những định nghĩa rất thô sơ, nhưng chúng phải thích hợp. Vậy thì lời thỉnh nguyện của chúng tôi có thể bắt đầu như sau: “Hỡi con gái của những người đàn

ông trí thức, quý ông này, kẻ mà tất cả chúng ta đều kính trọng, bảo rằng chiến tranh sắp nổ ra; ông ta bảo rằng bằng cách bảo vệ văn hóa và tự do trí tuệ chúng ta có thể giúp ông ta ngăn chặn chiến tranh. Do vậy, chúng tôi cầu khẩn quý vị, những kẻ kiếm sống bằng nghề đọc và viết...” Nhưng tới đây ngôn từ trên môi chúng tôi trở nên ấp úng, và lời thỉnh nguyện tan ra thành ba dấu chấm một lần nữa vì những thực tế - vì những thực tế trong các quyển sách, những thực tế trong những tiểu sử, những thực tế khiến việc tiếp tục trở nên khó khăn, có lẽ là bất khả.

Vậy những thực tế đó là gì? Một lần nữa chúng ta phải ngắt ngang lời thỉnh nguyện của mình để kiểm tra chúng. Và không có gì khó khăn trong việc phát hiện chúng. Chẳng hạn, trước mặt chúng ta đây là một tư liệu, một công trình xác thực nhất và thật sự linh động, tiểu sử tự thuật của bà Oliphant, chứa đầy những thực tế. Bà là con gái của một người đàn ông trí thức, kiếm sống bằng nghề đọc và viết. Bà viết đủ loại sách. Vô số tiểu thuyết, tiểu sử, lịch sử, sách chỉ nam về Florence và Rome, bài điểm sách, bài báo đã xuất hiện từ ngòi bút của bà. Với các thu nhập đó bà kiếm sống và nuôi dạy con cái. Nhưng bà đã bảo vệ văn hóa và tự do trí tuệ tới mức nào? Ông có thể phán xét điều đó bằng cách đọc trước tiên là vài cuốn tiểu thuyết của bà; Chẳng hạn Con gái của ngài Công tước, Diana Trelawny, Harry Joscelyn; tiếp tục với cuộc đời của Sheridan và Cervantes; rồi tới Những nhà sáng tạo ở Florence và Rome; kết thúc bằng cách đắm mình vào vô số bài báo, điểm sách, các phác thảo loại này loại khác đã nhạt màu mực mà bà cống hiến cho những tờ báo văn học. Khi đã xong việc, ông hãy kiểm tra tâm trạng của chính ông, và tự hỏi ông việc đọc có dẫn ông tới chỗ tôn trọng một nền văn hóa và tự do trí tuệ bất vụ lợi hay không. Phải chăng trái lại nó khiến tâm trí ông mờ mịt và trí tưởng tượng của ông trở nên ảm đạm, và dẫn ông tới chỗ xót xa cho thực tế rằng bà Oliphant đã bán óc não của mình, chính bộ não đáng ngưỡng mộ của bà, đánh đổi văn hóa của bà và biến tự do trí tuệ của bà thành nô lệ để bà có thể kiếm sống và nuôi dạy các con? (VII) Chắc chắn, khi xét tới tổn hại mà cảnh nghèo nàn gây ra cho tâm trí và cơ thể, sự cần thiết đặt ra cho những người có con cái để thấy chúng có đủ cơm no áo ấm, được chăm nom và giáo dục, chúng ta phải hoan hô sự chọn lựa của bà và ngưỡng mộ lòng can đảm của bà. Nhưng nếu chúng ta hoan hô sự chọn lựa và ngưỡng mộ lòng can đảm của những kẻ thực hiện điều bà đã thực hiện, chúng ta có thể vất bỏ nỗi phiền toái của việc đưa ra cho họ lời thỉnh nguyện, bởi họ sẽ không có nhiều khả năng bảo vệ nền văn hóa và sự tự do trí tuệ bất vụ lợi hơn bà. Yêu cầu họ ký vào tuyên ngôn của ông

không khác chi yêu cầu một ông chủ từ quán ký một tuyên ngôn ủng hộ việc không uống rượu. Bản thân ông ta có thể là một người hoàn toàn kiêng rượu, nhưng vì vợ con ông ta sống phụ thuộc vào lượng bia bán ra, ông ta phải tiếp tục bán bia, và chữ ký của ông ta trên bản tuyên ngôn sẽ không có giá trị gì cho chính nghĩa của sự kiêng rượu bia vì ngay lập tức sau khi ông ta ký vào nó ông ta phải có mặt ở quầy để mời mọc khách uống thêm bia. Thế nên việc yêu cầu con gái của những người đàn ông trí thức kiếm sống bằng nghề đọc và viết ký vào tuyên ngôn của ông cũng sẽ không có giá trị gì cho chính nghĩa của văn hóa và tự do trí tuệ bất vụ lợi, vì ngay sau khi họ ký nó họ phải ngồi ở bàn để viết những cuốn sách, những bài giảng và bài báo mà do chúng văn hóa bị đánh đĩ và tự do trí tuệ bị bán làm nô lệ. Với ý nghĩa là sự thể hiện quan điểm, nó có thể có giá trị; nhưng vì điều ông cần không chỉ là một sự thể hiện quan điểm mà là sự giúp đỡ thật sự, ông phải đưa ra yêu cầu của ông theo cách khác. Khi đó ông sẽ phải yêu cầu họ cam kết không viết bất kỳ thứ gì chối bỏ văn hóa, hay ký bất kỳ hợp đồng nào xâm phạm tới tự do trí tuệ. Và câu trả lời của nhà viết tiểu sử cho yêu cầu của chúng ta sẽ ngắn gọn nhưng đầy đủ: “Tôi không phải kiếm sống hay sao?” Như vậy, thưa ông, rõ ràng là chúng ta phải đưa ra thỉnh nguyện chỉ với con gái của những người đàn ông trí thức có đủ tiền để sống. Chúng ta có thể nói với họ câu nói khôn ngoan sau: “Hỡi con gái của những người đàn ông trí thức mà có đủ tiền để sống...” Nhưng một lần nữa giọng nói trở nên ập úng: một lần nữa lời thỉnh nguyện tan ra thành những dấu chấm rời rạc. Vì có bao nhiêu người như họ? Chúng tôi dám giả đoán trước sự hiện diện của Whitaker, của luật về quyền sở hữu, của những bản chúc thư trong các tờ nhật báo, nói tóm là của những thực tế, rằng sẽ có 1.000, 500 hay thậm chí 250 người trả lời khi được yêu cầu như thế? Dù nó có thể ra sao, chúng ta hãy cho con số nhiều đứng đó và tiếp tục: ““Hỡi con gái của những người đàn ông trí thức mà có đủ tiền để sống và đọc và viết ngôn ngữ của chính mình vì lạc thú của chính mình, chúng tôi xin rất nhún nhường khẩn nài quý vị ký vào tuyên ngôn của quý ông này với dự định thực hiện lời hứa của quý vị.”

Tới đây, nếu họ thật sự sẵn lòng lắng nghe, họ có thể đề nghị một cách rất hợp lý rằng chúng ta nên cụ thể hơn - không thật sự là định nghĩa văn hóa và tự do trí tuệ, bởi họ có những cuốn sách và thời gian rỗi và có thể tự định nghĩa các từ đó. Nhưng họ có thể hỏi, văn hóa bất vụ lợi theo quý ông này có nghĩa là gì, và chúng tôi sẽ thực hiện việc bảo vệ điều đó và tự do trí tuệ

ra sao? Lúc này, vì họ là những cô con gái, không phải các cậu con trai, chúng ta có thể bắt đầu bằng cách nhắc cho họ nhớ một câu ca tụng mà một nhà sử học nổi tiếng đã ban tặng họ. “Hành vi của Mary,” Macaulay nói, “thật sự là một ví dụ nổi bật của sự bất vụ lợi và tự hiến thân hoàn hảo mà đàn ông dường như không có khả năng thực hiện, nhưng đôi khi được tìm thấy ở những người phụ nữ.” (VIII) Những lời ca tụng, khi ông kêu gọi một sự ủng hộ, không bao giờ xuất hiện không đúng lúc. Kế tiếp chúng ta hãy dẫn chúng tới truyền thống vốn đã được tôn vinh từ lâu trong ngôi nhà riêng - truyền thống của sự trong trắng. “Cũng như suốt nhiều thế kỷ qua, thưa bà,” chúng ta có thể van nài, “người ta cho việc một phụ nữ bán thân thể của mình mà không có tình yêu là đáng ghê tởm, nhưng việc trao nó cho người chồng mà cô ta yêu là đúng, vì thế bà sẽ đồng ý rằng bán trí tuệ của mình mà không có tình yêu là sai, nhưng trao nó cho nghệ thuật mà bà yêu là đúng.” Bà ta có thể hỏi, “Nhưng ‘bán trí tuệ mà không có tình yêu’ nghĩa là sao?” Chúng ta có thể đáp, “Nói vắn tắt, là việc viết theo mệnh lệnh của một người khác những gì bà không muốn viết vì tiền. Nhưng bán một bộ não thì tệ hơn là bán một thân xác, vì khi người bán thân đã bán lạc thú nhất thời của mình cô ta ý thức rõ rằng vụ việc sẽ kết thúc ở đó. Nhưng khi một người bán óc não đã bán bộ não của mình, tình trạng thiếu máu của nó và kết quả bệnh hoạn được thả lỏng ra khắp trần gian để lây nhiễm và gây đồi phong bại tục và gieo những hạt giống bệnh hoạn lên những người khác. Do vậy chúng tôi đang yêu cầu bà, thưa bà, cam kết không thực hiện sự pha trộn của bộ não vì nó là một xúc phạm nghiêm trọng hơn việc kia.” “Sự pha trộn của bộ não,” bà ta có thể hỏi, “nghĩa là viết những gì tôi không muốn viết vì tiền. Do đó ông yêu cầu tôi khước từ mọi nhà xuất bản, biên tập viên, đại diện diễn thuyết, vân vân... đã mua chuộc tôi viết hay nói những điều tôi không muốn viết hay nói vì tiền có phải không?” “Đúng thế, thưa bà, và chúng tôi yêu cầu thêm rằng nếu bà nhận được những đề nghị cho các mua bán đó bà sẽ gửi trả lại chúng và vạch trần chúng như bà sẽ gửi trả và vạch trần những đề nghị mua bán xác thân bà, vì chính bà lẫn vì những kẻ khác. Nhưng chúng tôi cần bà xác nhận rằng động từ ‘pha trộn’ có nghĩa là, theo tự điển, ‘sự trộn lẫn bởi hỗn hợp của những thành tố cơ bản’. Tiền không phải là thành tố cơ bản duy nhất. Quảng cáo và quảng bá cũng là những thứ pha trộn. Do vậy, văn hóa pha trộn với sự quyến rũ cá nhân, hay văn hóa pha trộn với quảng cáo và quảng bá, cũng là những hình thức văn hóa đã bị pha trộn. Chúng tôi phải yêu cầu bà tuyên bố từ bỏ chúng; không xuất hiện trước các bục công cộng; không diễn thuyết, không cho phép công bố

gương mặt riêng của bà hay những chi tiết của đời sống của bà; nói tóm lại, không lợi dụng bất kỳ hình thức đánh đĩ nào được đề xuất một cách âm thầm bởi những gã ma cô và những mục tử bà của ngành kinh doanh bộ não; hoặc chấp nhận bất kỳ thứ trang sức lòe loẹt hay nhãn hiệu nào quảng cáo hay chứng nhận cho phẩm chất của bộ não - những huy chương, những vinh dự, những bằng cấp - chúng tôi phải yêu cầu bà tuyệt đối khước từ chúng; vì tất cả chúng là những dấu hiệu rằng văn hóa đã bị đánh đĩ và tự do trí tuệ đã bị bán làm nô lệ.”

Sau khi nghe định nghĩa này, dù nhẹ nhàng và chưa hoàn hảo, về ý nghĩa của nó, không chỉ để ký bản tuyên ngôn của ông để ủng hộ văn hóa và tự do trí tuệ, mà còn đưa quan điểm đó vào thực hành, ngay cả các cô con gái của những người đàn ông trí thức mà có đủ tiền để sống cũng có thể phản đối rằng những điều kiện đó quá khó thực hiện đối với họ. Vì chúng có nghĩa là tổn thất tiền bạc, mất mát danh vọng, thứ vốn được xem một cách phổ biến là điều dễ chịu, và sự chỉ trích và nhạo báng hoàn toàn không phải không đáng kể. Mỗi thứ sẽ là cái đích làm trò cười của tất cả những ai có lợi ích cần phục vụ hay tiền cần làm ra từ việc bán bộ não. Và vì sự tương thưởng nào chứ? Chỉ trong những từ khá trừu tượng của bản tuyên ngôn của ông rằng như vậy họ sẽ “bảo vệ văn hóa và tự do trí tuệ”, không phải bởi ý kiến của họ mà bởi sự thực hành của họ.

Vì những điều kiện này quá khó, và sẽ không có ai đang tồn tại và đang chạy theo nhu cầu của họ tôn trọng hay tuân theo chúng, chúng ta hãy xét coi còn sót lại phương pháp thuyết phục nào cho chúng ta không. Có vẻ như điều duy nhất là chỉ vào những tấm ảnh - những tấm ảnh chụp những thi thể và những ngôi nhà đổ nát. Chúng ta có thể đưa ra sự kết nối giữa chúng và nền văn hóa bị đánh đĩ và sự tự do trí tuệ bị biến thành nô lệ và làm rõ rằng cái này ngụ ý cái kia, rằng con gái của những người đàn ông trí thức sẽ thích khước từ tiền bạc và danh vọng hơn, và trở thành đối tượng của sự khinh miệt và nhạo báng hơn là tự mình gánh chịu và cho phép những kẻ khác gánh chịu những hình phạt đã trở nên hữu hình hay không?

Với thời gian tùy nghi sử dụng quá ngắn và với thứ vũ khí yếu ớt trong tay, khó mà làm rõ sự kết nối đó, nhưng nếu những gì ông nói là đúng, thưa ông, và có một sự kết nối và đó là một kết nối rất thật giữa chúng, chúng ta phải cố gắng chứng minh nó.

Vậy chúng ta bắt đầu bằng cách triệu tập, như thế từ thế giới tưởng tượng, một cô con gái của một người đàn ông trí thức, kẻ có đủ tiền sinh sống và có thể đọc và viết cho chính niềm vui của mình, là người đại diện của cái

mà trong thực tế có thể không thuộc vào tầng lớp nào cả, chúng ta hãy yêu cầu cô ta kiểm tra những sản phẩm của việc đọc và viết đó hiện đang nằm trên bàn của cô ta. Chúng ta có thể bắt đầu: “Hãy nhìn, thưa cô, vào những tờ báo trên bàn của cô. Chúng tôi có thể hỏi vì sao cô mua về ba tờ nhật báo và ba tờ tuần báo hay không?” Cô ta đáp: “Vì tôi quan tâm tới chính trị và muốn biết các sự kiện.” “Một khao khát đáng ngưỡng mộ, thưa cô. Nhưng vì sao ba? Chúng khác nhau về các sự kiện à, và nếu thế thì vì sao?” Cô ta trả lời với chút mỉa mai: “Bà tự gọi mình là con gái của một người đàn ông trí thức, thế nhưng vờ như không biết những sự thật thô thiển rằng mỗi tờ báo được tài trợ bởi một ủy ban; rằng mỗi ủy ban có một chính sách; rằng mỗi ủy ban thuê các tác giả để dẫn giải về chính sách đó, và nếu các tác giả không đồng ý với chính sách đó, như bà có thể nhớ sau một giây suy nghĩ, họ sẽ nhận ra mình đang bị thất nghiệp và lang thang trên đường phố. Do đó nếu muốn biết bất kỳ sự thật nào về chính trị bà phải đọc ít nhất ba tờ báo khác nhau, so sánh ít nhất ba phiên bản của cùng một sự thật, và cuối cùng đưa ra kết luận của chính mình. Vì thế mà trên bàn tôi có ba tờ nhật báo.” Lúc này, khi chúng ta đã thảo luận, rất ngắn gọn, về cái có thể gọi là văn học của sự thật, chúng ta hãy quay sang cái có thể gọi là văn học của sự hư cấu. Chúng ta có thể nhắc cô ta: “Có những thứ như những bức tranh, những vở kịch, âm nhạc và những quyển sách, thưa cô. Cô có theo đuổi cùng thứ chính sách thái quá đó - liếc mắt qua ba tờ nhật báo và ba tờ tuần báo nếu cô muốn biết những sự thật về những bức tranh, những vở kịch, âm nhạc và những quyển sách vì những kẻ viết về nghệ thuật được một biên tập viên trả công, người được trả công bởi một ủy ban vốn có một chính sách để theo đuổi, khiến mỗi tờ báo có một quan điểm khác nhau, để bằng cách so sánh ba quan điểm khác nhau cô có thể đưa ra kết luận của mình: ngắm bức tranh nào, xem vở kịch nào hay dự buổi hòa nhạc nào, mượn cuốn sách nào từ thư viện - hay không?” Và cô ta trả lời: “Vì tôi là con gái của một người đàn ông trí thức, với một số vốn văn hóa thu nhặt từ việc đọc, tôi sẽ không mơ mộng nữa, với những điều kiện của báo chí hiện thời, về việc có các quan điểm về những bức tranh, những vở kịch, âm nhạc hay những quyển sách từ báo chí mà nên có quan điểm của mình về chính trị từ những tờ báo. So sánh các quan điểm, xem xét những điều xuyên tạc, sau đó tự mình phán xét. Đó là cách duy nhất. Vì thế trên bàn tôi có nhiều tờ báo.” (IX).

“Vậy ra văn học của sự thật và văn học của quan điểm, nếu đưa ra một phân biệt thô thiển, không phải là sự thật thuần túy, hay quan điểm thuần túy, mà là sự thật pha trộn và quan điểm pha trộn, đó là sự thật và quan

điểm ‘đã bị pha trộn bởi hỗn hợp của các thành tố cơ bản’ như tự điển định nghĩa. Nói cách khác, cô phải tước khỏi mỗi phát biểu động cơ tiền bạc của nó, động cơ quyền lực của nó, động cơ quảng cáo của nó, động cơ quảng bá của nó, động cơ phù hoa của nó, chưa kể tới tất cả những động cơ khác mà, với tư cách con gái một người đàn ông trí thức, vốn quen thuộc với cô, trước khi cô quyết định tin tưởng sự thật nào về chính trị, hay thậm chí quan điểm nào về nghệ thuật?” Cô ta đồng ý. Nhưng nếu một người không có động cơ nào trong số đó đối với việc che đậy chân lý nói với cô rằng sự thật đó nằm trong quan điểm này hay quan điểm nọ của anh ta hay cô ta, cô có tin anh ta hay cô ta hay không, có luôn luôn cho phép khả năng có thể sai lầm của sự phán xét của con người mà, trong việc phán xét các tác phẩm nghệ thuật, phải là đáng kể hay không?

“Tự nhiên thôi,” cô ta đồng ý. Nếu một người như thế nói rằng chiến tranh là xấu xa, cô có tin anh ta không; hoặc nếu một người như thế nói rằng một bức tranh, một bản giao hưởng, một vở kịch hay một bài thơ là tuyệt tác cô có tin anh ta không? “Cho phép khả năng lầm lạc của con người, vâng.” Bây giờ giả sử, thưa cô, rằng có 150, hay 50 hay 25 người như thế tồn tại, người ta cam kết không thực hiện sự pha trộn của bộ não, để không cần thiết phải tước khỏi những gì họ nói động cơ tiền bạc của nó, động cơ quyền lực của nó, động cơ quảng cáo của nó, động cơ quảng bá của nó, động cơ phù hoa của nó, vân vân, trước khi chúng ta vén mở hạt chân lý, có thể nào không có hai hậu quả rất đáng kể theo sau? Có khả năng rằng nếu chúng ta biết sự thật về chiến tranh, sự vinh quang của chiến tranh bị chặn đứng và nghiền nát tại nơi nó nằm co quắp trong những lá bấp cải thối của những nhà cung cấp sự thật bị đánh đĩ của chúng ta; và nếu chúng ta biết sự thật về nghệ thuật, thay vì lóng ngóng lê chân qua những trang bắn thiu và đáng chán của những kẻ phải sống nhờ vào nền văn hóa đánh đĩ, sự thưởng ngoạn và thực hành nghệ thuật sẽ trở nên đáng ao ước đến độ so sánh với nó sự theo đuổi chiến tranh sẽ là một trò chơi đáng tởm đối với một người lớn tuổi đam mê nghệ thuật đang tìm kiếm một thứ tiêu khiển hợp vệ sinh - việc thả những quả bom qua các biên giới thay vì ném những quả bóng vào lưới? Nói tóm lại, nếu những tờ báo được viết ra bởi những người mà đối tượng duy nhất của họ trong viết lách là nói lên sự thật về chính trị và sự thật về nghệ thuật, chúng ta không nên tin vào chiến tranh và nên tin vào nghệ thuật.

Thế nên có một nối kết rất rõ ràng giữa văn hóa và tự do trí tuệ và những tấm ảnh chụp các thi thể và những ngôi nhà đổ nát. Và yêu cầu con gái của những người đàn ông trí thức mà có đủ tiền sinh sống không thực hiện sự pha trộn của bộ não là yêu cầu họ giúp đỡ ngăn chặn chiến tranh với cách

thức tích cực nhất hiện đã mở ra cho họ - vì nghề viết văn vẫn là nghề mở rộng cửa nhất cho họ.

Như vậy, thưa ông, chúng ta có thể nói với quý cô này, một cách thô thiển, vắn tắt, rằng nó đúng; nhưng thời gian trôi qua và chúng tôi không thể định nghĩa thêm. Và có thể cô ta sẽ đáp lại thỉnh nguyện này, nếu cô ta thật sự tồn tại: “Điều bà nói là hiển nhiên, hiển nhiên đến độ mỗi cô con gái của người đàn ông trí thức đều tự biết, và nếu không biết, cô ta có thể đọc báo để chắc chắn về nó.” Nhưng giả sử cô ta tốt đến độ không chỉ ký vào bản tuyên ngôn này để ủng hộ cho nền văn hóa bất vụ lợi và tự do trí tuệ mà còn đưa quan điểm của cô ta vào hành động, cô ta có thể làm cách nào? Cô ta có thể bổ sung một cách hữu lý: “Và đừng có những giấc mơ về những thế giới lý tưởng phía sau những vì sao; hãy xét tới những sự kiện có thật trong thế giới thật.” Thật ra, thế giới thật khó xử lý hơn nhiều so với thế giới mơ mộng. Tuy nhiên, thưa cô, báo in tư nhân là một sự kiện có thật, và không nằm ngoài tầm với của một thu nhập khiêm tốn. Những cái máy đánh chữ và máy sao chép là những thực tế và thậm chí còn rẻ hơn. Bằng cách sử dụng các thiết bị rẻ tiền và cho tới nay chưa bị cấm đó cô có thể ngay lập tức thoát khỏi áp lực của những ủy ban, những chính sách và những biên tập viên. Chúng sẽ nói lên tâm hồn của chính cô, bằng ngôn ngữ của chính cô, trong thời gian của chính cô, với độ dài của chính cô, theo mệnh lệnh của chính cô. Và đó, chúng tôi đồng ý, là định nghĩa của chúng tôi về “tự do trí tuệ”. “Nhưng,” cô ta có thể nói, “còn công chúng? Làm thế nào vươn tới điều đó mà không đặt tâm trí tôi vào cái máy băm thịt và biến nó thành xúc xích?” Chúng ta có thể trấn an cô ta: “Công chúng, thưa cô, rất giống với chúng ta; nó sống trong những căn phòng; nó đi bộ trên đường phố, và thêm nữa người ta bảo nó đang chán ngấy xúc xích. Hãy tung những tờ rơi lên các vỉa hè; trưng bày chúng trên những quầy hàng; dùng xe cút kít chở chúng qua những đường phố để bán với giá một xu hoặc phát không. Hãy tìm ra những cách tiếp cận ‘công chúng’; tách nó ra thành những con người riêng biệt thay vì đập nó thành một con quái vật, cơ thể thì béo tốt nhưng tâm trí thì nhu nhược. Và sau đó suy nghĩ - vì cô có đủ để sống, cô có một căn phòng, không nhất thiết phải ‘ấm cúng’ hay ‘xinh xắn’ nhưng vẫn lặng lẽ, riêng tư; một căn phòng nơi cô có thể an toàn tách biệt với công chúng và chất độc của nó, thậm chí có thể yêu cầu một khoản phí hợp lý cho sự phục vụ, nói lên sự thật với những nghệ sĩ, về những bức tranh, âm nhạc, những quyển sách, mà không hề sợ sệt ảnh hưởng tới doanh số của họ, vốn eo hẹp, hay làm tổn thương tính phù hoa của họ, vốn rất to lớn.(X) Ít nhất đó

là sự phê phán mà Ben Jonson^[17] trao cho Shakespeare ở tửu quán Siren và không có lý do gì để cho rằng, với vợ Hamlet làm chứng cứ, kết quả là văn học phải gánh chịu. Không phải những nhà phê bình giỏi nhất là những người có đời sống riêng tư hay sao, và không phải sự phê bình duy nhất đáng nhắc tới chính là sự phê bình hay sao? Vậy đó là một vài hoạt động tích cực mà trong đó cô, với tư cách một nhà văn có tiếng nói của chính mình, có thể đưa quan điểm của cô vào thực hành. Nhưng nếu cô thụ động, một độc giả, chứ không phải một tác giả, khi đó cô phải thực hiện những phương pháp thụ động chứ không phải chủ động để bảo vệ văn hóa và tự do trí tuệ.” Cô ta sẽ hỏi: “Và chúng có thể là gì?” “Từ chối đọc, rõ ràng là thế. Không đặt mua những tờ báo cổ động cho tri thức nô lệ; không dự những buổi diễn thuyết đánh đĩ văn hóa; vì chúng ta đã đồng ý rằng viết theo mệnh lệnh của một kẻ khác những điều cô không muốn viết là sự nô dịch hóa, và pha lẫn văn hóa với sự quyến rũ cá nhân hay quảng cáo là đánh đĩ văn hóa. Bằng những phương pháp chủ động và thụ động đó cô sẽ làm mọi thứ trong khả năng của mình để phá vỡ cái vòng đai phe phái chính trị đó, cái giới xấu xa đó, cuộc nhảy múa tung tăng quanh cây dâu tằm, cái cây độc hại của sự đánh đĩ văn hóa. Một khi bè phái chính trị đó bị phá vỡ, những tù nhân sẽ được tự do. Vì ai có thể ngờ vực rằng khi các nhà văn có cơ hội viết điều họ thích viết họ sẽ tìm thấy nhiều niềm vui ở nó hơn đến độ họ sẽ khước từ viết theo bất kỳ điều kiện nào khác; hoặc rằng khi các độc giả có cơ hội đọc những gì các tác giả thích viết, sẽ thấy nó bổ ích hơn những gì được viết vì tiền, đến độ họ sẽ khước từ không muốn bị đánh tráo bởi vật thay thế nhạt nhẽo nữa? Như vậy những nô lệ hiện đang buộc phải vất vả chõng chất từ ngữ vào những cuốn sách, chõng chất từ ngữ vào những bài báo, như những nô lệ ngày xưa chõng chất những tảng đá lên kim tự tháp, sẽ hất những cái cùm khỏi cổ tay họ và từ bỏ sự lao dịch kinh tởm của họ. Và ‘văn hóa’, cái khối vô định hình đó, bị quẩn lại như nó hiện nay trong sự giả dối, phun ra những sự thật nửa vờ từ đôi môi nhút nhát của nó, làm cho thông điệp của nó trở nên ngọt ngào và loãng đi với bất kỳ thứ đường hay nước nào để thổi phồng danh vọng của tác giả hay cái ví của chủ anh ta, sẽ có lại hình dáng cũ của mình và trở thành, như Milton, Keats và các tác giả vĩ đại khác bảo đảm với chúng ta, rằng nó là hiện thực, khỏe khoắn, mang tính phiêu lưu, và tự do. Trong khi hiện giờ, thưa cô, ở chính thời điểm nhắc tới văn hóa này, đầu thì đau nhức, đôi mắt khép chặt, những cánh cửa đóng chặt, bầu không khí ngột ngạt; chúng ta đang ở trong một giảng đường, ngồi cạnh những làn hơi bốc lên từ sách cũ, lắng nghe một quý ông vốn bị ép buộc

phải diễn thuyết hay viết mỗi Thứ tư, mỗi Chủ nhật, về Milton hay về Keats, trong lúc những cây tử đinh hương đang thoải mái rung rinh cành lá trong vườn, và những con chim hải âu lượn vòng và sà xuống, đề nghị với tiếng cười hoang dại rằng thứ cá ôi đó tốt nhất nên được ném lên cho chúng. Đó là lời khẩn nài chúng tôi gửi tới cô, thưa cô; đó là những lý do để chúng tôi đề xuất nó. Đừng chỉ đơn giản ký bản tuyên ngôn ủng hộ văn hóa và tự do trí tuệ này; ít nhất hãy nỗ lực đưa lời hứa của cô vào thực hành.”

Việc các cô con gái của những người đàn ông trí thức mà có đủ tiền để sống và đọc và viết bằng chính tiếng nói của mình, vì niềm vui của chính mình có lắng nghe yêu cầu này hay không, chúng tôi không thể nói, thưa ông. Nhưng nếu văn hóa và tự do trí tuệ được bảo vệ, không chỉ bằng những quan điểm mà bằng thực hành, đây dường như là cách thức. Nó không phải là một cách thức dễ dàng, điều này đúng. Dù sao, có những lý do để nghĩ rằng cách thức này dễ dàng cho họ hơn là cho các anh em trai của họ. Họ vô nhiệm, thông qua việc không có phẩm chất của riêng mình, với những sự cưỡng ép. Bảo vệ văn hóa và tự do trí tuệ trong thực hành sẽ có nghĩa là, như chúng ta đã nói, sự nhạo báng và sự trong trắng, sự tiêu vong của sự quảng bá và cảnh nghèo nàn. Nhưng đó, như chúng ta đã thấy, là những vị thầy quen thuộc của họ. Hơn nữa, Whitaker với những thực tế của ông đang ở ngay bên cạnh để giúp họ; vì từ khi ông chứng minh rằng vì mọi kết quả của văn hóa chuyên môn - như những quyền lãnh đạo các phòng triển lãm mỹ thuật và những viện bảo tàng, những chức vụ giáo sư, diễn giả và biên tập - vẫn còn nằm ngoài tầm với của họ, họ có thể có một tầm nhìn về văn hóa vô tư hơn các anh em trai của họ, không hề có một giây phút phàn nàn, như Macaulay đánh giá, rằng về bản chất họ bất vụ lợi hơn. Được trợ giúp bởi truyền thống và những thực tế như chúng đang hiện hữu, chúng ta không những có một quyền nào đó để yêu cầu họ giúp đỡ chúng ta phá vỡ cái vòng đó, cái vòng kim cô kinh tởm của nền văn hóa đánh đĩ, mà còn có một hy vọng rằng nếu những người như thế tồn tại họ sẽ giúp đỡ chúng ta. Vậy xin quay lại bản tuyên ngôn của ông: chúng tôi sẽ ký nó nếu chúng tôi có thể duy trì những điều kiện này; nếu chúng tôi không thể duy trì chúng, chúng tôi sẽ không ký.

Giờ đây, sau khi chúng ta đã cố tìm xem chúng tôi có thể giúp ông ngăn chặn chiến tranh như thế nào bằng cách nỗ lực định nghĩa bảo vệ văn hóa và tự do trí tuệ có nghĩa là gì, chúng ta hãy xét tới yêu cầu kế tiếp và không thể tránh của ông: rằng chúng tôi nên đóng góp cho các quỹ của hiệp hội của ông. Bởi cả ông cũng là một thủ quỹ danh dự, và như các thủ quỹ danh dự khác, đang cần tiền. Vì ông, cả ông, cũng đang yêu cầu tiền, chúng tôi có thể yêu cầu ông xác định các mục đích của ông, và thương thảo, đưa ra

những điều kiện như với các thủ quỹ danh dự khác. Vậy các mục đích của hiệp hội của ông là gì? Ngăn chặn chiến tranh, tất nhiên. Và bằng phương tiện nào? Nói rộng ra, bằng cách bảo vệ các quyền cá nhân; bằng cách chống đối sự độc tài; bằng cách đảm bảo những lý tưởng dân chủ về cơ hội bình đẳng cho tất cả. Đó là những phương tiện chính mà từ đó ông nói: “nền hòa bình dài lâu của thế giới có thể được đảm bảo.” Vậy, thưa ông, không cần phải thương lượng hay tranh cãi nữa. Nếu đó là những mục đích của ông, và nếu, vì không thể nào nghi ngờ điều đó, ông nhất định sẽ làm mọi thứ trong khả năng của mình để đạt được chúng, đồng ghi-nê là của ông - nó có thể là một triệu! Đồng ghi-nê là của ông; và đồng ghi-nê là một món quà tự do, được cho đi một cách tự do.

Nhưng từ “tự do” được dùng quá thường xuyên, và, như những từ được sử dụng khác, đã trở nên ít ý nghĩa đến độ có thể giải thích một cách chính xác, thậm chí mô phạm, từ “tự do” có ý nghĩa gì trong ngữ cảnh này. Ở đây nó có nghĩa là không quyền hay đặc quyền nào bị đòi hỏi phải đáp trả. Người cho không yêu cầu ông chấp nhận cô ta làm giáo chức trong Giáo hội nước Anh; hay gia nhập thị trường chứng khoán; hay gia nhập ngành ngoại giao. Người cho không ước ao là “người Anh” trong cùng một ý nghĩa với “người Anh” của bản thân ông. Người cho không đòi hỏi phải đáp lại món quà quyền được tham gia vào bất kỳ ngành nghề nào; bất kỳ danh dự, tước hiệu hay huy chương nào; bất kỳ chức vụ giáo sư hay diễn thuyết nào; bất kỳ vị trí nào ở bất kỳ hiệp hội, ủy ban hay ban bộ nào. Món quà tự do với tất cả các điều kiện đó vì một quyền có tầm quan trọng tối cao đối với toàn thể nhân loại đã giành được trước rồi. Ông không thể tước khỏi cô ta quyền kiểm soát. Hiện giờ, lần đầu tiên trong lịch sử nước Anh, con gái của một người đàn ông trí thức có thể cho anh em trai của mình một đồng ghi-nê tự kiểm soát theo yêu cầu của anh ta vì mục đích đã xác định bên trên mà không đòi hỏi bất cứ thứ gì đáp trả. Nó là một món quà tự do, được trao đi không chút sợ hãi, không chút nịnh nọt, và vô điều kiện. Điều đó, thưa ông, là một sự kiện lớn lao trong lịch sử của nền văn minh, đến độ cần phải kêu gọi một sự chúc mừng. Nhưng chúng ta hãy hoàn tất công việc với những nghi thức cũ - Ngài Thị trưởng, với sự tháp tùng của bầu đoàn hầu cận và các ông chánh án, đập cái gậy lên một tảng đá chín lần trong lúc ông Tổng giám mục xứ Canterbury với đủ lễ phục xướng lên một câu cầu chúc. Chúng ta hãy bịa ra một nghi thức mới cho sự kiện mới này. Còn gì thích hợp hơn việc tiêu diệt một thế giới cũ, một thế giới kinh tởm và đòi bại đến mức đã gây bao tổn hại trong thời đại của nó và giờ đã lỗi thời? Từ “nhà nữ

quyền” là từ chỉ báo. Từ đó, theo tự điển, có nghĩa là “một người giành được các quyền lợi của phụ nữ”. Vì quyền duy nhất, quyền kiểm sống, đã giành được, từ này không còn ý nghĩa gì nữa. Và một từ không có nghĩa là một từ chết, một từ băng hoại. Do đó chúng ta hãy chúc mừng sự kiện này bằng cách hòa thiêu cái xác. Chúng ta hãy viết từ đó bằng những chữ to màu đen lên một cái mũ của anh hề; rồi nghiêm trang dí một que diêm vào cái mũ giấy. Nhìn xem, nó cháy mới dữ dội làm sao! Một cuộc nhảy múa tuyệt vời của ánh sáng trên toàn thế giới! Lúc này chúng ta hãy nghiền mớ tro trong một cái cối bằng một cây bút lông ngỗng, và tuyên bố trong tiếng đồng ca rằng bất kỳ một ai sử dụng từ này trong tương lai là một kẻ giết chuông rồi bỏ chạy,^(XI) một kẻ gây bất hòa, một con cá mú giữa những khúc xương cũ, chứng cứ của sự gây ô uế của hãn ta được viết ra trong một vết nhơ do nước bắn trên mặt hãn ta. Khói đã tan đi; thế giới đã bị hủy diệt. Hãy quan sát, thưa ông, chuyện gì đã xảy ra với ý nghĩa là kết quả của cuộc chào mừng của chúng ta. Từ “nhà nữ quyền” đã bị tiêu diệt; bầu không khí đã được lọc sạch; và trong bầu không khí trong lành đó chúng ta nhìn thấy điều gì? Đàn ông và phụ nữ cùng nhau hoạt động vì cùng một chính nghĩa. Đám mây cũng đã giạt khỏi quá khứ. Họ lao động vì cái gì hồi thế kỷ 19 - những phụ nữ đã chết lạ lùng đội mũ có vành và choàng khăn đó? Cùng một chính nghĩa mà vì nó chúng ta hoạt động ngày nay. “Đòi hỏi của chúng tôi không chỉ là đòi hỏi quyền lợi của phụ nữ;” - người nói là Josephine Butler - ‘nó rộng lớn hơn và sâu xa hơn; nó là sự đòi hỏi quyền lợi của tất cả - toàn bộ đàn ông và phụ nữ - để tôn trọng cá nhân con người họ theo những nguyên tắc vĩ đại của Công lý và Bình đẳng và Tự do.” Những từ này giống những từ của ông; đòi hỏi này cũng là đòi hỏi của ông. Con gái của những người đàn ông học thức, những kẻ được gọi là, trước sự oán giận của họ, “những nhà nữ quyền, trên thực tế là đội cảnh vệ tiên phong của phong trào của chính ông. Họ chiến đấu với cùng kẻ thù mà ông đang chiến đấu và vì cùng những nguyên do. Họ chiến đấu với sự độc tài của nhà nước gia trưởng cũng như ông đang chiến đấu với sự độc tài của nhà nước phát xít. Như vậy đơn giản là chúng ta đang tiến hành cùng một trận chiến mà những người mẹ và bà của chúng ta từng chiến đấu; những lời của họ chứng minh điều đó; những lời của ông chứng minh điều đó. Nhưng lúc này, với lá thư của ông đặt trước mặt, chúng tôi có sự đảm bảo của ông rằng ông đang chiến đấu cùng chúng tôi chứ không phải chống lại chúng tôi. Thực tế này gây cảm hứng đến nỗi dường như phải tiến hành một lễ chào mừng khác. Còn gì thích hợp hơn là viết thêm nhiều từ đã chết, thêm nhiều từ đã băng

hoại, lên thêm nhiều mảnh giấy và đốt chúng - những tờ Độc tài, Chuyên chế chẳng hạn? Nhưng, than ôi, những tờ đó chưa hề lỗi thời. Chúng ta vẫn còn lắc ra những quả trứng từ những tờ nhật báo; vẫn còn ngửi thấy cái mùi đặc trưng và không thể nhầm lẫn trong khu vực phố Whitehall và Westminster. Và ở nước ngoài, con quái vật đã lộ ra công khai hơn trên bề mặt. Không thể có nhầm lẫn gì về hãn ở đó. Hãn đã mở rộng lãnh địa của mình. Hãn hiện đang can thiệp vào sự tự do của ông; hãn đang ra lệnh cho ông phải sống như thế nào; hãn đang tạo ra sự phân biệt, không chỉ giữa hai giới tính, mà còn giữa các chủng tộc. Các ông đang cảm nhận trong cá nhân con người mình điều mà các bà mẹ của các ông từng cảm nhận khi họ bị tổng khứ, khi họ bị bịt mõm, vì họ là phụ nữ. Giờ các ông đang bị tổng khứ, các ông đang bị bịt mõm, vì các ông là người Do Thái, vì các ông là những người dân chủ, vì chủng tộc, vì tôn giáo. Đây không còn là một bức ảnh mà ông nhìn vào nữa; ông tới đó, bản thân ông thơ thẩn trong đám diễu hành. Và điều đó tạo ra một khác biệt. Toàn thể những bất công của chế độ độc tài, dù là ở Oxford hay Cambridge, ở phố Whitehall hay Downing, chống lại những người Do Thái hay chống lại phụ nữ, ở Anh hay ở Đức, ở Ý hay ở Tây Ban Nha, lúc này trở nên hiển hiện trước mắt ông. Nhưng giờ đây chúng ta cùng nhau chiến đấu. Các cô con gái và các cậu con trai của những người đàn ông trí thức đang chiến đấu kề vai sát cánh bên nhau. Thực tế đó tạo cảm hứng, ngay cả khi không thể có lễ chúc mừng nào, đến nỗi nếu đồng ghi-nê này có thể nhân lên một triệu lần, tất cả những đồng ghi-nê đó sẽ thuộc quyền sử dụng của ông mà không có bất kỳ điều kiện nào khác hơn những điều kiện ông đã tự đặt ra cho chính mình. Vậy hãy nhận đồng ghi-nê này và sử dụng nó để khẳng định “những quyền của tất cả - mọi đàn ông và phụ nữ - với sự tôn trọng cá nhân con người họ theo những nguyên tắc vĩ đại của Công lý và Bình đẳng và Tự do. Hãy đặt cây nến một xu này trong cửa sổ của hiệp hội mới của ông, và mong sao chúng ta còn sống để nhìn thấy cái ngày khi mà trong ngọn lửa của sự tự do chung của chúng ta những tờ độc tài và chuyên chế sẽ bị thiêu thành tro bụi, vì những tờ độc tài và chuyên chế sẽ trở nên lỗi thời.

Vậy yêu cầu đối với một đồng ghi-nê đã được phúc đáp, chi phiếu đã được ký, chỉ cần xem xét một yêu cầu còn lại của ông - đó là việc chúng tôi sẽ điền vào một mẫu đơn và trở thành hội viên của hiệp hội của ông. Trên bề mặt, đó dường như là một yêu cầu đơn giản, dễ thực hiện. Bởi còn gì có thể đơn giản hơn việc gia nhập một tổ chức mà đồng ghi-nê này vừa được đóng góp cho nó? Trên bề mặt, thật dễ dàng biết bao, thật đơn giản biết bao;

nhưng ở dưới những chiều sâu, thật khó khăn biết bao, thật phức tạp biết bao... Những dấu chấm đó đại diện cho những ngờ vực nào, những do dự khả dĩ nào? Nguyên cố nào hay cảm xúc nào có thể khiến chúng tôi lưỡng lự trước việc trở thành hội viên của một tổ chức mà chúng tôi đã chấp thuận các mục đích của nó, đã đóng góp cho các ngân quỹ của nó? Có thể nó không phải là nguyên cố hay cảm xúc, mà là thứ gì đó sâu sắc hơn và cơ bản hơn. Có thể nó là sự khác biệt. Chúng ta khác nhau, như các thực tế đã chứng minh, cả ở giới tính lẫn học vấn. Và chính từ sự khác biệt đó, như chúng ta đã nói, mà sự giúp đỡ của chúng tôi có thể tới, nếu chúng tôi có thể giúp, để bảo vệ tự do, để ngăn chặn chiến tranh. Nhưng nếu chúng tôi ký mẫu đơn vồn ngụ ý một lời hứa sẽ trở thành một hội viên tích cực của hiệp hội của ông, dường như chúng tôi phải đánh mất sự khác biệt đó và do vậy hy sinh sự giúp đỡ đó. Việc lý giải vì sao lại như vậy không phải dễ, thậm chí cho dù món quà một đồng ghi-nê đã khiến cho việc phát ngôn một cách tự do, không sợ sệt hay tâng bốc, trở nên khả dĩ (chúng ta đã khoắc lác như vậy). Vậy hãy để cho chúng tôi giữ mẫu đơn chưa được ký trên bàn trước mặt chúng tôi trong lúc chúng ta thảo luận, trong chừng mực có thể, các nguyên do và cảm xúc khiến chúng tôi do dự chưa ký nó. Bởi những nguyên do và cảm xúc đó có nguồn gốc sâu xa trong bóng tối của ký ức tiền nhân; chúng đã cùng mọc lên trong một sự hỗn loạn nào đó; rất khó tháo gỡ chúng trong ánh sáng.

Hãy bắt đầu với một khác biệt cơ bản: một hiệp hội là một khối kết hợp những người cùng tham gia vì các mục đích cụ thể; trong lúc ông, kẻ viết nhân danh cá nhân mình với bàn tay của chính mình là đơn lẻ. Cá nhân ông là một người đàn ông mà chúng tôi có lý do để tôn trọng; một người đàn ông của tình huynh đệ, mà như tiểu sử chứng minh, nhiều người anh em thuộc về nó. Anne Clough, khi miêu tả anh trai của bà, đã nói thế này: “Arthur là người bạn thân nhất và cố vấn tốt nhất của tôi... Arthur là nguồn an ủi và hân hoan của đời tôi; chính vì anh ấy và từ anh ấy, mà tôi được khuyến khích tìm kiếm tất cả những thứ đáng yêu...” William Wordsworth, nói với chị gái của mình nhưng đáp lời một người khác như thể một con chim họa mi hót gọi một con khác trong cánh rừng của quá khứ, đáp lại như sau:

Niềm hạnh phúc của những năm sau của đời tôi

Theo cùng tôi khi còn là một cậu bé:

Chị cho tôi đôi mắt, chị cho tôi đôi tai

Và những chăm sóc nhỏ nhoi, những nỗi sợ tinh tế;

Một quả tim, suối nguồn của những giọt lệ ngọt ngào;

Và tình yêu, và ý tưởng và nỗi hân hoan.(XII)

Đó là, có lẽ vẫn còn là, mối quan hệ riêng tư của nhiều anh/em trai và chị/em gái, với ý nghĩa những cá thể. Họ tôn trọng nhau, giúp đỡ nhau và có những mục đích chung. Thế thì vì sao, nếu quan hệ riêng tư của họ là thế, như tiểu sử và thi ca chứng minh, quan hệ công cộng của họ, như luật pháp và lịch sử chứng minh, lại rất khác biệt như vậy? Và ở đây, vì ông là một luật sư, với trí nhớ của một luật sư, không cần thiết phải nhắc ông về một số nghị định cụ thể của pháp luật nước Anh từ những ghi chép đầu tiên của nó cho tới năm 1919 khi chứng minh rằng mối quan hệ công cộng, mối quan hệ xã hội của anh/em trai và chị/em gái đã từng rất khác với mối quan hệ riêng tư. Chính từ “xã hội” ngân lên trong trí nhớ tiếng chuông âm đạ của một thứ âm nhạc khắc nghiệt: không được, không được, không được. Cô không được học; cô không được kiếm tiền; cô không được sở hữu; cô không được - mối quan hệ xã hội của anh/em trai và chị/em gái trong suốt nhiều thế kỷ là như thế. Và dù có thế, và với sự đáng tin lạc quan, rằng tới đúng lúc một xã hội mới có thể ngân lên một âm điệu nhạc chuông hài hòa tuyệt diệu, và lá thư của ông báo trước điều đó, cái ngày đó hãy còn xa lắm. Chúng ta không thể tránh khỏi việc tự hỏi mình, có hay không một thứ gì đó trong cái khối kết hợp của những người trong các hiệp hội đã phóng thích ra những gì ích kỷ và hung bạo nhất, ít lý trí và nhân tính nhất trong chính bản thân những cá thể? Chúng ta không thể tránh khỏi việc xem những xã hội, rất tốt với các ông, rất khắc nghiệt với chúng tôi, như một hình thức không thích hợp bóp méo đi sự thật; làm biến dạng tâm hồn; câu thúc ý chí. Chúng ta không thể tránh khỏi việc xem những xã hội với ý nghĩa những âm mưu nhấn chìm người anh/em trai riêng tư, kẻ mà nhiều người chúng tôi có lý do để tôn trọng, và bơm vào anh ta một người đàn ông quái gở, to giọng, nắm tay cứng rắn, mãi mê một cách trẻ con với việc vạch lên nền đất những dấu phấn mà trong những ranh giới bí ẩn của nó nhân loại bị nhốt chặt, một cách tàn nhẫn, tách rời, giả tạo; nơi mà với màu đỏ rượu vang và vàng, trang trí như một người man rợ với những cái lông vũ, anh ta đi qua những nghi lễ huyền bí và thụ hưởng những lạc thú đáng ngờ của quyền lực và sự thống trị trong lúc chúng tôi, những người phụ nữ “của anh ta”, bị khóa chặt trong những ngôi nhà riêng, không có phần chia trong nhiều xã hội mà trong đó xã hội của anh ta được cấu thành. Vì các nguyên nhân như thế kết lại thành khối trong nhiều ký ức và cảm xúc - vì ai sẽ phân tích sự phức tạp của một tâm hồn vốn cất giấu rất sâu một hồ chứa thời gian trôi qua bên trong nó? - có vẻ như với chúng tôi việc điền vào mẫu đơn và gia nhập hiệp hội của ông vừa sai về mặt lý trí và bất khả về mặt

tình cảm. Bởi bằng cách làm điều đó chúng tôi sẽ hòa lẫn tính cách của chúng tôi vào tính cách của ông; theo và lặp lại và vạch thậm chí còn sâu hơn những vết xe đổ xưa cũ mà trong đó xã hội, như một cái máy hát đĩa bị kẹt kim, đang rên rỉ với sự đồng ý không thể tha thứ được “Ba trăm triệu chi cho vũ khí.” Chúng tôi sẽ không nhấn mạnh ảnh hưởng của một quan điểm mà trải nghiệm của chúng tôi về “xã hội” sẽ giúp chúng tôi đương đầu. Do vậy, thưa ông, trong lúc chúng tôi tôn trọng ông với tư cách một cá nhân riêng tư và chứng minh điều đó bằng cách cho ông một đồng ghi-nê để sử dụng theo sự chọn lựa của ông, chúng tôi tin rằng chúng tôi có thể giúp ông một cách hiệu quả nhất bằng cách khước từ không gia nhập hiệp hội của ông; bằng cách hoạt động vì các mục đích chung của chúng ta - công lý và bình đẳng và tự do cho tất cả đàn ông và phụ nữ - ở bên ngoài chứ không phải bên trong hiệp hội của ông.

Nhưng điều này, ông sẽ nói, nếu như nó có bất kỳ ý nghĩa nào, chỉ có thể có nghĩa rằng các bà các cô, con gái của những người đàn ông trí thức, những người đã hứa giúp chúng tôi một cách tích cực, từ chối không gia nhập hiệp hội của chúng tôi để các vị có thể lập ra một hiệp hội khác của chính mình. Và quý vị đề nghị loại hiệp hội nào để thành lập bên ngoài hiệp hội của chúng tôi, nhưng hợp tác với nó, để cả đôi bên chúng ta có thể cùng nhau hoạt động vì các mục đích chung của chúng ta? Đó là một câu hỏi mà ông có mọi quyền để đặt ra, và chúng tôi phải cố trả lời để biện minh cho lời từ chối ký mẫu đơn mà ông đã gửi. Vậy chúng ta hãy vẽ nhanh phác họa về loại hiệp hội mà con gái của những người đàn ông trí thức có thể thành lập và tham gia bên ngoài hiệp hội của ông nhưng hợp tác với các mục đích của nó. Đầu tiên, hiệp hội này, ông sẽ nhẹ nhõm khi biết, sẽ không có vị thủ quỹ danh dự nào, vì nó sẽ không cần ngân quỹ nào cả. Nó sẽ không có văn phòng nào, ủy ban nào, thư ký nào; nó sẽ không tổ chức cuộc họp nào; nó sẽ không tổ chức buổi hội thảo nào. Nếu phải đặt tên cho nó, có thể gọi nó là Hiệp hội của Những kẻ ngoại cuộc. Đó không phải là một cái tên âm vang, nhưng nó có thuận lợi là nó phù hợp với những thực tế - các thực tế của lịch sử, của luật pháp, của tiểu sử; thậm chí, nó có thể, với những sự thật bị che giấu của tâm lý vẫn còn chưa biết tới của chúng ta. Nó sẽ bao gồm con gái của những người đàn ông trí thức đang hoạt động trong tầng lớp của chính họ - thật ra, làm sao họ có thể hoạt động trong bất kỳ tầng lớp nào khác?^(XIII) - và bằng những phương pháp của chính họ vì tự do, bình đẳng và hòa bình. Bốn phạm đầu tiên của họ, mà họ tự ràng buộc vào không phải bởi lời thề, vì những lời thề và những nghi thức không có vai trò nào

trong một tổ chức vốn phải ẩn danh và linh hoạt trước mọi thứ, sẽ là không đấu tranh với vũ khí. Họ dễ thực hiện điều này, vì trên thực tế, như những tờ báo thông báo với chúng ta, “Hội đồng quân đội không có ý định tuyển quân cho bất kỳ binh đoàn nữ nào.” (XIV) Đất nước bảo đảm điều đó. Kế tiếp họ sẽ từ chối chế tạo đạn dược hay chăm sóc cho thương binh khi có chiến tranh. Vì trong cuộc chiến vừa qua cả hai hoạt động này chủ yếu được thực hiện bởi con gái của những người đàn ông lao động, áp lực lên họ ở đây sẽ khá nhẹ, dù có lẽ không làm vừa ý. Mặt khác bốn phận kế tiếp mà họ sẽ cam kết thực hiện là một bốn phận khó khăn đáng kể, và kêu gọi không chỉ lòng can đảm và sáng kiến mà cả kiến thức đặc biệt của con gái một người đàn ông trí thức. Nói vắn tắt, đó không phải là khuyến khích anh em trai của họ chiến đấu, hay khuyên can họ, mà là duy trì một thái độ hoàn toàn lãnh đạm. Nhưng thái độ được diễn tả bởi từ “lãnh đạm” rất phức tạp và có tầm quan trọng đến độ nó cần tới thậm chí sự định nghĩa sâu hơn ở đây. Đầu tiên, sự lãnh đạm phải được trao cho một thực tế nền tảng vững chắc. Vì thực tế là cô ta không thể hiểu bản năng nào thôi thúc anh ta, vinh quang nào, lợi ích nào, sự thỏa mãn đàn ông nào việc chiến đấu cung cấp cho anh ta - “không có chiến tranh thì sẽ không có lối thoát cho những phẩm chất đàn ông mà sự chiến đấu phát triển”- chiến đấu là một đặc điểm giới tính mà cô ta không thể chia sẻ, phía đối tác khẳng định một bản năng làm mẹ mà anh ta không thể chia sẻ, vì thế nó là một bản năng mà cô ta không thể phán xét. Kẻ ngoại cuộc do vậy phải để mặc cho anh ta tự do xử lý một mình bản năng này, vì sự tự do của quan điểm phải được tôn trọng, nhất là khi nó dựa trên một bản năng vốn xa lạ với cô ta như nhiều thế kỷ của truyền thống và giáo dục có thể tạo ra. (XV) Đây là một khác biệt cơ bản và có tính bản năng mà sự lãnh đạm có thể dựa vào. Nhưng kẻ ngoại cuộc sẽ biến việc không chỉ dựa sự lãnh đạm của cô ta vào bản năng, mà còn vào lý trí, thành bốn phận của mình. Khi anh ta nói, như lịch sử chứng minh rằng anh ta từng nói, và có thể nói lần nữa, “Tôi đang chiến đấu để bảo vệ đất nước của chúng ta” và từ đó tìm cách khơi dậy cảm xúc yêu nước của cô ta, cô ta sẽ tự hỏi mình, “‘Đất nước của chúng ta’ có nghĩa gì với tôi, một kẻ ngoại cuộc?” Để quyết định điều này cô ta sẽ phân tích ý nghĩa của lòng ái quốc trong trường hợp của chính cô. Cô ta sẽ tự tìm hiểu về vị trí của giới tính và giai cấp của cô ta trong quá khứ. Cô ta sẽ tự tìm hiểu về số đất đai, tài sản và sở hữu thuộc quyền chiếm hữu của giới tính và giai cấp của cô ta trong hiện tại - Trên thực tế “nước Anh” thuộc về cô ta được bao nhiêu. Từ cùng các nguồn cô ta sẽ tự tìm hiểu về sự bảo vệ pháp lý mà luật pháp đã

ban cho cô ta trong quá khứ và hiện tại. Và nếu anh ta nói thêm rằng anh ta đang chiến đấu để bảo vệ thân xác của cô ta, cô ta sẽ suy ngẫm về mức độ của sự bảo vệ vật chất mà cô thụ hưởng hiện giờ khi những từ “Đề phòng máy bay oanh tạc” được viết trên những bức tường trống. Và nếu anh ta nói rằng anh ta đang chiến đấu để bảo vệ nước Anh khỏi sự thống trị của ngoại bang, cô ta sẽ ngẫm nghĩ rằng đối với cô ta không có “người nước ngoài”, bởi theo luật pháp cô ta trở thành một người nước ngoài nếu cô ta cưới một người nước ngoài. Và cô sẽ cố hết sức biến điều này thành một thực tế, không chỉ bởi tình anh em bắt buộc, mà còn bởi sự đồng cảm của con người. Tất cả những thực tế này sẽ thuyết phục lý trí của cô ta (xin nói vắn tắt) rằng giới tính và giai tầng của cô ta có rất ít thứ để cảm ơn nước Anh trong quá khứ; không nhiều để cảm ơn nước Anh hiện tại; trong lúc sự an toàn của cá nhân cô ta trong tương lai thật đáng ngờ. Nhưng có lẽ cô ta sẽ tiếp thu, thậm chí từ người nữ gia sư, một ý tưởng lãng mạn rằng, đàn ông Anh, những người ông và những người bố mà cô ta nhìn thấy đang hành quân trong bức tranh lịch sử, “tài giỏi hơn” đàn ông của các nước khác. Cô ta sẽ xem bốn phận của mình là kiểm tra bằng cách so sánh những sử gia Pháp với sử gia Anh; Đức với Pháp; sự chứng thực của những nước bị thống trị - người Ấn Độ hoặc người Ái Nhĩ Lan - chẳng hạn - với những khẳng định của những kẻ thống trị họ. Tuy nhiên một cảm xúc “yêu nước”, một niềm tin thâm căn cố đế nào đó vào sự vượt trội hơn về trí tuệ của đất nước của cô so với các nước khác có thể vẫn còn. Vậy thì cô ta sẽ so sánh tranh của Anh với tranh của Pháp; âm nhạc Anh với âm nhạc Đức; văn học Anh với văn học Hy Lạp, vì có thừa những bản dịch. Khi tất cả những so sánh này đã được thực hiện một cách thành thật bởi việc sử dụng lý trí, kẻ ngoại cuộc sẽ phát hiện ra rằng mình đang có những nguyên do rất tốt cho sự lãnh đạm của mình. Cô ta sẽ phát hiện ra rằng cô ta không có lý do tốt để yêu cầu anh trai của cô ta thay mặt cho cô ta chiến đấu để bảo vệ đất nước “của chúng ta”. Cô ta sẽ nói: “Đất nước ‘của chúng ta’ trong suốt phần lớn lịch sử của nó đã đối xử với tôi như một nô lệ; nó đã khước từ ban cho tôi học vấn hay bất kỳ phần chia nào trong những quyền sở hữu của nó. Đất nước ‘của chúng ta’ sẽ thôi là của tôi nếu tôi cưới một người nước ngoài. Đất nước ‘của chúng ta’ khước từ không cho tôi những phương tiện để tự bảo vệ, buộc tôi phải trả một khoản tiền lớn hàng năm để những người khác bảo vệ tôi, và rất ít khả năng, thậm chí là thế, bảo vệ tôi đến nỗi câu Đề phòng máy bay oanh tạc được viết trên tường. Do đó nếu anh khẳng định bảo là đang chiến đấu để bảo vệ tôi, hay đất nước ‘của chúng ta’, chúng ta

hãy hiểu, một cách tinh táo và có lý trí giữa chúng ta, rằng anh đang chiến đấu để thỏa mãn một bản năng giới tính mà tôi không thể chia sẻ; để thu lại những lợi ích mà tôi không chia sẻ và có lẽ sẽ không chia sẻ; nhưng không hề thỏa mãn cho những bản năng của tôi, hay để bảo vệ tôi hay đất nước của tôi. Kẻ ngoại cuộc sẽ nói: “Bởi trên thực tế, với tư cách một phụ nữ, tôi không có đất nước. Với tư cách một phụ nữ tôi không cần đất nước. Với tư cách một phụ nữ đất nước của tôi là toàn thế giới.” Và nếu, khi lý trí đã nói hết lời, vẫn còn sót một cảm xúc ngoan cố nào đó, một tình yêu nước Anh nào đó từng được rót vào đôi tai của một đứa trẻ bởi tiếng quạ kêu trên một cây du, bởi tiếng sóng vỗ trên một bãi biển, hay bởi những giọng Anh thì thầm những giai điệu ru con, giọt cảm xúc thuần khiết, nếu phi lý này, cô ta sẽ buộc nó phục vụ mình để trao cho nước Anh trước tiên là những gì cô ta ao ước về hòa bình và tự do cho toàn thế giới.

Vậy đó là bản chất của “sự lãnh đạm” của cô ta và từ sự lãnh đạm này phải kéo theo những hành động nhất định. Cô ta sẽ tự buộc mình không chia sẻ trong những biểu hiện yêu nước; không tán thành bất kỳ hình thức tự hào dân tộc nào; không tham gia vào bất kỳ nhóm người hay bè phái nào cổ vũ chiến tranh; không hiện diện trong những cuộc trình diễn, giải thi đấu, diễu hành, lễ trao giải quân sự nào và những thứ lễ nghi cổ vũ cho khát khao áp đặt nền văn minh “của chúng ta” hay sự thống trị “của chúng ta” lên những người khác. Hơn nữa, tâm lý của đời sống riêng bảo đảm cho niềm tin rằng việc con gái của những người đàn ông trí thức sử dụng thái độ lãnh đạm này sẽ giúp ngăn chặn chiến tranh một cách hữu hiệu. Vì dường như tâm lý học chỉ ra rằng người ta sẽ khó hành động hơn nhiều khi những người khác lãnh đạm và cho phép họ hoàn toàn thoát khỏi hành động so với khi những hành động của họ được biến thành trung tâm của cảm xúc kích động. Một cậu bé vênh vác thổi kèn trumpet ở bên ngoài cửa sổ: nài nỉ nó ngưng; nó tiếp tục; không nói gì; nó ngưng. Vậy việc con gái của những người đàn ông trí thức sẽ không cho anh em trai của họ cái lông chim trắng của sự hèn nhát hay cái lông chim đỏ của lòng dũng cảm, không thứ lông nào hết; việc họ sẽ nhắm những đôi mắt sáng gieo rắc ảnh hưởng, hay để cho những đôi mắt nhìn sang chỗ khác khi chiến tranh được thảo luận chính là bốn phận mà những kẻ ngoại cuộc sẽ tự rèn luyện trong hòa bình trước sự đe dọa của cái chết mà nhất định sẽ khiến cho lý trí trở nên bất lực.

Vậy đó là một số phương pháp mà nhờ đó cái tổ chức ẩn danh và bí mật, Hiệp hội của Những kẻ ngoại cuộc sẽ giúp ông ngăn chặn chiến tranh và đảm bảo tự do, thừa ông. Dù ông gán cho chúng bất kỳ giá trị nào, ông sẽ đồng ý rằng chúng là những bốn phận mà giới tính của chính ông sẽ thấy

rằng khó thực hiện chúng hơn giới tính của chúng tôi; và thêm nữa, những bốn phạm này đặc biệt phù hợp với con gái của những người đàn ông trí thức. Bởi họ sẽ cần có một hiểu biết sơ sài về tâm lý của những người đàn ông trí thức, và đầu óc của những người đàn ông trí thức được rèn luyện nhiều hơn, ngôn từ của họ tinh tế hơn đầu óc và ngôn từ của những người đàn ông lao động.^(XVI) Có những bốn phạm khác nữa, tất nhiên - nhiều bốn phạm trong số đó đã được phác thảo trong những lá thư gửi các vị thủ quỹ danh dự. Nhưng trước nguy cơ của một sự lặp lại nào đó chúng ta hãy lặp lại chúng một cách mạnh mẽ và nhanh chóng, để chúng có thể hình thành một nền tảng cho một hiệp hội của những kẻ ngoại cuộc. Đầu tiên, họ sẽ buộc mình vào công việc kiếm sống. Tầm quan trọng của việc này với ý nghĩa là một phương pháp chấm dứt chiến tranh rất hiển nhiên; áp lực đủ đã được đặt lên trên sự thuyết phục mang tính vượt trội của một ý kiến dựa trên sự độc lập kinh tế so với một ý kiến không dựa trên nguồn thu nhập nào cả hoặc dựa trên một quyền tinh thần đối với một thu nhập khiến không cần phải có thêm chứng cứ. Theo đó, một kẻ ngoại cuộc phải biến việc nhấn mạnh vào một khoản lương để sống trong mọi ngành nghề hiện đang mở ra cho giới tính của cô ta thành công việc của mình; hơn nữa cô ta phải tạo ra những nghề nghiệp mới mà trong đó cô ta có thể đạt được quyền có một ý kiến độc lập. Do đó cô ta phải tự buộc mình nhấn mạnh vào một khoản tiền lương cho người lao động không lương trong giai tầng của chính mình - con gái và chị em gái của những người đàn ông trí thức mà, như những tiểu sử đã cho thấy, hiện đang được trả công bằng hiện vật, với thực phẩm, nơi ở và một khoản thù lao còm cõi 40 bảng một năm. Nhưng trên hết cô ta phải nhấn mạnh vào một khoản tiền lương được nhà nước trả một cách hợp pháp cho những bà mẹ của những người đàn ông trí thức. Tầm quan trọng của điều này đối với cuộc đấu tranh chung của chúng ta là không thể đo lường; bởi nó là phương cách hiệu quả nhất mà trong đó chúng ta có thể đảm bảo rằng giai tầng to lớn và rất danh giá của những phụ nữ đã kết hôn sẽ có một tâm hồn và ý chí của chính họ, mà với chúng cô ta sẽ ủng hộ chồng mình, nếu tâm hồn và ý chí của anh ta là tốt trong đôi mắt của cô ta, hoặc chống đối anh ta nếu là xấu, trong bất kỳ trường hợp nào cô ta sẽ thôi là “người phụ nữ của anh ta” và trở thành chính bản thân mình. Ông sẽ đồng ý, thưa ông, nếu không có bất kỳ lời vu khống nào đối với vị phu nhân mang cái tên của ông, việc bà ta phụ thuộc vào thu nhập của ông sẽ ảnh hưởng tới một thay đổi tế vi và không mong muốn trong tâm lý của ông. Ngoài điều đó, phương pháp này có tầm quan trọng trực tiếp đối với chính các ông,

trong cuộc chiến đấu của chính các ông vì tự do, bình đẳng và hòa bình, đến độ nếu có bất kỳ điều kiện nào được gắn liền với đồng ghi-nê thì nó sẽ là điều kiện này: ông sẽ cung cấp một khoản lương do nhà nước trả cho những người mà nghề của họ là kết hôn và làm mẹ. Hãy xét xem, thậm chí trước nguy cơ của một sự lạc đề, điều này sẽ tác động thế nào đến sinh suất, trong chính tầng lớp nơi sinh suất đang giảm sút, trong chính tầng lớp nơi những vụ sinh đẻ là đáng mong chờ - tầng lớp trí thức. Cũng giống như khi việc tăng lương cho lính tráng có kết quả, những tờ báo nói, với những đợt tuyển quân bổ sung cho lực lượng của những người mang vũ khí, sự khích lệ tương tự cũng sẽ phục vụ cho việc tuyển mộ lực lượng sinh đẻ, mà chúng ta khó lòng chối bỏ rằng cũng cần thiết được vinh danh không kém, nhưng do sự nghèo nàn của nó và sự khó nhọc vất vả của nó, hiện đang thất bại trong việc thu hút tân binh. Phương pháp đó có thể thành công ở nơi thứ được sử dụng hiện nay - sự lạm dụng và sự nhạo báng - đã thất bại. Nhưng điểm mấu chốt, trước nguy cơ lạc đề xa hơn nữa, mà những kẻ ngoại cuộc sẽ nhấn mạnh với ông là một điểm có liên quan mật thiết tới cuộc sống của các ông với tư cách những người trí thức và danh dự và sinh lực của nghề nghiệp của các ông. Bởi nếu vợ ông được trả lương cho lao động của mình, công việc sinh đẻ và nuôi nấng con cái, một khoản lương thật sự, khiến nó trở thành một nghề hấp dẫn thay vì giống như trong hiện tại nó là một nghề không lương, một nghề không được trả lương hưu, và do đó là một nghề bấp bênh và hèn hạ, cảnh nô lệ của chính ông sẽ được soi sáng.(XVII) Ông không còn cần thiết phải tới văn phòng lúc chín giờ ba mươi và ở đó tới sáu giờ chiều. Công việc có thể được phân phối một cách bình đẳng. Những bệnh nhân có thể được gửi tới những người không mắc bệnh. Những bản tóm tắt hồ sơ tới nơi không có hồ sơ. Những bài báo có thể bị bỏ mặc không viết ra. Như vậy văn hóa sẽ được kích thích. Ông có thể nhìn thấy những cây ăn quả ra hoa vào mùa xuân. Ông có thể chia sẻ thời gian tươi đẹp nhất với con cái mình. Và sau khi thời kỳ đó kết thúc, ông không cần phải bị ném từ cỗ máy tới cái đồng phế liệu, không còn lại bất kỳ cuộc sống hay thú vui để đi dạo ở vùng ven của Bath hay Cheltenham dưới sự chăm sóc của một nô lệ không may. Ông sẽ không còn là kẻ đến thăm ngày Thứ bảy, con chim hải âu trên cổ của hiệp hội, kẻ nghiện sự thông cảm, tên nô lệ bị xì hơi đang kêu gọi sự bổ sung; hay, như Herr Hitler nói, vị anh hùng đòi hỏi sự tái tạo, hay như Signor Mussolini nói, người thương binh đòi hỏi những kẻ phụ thuộc giống cái để băng bó những vết thương của anh ta.(XVIII) Nếu nhà nước trả cho vợ ông một khoản lương để sống vì công việc của bà ta,

mà dù nó thiêng liêng, hầu như có thể gọi là thiêng liêng hơn công việc của một thư ký, thế nhưng công việc của anh ta được trả lương mà không có sự xúc phạm, thế nên công việc của bà ta cũng có thể như vậy - nếu bước này, vốn thậm chí còn thiết yếu với sự tự do của ông hơn của bà ta, được tiến hành, cái cối xay cũ kỹ mà trong đó người đàn ông chuyên nghiệp lúc này đi vòng tròn, thường là rất yếu ớt, với rất ít niềm vui cho ông ta hay lợi nhuận cho nghề của ông ta, sẽ vỡ toang; cơ hội của tự do sẽ là của ông; điều hạ thấp phẩm giá nhất trong mọi cảnh nô lệ, nô lệ tri thức, sẽ chấm dứt; nửa con người có thể trở nên toàn vẹn. Nhưng vì ba trăm triệu hay cỡ đó đã được chi cho những người cầm súng, khoản chi đó hiển nhiên là, xin dùng một từ được cung cấp bởi các chính khách, “bất khả thi”, và đã tới lúc quay sang những dự án khả thi hơn.

Khi đó những kẻ ngoại cuộc không chỉ tự buộc mình kiếm sống mà còn kiếm tiền một cách chuyên nghiệp đến nỗi việc họ từ chối kiếm tiền sẽ là một quan ngại đối với người chủ công việc. Họ sẽ tự buộc mình thủ đắc tri thức trọn vẹn về thực hành chuyên môn, và vạch trần bất kỳ trường hợp độc tài hay lạm dụng nào trong nghề của họ, Và họ sẽ tự buộc mình không tiếp tục kiếm tiền trong bất kỳ nghề nào, mà ngưng mọi sự cạnh tranh và thực hành nghề của họ một cách thực nghiệm, trong mỗi quan tâm tới nghiên cứu và vì tình yêu đối với bản thân công việc, khi họ đã kiếm đủ tiền để sống. Họ cũng tự buộc mình ở bên ngoài bất kỳ nghề nghiệp nào thù địch với tự do, như việc chế tạo hay cải tiến các thứ vũ khí chiến tranh. Và họ sẽ tự buộc mình khước từ không nhận văn phòng hay vinh dự từ bất kỳ hiệp hội nào mà trong lúc tuyên bố tôn trọng tự do lại hạn chế nó, như những trường đại học của Oxford và Cambridge. Và họ sẽ xem bốn phận của họ là điều tra những đòi hỏi của tất cả các hiệp hội công cộng, như Giáo hội và các trường đại học mà họ bị buộc phải đóng góp với tư cách những người nộp thuế một cách thận trọng và không e sợ ngang bằng với việc họ sẽ điều tra những đòi hỏi của các hiệp hội tư nhân mà họ đóng góp vào đó một cách tự nguyện. Họ sẽ xem việc thâm cứu tài sản hiến tặng của các trường trung học và đại học và các đối tượng sử dụng số tiền đó là công việc của họ. Ở nghề nghiệp giáo dục cũng thế, và ở nghề nghiệp tôn giáo cũng thế. Bằng cách đọc đầu tiên là Kinh Tân Ước, kế tiếp là những thánh thần và sử gia mà toàn bộ tác phẩm của họ đều có thể tiếp cận dễ dàng đối với con gái của những người đàn ông trí thức, họ sẽ biến việc có một kiến thức nào đó về đạo Công giáo và lịch sử của nó thành công việc của họ. Ngoài ra họ sẽ tự tìm hiểu về thực hành của tôn giáo đó bằng cách tham gia các dịch vụ Giáo hội, bằng cách phân tích giá trị tinh thần và trí tuệ của các bài thuyết giảng; bằng cách phê phán những ý kiến của đàn ông hành nghề tôn giáo một cách

tự do ngang với việc họ sẽ phê phán ý kiến của bất kỳ đoàn thể nào khác của nam giới. Như vậy họ sẽ trở nên sáng tạo trong những hoạt động của mình, không chỉ phê phán mà thôi. Bằng cách phê phán nền giáo dục họ sẽ giúp tạo nên một xã hội văn minh bảo vệ văn hóa và tự do trí tuệ. Bằng cách phê phán tôn giáo họ sẽ cố gắng giải phóng tinh thần tôn giáo khỏi tình trạng nô lệ hiện nay của nó, và sẽ giúp, nếu cần, tạo nên một tôn giáo mới mà rất có thể dựa trên nền tảng Kinh Tân Ước, nhưng, cũng rất có thể rất khác với tôn giáo hiện nay vốn được xây dựng dựa trên nền tảng đó. Và trong tất cả những việc làm vốn nhiều hơn mức chúng ta có thời gian để cụ thể hóa này họ sẽ được giúp đỡ, ông sẽ đồng ý, bởi vị trí của họ với tư cách là những kẻ ngoại cuộc, để tự do thoát khỏi những lòng trung thành không có thật đó, để tự do thoát khỏi những động cơ vụ lợi hiện đang được bảo đảm bởi nhà nước.

Sẽ dễ dàng xác định ở một con số lớn hơn và chính xác hơn các bốn phạm của những kẻ thuộc về Hiệp hội của Những kẻ ngoại cuộc, nhưng không có khả năng sinh lợi. Sự linh hoạt là điều thiết yếu: và một mức độ kín đáo nào đó, như sẽ được chỉ ra sau, hiện tại thậm chí còn thiết yếu hơn. Nhưng sự miêu tả sơ sài và chưa hoàn hảo như thế cũng đủ để chỉ cho ông thấy, thưa ông, rằng Hiệp hội của Những kẻ ngoại cuộc có cùng những mục đích như hiệp hội của ông - tự do, bình đẳng, hòa bình; nhưng nó tìm cách đạt được chúng bằng những phương tiện vốn của một giới tính khác, một truyền thống khác, một nền giáo dục khác và các giá trị khác là kết quả của những khác biệt đó; những phương tiện đó đã nằm trong tầm với của chúng tôi. Nói rộng ra, sự khác biệt chủ yếu giữa chúng tôi, những kẻ nằm bên ngoài lề xã hội và các ông, những kẻ nằm bên trong lòng xã hội phải là việc trong lúc ông sẽ tận dụng các phương tiện được cung cấp bởi vị trí của ông - các liên đoàn, các cuộc hội thảo, các chiến dịch, những cái tên lớn, và tất cả những biện pháp công cộng đại loại như tài sản của ông và tầm ảnh hưởng chính trị đặt trong tầm với của ông - chúng tôi, vẫn còn ở ngoài lề, sẽ thực nghiệm không phải với các phương tiện công cộng mà với các phương tiện riêng tư trong sự riêng tư. Các thực nghiệm sẽ không chỉ có tính phê phán mà còn có tính sáng tạo. Hãy đơn cử hai trường hợp hiển nhiên: - những kẻ ngoại cuộc sẽ không cần tới sự phô trương hào nhoáng không phải từ sự ghét bỏ khắt khe đối với cái đẹp. Trái lại, một trong các mục đích của họ sẽ là gia tăng vẻ đẹp riêng tư; vẻ đẹp của mùa xuân, mùa hạ, mùa thu; vẻ đẹp của những bông hoa, lụa là, quần áo; vẻ đẹp vốn tràn lan không chỉ mọi cánh đồng và khu rừng mà cả mọi chiếc xe cút kít trên phố Oxford; vẻ đẹp

rải rác vốn chỉ cần được kết hợp lại bởi những nghệ sĩ để trở nên hữu hình đối với tất cả. Nhưng họ sẽ không cần tới sự phô trương chính thức, đầy chất mệnh lệnh mà trong đó chỉ một giới tính nắm giữ vai trò chủ động - chẳng hạn những nghi thức đó, vốn tùy thuộc vào những cái chết của các vị vua, hay các lễ đăng quang của họ để tạo cảm hứng. Xin nhắc lại, họ sẽ không cần tới những phân biệt cá nhân - những tấm huy chương, những dải ruy băng, những huy hiệu, những mũ trùm đầu, những áo thụng - không phải từ bất kỳ sự ghét bỏ nào đối với sự tô điểm cá nhân, mà vì tác động hiển nhiên của những phân biệt đó để xiết chặt, để công thức hóa và để hủy diệt. Ở đây, như rất thường lệ, có ví dụ của những nhà nước phát xít nằm bên cạnh để hướng dẫn chúng ta - bởi nếu chúng ta không có ví dụ về thứ chúng ta muốn trở thành, chúng ta có thứ có lẽ có giá trị tương đương, một ví dụ hàng ngày và có tính minh họa về thứ mà chúng ta không muốn trở thành. Với ví dụ này, việc họ cho chúng ta quyền lực của những tấm huy chương, những biểu tượng, phẩm cấp và thậm chí, dường như vậy, cả những bình đựng mực được trang trí (XIX) để thôi miên đầu óc con người, mục đích của chúng ta phải là không để cho bản thân bị cuốn vào tình trạng bị thôi miên đó. Chúng ta phải dập tắt ánh sáng hào nhoáng thô tục của quảng cáo và quảng bá, không chỉ vì ánh đèn sân khấu có khuynh hướng được duy trì trong những bàn tay bất tài, mà còn vì tác động tâm lý của sự soi sáng đó lên những ai tiếp nhận nó. Hãy nghĩ xem, lần tới khi ông lái xe dọc theo một con đường nông thôn, thái độ của một con thỏ nằm trong quầng sáng của một bóng đèn trước - đôi mắt đờ đẫn của nó, những bàn chân cứng đờ của nó. Phải chăng đó không phải là một nguyên nhân tốt để suy nghĩ mà không cần ra khỏi đất nước của chúng ta, rằng “những thái độ đó”, những vị trí sai lầm và không thật bị chiếm bởi hình thức con người ở Anh cũng như ở Đức, là do cái ánh đèn sân khấu vốn làm tê liệt hành động tự do thoải mái của các cơ quan con người và ngăn chặn khả năng thay đổi và sáng tạo những cái hoàn toàn mới của con người cũng nhiều ngang với một ánh đèn trước xe hơi làm tê liệt con vật bé nhỏ chạy từ trong bóng tối vào vùng sáng của nó?

Nhưng suy đoán thế đã đủ rồi. Xin quay lại các thực tế - có cơ hội nào, ông có thể hỏi, để một Hiệp hội của Những kẻ ngoại cuộc không có văn phòng, không có các cuộc họp, các vị lãnh đạo hay bất kỳ hệ thống thứ bậc nào, không có đến cả một mẫu đơn để điền vào, hay một thư ký để trả lương, có thể trở nên hiện hữu, chưa nói đến việc hoạt động cho bất kỳ mục

đích nào? Thật ra sẽ chỉ lãng phí thời gian để viết ngay cả một định nghĩa thô thiển nhất về Hiệp hội của Những kẻ ngoại cuộc bởi nó chỉ là một mớ từ ngữ, một hình thức che đậy của sự tuyên dương giới tính hay tầng lớp, nhằm phục vụ, như rất nhiều thể hiện khác đại loại, cho việc giải phóng cảm xúc của người viết, quy trách nhiệm cho nơi khác, và rồi nổ tung. Thật vạn hạnh là có một người mẫu hiện hữu, một người mẫu từ đó bản phác họa bên trên được vẽ ra một cách lén lút, điều đó đúng, vì người mẫu đó, thay vì ngồi im để được vẽ, di chuyển lắc léo lại qua và biến mất. Vậy người mẫu đó, cái chứng cứ rằng một cơ thể như thế, dù có tên hay không tên, tồn tại và hoạt động chưa được cung cấp bởi lịch sử hay tiểu sử, bởi những kẻ ngoại cuộc chỉ mới có một hình thức hiện hữu tích cực cách đây hai mươi năm - đó là từ khi các nghề chuyên môn được mở ra cho con gái của những người đàn ông trí thức. Nhưng chứng cứ của sự hiện hữu của họ mà đôi khi nằm công khai trong những dòng chữ, đôi khi kín đáo nằm giữa chúng được cung cấp bởi lịch sử và tiểu sử dạng thô sơ - những tờ báo. Ở đó, bất kỳ người nào muốn thẩm tra sự tồn tại của một cơ thể như thế, có thể tìm thấy vô số chứng cứ. Nhiều chứng cứ, điều đó hiển nhiên, có giá trị đáng ngờ. Ví dụ, sự kiện rằng một con số lớn các công việc được thực hiện bởi con gái của những người đàn ông trí thức mà không được trả lương hay trả rất ít không cần thiết phải được xem như là một chứng cứ rằng họ đang thực nghiệm ý chí tự do của chính họ trong giá trị tâm lý của sự nghèo nàn. Thực tế rằng nhiều cô con gái của những người đàn ông trí thức không “ăn đúng cách” (XX) không cần phục vụ như là một chứng cứ rằng họ đang thực nghiệm trong giá trị vật chất của sự ăn uống dưới mức dinh dưỡng. Thực tế rằng một tỷ lệ rất nhỏ phụ nữ so với đàn ông chấp nhận các vinh dự cũng không cần được đưa ra để chứng minh rằng họ đang thực nghiệm những đạo đức của sự ẩn danh. Nhiều thực nghiệm như thế là những thực nghiệm bị ép buộc và do đó không có giá trị tích cực. Nhưng các thực nghiệm khác của một dạng tích cực hơn nhiều đang xuất hiện hàng ngày trên mặt báo. Chúng ta hãy kiểm tra chỉ ba trường hợp để chúng tôi có thể chứng minh phát biểu của chúng tôi rằng Hiệp hội của Những kẻ ngoại cuộc đang tồn tại. Trường hợp đầu tiên khá thẳng thắn.

Phát biểu ở một cửa hàng phúc thiện hồi tuần trước ở Nhà thờ Plumstead Common Baptist, Thị trường phu nhân (của Woolwich) đã nói: “...bản thân tôi sẽ không làm ngay cả một việc như mạng lại vớ để giúp đỡ trong một cuộc chiến.” Những nhận xét này làm phật lòng đa số công chúng ở

Woolwich, những người cho rằng bà Thị trưởng, nói nhẹ nhàng nhất, khá là thiếu lịch thiệp. Khoảng 12.000 cử tri Woolwich được tuyển dụng vào kho đạn Woolwich để chế tạo vũ khí. (XXI)

Không cần bình phẩm về sự thiếu lịch thiệp của một câu phát biểu trước công chúng như thế, trong những hoàn cảnh như thế, nhưng sự dũng cảm chắc chắn phải gọi lòng ngưỡng mộ của chúng ta, và giá trị của thực nghiệm này, từ một quan điểm thực hành, nếu những bà thị trưởng khác ở những thị trấn khác và quốc gia khác nơi các cử tri được tuyển dụng chế tạo vũ khí cũng làm theo, thì không thể đo lường hết. Ở bất cứ giá nào, chúng ta sẽ đồng ý rằng Thị trưởng phu nhân Woolwich, bà Kathleen Rance, đã thực hiện một thực nghiệm dũng cảm và hiệu quả trong việc ngăn chặn chiến tranh bằng cách không đan những chiếc vớ. Với chứng cứ thứ hai rằng những kẻ ngoại cuộc đang hoạt động, chúng ta hãy chọn một ví dụ khác từ nhật báo, một ví dụ ít hiển nhiên hơn, nhưng ông vẫn sẽ đồng ý là thực nghiệm của một kẻ ngoại cuộc, một thực nghiệm rất độc đáo và có giá trị lớn lao cho chính nghĩa hòa bình.

Khi nói về hoạt động của các hội tình nguyện lớn đối với việc chơi một số môn thể thao cụ thể, cô Clarke [cô E. R. Clarke của Ủy ban Giáo dục] đề cập tới các hội của phụ nữ về khúc côn cầu, lacrosse, bóng rổ và cricket, và chỉ ra rằng theo những nguyên tắc sẽ không thể có chiếc cúp hay bất kỳ loại giải thưởng cho một đội thắng. “Cánh cổng” đối với những trận đấu của họ có thể nhỏ hơn một chút so với các môn chơi của nam giới, nhưng các cầu thủ của họ thi đấu vì tình yêu dành cho nó, và dường như họ đang chứng minh rằng những chiếc cúp và những giải thưởng là không cần thiết để kích thích mối quan tâm vì con số cầu thủ tiếp tục tăng đều mỗi năm. (XXII)

Ông sẽ đồng ý rằng đó là một thực nghiệm thú vị lạ lùng, một thực nghiệm có thể mang tới một thay đổi về mặt tâm lý của giá trị lớn trong bản chất con người, và một thay đổi có thể thật sự giúp ngăn chặn chiến tranh. Nó còn thú vị hơn nữa vì nó là một thực nghiệm mà những kẻ ngoại cuộc, với sự tự do tương đối từ những hạn chế và niềm tin nhất định, có thể thực hiện dễ dàng hơn nhiều so với những kẻ cần được phơi bày trước những tác động bên trong như thế. Phát biểu đó được củng cố theo một cách rất thú vị bởi trích dẫn sau:

Giới bóng đá chính thức ở đây [Wellingborough, Northants] quan tâm với chút bản khoăn sự phổ biến gia tăng của bóng đá nữ. Một cuộc họp bí mật của ủy ban cố vấn của Hiệp hội bóng đá Northants đã được tổ chức tại đây tối qua để thảo luận về việc thi đấu của một trận bóng đá nữ trên sân

Peterborough. Các thành viên của Ủy ban khá kín đáo... Tuy nhiên, hôm nay một thành viên đã nói: “Hiệp hội bóng đá Northants Football Association muốn cấm bóng đá nữ. Sự thịnh hành của bóng đá nữ xuất hiện khi nhiều câu lạc bộ nam giới trong nước đang trong tình trạng khó khăn do thiếu sự ủng hộ. Một khía cạnh nghiêm trọng khác là khả năng bị chấn thương trầm trọng đối với nữ cầu thủ.”(XXIII)

Ở đó chúng ta có chứng cứ tích cực về những hạn chế và niềm tin vốn khiến cho giới tính của ông khó thực nghiệm một cách tự do trong việc thay đổi các giá trị đương thời hơn giới tính của chúng tôi; và nếu không dành thời gian cho những vấn đề tế nhị của phân tích tâm lý, thậm chí một cái nhìn thoáng qua vội vã vào những lý do đưa ra bởi hiệp hội này đối với quyết định của nó sẽ rọi một ánh sáng có giá trị lên những lý do dẫn các hội khác thậm chí quan trọng hơn tới các quyết định của chúng. Nhưng ta phải quay lại với các thực nghiệm của những kẻ ngoại cuộc. Với ví dụ thứ ba, chúng ta hãy chọn cái mà chúng ta có thể gọi là một thực nghiệm về tính thụ động.

Một thay đổi đáng kể trong thái độ của phụ nữ trẻ đối với Giáo hội đã được thảo luận bởi Canon F. A. Barry, cha sở của nhà thờ St Mary the Virgin (Nhà thờ của trường đại học), hồi tối qua ở Oxford... Công việc trước Giáo hội, ông nói, không là gì khác ngoài việc tạo ra đạo đức văn minh, và đây là một công việc có tính hợp tác lớn đòi hỏi tất cả những gì tin đồ có thể mang tới cho nó. Đơn giản là nó không thể được thực hiện chỉ thông qua nam giới. Suốt một thế kỷ hoặc hai, phụ nữ đã chiếm đa số trong những giáo đoàn với tỷ lệ đại khái là 75% trên 25%. Hiện nay toàn cảnh đang thay đổi, và điều mà một quan sát viên tinh ý sẽ nhận ra trong hầu hết bất kỳ nhà thờ nào ở Anh là sự khan hiếm phụ nữ trẻ... Trong số lượng sinh viên, nữ thanh niên, nói một cách tổng quát, đã rời xa khỏi Giáo hội Anh và niềm tin Công giáo hơn nam thanh niên.(XXIV)

Một lần nữa, đó là một thực nghiệm rất đáng quan tâm. Nó là, như chúng ta đã nói, một thực nghiệm có tính thụ động. Bởi trong lúc ví dụ đầu tiên là một khước từ thẳng thừng không đan vớ để phản đối chiến tranh, và ví dụ thứ hai là một nỗ lực để chứng minh những chiếc cúp và các giải thưởng có cần thiết để kích thích sự quan tâm tới các môn thi đấu thể thao hay không, ví dụ thứ ba là một nỗ lực để khám phá điều gì xảy ra nếu con gái của những người đàn ông trí thức không có mặt ở nhà thờ. Dù bản thân nó không có nhiều giá trị hơn hai ví dụ kia, nó có một quan tâm mang tính thực

hành hơn vì rõ ràng nó là loại thực nghiệm mà đại đa số những kẻ ngoại cuộc có thể thực hành với rất ít khó khăn hay nguy hiểm. Không có mặt ở nơi nào đó - điều đó dễ hơn nói lớn tiếng ở một cửa hàng phúc thiện, hay soạn thảo những nguyên tắc của một môn thể thao thi đấu. Do đó thực nghiệm này đáng được quan sát rất thận trọng để xem nó có tác động gì - nếu có. Các kết quả rất tích cực và chúng có tính cổ vũ. Không còn ngờ gì rằng Giáo hội đang trở nên quan ngại về thái độ đối với Giáo hội của con gái những người đàn ông trí thức ở các trường đại học. Có bản Báo cáo của Hội đồng Tổng giám mục về Nữ giáo đoàn để chứng minh điều này. Tài liệu này, giá chỉ có một shilling và nên có trên tay của tất cả các cô con gái của những người đàn ông trí thức, chỉ ra rằng ‘một khác biệt nổi bật giữa các trường nam cao đẳng và nữ cao đẳng là sự vắng mặt của cái nói sau trong hàng giáo sĩ.’ Nó phản ánh rằng “Tự nhiên là trong thời kỳ này của đời họ, họ (các sinh viên) thực hiện tới hết khả năng phê phán của mình.” Nó lấy làm tiếc cho thực tế rằng “Rất ít phụ nữ hiện đang học ở các trường đại học có thể có đủ sức để tiếp tục cung cấp sự phục vụ tự nguyện trong công việc xã hội hay trong chính công việc tôn giáo.” Và nó kết luận rằng “Có rất nhiều lĩnh vực đặc biệt mà trong đó những sự phục vụ như vậy là đặc biệt cần thiết, và thời điểm rõ ràng đã đến khi các chức năng và vị trí của phụ nữ trong Giáo hội đòi hỏi sự quyết tâm cao hơn.”(XXV) Mỗi quan ngại này có phải do những nhà thờ trống vắng ở Oxford không, hay có phải tiếng nói của “những nữ học sinh lớn tuổi hơn” ở Isleworth đang biểu hiện “sự bất mãn rất trầm trọng với cách thức mà trong đó tôn giáo có tổ chức cư xử” (XXVI) đã bằng cách nào đó thâm nhập vào những lĩnh vực oai nghiêm nơi giới tính của họ được cho là không thể phát ngôn hay không, hay có phải giới tính duy tâm một cách bất khả giải đoán của chúng tôi rất cuộc đã bắt đầu lọt vào tầm cảnh báo của Tổng giám mục Gore, “Đàn ông không coi trọng những hoạt động phụng sự mà không phải trả tiền,” (XXVII) và bày tỏ quan điểm rằng một khoản lương 150 bảng một năm - mức cao nhất mà Giáo hội cho phép các cô con gái của mình hưởng với tư cách những nữ trợ tế - là không đủ; dù với lý do gì, sự bần khoản đáng kể với thái độ của con gái của những người đàn ông học thức rất rõ ràng; và thực nghiệm mang tính chất thụ động này, bất kể niềm tin của chúng tôi vào giá trị của Giáo hội Anh với tư cách một tổ chức tinh thần là gì, có tính chất động viên cao độ đối với chúng tôi với tư cách những kẻ ngoại cuộc. Bởi dường như nó chỉ ra rằng thụ động chính là chủ động; những thực nghiệm đó cũng phục vụ cho những kẻ vẫn còn ở bên ngoài. Bằng cách làm cho sự vắng mặt của

họ tạo nên cảm giác sự hiện diện của họ là đáng mong muốn. Thứ ánh sáng nào thực nghiệm này gieo rắc lên sức mạnh của những kẻ ngoại cuộc để xóa bỏ hay sửa đổi các thể chế khác mà họ không tán thành, có phải những bữa dạ tiệc công cộng, những bài phát biểu công cộng, những bữa đại tiệc của ngài thị trưởng và các nghi lễ lỗi thời rất dễ nhận phải sự lãnh đạm và sẽ sản sinh ra áp lực của nó hay không, là những câu hỏi, những câu hỏi lông bông vốn có thể giúp chúng ta tiêu khiển trong thời gian rỗi và kích thích sự tò mò của chúng ta. Nhưng lúc này đó không phải là đối tượng trước mặt chúng ta. Chúng tôi đã cố chứng minh cho ông, thưa ông, bằng cách đưa ra ba ví dụ khác nhau về ba loại thực nghiệm khác nhau mà Hiệp hội của Những kẻ ngoại cuộc đang thực thi và hiện hữu. Khi ông xét tới việc tất cả những ví dụ này đã xuất hiện trên mặt báo ông sẽ đồng ý rằng chúng đại diện cho một con số lớn hơn nhiều những thực nghiệm riêng tư và tiềm ẩn trong đó không có chứng cứ công cộng. Ông cũng sẽ đồng ý rằng chúng chứng minh cho mô hình xã hội đã đưa ra bên trên, và chứng minh rằng nó không phải là một phác họa hư ảo ngẫu nhiên mà dựa trên một đoàn thể có thật đang hoạt động với những phương tiện khác nhau vì cùng những mục đích mà ông đã đặt ra trước chúng tôi trong chính hiệp hội của ông. Những người quan sát tinh ý, như Canon Barry, có thể, nếu họ thích, phát hiện thêm nhiều chứng cứ rằng các thực nghiệm đang được tiến hành không chỉ trong những nhà thờ trống vắng của Oxford. Thậm chí ông Wells có thể dẫn tới niềm tin rằng nếu ông ghé tai xuống mặt đất một chuyển động đang tiến lên phía trước, không hoàn toàn không thể cảm nhận, của các cô con gái của những người đàn ông trí thức chống lại bọn Đức quốc xã và phát xít. Nhưng điều cốt yếu là chuyển động này sẽ thoát khỏi sự chú ý thậm chí của những người quan sát tinh ý và những tiểu thuyết gia nổi tiếng.

Sự kín đáo là điều thiết yếu. Chúng tôi vẫn phải che giấu điều chúng tôi đang làm và đang nghĩ ngay cả dù cho những gì chúng tôi đang làm và đang nghĩ là vì chính nghĩa chung của chúng ta. Sự cần thiết của điều này, trong những hoàn cảnh cụ thể, không khó phát hiện. Khi các mức lương thấp, như Whitake chứng minh, và việc làm khó tìm và khó giữ, như mọi người đều biết, thì “thà nói ít còn hơn sống sượng”, như tờ nhật báo đã viết, khi chỉ trích ông chủ của mình. Tuy nhiên, các huyện miền quê, như bản thân ông có thể nhận thức, những người lao động nông trại sẽ không bỏ phiếu cho đảng Lao động. Về mặt kinh tế, con gái của người đàn ông trí thức ở một cấp độ cao hơn nhiều so với lao động nông trại. Nhưng chắc chắn là chúng ta không cần phí thì giờ để tìm ra nguyên do gợi nên sự kín đáo của cả anh

ta lẫn cô ta. E sợ là một lý do mạnh mẽ; những người phụ thuộc về kinh tế có những lý do mạnh mẽ để e sợ. Chúng ta không cần thăm dò xa hơn. Nhưng ở đây ông có thể nhắc chúng tôi về một đồng ghi-nê cụ thể, và hướng sự chú ý của chúng tôi tới lời khoác lác tự hào rằng món quà của chúng tôi, dù nhỏ, đã biến không chỉ việc thiêu rụi một thế giới đòi bại cụ thể, mà cả việc nói một cách thoải mái, không chút sợ sệt hay tâng bốc trở thành điều khả dĩ. Dường như trong lời khoác lác này có một chút yếu tố khoe khoang. Dường như một nỗi sợ, một ký ức tổ tiên tiên đoán về chiến tranh vẫn còn ở đó. Vẫn còn đó những chủ đề mà những người trí thức, khi họ có giới tính khác nhau, dù độc lập về tài chính, che đậy hay ngụ ý bằng những từ ngữ thận trọng và sau đó cho qua. Ông có thể quan sát thấy điều này trong cuộc sống thực tế; ông có thể phát hiện ra nó trong tiểu sử. Ngay cả khi họ gặp và trò chuyện riêng tư, như chúng ta đã khoác lác, về “chính trị và dân chúng, chiến tranh và hòa bình, về man rợ và văn minh”, thế nhưng họ vẫn né tránh và che đậy. Nhưng vì sẽ không thể có tự do công cộng nếu không có tự do riêng tư, việc chúng tôi tự làm quen với những bốn phận của tự do ngôn luận quan trọng đến nỗi chúng tôi phải cố lột bỏ nỗi sợ này và đối mặt với nó. Vậy bản chất của nỗi sợ vẫn còn khiến cho sự che đậy trở nên cần thiết giữa những người trí thức và giảm thiểu sự tự do mang tính khoác lác của chúng ta thành một trò hề là gì thế?... Một lần nữa có ba dấu chấm; một lần nữa chúng đại diện cho một vực sâu - lần này là của sự im lặng, của sự im lặng gợi nên từ nỗi sợ. Và vì chúng ta thiếu cả sự dũng cảm lẫn kỹ năng để lý giải nó, chúng ta hãy hạ thấp tấm mạng che mặt của Thánh Paul giữa chúng ta, nói cách khác là tìm chỗ ẩn núp sau lưng một người thông dịch. Vạn hạnh thay, chúng ta có trong tay một thứ mà những phẩm chất của nó nằm trên sự hoài nghi. Nó không là gì khác hơn cuốn sách mỏng từ đó lời trích dẫn đã được sử dụng, bản báo cáo của Hội đồng Tổng giám mục về Nữ giáo đoàn - một tài liệu rất đáng quan tâm vì nhiều lý do. Bởi nó không chỉ tỏa ánh sáng của sự tìm kiếm và bản chất khoa học lên nỗi sợ này, mà còn cho chúng ta một cơ hội để cân nhắc về thứ nghề nghiệp, vì nó cao cấp nhất trong tất cả các nghề có thể xem là kiểu mẫu của tất cả, cái nghề tôn giáo, mà theo giả đoán có rất ít điều được nói ra về nó. Và vì nó là kiểu mẫu của tất cả, nó có thể soi sáng cho những nghề khác mà về chúng đã có điều gì đó được nói ra. Do vậy ông sẽ thứ lỗi cho chúng tôi nếu chúng ta tạm dừng ở đây để kiểm tra một số chi tiết của bản báo cáo này.

Hội đồng được bổ nhiệm bởi các Tổng giám mục xứ Canterbury và York để “kiểm tra bất kỳ nguyên tắc lý thuyết hay các nguyên tắc liên quan khác đã điều hành hoặc hẳn sẽ điều hành Giáo hội trong sự phát triển của Nữ

giáo đoàn.”(XXVIII) Hiện nay nghề tôn giáo, vì những mục đích của Giáo hội Anh của chúng ta, dù trên bề mặt có vẻ như giống với các nghề khác ở những phương diện nhất định - nó thụ hưởng, Whitaker nói, một nguồn thu nhập lớn, làm chủ nhiều tài sản, và có một hệ thống cấp bậc các chức sắc hưởng lương và có quyền ưu tiên hơn nghề khác - thế nên nó đứng trên tất cả mọi nghề nghiệp. Tổng giám mục xứ Canterbury cao cấp hơn ngài Đại pháp quan; Tổng giám mục xứ York cao cấp hơn ngài Thủ tướng. Nhưng chúng ta có thể hỏi, “tôn giáo” là gì? Công giáo mà đã được ấn định một lần và cho tất cả bởi người sáng lập của tôn giáo đó trong những ngôn từ có thể được đọc bởi tất cả trong một bản dịch đẹp đẽ tuyệt vời đó là gì; và dù chúng ta chấp nhận hay không chấp nhận sự diễn dịch đã được đặt lên chúng chúng ta không thể chối bỏ việc chúng là những từ có ý nghĩa sâu sắc nhất. Như vậy có thể nói một cách an toàn rằng trong lúc có khá ít người biết y học là gì hoặc luật pháp là gì, mỗi người làm chủ một cuốn Kinh Tân ước đều biết tôn giáo nghĩa là gì trong tâm trí của người sáng lập ra nó. Do đó, vào năm 1935, khi con gái của những người đàn ông trí thức nói rằng họ ước gì nghề tôn giáo mở ra cho họ, những giáo sĩ của nghề đó, những kẻ khá giống với các bác sĩ và luật sư ở các nghề khác, buộc phải đơn giản tham khảo một cuốn điều lệ hoặc bản tuyên bố đặc quyền nào đó vốn bảo lưu cái quyền thực hành nghề đó một cách chuyên nghiệp cho nam giới; họ buộc phải tham khảo Kinh Tân ước. Họ đã làm như thế; và kết quả, như Hội đồng chỉ ra, là họ phát hiện ra rằng “Kinh Phúc âm chỉ ra cho chúng ta rằng Chúa Trời của chúng ta xem nam và nữ như nhau với tư cách là những thành viên của vương quốc tinh thần, với tư cách là con cái trong gia đình của Chúa, và với tư cách là chủ sở hữu của cùng những năng lực tinh thần. Với chứng cứ này họ trích dẫn: “Không có nam hay nữ: vì tất cả các người là một trong Jesus Christ” (Gal. iii, 28). Vậy là dường như người sáng lập Công giáo tin rằng cả đào tạo lẫn giới tính đều không cần cho nghề nghiệp này. Ngài chọn các môn đồ từ tầng lớp lao động mà chính bản thân ngài xuất thân từ đó. Phẩm chất hàng đầu là một món quà hiếm hoi mà trong những ngày đầu đó được ban tặng một cách thất thường cho những người thợ mộc và ngư phủ, và cả phụ nữ. Như Hội đồng chỉ ra, không thể có hoài nghi nào rằng vào những ngày đầu đã có những nữ linh mục - những phụ nữ được truyền cho món quà thiêng liêng. Họ cũng được phép giảng đạo. Ví dụ, Thánh Paul đã xác định rằng phụ nữ, khi cầu nguyện trong đám đông, nên che mặt lại. “Ngụ ý là nếu che mặt một phụ nữ có thể tiên tri (tức là giảng đạo) và xướng lời cầu nguyện.” Vậy làm sao họ có thể bị trục xuất

ra khỏi hàng giáo đồ vì chính người sáng lập tôn giáo và một trong các tông đồ của ngài cho là họ thích hợp để giảng đạo? Đó là câu hỏi và Hội đồng giải quyết nó bằng cách viện tới không phải là ý định của người sáng lập, mà là ý định của Giáo hội. Tất nhiên điều đó bao gồm một sự phân biệt. Bởi lẽ ý định của Giáo hội phải được diễn dịch bởi một đầu óc khác, và ý định đó là ý định của Thánh Paul; và Thánh Paul, khi diễn dịch ý định đó, đã thay đổi ý định của mình. Vì sau khi triệu tập từ những chiều sâu của quá khứ những nhân vật đáng tôn kính nếu mơ hồ - Lydia Chloe, Euodia và Syntyche, Tryphoena và Tryphosa và Persis, thảo luận về địa vị của họ và quyết định đâu là sự khác biệt giữa một nữ giáo sĩ và nữ trợ tế, đâu là chỗ đứng của một nữ trợ tế trong Giáo hội thời kỳ tiền Nicene, một lần nữa các Ủy viên Hội đồng đã viện tới Thánh Paul và nói: “Trong bất kỳ trường hợp nào, rõ ràng là tác giả của Những lá thư của mục sư, dù là Thánh Paul hay một người khác, đã xem phụ nữ là bị cấm do nền tảng giới tính của họ khỏi vị trí của một “người thầy” chính thức trong Giáo hội, hay khỏi bất kỳ văn phòng nào liên quan tới việc thực hiện một thẩm quyền điều hành đối với một người đàn ông” (1 Tim. ii, 12). Điều đó, có thể nói thẳng, không thỏa đáng như nó có thể; vì chúng ta không thể hoàn toàn hòa hợp nguyên tắc của Thánh Paul hay một người khác với nguyên tắc của chính bản thân Jesus Christ, kẻ “xem nam và nữ như nhau với tư cách là những thành viên của cùng một vương quốc tinh thần và với tư cách những sở hữu chủ của cùng những năng lực tinh thần.” Nhưng lý sự cùn về ý nghĩa của những ngôn từ chỉ là vô ích, khi chúng ta nhận ra sự hiện diện của các thực tế rất sớm. Bất kể Christ hay Thánh Paul hàm ý thế nào, thực tế là trong thế kỷ bốn hoặc năm, nghề nghiệp tôn giáo đã được tổ chức chặt chẽ đến độ “người trợ tế (khác với người nữ trợ tế) có thể, ‘sau khi phục vụ một cách vừa lòng giáo đoàn được chỉ định cho ông ta’ có khả năng được bổ nhiệm vào những văn phòng cao cấp hơn trong Giáo hội; trong khi đối với những nữ trợ tế Giáo hội chỉ cầu nguyện rằng Chúa “sẽ ban cho cô ta tinh thần linh thánh... để cô ta có thể hoàn thành một cách xứng đáng công việc được trao.” Có vẻ như trong các thế kỷ ba và bốn, linh mục hay nữ linh mục mà thông điệp của họ vốn tự nguyện và tự nhiên mà có đã trở nên tuyệt diệt; và vị trí của họ bị tước lấy bởi ba phẩm cấp giám mục, linh mục và trợ tế, vốn luôn luôn là những người đàn ông, và như Whitaker chỉ ra, luôn được trả lương, vì khi Giáo hội trở thành một nghề, các giáo sư của nó được trả lương. Như vậy nghề tôn giáo dường như có nguồn gốc khá giống với nghề viết văn hiện nay.[\(XXIX\)](#) Lúc đầu nó mở ra cho bất kỳ ai nhận được tài năng

thiên phú để tiên tri thấu thị. Không cần tới sự đào tạo nào cả; các yêu cầu nghề nghiệp đơn giản tới cùng - một giọng nói và một khu chợ, một cây bút và một tờ giấy. Ví dụ như Emily Brontë, kẻ đã viết:

Không linh hồn hèn nhát nào là của tôi
Không có kẻ nào run rẩy trong vùng giông bão của trần gian
Tôi nhìn thấy những cảnh vật lộng lẫy sáng chói của Thiên đường
Và niềm tin sáng chói tương đương, hướng tôi khỏi cơn sợ hãi
Hỡi Thượng đế trong lồng ngực tôi
Đấng toàn năng, Đấng thiêng liêng mãi hiện diện.
Sự sống trong tôi an nghỉ
Khi tôi - Sự sống vĩnh cửu - có quyền năng trong Ngài!

Dù không xứng đáng làm một giáo sĩ trong Giáo hội Anh, vẫn là truyền nhân tinh thần của một nữ linh mục xa xưa nào đó, kẻ đã từng tiên tri khi tiên tri là một nghề tự nguyện và không được trả lương. Nhưng khi Giáo hội trở thành một nghề, đòi hỏi kiến thức đặc biệt của những giáo sĩ của nó và trả lương để họ truyền đạt nó, có một giới tính nằm bên trong nó; giới tính kia bị trục xuất. “Những viên trợ tế vươn lên về mặt phẩm giá - một phần không ngờ gì từ sự liên kết chặt chẽ của họ với các giám mục - và trở thành những giáo sĩ thuộc cấp của sự tôn thờ và những lễ bí tích; nhưng người nữ trợ tế chỉ được chia sẻ vào những giai đoạn đầu tiên của sự tiến hóa này.” Việc sự tiến hóa này có tính chất sơ đẳng thế nào đã được chứng minh bởi thực tế rằng ở nước Anh năm 1938, lương của một tổng giám mục là 15.000 bảng; lương của một giám mục là 10.000 bảng và lương của một tu viện trưởng là 3.000 bảng. Nhưng lương của một nữ trợ tế là 150 bảng; còn về phần người “lao công xứ đạo”, kẻ “được triệu tập tới để giúp việc trong hầu hết mọi bộ phận của một đời sống xứ đạo”, kẻ mà công việc của cô ta đòi hỏi nhiều cố gắng và thường là cô độc...” cô ta được trả từ 120 đến 150 bảng một năm; cũng không có gì khiến cho chúng ta kinh ngạc trong câu phát biểu rằng “cầu nguyện cần là trung tâm của các hoạt động của cô ta”. Do vậy chúng ta thậm chí có thể đi xa hơn Các ủy viên Hội đồng và nói rằng sự tiến hóa của người nữ trợ tế không chỉ ở mức sơ đẳng, nó thật sự gây sửng sốt; vì dù cô ta được phong chức, và “thụ phong... mang một tính cách không thể tẩy gột và buộc phải phục vụ suốt đời,” cô ta phải ở lại bên ngoài Giáo hội, và xếp hạng dưới hàng một giáo sĩ nam khiêm tốn nhất. Đó là quyết định của Giáo hội. Vì Hội đồng, sau khi tham khảo ý định và

truyền thống của Giáo hội, cuối cùng đã báo cáo: “Trong khi Hội đồng với ý nghĩa một tổng thể không ủng hộ tích cực cho quan điểm rằng một phụ nữ thiếu khả năng về mặt thừa kế để tiếp nhận ân sủng của Giáo phẩm, và theo đó là sự chấp nhận vào bất kỳ hàng phẩm trật nào trong ba phẩm trật, chúng tôi tin rằng ý định chung của Giáo hội vẫn tuân theo truyền thống tiếp nối của một giáo giới đàn ông.”

Bằng cách chỉ ra rằng cái nghề cao cấp nhất trong mọi nghề có nhiều điểm tương đồng với các nghề khác, người diễn dịch của chúng ta, ông sẽ thừa nhận, đã rọi sáng hơn lên linh hồn hay bản chất của những nghề đó. Lúc này chúng ta phải yêu cầu ông ta giúp đỡ chúng ta, nếu ông ta muốn, để phân tích bản chất của nỗi sợ hãi vốn vẫn, như chúng ta đã thừa nhận, khiến chúng ta không thể nói một cách tự do như những người tự do sẽ nói. Một lần nữa ông ta có mặt ở đây để phục vụ. Dù tương đồng ở nhiều phương diện, một khác biệt rất sâu sắc giữa nghề tôn giáo và các nghề khác đã được lưu ý ở bên trên: Giáo hội, do là một nghề tinh thần, phải đưa ra những lý do tinh thần chứ không phải chỉ những lý do lịch sử cho những hành động của nó; nó phải tham khảo ý định, chứ không phải luật pháp. Do đó, khi con gái của những người đàn ông trí thức ao ước được chấp nhận hành nghề tôn giáo, dường như cũng đáng khuyên các Ủy viên Hội đồng đưa ra những nguyên do tâm lý chứ không chỉ những nguyên do lịch sử cho sự khước từ không chấp nhận họ. Do đó họ đã cho vời ông Grensted, D. D., Giáo sư về Triết lý Công giáo ở Đại học Oxford, và yêu cầu ông ta có một “tóm lược chất liệu tâm lý và sinh lý học thỏa đáng” để chỉ ra “những cơ sở cho các ý kiến và tư vấn do Hội đồng đưa ra”. Giờ là tâm lý học chứ không phải thần học; và là tâm lý của hai giới tính, như ngài giáo sư nhấn mạnh, và “sức nặng của nó lên hành vi của con người vẫn còn là một vấn đề dành cho các chuyên gia... và... sự diễn dịch của nó vẫn còn gây tranh cãi, về nhiều phương diện là khá mơ hồ.” Nhưng ông ta đưa ra chứng cứ về những gì xứng đáng, và nó là một chứng cứ soi rọi nhiều ánh sáng lên nguồn gốc của nỗi sợ mà chúng ta đã thừa nhận và lấy làm tiếc rằng chúng ta không thể làm điều gì tốt hơn ngoài việc làm theo những lời của ông ta một cách chính xác.

Chứng cứ được đưa ra (ông ta nói) trước Hội đồng rằng đàn ông có một quyền ưu tiên tự nhiên đối với phụ nữ. Quan điểm này, ở nhận thức định sẵn, không thể được ủng hộ về mặt tâm lý. Những nhà tâm lý học nhận thức đầy đủ thực tế của sự thống trị nam giới, nhưng điều này không được nhằm lẫn với sự siêu việt của nam giới, vẫn còn ít bất kỳ kiểu ưu tiên nào có thể có một sức nặng đặt lên những câu hỏi về khả năng có thể thu nạp của một giới tính so với giới kia vào các phẩm cấp linh thiêng.

Do đó, nhà tâm lý học chỉ có thể soi rọi ánh sáng lên những thực tế nhất định. Và đây là thực tế đầu tiên mà ông ta điều tra.

Rõ ràng là thực tế có tầm quan trọng thực chất lớn lao nhất chính là cảm giác mạnh mẽ được khơi gợi bởi bất kỳ đề xuất nào rằng phụ nữ nên được chấp nhận vào địa vị và các chức năng của ba hàng phẩm cấp của giáo đoàn. Chứng cứ trước Hội đồng chỉ ra rằng cảm giác này thù địch phần lớn đối với những đề nghị như thế... Cảm giác mạnh này, kết hợp với một loạt lý giải hợp lý khác nhau, là chứng cứ rõ ràng của sự hiện diện của động cơ vô thức mạnh mẽ và trải rộng. Với sự thiếu vắng chất liệu phân tích chi tiết, mà dường như không có ghi chép nào về nó trong mỗi liên kết đặc biệt này, tuy nhiên vẫn rõ ràng rằng sự quyến luyến ấu trĩ^[18] này đóng một vai trò chủ yếu trong việc quyết định cảm giác mạnh mà với nó toàn bộ chủ đề này đã được tiếp cận một cách phổ quát.

Bản chất chính xác của sự quyến luyến này nhất thiết phải khác với những cá thể khác nhau, và những đề xuất vốn được đưa ra với tư cách là nguồn gốc của nó chỉ có thể chung nhất về đặc điểm. Nhưng bất kể giá trị và sự diến dịch chính xác nào của chất liệu mà dựa vào đó các lý thuyết của “phức cảm Oedipus” và “phức cảm sợ bị thiếu” đã được xây dựng, rõ ràng rằng sự chấp nhận chung về sự thống trị của nam giới, và thêm nhiều sự thua kém của nữ giới, dựa trên những ý tưởng tiềm thức về phụ nữ như là “người đàn ông thiếu hụt” có nền tảng trong những khái niệm ấu trĩ của dạng này. Những khái niệm này nói chung, và thường thường, sống sót ở người trưởng thành, bất kể sự phi lý của chúng, và phản bội lại sự hiện diện của chúng, nằm bên dưới cấp độ tư duy có ý thức, bởi sức mạnh của những cảm xúc mà nó khơi dậy. Nó ủng hộ mạnh mẽ cho quan điểm rằng sự chấp nhận phụ nữ vào Phẩm cấp thiêng liêng, và đặc biệt là vào giáo đoàn của thánh đường, thường được xem là một điều đáng xấu hổ. Cảm giác xấu hổ này không thể xem là gì khác hơn một kiêng kỵ giới tính phi lý dù đặt dưới bất kỳ thứ ánh sáng nào khác.

Ở đây chúng ta có thể lấy lời của ngài giáo sư dành cho “chứng cứ thừa thãi của các lực lượng vô thức này” mà ông đã tìm kiếm và tìm thấy, cả trong các ngoại giáo lẫn trong Kinh Cựu ước, để từ đó ông đưa ra kết luận:

Đồng thời chúng ta không được quên rằng khái niệm của người Công giáo về việc làm giáo sĩ không dựa trên những yếu tố cảm xúc tiềm thức mà dựa trên thiết chế của Christ. Như vậy nó không chỉ thực hiện mà còn thể chỗ cho những giáo sĩ ngoại giáo và Kinh Cựu ước. Ở chừng mực liên quan tới tâm lý học, không có nguyên cơ về mặt lý thuyết vì sao địa vị giáo sĩ Công

giáo không nên được thực hành bởi phụ nữ cũng như bởi đàn ông trong chính xác cùng một ý nghĩa. Những khó khăn mà nhà tâm lý học nhìn thấy trước chỉ là về mặt cảm xúc và thực hành.(XXX)

Với kết luận đó, chúng ta có thể rời khỏi ông ta.

Các Ủy viên Hội đồng Tổng giám mục, ông sẽ đồng ý, đã thực hiện công việc tế nhị và khó khăn mà chúng ta yêu cầu họ làm. Họ đã hành động với tư cách những người diễn dịch giữa chúng ta. Họ đã đưa ra cho chúng ta một ví dụ đáng ngưỡng mộ về một nghề nghiệp trong trạng thái tinh thần nhất của nó; và chỉ cho chúng ta thấy một nghề chuyên môn dựa như thế nào vào ý định và truyền thống. Họ còn lý giải sâu xa hơn vì sao những người trí thức khi thuộc về những giới tính khác nhau không phát biểu công khai về những chủ đề nhất định. Họ đã chỉ ra vì sao những kẻ ngoại cuộc, thậm chí khi không có vấn đề phụ thuộc về tài chính, vẫn có thể e sợ phát biểu công khai hay thực nghiệm công khai. Và cuối cùng với những từ mang tính khoa học chính xác, họ đã hé lộ với chúng ta bản chất của nỗi sợ hãi đó. Vì như Giáo sư Grensted đã đưa ra chứng cứ, con gái của những người đàn ông trí thức dường như đang quan sát một nhà phẫu thuật đang làm việc - một nhà phẫu thuật khoa học và vô tư, kẻ đã mổ xẻ tâm trí con người bằng những phương tiện con người rồi bày ra cho tất cả nhìn thấy nguyên cơ nào, gốc rễ nào nằm ở dưới đáy nỗi sợ hãi của chúng ta. Nó là một quả trứng. Tên khoa học của nó là “sự quyến luyến ấu trĩ”. Chúng ta, vì thiếu khoa học, đã đặt sai tên gọi của nó. Chúng ta gọi nó là một quả trứng; một phôi thai. Chúng ta ngửi thấy nó trong bầu không khí; chúng ta phát hiện ra sự hiện diện của nó ở Whitehall, ở các trường đại học, trong Giáo hội. Giờ đây chắc chắn là Giáo sư đã xác định nó và mô tả nó chính xác đến nỗi không còn con gái của một người đàn ông trí thức nào, dù cô ta thiếu học vấn đến đâu, có thể gọi sai tên hay diễn dịch sai về nó trong tương lai. Hãy lắng nghe lời mô tả: “Cảm giác mạnh mẽ được khơi gợi ra bởi bất kỳ đề xuất nào rằng phụ nữ nên được tiếp nhận” - nó quan trọng không phải với địa vị giáo sĩ nào; giáo sĩ của y khoa hay giáo sĩ của khoa học hay giáo sĩ của Giáo hội. Cảm giác mạnh mẽ, cô ta có thể chứng thực cho Giáo sư, không ngờ gì nữa đã được phơi bày nếu cô ta yêu cầu được tiếp nhận. ‘Cảm giác mạnh mẽ này là chứng cứ rõ ràng của sự hiện diện của động cơ rất mạnh mẽ và thuộc về tiềm thức.’ Cô ta sẽ tiếp nhận lời của Giáo sư dành cho điều đó, và thậm chí còn cung cấp cho ông ta một số động cơ đã vượt thoát khỏi ông ta. Chúng ta hãy chỉ chú ý tới hai động cơ. Có động cơ vì

tiền để trục xuất cô ta, nói thẳng ra là vậy. Hiện nay có các động cơ vì tiền lương bất kể chúng là thế nào vào thời của Christ hay không? Ngài Tổng giám mục có 15.000 bảng, viên trợ tế 150 bảng, và Giáo hội, theo lời các Ủy viên Hội đồng, thì nghèo. Trả thêm cho những người phụ nữ sẽ có nghĩa là trả ít đi cho những người đàn ông. Thứ hai, có một động cơ, một thứ động cơ tâm lý, để trục xuất cô ta, nằm ẩn nấp dưới cái mà các Ủy viên Hội đồng gọi là “một quan tâm mang tính thực hành” hay không? “Hiện tại, một giáo sĩ đã kết hôn”, họ nói với chúng ta, “có thể hoàn thành các yêu cầu của lễ thụ phong ‘để từ bỏ và gác sang bên mọi quan tâm thế tục và nghiên cứu’ phần lớn là vì vợ ông ta có thể thực hiện việc chăm sóc gia đình và công việc nhà...”(XXXI) Có thể gạt sang bên mọi quan tâm thế tục và nghiên cứu và đặt nó lên một cá nhân khác là một động cơ, đối với một số người là một lực hấp dẫn lớn; vì không ngờ gì nữa, một số người ước ao được rút lui và nghiên cứu, như thần học với những nét tao nhã của nó và sự uyên bác với những phẩm chất tinh tế của nó chứng minh, đúng vậy, động cơ này là một động cơ tồi tệ, một động cơ xấu xa, nguyên do của sự phân cách giữa Giáo hội và nhân dân; giữa văn học và dân chúng; giữa chồng và vợ; góp phần vào việc đặt toàn thể nhân dân của chúng ta vào tình trạng lệch khớp với nhau. Nhưng bất kể những động cơ mạnh mẽ và thuộc về tiềm thức này nằm sau việc loại bỏ phụ nữ khỏi địa vị giáo sĩ là gì, và do chúng ta không thể lý giải chúng một cách rõ ràng, đừng nói tới việc đào sâu tới gốc rễ chúng ở đây, con gái của người đàn ông trí thức có thể chứng thực từ kinh nghiệm riêng của mình rằng chúng “phổ biến, thậm chí thường xuyên sống sót ở người trưởng thành và phản bội lại sự hiện diện của họ, nằm bên dưới cấp độ tư duy có ý thức, bởi sức mạnh của những cảm xúc mà nó gợi nên.” Và ông sẽ đồng ý rằng để chống lại cảm xúc mạnh cần có lòng can đảm, và khi lòng can đảm đã hỏng, sự im lặng và sự lảng tránh có khả năng xuất hiện.

Nhưng giờ đây, khi những người diễn dịch thực hiện xong công việc của họ, đã tới lúc chúng ta nhắc tấm mạng che mặt của Thánh Paul lên và cố gắng mặt đối mặt với một phân tích thô vụng về nỗi sợ đó và về sự giận dữ đã gây ra nỗi sợ đó; vì chúng có thể có một áp lực nào đó lên câu hỏi mà ông đặt ra cho chúng tôi, chúng tôi có thể giúp ông ngăn chặn chiến tranh bằng cách nào. Vậy chúng ta hãy giả sử rằng trong cuộc đối thoại riêng tư của hai giới tính về chính trị và dân chúng, chiến tranh và hòa bình, man rợ và văn minh, một số câu hỏi đã nảy sinh, về việc tiếp nhận, chúng ta sẽ nói thế, con gái của những người đàn ông trí thức vào Giáo hội hay sản chứng

khoán hay ngành công chức ngoại giao. Câu hỏi khá mờ tối; nhưng chúng tôi ở phía bàn của mình nhận thức được ngay tức khắc về “cảm xúc mạnh mẽ” ở phía ông “đang trỗi dậy từ một động cơ nào đó nằm bên dưới cấp độ của tư duy có ý thức” bằng cách rung cái chuông cảnh báo bên trong chúng tôi; một tiếng kêu rối rã nhưng âm ỉ: Cô không được, không được, không được... Các triệu chứng thể chất là không thể nhầm lẫn được. Các dây thần kinh dựng cả lên; những ngón tay tự động ấn chặt lên cái muống hay điều thuốc; một cái liếc mắt vào cái thước đo tâm lý riêng tư chỉ ra rằng nhiệt độ cảm xúc đã tăng từ mười lên hai mươi độ trên mức bình thường. Về mặt trí tuệ, có một ước ao mãnh liệt được giữ im lặng, hoặc thay đổi đề tài đàm luận; để lôi vào, chẳng hạn, một người giúp việc cũ của gia đình, tên là Crosby, có lẽ, kẻ mà con chó Rover của anh ta đã chết... và cứ thế lảng tránh vấn đề và hạ thấp nhiệt độ.

Nhưng chúng tôi có thể nỗ lực đưa ra phân tích gì về những cảm xúc của phía bên kia bàn - phía của ông? Thông thường, xin nói thẳng, trong lúc chúng tôi nói về Crosby, chúng tôi đang đặt ra những câu hỏi - vì thế đây là một sự thẳng thắn rạch ròi trong đối thoại - về ông. Những động cơ mạnh mẽ và thuộc về tiềm thức đang làm dựng đứng những sợi lông cổ của phía ông là gì? Gã man rợ xa xưa, kẻ đã giết một con bò bison có yêu cầu một gã man rợ khác ngưỡng mộ lòng dũng cảm của mình hay không? Một nhà chuyên môn mệt mỏi có đòi hỏi sự cảm thông và căm ghét sự cạnh tranh hay không? Vị giáo trưởng có cần tới một người phụ nữ quyến rũ không? Sự thống trị có khát khao sự phục tùng hay không? Và dai dẳng và khó khăn nhất trong mọi câu hỏi đến độ sự im lặng của chúng tôi che phủ lên nó, là câu hỏi sự thống trị mang tới cho kẻ thống trị sự thỏa mãn khả dĩ nào?(XXXII) Bây giờ, vì Giáo sư Grensted đã bảo rằng tâm lý của giới tính vẫn “là một vấn đề của các chuyên gia”, trong lúc “việc diễn dịch nó vẫn còn gây tranh cãi và ở nhiều phương diện vẫn còn mơ hồ”, có lẽ sẽ sáng suốt hơn nếu cứ để mặc cho các chuyên gia giải đáp câu hỏi đó. Nhưng mặt khác, vì nếu những người đàn ông và phụ nữ bình thường muốn tự do họ phải học các phát ngôn một cách tự do, chúng ta không thể để cho các chuyên gia chịu trách nhiệm về tâm lý của hai giới tính. Có hai nguyên do tốt vì sao chúng ta phải cố phân tích cả nỗi sợ hãi của chúng tôi lẫn sự giận dữ của ông; đầu tiên, vì nỗi sợ hãi và sự giận dữ đó ngăn cản tự do thật sự trong ngôi nhà riêng; thứ hai, vì nỗi sợ hãi và sự giận dữ đó có thể ngăn cản tự do thật sự trong thế giới công cộng: chúng có thể có một phần chia tích cực trong việc gây ra chiến tranh. Vậy chúng ta hãy dò dẫm tìm đường theo

kiểu khá nghiệp dư giữa những cảm xúc rất cổ xưa và mơ hồ mà chúng ta đã biết ít ra từ thời đại của Antigone và Ismene và Creon; những cảm xúc mà bản thân Thánh Paul từng có; nhưng chỉ mới được các giáo sư đưa lên bề mặt gần đây và đặt tên là “sự quyến luyến ấu trĩ”, “phức cảm Oedipus”, và những cái tên còn lại. Chúng ta phải cố, dù yếu ớt cỡ nào, phân tích các cảm xúc đó vì ông đã yêu cầu chúng tôi dù sao cũng phải giúp ông bảo vệ tự do và ngăn chặn chiến tranh.

Vậy chúng ta hãy kiểm tra “sự quyến luyến ấu trĩ” này, vì dường như đây là một cái tên chính xác, để chúng ta có thể kết nối nó với câu hỏi mà ông đã đặt ra cho chúng tôi. Một lần nữa, vì chúng tôi là những kẻ khái quát hóa chứ không phải những chuyên gia, chúng tôi phải dựa trên thứ chứng cứ mà chúng tôi có thể thu thập được từ lịch sử, tiểu sử và nhật báo - thứ chứng cứ duy nhất sẵn có cho con gái của những người đàn ông trí thức. Chúng tôi sẽ lấy ví dụ đầu tiên về sự quyến luyến ấu trĩ từ tiểu sử, và một lần nữa chúng ta sẽ viện tới tiểu sử thời đại Victoria vì chỉ trong thời đại này tiểu sử mới trở nên phong phú và có tính đại diện. Có nhiều trường hợp quyến luyến ấu trĩ như Giáo sư Grensted đã định nghĩa trong thời đại Victoria đến độ chúng ta hầu như không biết chọn trường hợp nào. Trường hợp của ông Barrett ở phố Wimpole có lẽ phổ biến và xác thực nhất. Thật vậy, nó được nhiều người biết tới đến độ những những thực tế gần như được lặp đi lặp lại. Tất cả chúng ta đều biết câu chuyện về người cha không cho phép cả con trai lẫn con gái kết hôn; tất cả chúng ta đều biết tường tận các chi tiết cô Elizabeth con gái của ông ta buộc phải che giấu tình nhân của mình với cha mình như thế nào; cô ta bỏ trốn khỏi ngôi nhà ở phố Wimpole với tình nhân của mình như thế nào; và cha cô không bao giờ tha thứ cho cô về hành động bất tuân đó như thế nào. Chúng ta sẽ đồng ý rằng những cảm xúc của ông mạnh mẽ tới cực độ; và sức mạnh của chúng làm rõ rằng chúng có nguồn gốc từ một nơi chốn u ám nào đó bên dưới cấp độ tư duy có ý thức. Đó là một trường hợp điển hình, cổ điển của sự quyến luyến ấu trĩ mà tất cả chúng ta có thể nhớ như in trong đầu. Nhưng có những trường hợp khác ít phổ biến hơn mà một cuộc điều tra nho nhỏ sẽ mang lên bề mặt và chỉ ra cùng một bản chất. Có trường hợp của đức cha Patrick Brontë. Đức cha Arthur Nicholls yêu con gái của ông ta, cô Charlotte; cô ta viết khi ông Nicholls cầu hôn cô: “Bạn hầu như không thể tưởng tượng những lời của ông ta, bạn hầu như không thể nhận ra cách cư xử của ông ta và tôi cũng không tài nào quên được nó... tôi hỏi ông ta đã nói với Papa chưa. Ông ta đáp ông ta

không dám.” Vì sao ông ta không dám? Ông ta khỏe mạnh, trẻ trung và yêu cuồng nhiệt; người bố đã già. Nguyên nhân hiển hiện ngay lập tức. “Ông ta (đức cha Patrick Brontë] luôn phản đối những cuộc hôn nhân, và thường xuyên phát ngôn chống lại chúng. Nhưng lần này ông ta còn hơn cả phản đối, ông ta không chịu nổi ý nghĩ về sự gấn bó của ông Nicholls với con gái của mình. E sợ những hậu quả... cô ta đã vội vã hứa với cha mình rằng vào hôm sau ông Nicholls sẽ nhận được một lời từ khước rõ ràng.”(XXXIII) Ông Nicholls rời khỏi Haworth; Charlotte ở lại với cha mình. Cuộc sống hôn nhân của cô - nó là một cuộc sống ngăn ngủi - đã bị cắt ngắn hơn nữa bởi ý muốn của cha cô.

Với một ví dụ thứ ba về sự quyến luyến ấu trĩ, chúng ta hãy chọn một ví dụ kém đơn giản hơn, nhưng với nguyên do đó thì sáng tỏ hơn. Có trường hợp của ông Jex-Blake. Ở đây chúng ta có trường hợp của một người bố không đối chọi với cuộc hôn nhân của con gái mà đối chọi với ước muốn kiếm sống của cô ta. Ước muốn đó dường như cũng gợi lên trong người bố một cảm xúc rất mạnh và một cảm xúc dường như cũng bắt nguồn từ những cấp độ nằm bên dưới tư duy có ý thức. Một lần nữa chúng ta sẽ gọi nó là một trường hợp của sự quyến luyến ấu trĩ. Cô con gái, Sophia, được đề nghị một món tiền nhỏ để dạy môn toán; và cô xin cha mình cho phép nhận công việc đó. Lời cầu xin bị khước từ một cách tức khắc và giận dữ. “Con yêu, ta chỉ có khoảnh khắc này để nghe rằng con đang nghĩ tới việc được trả công do dạy kèm. Nó hoàn toàn nằm dưới tầm của con, con yêu, và ta KHÔNG THỂ CHẤP THUẬN điều đó.” “Nhận vị trí đó với ý nghĩa một niềm vinh dự và sự hữu ích, và ta sẽ vui mừng... nhưng được TRẢ CÔNG cho công việc sẽ HOÀN TOÀN biến đổi mọi thứ, và sẽ hạ thấp phẩm giá của con một cách đáng buồn trong mắt của mọi người.” Đó là một phát biểu rất thú vị. Thật sự Sophia đã buộc phải tranh cãi. Vì sao nó ở dưới tầm cô ta, cô hỏi, vì sao nó lại hạ thấp phẩm giá của cô ta? Nhận tiền cho công việc không hề hạ thấp phẩm giá của Tom trong mắt của bất kỳ một ai. Ông Jex-Blake giải thích, “Đó hoàn toàn là một vấn đề khác; Tom là một người đàn ông; Tom cảm thấy buộc phải, với tư cách một người đàn ông, hỗ trợ cho vợ và gia đình của mình”; do đó, Tom tiếp nhận ‘CON ĐƯỜNG THẲNG’ của bốn phận.” Sophia vẫn không thỏa mãn. Cô lập luận - không chỉ vì cô nghèo và muốn có tiền; mà cô còn cảm thấy một cách mạnh mẽ “sự trung thực, và con tin là niềm tự hào hoàn toàn chính đáng của việc kiếm tiền.” Lập luận đó rốt cuộc đã buộc ông Jex-Blake phải đưa ra, dưới một lớp che phủ trong

mờ, lý do thật sự vì sao ông ta phản đối cô kiếm tiền. Ông ta đề nghị sẽ tự mình cho cô tiền nếu cô từ chối nhận công việc ở trường cao đẳng. Do đó, rõ ràng là ông ta không phản đối việc cô nhận tiền: điều ông ta phản đối là việc cô nhận tiền từ một người đàn ông khác. Bản chất lạ lùng của đề nghị của ông ta không thoát khỏi sự suy ngẫm sâu xa của Sophia. Cô nói: “Trong trường hợp đó, con phải nói với ông Trưởng khoa, không phải ‘tôi sẵn lòng làm việc không lương,’ mà là ‘Cha tôi thích tôi nhận tiền từ ÔNG TA hơn là từ trường cao đẳng,’ và con nghĩ ông Trưởng khoa sẽ nghĩ cả hai chúng ta thật buồn cười, hay ít nhất cũng ngu ngốc.” Bất kể ông Trưởng khoa diễn dịch thế nào về hành vi của ông Jex-Blake, chúng ta không thể có ngờ vực nào về thứ cảm xúc ở gốc rễ của nó. Ông ta muốn giữ con gái trong vòng quyền lực của chính mình. Nếu cô nhận tiền từ ông ta cô vẫn còn nằm trong quyền lực của ông ta; nếu cô nhận nó từ một người đàn ông khác, cô không chỉ trở nên độc lập với ông Jex-Blake, cô còn trở nên phụ thuộc vào một người đàn ông khác. Việc ông ta mong muốn cô phụ thuộc vào mình, và mơ hồ cảm thấy rằng sự phụ thuộc đáng ao ước này chỉ có thể được đảm bảo bởi sự phụ thuộc tài chính được chứng minh ngay lập tức bởi một phát biểu che đậy khác của ông ta. “Nếu ngày mai con kết hôn theo ý thích của ta - và ta không tin con sẽ bao giờ kết hôn theo cách khác - ta sẽ cho con một gia tài lớn.” (XXXIV) Nếu cô trở thành một người có lương, cô có thể không cần tới một gia tài và cưới người mà cô thích. Trường hợp của ông Jex-Blake rất dễ chẩn đoán, nhưng là một trường hợp rất quan trọng vì nó là một trường hợp thông thường, một trường hợp điển hình, ông Jex-Blake không phải là một con quái vật ở phố Wimpole; ông là một người cha bình thường; ông đang làm điều mà hàng ngàn người cha khác ở thời đại Victoria mà trường hợp của họ chưa được công bố vẫn làm hàng ngày. Do đó, nó là một trường hợp lý giải nhiều cho cái nằm ở gốc rễ của tâm lý thời Victoria - thứ tâm lý của hai giới mà vốn vẫn, Giáo sư Grensted nói với chúng ta, rất mơ hồ. Trường hợp của ông Jex-Blake chỉ ra rằng vì bất cứ lý do gì, cô con gái không được phép làm ra tiền vì nếu cô làm ra tiền cô sẽ độc lập với cha mình và tự do kết hôn với bất kỳ người đàn ông nào cô chọn. Do đó, mong muốn kiếm sống của cô con gái khơi dậy hai hình thức khác nhau của lòng ganh tị. Mỗi lòng ganh tị đều mạnh nếu tách riêng; nếu kết hợp lại chúng sẽ rất mạnh. Quan trọng hơn nữa là để phán xét cảm xúc rất mạnh bắt nguồn từ những cấp độ nằm bên dưới tư duy có ý thức này, ông Jex-Blake đã viện tới một trong những cách lảng tránh thông thường nhất; thứ lập luận không phải là lập luận mà là một sự cầu khẩn những cảm xúc. Ông ta cầu khẩn thứ

cảm xúc rất sâu xa, cổ xưa và phức tạp mà chúng ta có thể, với tư cách những kẻ nghiệp dư, gọi là cảm xúc nữ tính. Ông ta bảo nhận tiền là việc dưới tầm của cô; nếu cô nhận tiền cô sẽ hạ thấp phẩm giá của mình trong mắt của hầu hết mọi người. Tom do là đàn ông sẽ không bị hạ thấp phẩm giá; chính giới tính của cô tạo nên sự khác biệt. Ông ta đã cầu khẩn nữ tính của cô ta.

Bất cứ khi nào một người đàn ông cầu khẩn như thế với một người phụ nữ, ông ta khơi dậy ở cô ta, có thể nói một cách an toàn, một sự xung đột của các cảm xúc rất sâu xa và nguyên thủy vốn cực kỳ khó phân tích hay hòa giải đối với cô ta. Nó có thể giúp chuyển hóa cảm giác nếu chúng ta so sánh nó với sự xung đột rối rắm của các cảm xúc nam tính được khơi dậy trong ông, thưa ông, khi một người phụ nữ trao cho ông một cái lông chim trắng.^(XXXV) Thật thú vị khi nhìn thấy Sophia, vào năm 1859, cố đối phó với cảm xúc này. Bản năng đầu tiên của cô là tấn công vào hình thức hiển nhiên nhất của nữ tính, vốn nằm cao nhất trong ý thức của cô và dường như chịu trách nhiệm cho thái độ của cha cô - địa vị tiểu thư của cô. Như con gái của những người đàn ông trí thức khác, Sophia Jex-Blake là người được gọi là “một tiểu thư”. Chính nàng tiểu thư này là kẻ không thể đi kiếm tiền; do đó nàng tiểu thư này phải bị giết chết. Cô hỏi: “Cha có nghĩ một cách trung thực rằng bất kỳ tiểu thư nào cũng bị hạ thấp phẩm giá bởi hành động đơn giản là nhận tiền hay không? Cha có đánh giá thấp bà Teed vì cha trả tiền cho bà ấy hay không?” Thế rồi, như thể nhận ra rằng bà Teed, một nữ gia sư, không ngang vai phải lứa với cô là kẻ xuất thân từ một gia đình thượng lưu, “kẻ mà dòng dõi sẽ được tìm thấy trong những quyển danh sách các danh gia vọng tộc của Burke”, để giết chết nàng tiểu thư đó cô nhanh chóng viện tới “Mary Jane Evans... một trong những gia tộc họ hàng kiêu hãnh nhất” rồi tới cô Wodehouse, “người mà gia đình còn giàu hơn và lâu đời hơn gia đình của con - cả hai đều nghĩ mình đúng khi mong muốn kiếm ra tiền. Và cô Wodehouse không chỉ nghĩ mình đúng khi mong muốn kiếm ra tiền; cô Wodehouse đã cho thấy rằng cô đồng ý với các ý kiến của con bằng những hành động của cô ta. Cô ta không thấy có gì hèn hạ trong việc kiếm tiền. Khi nhận việc ở trường của Maurice, cô đã ta nói với ông ta, con nghĩ, một cách rất cao quý, ‘Nếu ông nghĩ tốt hơn tôi nên làm việc với tư cách một cô giáo được trả lương, tôi sẽ nhận bất kỳ khoản lương nào theo ý ông; nếu không, tôi sẵn sàng làm công việc miễn phí và không nhận bất kỳ thứ gì.’ Đôi khi một tiểu thư còn là một tiểu thư cao quý; và nàng tiểu thư đó

khó bị giết chết; nhưng nàng ta phải bị giết, như Sophia nhận ra, nếu Sophia muốn đi vào cái thiên đường đó, nơi “nhiều cô gái đi loanh quanh London lúc nào và ở nơi nào họ thích”, cái “Vườn địa đàng” đó, trường Cao đẳng Queen’s, phố Harley, nơi con gái của những người đàn ông trí thức tận hưởng niềm hạnh phúc “không phải của các tiểu thư mà của những bà hoàng - công việc và sự độc lập!”(XXXVI) Do vậy bản năng đầu tiên của Sophia là giết chết nàng tiểu thư;(XXXVII) nhưng khi nàng tiểu thư bị giết chết, người phụ nữ vẫn còn đó. Chúng ta có thể nhìn thấy cô ta, đang che giấu và viện cớ cho chứng bệnh của sự quyến luyến ấu trĩ, một cách rõ ràng hơn hai trường hợp kia. Đó là người phụ nữ, con người mà giới tính của cô ta khiến cô ta xem bốn phận thiêng liêng của mình là hy sinh bản thân cho cha mình, người mà Charlotte Brontë và Elizabeth Barrett phải giết chết. Nếu khó mà giết được nàng tiểu thư, việc giết người phụ nữ thậm chí còn khó hơn. Lúc đầu Charlotte thấy điều đó hầu như bất khả. Cô đã từ chối người tình của mình “...suy nghĩ như thế cho cha mình, và không ích kỷ vì bản thân mình, cô gạt sang bên mọi quan tâm tới việc cô sẽ đáp lại bằng cách nào, ngoại trừ như ông ta mong muốn.” Cô yêu Arthur Nicholls; nhưng cô đã từ chối ông ta. “...cô giữ cho bản thân mình đơn giản là thụ động, trong chừng mực lời nói và hành động, trong khi cô gánh chịu nỗi đau mãnh liệt từ những diễn tả mạnh mẽ mà cha cô sử dụng khi nói về ông Nicholls.” Cô chờ đợi; cô đau khổ; cho tới “Thời điểm mà Kẻ chinh phục vĩ đại,” như lời của bà Gaskell “giành được thắng lợi của ông ta trước thành kiến và quyết tâm mạnh mẽ của con người.” Cha cô đã từ chối. Tuy nhiên, Kẻ chinh phục vĩ đại đã gặp đối thủ ngang tài ngang sức ở trường hợp ông Barrett; Elizabeth Barrett đã chờ đợi; Elizabeth đã đau khổ; cuối cùng Elizabeth bỏ trốn.

Sức mạnh cực độ của những cảm xúc mà sự quyến luyến ấu trĩ tạo ra được chứng minh bởi ba trường hợp này. Nó đáng chú ý, chúng ta đồng ý. Nó là một sức mạnh có thể đàn áp không chỉ Charlotte Brontë mà cả Arthur Nicholls; không chỉ Elizabeth Barrett mà cả Robert Browning. Nó là một sức mạnh có thể chiến đấu với tình cảm say đắm nhất trong những tình cảm của loài người - tình yêu giữa nam và nữ; và có thể buộc những người con trai và con gái thông minh dũng cảm nhất ở thời Victoria phải run sợ trước mặt nó; phải lừa người cha; phải dối trá với người cha; rồi sau đó chạy trốn khỏi người cha. Nhưng sức mạnh đáng sợ này từ đâu mà có? Một phần, như các trường hợp này làm rõ, từ thực tế rằng sự quyến luyến ấu trĩ được xã hội bảo vệ. Tự nhiên, luật pháp và tài sản, tất cả đều sẵn sàng bào chữa và

che đậy nó. Ông Barrett, ông Jex-Blake và đức cha Patrick dễ dàng tự che đậy bản chất thật của những cảm xúc của họ. Nếu họ muốn rằng con gái của họ nên ở nhà, xã hội đồng ý rằng họ đúng. Nếu cô con gái phản đối, khi đó tự nhiên xuất hiện để giúp họ. Một cô con gái rời bỏ cha mình là một cô con gái không tự nhiên, nữ tính của cô ta đáng ngờ. Nếu cô ta khăng khăng hơn nữa, khi đó luật pháp sẽ tới để giúp ông ta. Một cô con gái rời khỏi cha mình không có phương tiện nào để hỗ trợ cho cô ta. Những nghề nghiệp hợp pháp đóng sập cửa trước cô ta. Cuối cùng, nếu cô ta kiếm sống từ một nghề mở ra cho cô ta, cái nghề cũ xưa nhất trong tất cả các nghề, cô ta đã đánh mất nữ tính của mình. Không thể có câu hỏi nào - sự quyến luyến ấu trĩ rất mạnh mẽ, ngay cả khi một người mẹ nhiễm phải nó. Nhưng khi một người cha nhiễm phải, nó có một sức mạnh gấp ba lần; ông ta có một tự nhiên để bảo vệ ông ta; luật pháp để bảo vệ ông ta; và tài sản để bảo vệ ông ta. Được bảo vệ như thế nên đức cha Patrick Brontë hoàn toàn có khả năng gây ra “nỗi đau mãnh liệt” cho cô con gái Charlotte suốt nhiều tháng, và đánh cắp nhiều tháng của niềm hạnh phúc hôn nhân ngăn ngui của cô mà không gánh chịu bất kỳ chỉ trích nào từ xã hội mà trong đó ông ta thực hành nghề nghiệp của một mục sư của Giáo hội Anh; dù nếu ông ta hành hạ một con chó hay đánh cắp một cái đồng hồ, cũng xã hội đó sẽ tước chức vụ của ông và loại bỏ ông ta. Dường như xã hội cũng là một ông bố, và nó cũng khổ sở với sự quyến luyến ấu trĩ.

Vì xã hội bảo vệ và thật sự bào chữa cho những nạn nhân của sự quyến luyến ấu trĩ hồi thế kỷ 19, không có gì đáng ngạc nhiên khi chứng bệnh này, dù không được đặt tên, lan tràn khắp chốn. Khi mở bất kỳ tiểu sử nào ra chúng ta đều hầu như luôn tìm thấy những triệu chứng quen thuộc - người cha phản đối hôn nhân của con gái; người cha phản đối việc con gái của ông ta kiếm sống. Ước mong của cô ta, dù là kết hôn hay kiếm sống, khơi dậy cảm xúc mạnh mẽ trong ông ta; và ông ta đưa ra cùng những lời bào chữa cho cảm xúc mạnh đó; nàng tiểu thư sẽ hạ thấp địa vị tiểu thư của mình; người phụ nữ sẽ làm tổn thương nữ tính của cô ta. Nhưng thỉnh thoảng, rất hiếm hoi, chúng ta tìm thấy một người cha hoàn toàn miễn nhiễm với chứng bệnh này. Những kết quả do vậy cực kỳ thú vị. Có trường hợp của ông Leigh Smith.[\(XXXVIII\)](#) Quý ông này sống cùng thời với ông Jex-Blake, và có cùng tầng lớp xuất thân. Cả ông ta cũng có tài sản ở Sussex; cả ông ta, cũng có một đàn ngựa và những cỗ xe; và cả ông ta nữa, cũng có con cái. Nhưng tới đó sự giống nhau kết thúc. Ông Leigh Smith sống hết mình vì con cái của ông; ông phản đối các trường học; ông giữ lũ trẻ tại nhà. Việc thảo luận về các phương pháp giáo dục của ông Leigh

Smith sẽ rất thú vị; ông làm sao có những người thầy để dạy chúng; ông đã đưa chúng đi cùng trên những chuyến hành trình dài hàng năm tới khắp nơi ở nước Anh trong một cỗ xe lớn ra sao. Nhưng như nhiều nhà thực nghiệm, thông tin về ông Leigh Smith vẫn còn mơ hồ; và chúng ta phải tự hài lòng với sự kiện rằng ông “đã giữ một quan điểm khác thường rằng các cô con gái nên có một khoản cung cấp ngang với các cậu con trai.” Ông hoàn toàn miễn nhiệm với sự quyến luyến ấu trĩ đến độ “ông không làm theo kế hoạch thông thường trong việc thanh toán các hóa đơn cho các cô con gái và thỉnh thoảng cho chúng một món quà, mà khi Barbara tới tuổi thành niên vào năm 1848, ông cho cô một khoản trợ cấp 300 bảng một năm.” Những kết quả của sự miễn nhiệm với chứng bệnh quyến luyến ấu trĩ này thật đáng chú ý. Vì “xem tiền của mình là một khả năng để làm điều thiện, một trong những sử dụng đầu tiên mà Barbara thực hiện là giáo dục.” Cô thành lập một trường trung học; một trường học mở ra không chỉ cho các giới tính và tầng lớp khác nhau, mà cả những tín ngưỡng khác nhau; Công giáo La Mã, Do Thái và “học sinh từ những gia đình có tư duy tự do” đều được nhập học. “Đó là một trường học khác thường nhất” một trường học của “kẻ ngoại cuộc”. Nhưng đó không phải là tất cả mọi nỗ lực của cô dựa trên ba trăm bảng một năm. Việc này đưa tới việc kia. Một người bạn, với sự giúp đỡ của cô, mở một lớp học hợp tác ban đêm để các quý bà quý cô “vẽ từ một người mẫu lỏa thể.” Năm 1858 chỉ có một lớp học đời sống ở London mở ra cho phụ nữ. Rồi sau đó một thỉnh nguyện được đệ trình lên Hàn lâm viện Hoàng gia; các ngôi trường của nó đã được thật sự mở ra cho phụ nữ vào năm 1861, dù như rất thường xảy ra là chỉ có trên danh nghĩa; (XXXIX) kế tiếp Barbara đặt vấn đề với các luật pháp liên quan tới phụ nữ; khiến vào năm 1871 những phụ nữ kết hôn thật sự được cho phép làm chủ tài sản của họ; và cuối cùng cô giúp cô Davies thành lập trường Girton. Khi chúng ta suy ngẫm về những gì mà một người cha miễn nhiệm với sự quyến luyến ấu trĩ có thể làm bằng cách cho một cô con gái 300 bảng một năm chúng ta không cần ngạc nhiên rằng hầu hết những người cha cứng rắn đều từ chối cho con gái họ hơn 40 bảng một năm cộng với nơi ăn ngủ.

Vậy sự quyến luyến ấu trĩ ở những người cha rõ ràng là một lực lượng mạnh mẽ, và càng mạnh hơn vì nó là sức mạnh được che đậy. Nhưng những người cha đã bị đối đầu, và thế kỷ 19 bị lôi đi, bởi một lực lượng mà tới lượt nó cũng đã trở nên mạnh mẽ đến độ có nhiều hy vọng rằng những nhà tâm lý học sẽ tìm ra một cái tên nào đó cho nó. Những cái tên cũ như chúng

ta đã thấy đều phù phiếm và sai. “Chủ nghĩa nữ quyền”, chúng ta phải tiêu diệt. “Giải phóng phụ nữ” cũng không diễn tả được điều gì và đòi hỏi không kém. Nói rằng các cô con gái bị kích động một cách hấp tấp bởi những nguyên tắc chống phát xít là đơn giản lặp lại biệt ngữ thời thượng và đáng tởm hiện tại. Gọi họ là những chiến sĩ của tự do trí tuệ và văn hóa là phủ đầy bầu không khí với bụi của những giảng đường và sự nhếch nhác ẩm ướt của những cuộc họp công cộng. Hơn nữa, không một nhãn hiệu nào trong số này diễn tả được những cảm xúc thật đã khơi gợi sự phản đối của các cô con gái đối với sự quyến luyến ấu trĩ của những ông bố, vì, như tiểu sử cho thấy, sau lưng lực lượng đó là nhiều cảm xúc khác nhau và nhiều cảm xúc trái ngược nhau. Những giọt lệ nằm sau lưng nó, tất nhiên - những giọt lệ, những giọt lệ cay đắng: lệ của những người mà khát khao của họ đối với kiến thức là vô ích. Một cô con gái khao khát học hóa học; những cuốn sách ở nhà chỉ dạy cho cô ta thuật giả kim. Cô ta “khóc cay đắng vì không được học các thứ.” Nỗi khát khao cho một tình yêu công khai và lý trí cũng nằm sau lưng nó. Lại là những giọt lệ - những giọt lệ giận dữ. “Cô ta ném người lên giường trong nước mắt...” ‘Ôi,’ cô ta nói, ‘Harry đang ở trên mái nhà.’ Tôi hỏi: ‘Harry là ai?’; ‘mái nhà nào? Vì sao?’ Cô ta đáp: ‘Ồ, đừng ngốc thế, anh ta phải đi.’(XL) Nhưng một lần nữa nỗi khát khao không phải với tình yêu, dẫn tới một sự tồn tại hợp lý mà không có tình yêu nằm sau lưng nó. “Tôi xin khiêm tốn thú tội... Bản thân tôi không biết gì về tình yêu,”(XLI) một người trong số họ viết. Một lời thú tội lạ lùng nhưng quan trọng từ một người của tầng lớp mà nghề của họ trong suốt nhiều thế kỷ là kết hôn. Một số khác muốn du lịch; thám hiểm châu Phi; đào bới cổ vật ở Hy Lạp và Palestin. Một số muốn học nhạc, không phải để khuấy động bầu không khí trong nhà, mà để soạn nhạc - những bản giao hưởng, opera, tứ tấu. Số khác muốn học vẽ, không phải những ngôi nhà đầy dây thường xuân che phủ, mà là những thân hình lỏa thể. Tất cả bọn họ đều muốn - nhưng một từ làm sao có thể tóm tắt nhiều thứ khác nhau mà họ muốn, và đã muốn, một cách có ý thức hay vô ý thức, trong suốt bao lâu? Những nhãn hiệu của Josephine Butler - Công lý, Bình đẳng, Tự do - là một thứ tốt đẹp; nhưng nó chỉ là một nhãn hiệu, và trong thời đại có vô số nhãn hiệu, vô số nhãn hiệu đa màu sắc của chúng ta, chúng ta đã trở nên nghi ngờ những nhãn hiệu; chúng giết chết và làm thui chột. Cả cái từ cũ kỹ “tự do” cũng không ích gì, vì nó không phải là tự do ở ý nghĩa của thứ giấy phép mà họ muốn; họ muốn, như Antigone, không phải là vi phạm luật, mà là tìm ra luật.(XLII) Dốt nát về những động cơ của con người và được cung cấp một

cách yếu ớt những ngôn từ như chúng ta, chúng ta hãy thừa nhận rằng không có từ nào diễn tả được cái lực lượng mà trong thế kỷ 19 đã tự đứng lên chống lại lực lượng của các ông bố. Tất cả những gì chúng ta có thể nói một cách an toàn về lực lượng đó là: nó là một lực lượng có sức mạnh rất lớn lao. Nó buộc cánh cửa của những ngôi nhà riêng mở ra. Nó mở ra phố Bond và phố Piccadilly; nó mở ra những sân cricket và sân bóng đá; nó khiến những đường viền ren ở váy và những chiếc nịt ngực co lại; nó khiến cho cái nghề xưa nhất trần gian (nhưng Whitaker không cung cấp con số nào) trở nên không đáng khai thác. Nói tóm lại, trong vòng năm mươi năm, lực lượng đó biến cuộc đời đã được sống bởi phu nhân Lovelace và Gertrude Bell trở thành không thể sống nổi, và hầu như không thể tin nổi. Những ông bố, kẻ đã chiến thắng những cảm xúc mạnh mẽ nhất của những người đàn ông mạnh mẽ, phải đầu hàng.

Nếu sự dừng phắt lại đó là kết thúc của câu chuyện, tiếng đóng sập cuối cùng của cánh cửa, chúng ta có thể lập tức quay sang lá thư của ông, thưa ông, và quay sang mẫu đơn mà ông đã yêu cầu chúng tôi điền vào. Nhưng nó không phải là kết thúc; nó là sự bắt đầu. Thật ra, dù chúng ta đã sử dụng thì quá khứ, chúng ta sẽ sớm nhận ra chúng ta đang sử dụng thì hiện tại. Những ông bố ở ngôi nhà riêng, đúng thế, đã đầu hàng; nhưng những ông bố ở nơi công cộng, kết hợp thành một khối trong các hiệp hội, các nghề nghiệp, thì thậm chí còn nghiêm nặng chứng bệnh chết người hơn những ông bố ở ngôi nhà riêng. Chứng bệnh này đã có một động cơ, đã tự kết nối với một quyền lợi, một khái niệm, khiến nó vẫn độc hại ở phía ngoài ngôi nhà hơn là bên trong. Mong muốn chăm lo cho vợ và con - động cơ nào có thể mạnh mẽ hơn, có gốc rễ sâu hơn? Vì nó được kết nối với chính nam tính - một người đàn ông không chăm lo nổi gia đình mình thất bại trong khái niệm về nam tính của ông ta. Và không phải khái niệm đó đã ăn sâu trong ông ta không kém khái niệm về nữ tính ăn sâu trong con gái của ông ta hay sao? Chính những động cơ đó, những quyền và khái niệm đó hiện đang bị thách thức. Để bảo vệ chúng, và từ những người phụ nữ, đã cho, và đang cho và nâng nó hầu như không thể nghi ngờ lên một cảm xúc có lẽ nằm bên dưới cấp độ của tư duy có ý thức nhưng chắc chắn là hung tợn nhất. Ngay khi quyền thực hành nghề nghiệp của vị giáo sĩ bị thách thức, sự quyền uy ấu trĩ phát triển thành một cảm xúc nặng nề và trầm trọng mà với nó cái tên kiêng kỵ giới tính được áp dụng một cách khoa học. Hãy đơn cử hai ví dụ, một riêng tư, một công cộng. Một học giả “phải đánh dấu việc ông ta

phản đối sự tiếp nhận phụ nữ vào trường đại học bằng cách từ chối bước vào trường cao đẳng hay thành phố đầu yêu của mình.” (XLIII) Một bệnh viện phải từ chối lời đề nghị cung cấp một học bổng vì nó được đưa ra bởi một người phụ nữ đại diện cho nữ giới. (XLIV) Chúng ta có thể nghi ngờ cả hai hành động đó được khơi gợi bởi ý thức về sự xấu hổ mà, như Giáo sư Grensted nói, “không thể xem xét dưới bất kỳ ánh sáng nào khác ngoài một sự kiêng kỵ giới tính phi lý” hay không? Nhưng vì chính bản thân cảm xúc đó đã gia tăng sức mạnh, việc kêu gọi sự giúp đỡ của các đồng minh mạnh hơn trở nên cần thiết để bào chữa và che đậy nó. Tự nhiên được triệu tập; Tự nhiên mà được khẳng định là không chỉ thông suốt mọi sự mà còn bất biến, đã khiến cho bộ não của phụ nữ có hình dáng hay kích thước sai. Bertrand Russell viết: “Có thể khuyên bất kỳ một ai khao khát thú tiêu khiển hãy nhìn lên những lời tuyên bố mâu thuẫn của những chuyên gia về sự sợ hãi trong những nỗ lực nhằm chứng minh từ các phép đo lường não rằng phụ nữ ngu ngốc hơn đàn ông.” (XLV) Khoa học dường như không phải là vô giới tính; nó là một gã đàn ông, một ông bố, và cũng bị nhiễm bệnh. Khoa học, bị nhiễm bệnh như thế, sản sinh ra những phép đo lường để ra lệnh: bộ não quá nhỏ để kiểm tra. Nhiều năm chờ đợi đã trôi qua trước khi những cánh cổng thiêng liêng của các trường đại học và bệnh viện được phép có những bộ não mà các giáo sư đã bảo rằng Tự nhiên đã biến thành không có khả năng vượt qua những kỳ thi để thí nghiệm. Khi cuối cùng được phép, các cuộc thi đã có người vượt qua. Một bản sanh sách dài và ảm đạm của những thắng lợi căn cỗi nếu cần thiết nằm cùng với những đĩa hát vỡ khác trong những văn khố trường cao đẳng, (XLVI) và những bà hiệu trưởng bị quấy rầy tiếp tục tham khảo chúng, khi muốn có chứng cứ chính thức về sự tầm thường hoàn hảo. Tự nhiên vẫn tiếp tục phản đối. Bộ não có thể vượt qua những kỳ thi không phải là một bộ não sáng tạo; một bộ não có thể gánh chịu trách nhiệm và kiếm được những khoản lương cao nhất. Nó là một bộ não thực hành, một bộ não loại xoàng, một bộ não được lọc cho công việc hàng ngày dưới mệnh lệnh của một kẻ cấp trên. Và vì các nghề chuyên môn bị khép kín, điều đó là không thể phủ nhận - các cô con gái không thống trị các Đế chế, ra lệnh cho những đoàn tàu, hay đưa các đội quân tới chiến thắng; chỉ có vài quyển sách tầm thường chứng thực cho năng lực chuyên môn của họ, vì văn học là nghề duy nhất đã mở ra cho họ. Và, thêm nữa, bất kể bộ não có thể làm gì khi các nghề đã mở ra với nó, cơ thể vẫn còn như cũ. Tự nhiên, các giáo sĩ nói, với sự minh triết vô hạn của mình, đã đặt ra một lẽ luật bất biến rằng đàn ông là kẻ sáng tạo. Anh ta tận hưởng; cô ta

chỉ cam chịu một cách thụ động. Đau đớn có lợi hơn lạc thú đối với cơ thể cam chịu. Bertrand Russell viết: “Các quan điểm của những người đàn ông hành nghề y đối với việc mang thai, sinh con và tiết sữa cho tới khá gần đây thấm đẫm chất bạo dâm. Ví dụ, nó đòi hỏi nhiều chứng cứ để thuyết phục họ rằng thuốc gây mê có thể được sử dụng trong sinh sản hơn là nó sẽ đòi hỏi để thuyết phục họ theo hướng ngược lại.” Khoa học lập luận như thế, các giáo sư nhất trí như thế. Và khi cuối cùng các cô con gái ngắt lời, Nhưng không phải bộ não và cơ thể chịu ảnh hưởng của sự rèn luyện sao? Không phải con thỏ rừng khác với con thỏ trong chuồng sao? Và phải chăng chúng tôi không được, phải chăng chúng tôi không thể thay đổi bản chất bất biến này? Bằng cách đốt lên một que diêm, sương giá bị thách thức; Bản án tử hình của Tự nhiên bị hoãn lại. Và quả trứng điểm tâm, họ khăng khăng, có phải nó hoàn toàn là công việc của con gà trống? Nếu không có lòng đỏ, không có lòng trắng, hỏi những giáo sĩ và giáo sư, những bữa điểm tâm của các vị sẽ bổ dưỡng tới mức nào? Khi đó các giáo sĩ và giáo sư cùng đồng thanh ngâm nga một cách nghiêm trang: Nhưng bản thân việc sinh con, các bà không thể khước từ gánh nặng đó, đã được đặt lên mỗi một mình người phụ nữ. Họ không thể khước từ nó cũng không thể mong muốn từ bỏ nó. Họ vẫn tuyên bố, tham khảo các số liệu thống kê trong những quyển sách, thời gian bị chiếm bởi người phụ nữ khi sinh con dưới những điều kiện hiện đại - hãy nhớ chúng ta hiện đang ở trong thế kỷ 20 - chỉ là một phần nhỏ. (XLVII) Cái phần nhỏ đó có khiến cho chúng tôi trở nên thiếu khả năng làm việc ở phố Whitehall, trên những cánh đồng và trong những công xưởng hay không, khi đất nước chúng ta gặp nguy cơ? Các ông bố trả lời: Chiến tranh đã kết thúc; hiện giờ chúng ta đang ở nước Anh.

Và nếu bây giờ, thưa ông, chúng ta tạm dừng ở nước Anh, bật tin tức hàng ngày trên radio lên, chúng ta sẽ nghe thấy câu trả lời nào của những ông bố bị nhiệm chứng quyền luyện ấu trĩ hiện đang được đưa ra cho những câu hỏi đó. “Những ngôi nhà là nơi chốn thật sự cho phụ nữ... Hãy để cho họ quay trở về nhà của họ... Chính phủ nên trao công việc cho đàn ông... Một phản đối mạnh mẽ đã được đưa ra bởi Bộ Lao động... Phụ nữ không được cai trị đàn ông... Có hai thế giới, một cho những người phụ nữ, thế giới kia cho những người đàn ông... Hãy để họ học cách nấu những bữa ăn của chúng ta... Phụ nữ đã thất bại... Họ đã thất bại... Họ đã thất bại...”

Thậm chí ngay bây giờ, tiếng gào thét, tiếng kêu la phản đối mà sự quyền luyện ấu trĩ đang tạo ra ngay cả tại đây vẫn âm ỉ đến nỗi chúng tôi hầu như không thể nghe tiếng nói của chính mình; nó tước những ngôn từ khỏi

miệng chúng tôi; nó buộc chúng tôi nói những điều chúng tôi chưa từng nói. Trong lúc chúng tôi lắng nghe những giọng nói, dường như chúng tôi nghe thấy tiếng khóc của một em bé sơ sinh trong đêm, cái đêm đen kịt hiện đang bao trùm nước Anh, và không bằng ngôn ngữ nào ngoài một tiếng khóc, Ay, ay, ay, ay.... Nhưng nó không phải là một tiếng khóc mới, nó là một tiếng khóc rất xưa cũ. Chúng ta hãy tắt radio và lắng nghe quá khứ. Lúc này chúng ta đang ở Hy Lạp, Chúa Jesus chưa ra đời, cả Thánh Paul cũng thế. Nhưng lắng nghe nào:

“Bất cứ người nào thành phố có thể bỏ nhiệm, người đó phải được tuân lệnh, cả những điều nhỏ nhặt lẫn lớn lao, điều công bằng cũng như bất công... bất tuân là tội ác xấu xa nhất... Chúng ta phải ủng hộ chính nghĩa của trật tự, và không để một phụ nữ đánh bại chúng ta trong bất kỳ trường hợp nào... Họ phải là phụ nữ, và không thể có địa vị cao. Hãy đưa họ vào hàng ngũ tôi đòi.” Đó là giọng nói của Creon, tên độc tài. Antigone, con gái của hắn, trả lời: “Không có luật pháp nào như thế được đặt ra giữa con người bởi vị phán quan cư ngụ cùng các thánh thần bên dưới.” Nhưng nàng không có cả thủ đô lẫn sức mạnh để yểm trợ sau lưng. Và Creon nói: “Ta sẽ đưa nó tới nơi có con đường vắng vẻ nhất và giấu nó, còn sống, trong một cái hầm đá.” Và hắn nhất nàng không phải ở Holloway hay ở một trại tập trung, mà là một hầm mộ. Và chúng ta đọc thấy Creon phá hủy chính ngôi nhà của hắn và khiến cho những thi thể nằm vương vãi khắp nơi trên mặt đất. Dường như, thưa ông, khi chúng ta lắng nghe giọng nói của quá khứ, như thế chúng ta lại nhìn vào những tấm ảnh một lần nữa, và tấm ảnh những thi thể và những ngôi nhà đổ nát mà Chính phủ Tây Ban Nha gửi cho chúng ta hầu như hàng tuần. Dường như mọi sự lặp lại chính chúng. Những tấm ảnh và những giọng nói ngày nay cũng giống hệt như chúng cách đây hơn 2000 năm.

Vậy đó là kết luận mà thắc mắc của chúng ta về bản chất của nỗi sợ hãi đã đưa chúng ta tới - nỗi sợ hãi ngăn cấm sự tự do trong ngôi nhà riêng. Nỗi sợ đó, dù nhỏ bé và tầm thường, gắn liền với một nỗi sợ khác, nỗi sợ công cộng, vốn không nhỏ bé hay tầm thường chút nào, nỗi sợ đã dẫn ông tới chỗ yêu cầu chúng tôi giúp ông ngăn chặn chiến tranh. Mặt khác lẽ ra chúng ta không nên nhìn lại tấm ảnh nữa. Nhưng nó không phải là tấm ảnh đã khiến chúng ta có cùng những cảm xúc ở đầu lá thư này - ông đã gọi chúng là “kinh khủng và ghê tởm”; chúng ta đã gọi chúng là kinh khủng và ghê tởm. Vì khi lá thư này được gửi đi, cộng thêm thực tế vào thực tế, một tấm ảnh khác tự nó hiện ra ở cận cảnh. Nó là một nhân vật đàn ông; một số nói, số khác khước từ, rằng hắn ta chính là bản thân Đàn ông, [\(XLVIII\)](#) tinh hoa của

nam tính, kiểu mẫu hoàn hảo mà so với nó mọi kiểu khác là những bản sao không hoàn hảo. Hẳn chắc chắn là một người đàn ông. Đôi mắt hẳn thần thờ; đôi mắt hẳn mở trừng trừng. Thân hình hẳn, với một tư thế không tự nhiên, khoác một bộ quân phục. Trên ngực áo bộ quân phục đó đeo nhiều tấm huy chương và những biểu tượng bí ẩn khác. Bàn tay hẳn đặt lên một thanh kiếm. Tiếng Đức và tiếng Ý gọi hẳn là Führer hoặc Duce; ngôn ngữ của chúng ta gọi hẳn là Bạo chúa hay Kẻ độc tài. Và sau lưng hẳn là những ngôi nhà đổ nát và những thi thể - đàn ông, đàn bà và trẻ con. Nhưng chúng tôi không đặt bức ảnh đó ra trước mặt ông để gợi lại một lần nữa cảm xúc căm ghét khô khan. Trái lại, nó nhằm mục đích làm giảm nhẹ những cảm xúc khác mà nhân vật này, dù chỉ trong một tấm ảnh màu thô sơ, khuấy động lên trong chúng ta, những con người. Vì nó đề xuất một kết nối và là một kết nối rất quan trọng đối với chúng ta. Nó đề xuất rằng các thế giới công cộng và riêng tư đều gắn kết chặt chẽ với nhau không thể tách rời; rằng những tên bạo chúa và những kẻ nô lệ của thế giới này cũng là những tên bạo chúa và những kẻ nô lệ của thế giới kia. Nhưng nhân vật dù chỉ trong một tấm ảnh này đề xuất những cảm xúc khác phức tạp hơn. Nó đề xuất rằng chúng ta không thể phân ly khỏi nhân vật đó mà bản thân chúng ta chính là nhân vật đó. Nó đề xuất rằng chúng ta không phải là những khán giả thụ động cam chịu số phận tuân phục không phản kháng mà bằng những ý nghĩ và hành động của mình, chúng ta có thể biến đổi nhân vật đó. Một lợi ích chung đoàn kết chúng ta lại; nó là một thế giới, một cuộc sống. Nó thiết yếu đến độ chúng ta nên nhận ra sự đoàn kết mà những thi thể, những ngôi nhà đổ nát chứng minh. Bởi đó sẽ là sự sụp đổ của chúng ta nếu ông, trong những khái niệm trừu tượng công cộng rộng lớn của mình, quên đi nhân vật riêng tư, hoặc nếu chúng ta, trong sự căng thẳng của những cảm xúc riêng tư quên đi thế giới công cộng. Cả hai ngôi nhà đều sụp đổ, ngôi nhà công cộng và ngôi nhà riêng tư, vật chất và tinh thần, vì chúng nối kết với nhau không thể cách ly. Nhưng với lá thư của ông trước mặt, chúng tôi có lý do để hy vọng. Bởi bằng cách yêu cầu sự giúp đỡ của chúng tôi ông nhận ra sự nối kết đó; và bằng cách đọc những từ của ông chúng tôi được nhắc nhở tới những nối kết khác nằm sâu hơn những thực tế trên bề mặt. Ngay cả ở đây, ngay cả lúc này, lá thư của ông cũng xui khiến chúng tôi khép kín hai tai với những thực tế nhỏ nhặt này, những thực tế tầm thường này, để lắng nghe không phải tiếng súng râm ran hay tiếng máy hát inh tai mà là giọng nói của những thi nhân, đang đáp lời nhau, đang trấn an chúng ta về một khối thống nhất xóa bỏ mọi phân biệt như thể chúng chỉ là những

vết phần; để thảo luận với ông về khả năng vượt qua những ranh giới và tạo nên một khối thống nhất từ vô số mảnh của tinh thần con người. Nhưng đó sẽ là mơ tưởng - mơ một giấc mơ lặp đi lặp lại vốn đã ám ảnh tâm trí con người từ thuở hồng hoang; giấc mơ hòa bình, giấc mơ tự do. Nhưng, với những tiếng súng vang dội trong tai, ông đã không yêu cầu chúng tôi mơ. Ông đã không hỏi chúng tôi hòa bình là gì; ông đã hỏi chúng tôi làm thế nào để ngăn chặn chiến tranh. Vậy chúng ta hãy để cho những thi nhân nói cho chúng ta biết giấc mơ đó là gì; và dán mắt lên tấm ảnh một lần nữa: thực tế. Bất kể những người khác đưa ra phán quyết nào đối với người đàn ông mặc quân phục - và các ý kiến thì khác nhau - có lá thư của ông ở đó để chứng minh rằng với ông bức ảnh này là bức ảnh của cái ác. Và dù chúng ta nhìn bức ảnh từ những góc độ khác nhau kết luận của chúng tôi cũng giống như của ông - nó là cái ác. Cả hai chúng ta đã quyết định làm những gì chúng ta có thể để tiêu diệt cái ác mà bức ảnh đó đại diện, ông bằng các phương pháp của ông, chúng tôi bằng những phương pháp của chúng tôi. Và vì chúng tôi khác biệt, sự giúp đỡ của chúng tôi phải khác biệt. Chúng tôi đã cố gắng chỉ ra sự giúp đỡ của chúng tôi có thể là gì - không cần phải nói nó không hoàn hảo, nó nông cạn ra sao.[\(XLIX\)](#) Nhưng kết quả là câu trả lời cho câu hỏi của ông phải là chúng tôi có thể giúp ông ngăn chặn chiến tranh tốt nhất không phải bằng cách lặp lại những lời của ông và làm theo các phương pháp của ông mà bằng cách tìm ra những từ mới và sáng tạo nên những phương pháp mới. Chúng tôi có thể giúp ông ngăn chặn chiến tranh tốt nhất không phải bằng cách tham gia hiệp hội của ông mà bằng cách ở lại bên ngoài hiệp hội của ông nhưng hợp tác với mục đích của nó. Với hai chúng ta, mục đích đó là một. Đó là khẳng định “những quyền lợi của tất cả - mọi đàn ông và phụ nữ, để tôn trọng trong cá nhân họ những nguyên tắc của Công lý và Bình đẳng và Tự do.” Không cần thiết phải nói thêm chi tiết nữa, vì chúng tôi có mọi niềm tin rằng ông diễn dịch những từ đó giống như chúng tôi diễn dịch. Và những viện cứ là không cần thiết, vì chúng tôi có thể tin ông sẽ trợ cấp cho những khoản thiếu hụt mà chúng ta đã nói trước và lá thư này đã vạch ra một cách thừa thãi.

Vậy xin quay lại với mẫu đơn mà ông đã gửi và yêu cầu chúng tôi điền vào: vì những lý do đã nêu chúng tôi sẽ không ký nó. Nhưng để chứng minh càng thực chất càng tốt rằng mục đích của chúng tôi cũng giống của ông, đây là một đồng ghi-nê, một món quà tự do, được cho đi một cách tự do, không có bất kỳ điều kiện nào ngoài những gì ông chọn để tự áp đặt cho mình. Nó là đồng ghi-nê thứ ba; nhưng ba đồng ghi-nê này, ông sẽ nhận ra,

dù được trao cho ba vị thủ quỹ khác nhau, tất cả đều được trao cho cùng một chính nghĩa, vì những chính nghĩa đều giống nhau và không thể tách rời.

Bây giờ, vì ông chịu áp lực thời gian, tôi xin được kết thúc; xin được ba người quý vị thứ lỗi ba lần, trước tiên vì độ dài của lá thư này, thứ hai vì sự nhỏ nhen của khoản đóng góp, và thứ ba chính vì việc viết lá thư. Tuy nhiên trách nhiệm này đặt lên ông, vì lá thư này không bao giờ được viết ra nếu ông không yêu cầu một câu trả lời cho thư của ông.

HẾT



• Chú thích

(*) Trịnh Lữ dịch; NXB Tri thức 2/2009.

[1] Quỹ Giáo dục Arthur (Arthur's Education Fund) là một lý thuyết về bất bình đẳng giới của Virginia Woolf, xuất phát của cụm từ này là cuốn tiểu thuyết Pendenis.

[2] Tiểu thuyết của tác giả Anh William Makepeace Thackeray. Bối cảnh là nước Anh thế kỷ 19, đặc biệt ở London. Nhân vật chính là Arthur Pendennis, một chàng quý tộc trẻ tuổi.

[3] King's Counsel: một địa vị tư pháp của giới luật sư Anh.

[4] League of Nations, viết tắt là LON, một tổ chức liên chính phủ được thành lập như là một kết quả của Hội nghị Hòa bình Paris sau khi Thế chiến I kết thúc. Đây là tổ chức quốc tế thường trực đầu tiên có nhiệm vụ chủ yếu là duy trì hòa bình thế giới.

[5] Phần này được viết trong mùa đông 1936-7.

[6] Order of Merit: Huân chương công trạng, do triều đình ban tặng để ghi nhận công trạng cho những cá nhân có đóng góp nổi bật trong các lĩnh vực quân sự, khoa học, văn học, nghệ thuật và quảng bá văn hóa. Trình tự của các loại O.M. tùy thuộc vào từng quốc gia áp dụng.

[7] Order of Merits.

[8] Fellow of Royal Society.

[9] Women's Social and Political Union: tổ chức đấu tranh cho quyền bầu cử của nữ giới ở Anh, thành lập ở Manchester ngày 10-10-1903.

[10] Từ khi những dòng này được viết ra, ông Baldwin đã thôi làm Thủ tướng và trở thành một bá tước.

[11] Nguyên văn: 'Here we go round the mulberry tree, the mulberry tree, the mulberry tree. Give it all to me, give it all to me, all to me. Three hundred millions spent upon war.'

[12] John Pierpont Morgan (1837 - 1913): tỷ phú, nhà tài chính, ngân hàng, nhà từ thiện và nhà sưu tầm mỹ thuật người Mỹ.

[13] John Davison Rockefeller (1839 - 1937): tỷ phú, nhà công nghiệp và nhà từ thiện người Mỹ.

[14] The Contagious Diseases Acts, được Quốc Hội Anh thông qua lần đầu năm 1864, đạo luật này cho phép cảnh sát bắt giữ gái mại dâm trong một số cảng và thị trấn quân đội, và những người phụ nữ này sau đó bị kiểm tra bắt buộc về bệnh hoa liễu. Nếu một người phụ nữ được tuyên bố bị nhiễm bệnh, cô bị nhốt vào một “bệnh viện kín” cho đến khi đã khỏi bệnh.

[15] Thi sĩ Hy Lạp cổ đại (khoảng 522-443 trước CN).

[16] Chỉ có nền văn hóa bất vụ lợi mới có thể ngăn thế giới khỏi sự đổ nát.

[17] Ben Jonson (Benjamin Jonson, khoảng 1572 - 1637) kịch tác gia, thi sĩ và nhà phê bình văn học Anh.

[18] Infantile fixation

- Tham khảo

[1] The Life of Mary Kingsley của Stephen Gwynn, trang 15. Khó mà có được các con số chính xác về những khoản tiền đã chi cho việc giáo dục các cô con gái của những người đàn ông trí thức. Có lẽ khoảng 20 tới 30 bảng để chi cho toàn bộ chi phí giáo dục của Mary Kingsley (1862-1900). Có thể xem khoản tiền 100 bảng là con số trung bình trong thế kỷ 19 và ngay cả sau này. Những người phụ nữ được giáo dục như vậy thường cảm thấy rất sâu sắc sự thiếu thốn của học vấn. “Tôi luôn cảm thấy những khiếm khuyết trong học vấn của tôi gây đau khổ nhất khi tôi ra khỏi nhà,” lời của Anne J. Clough, Nữ Hiệu trưởng đầu tiên của trường Newnham. (Life of Anne J. Clough của B.A. Clough, trang 60.) Elizabeth Haldane, như cô Clough, xuất thân từ một gia đình văn học thượng lưu, nhưng được giáo dục theo cách rất giống như thế, nói rằng khi cô trưởng thành, “Điều tin chắc đầu tiên của tôi là tôi không được giáo dục, và tôi đã nghĩ làm sao để có thể chinh đốn điều này. Lẽ ra tôi rất thích đi học ở trường cao đẳng, nhưng với các cô gái thời bấy giờ, trường cao đẳng là rất khác thường, và ý tưởng này không được khuyến khích. Nó cũng rất đắt tiền. Với một cô con gái độc nhất việc rời khỏi một bà mẹ góa phụ thật sự được xem là ngoài phạm vi cân nhắc, và không một người nào có thể khiến cho kế hoạch đó trở nên khả

thi. Hồi thời ấy có một phong trào thực hiện những lớp học hàm thụ...” (From One Century to Another của Elizabeth Haldane, trang 73.) Nỗ lực để che đậy sự dốt nát của những người phụ nữ được giáo dục như thế thường rất quả quyết, nhưng không luôn luôn thành công. “Họ trò chuyện một cách thú vị về những đề tài hiện tại, cẩn thận né tránh các chủ đề gây tranh cãi. Điều gây ấn tượng cho tôi là sự dốt nát và thờ ơ của họ liên quan tới bất cứ điều gì ở bên ngoài tầng lớp của chính họ... một nhân vật có vai vế, mẹ của Phát ngôn viên của Hạ viện Anh tin rằng California thuộc về chúng ta, là một phần của Đế quốc của chúng ta!” (Distant Fields của H.A. Vachell, trang 109.) Việc sự dốt nát thường được khơi gợi ra trong thế kỷ mười chín là do niềm tin đương thời rằng những người đàn ông trí thức thích thú nó đã được chỉ ra bởi sức mạnh mà với nó Thomas Gisborne, trong tác phẩm có tính hướng dẫn On the Duties of Women (trang 278) đã khiển trách những kẻ cố tình khuyên những người phụ nữ “tự kềm chế không khám phá tới mức độ trọn vẹn về khả năng và những thành tựu của người đối ngẫu trong hôn nhân của họ.” “Đây không phải là sự tự do làm theo ý mình mà là nghệ thuật. Nó là sự che đậy, nó là sự áp đặt chủ tâm... Nó hầu như không thể được thực hành lâu mà không bị phát giác.”

Nhưng con gái của người đàn ông trí thức ở thế kỷ 19 thậm chí còn dốt nát về đời sống hơn là về những cuốn sách. Một nguyên nhân cho sự dốt nát đó được đề xuất bởi câu trích dẫn sau: “Người ta cho rằng hầu hết đàn ông đều không ‘có đạo đức tốt’, nghĩa là, hầu như tất cả đều có khả năng gạ chuyện tán tỉnh hay gây bức mình - hay còn tệ hơn - cho bất kỳ một phụ nữ trẻ tuổi không có người hộ tống nào mà họ gặp.” (‘Society and the Season’, của Mary, Nữ Bá tước xứ Lovelace, trong cuốn Fifty Years, 1882-1932, trang 37.) Do đó cô ta bị giam hãm trong một vòng tròn rất hẹp; và “sự dốt nát và thờ ơ” của cô ta đối với bất cứ thứ gì ở bên ngoài là có thể tha thứ. Mối liên kết giữa sự dốt nát đó và nhận thức của thế kỷ 19 về nam tính - bằng chứng là anh hùng thời đại Victoria - mà đã khiến cho “đạo đức” và nam tính trở nên không tương hợp là rất hiển nhiên. Trong một đoạn văn nổi tiếng của mình, Thackeray than phiền về những hạn chế nằm giữa đạo đức và nam tính đã áp đặt lên nghệ thuật của ông.

III Ý thức hệ của chúng ta vẫn còn tính chất lấy con người làm trung tâm một cách thâm căn cố đế đến nỗi cần thiết phải đặt ra thuật ngữ dài dòng này - các cô con gái của những người đàn ông trí thức - để mô tả tầng lớp có cha là người đã được giáo dục ở các trường tư thục và trường đại học. Rõ ràng, nếu từ “giai cấp tư sản” thích hợp với anh trai của cô ta, sẽ cực kỳ

không chính xác nếu sử dụng nó cho một người khác biệt rất sâu xa ở hai đặc tính chủ yếu của giai cấp tư sản - tư bản và môi trường.

[III] Con số thú vật bị giết ở Anh cho thú vui thể thao trong suốt thế kỷ vừa qua vượt khỏi ước tính. 1212 đầu thú săn được xem là trung bình cho một ngày săn bắn ở Chatsworth vào năm 1909. (Men, Women and Things của Công tước xứ Portland, trang 251). Có ít lời nhắc tới việc săn bắn của phụ nữ trong những cuốn hồi ký thể thao, và sự xuất hiện của họ ở khu săn bắn là nguyên nhân của nhiều lời phê phán chua cay. “Skittles” [biệt danh của Catherine Walters, 1839 - 1920], người nữ kỹ sĩ nổi tiếng ở thế kỷ 19, là một quý bà có đạo đức dễ dãi. Rất có khả năng rằng có một sự nối kết nào đó giữa thể thao và tính dâm dật ở phụ nữ của thế kỷ 19.

[IV] Francis and Riversdale Grenfell, của John Buchan, trang 189, 205.

[V] Antony (Viscount Knebworth), của Bá tước xứ Lytton, trang 355.

[VI] The Poems of Wilfred Owen, do Edmund Blunden biên tập, trang 25, 41.

[VII] Lord Hewart, đề xuất khi nâng cốc chúc mừng nước Anh trong bữa tiệc của Hội của Thánh George ở Cardiff.

[VIII] The Daily Telegraph, 5-3-1937.

[IX] The Daily Telegraph, 5-3-1937.

[X] Dĩ nhiên có một thứ chủ yếu mà một phụ nữ trí thức có thể cung cấp: trẻ con. Và một phương pháp mà nhờ đó cô ta có thể giúp ngăn ngừa chiến tranh là từ chối sinh con. Do vậy bà Helena Normanton có ý kiến rằng “Điều duy nhất phụ nữ ở bất kỳ quốc gia nào có thể làm để ngăn ngừa chiến tranh là ngưng cung cấp “bia đỡ đạn” (Báo cáo của Hội đồng thường niên cho Quyền bình đẳng công dân, Daily Telegraph ngày 5-3-1937) Những lá thư trên báo chí thường xuyên ủng hộ quan điểm này. “Tôi có thể nói với ông Harry Campbell vì sao phụ nữ khước từ việc sinh con vào những thời điểm này. Khi đàn ông đã học được cách điều hành những vùng đất họ cai trị khiến các cuộc chiến chỉ sẽ chạm tới những ai gây ra tranh chấp, thay vì tàn sát những kẻ không làm gì cả, khi đó phụ nữ có thể một lần nữa cảm thấy giống như có những đại gia đình. Vì sao phụ nữ phải sinh con trong một thế giới như thế giới ngày nay?” (Edith Maturin-Porch, trên tờ Daily Telegraph, 6-9-1937) Thực tế rằng sinh suất ở tầng lớp trí thức đang giảm đi

dường như chỉ ra rằng những người phụ nữ trí thức đang làm theo lời khuyên của bà Normanton. Điều này đã được Lysistrata đưa ra trong những tình huống rất tương tự cách nay hai ngàn năm.

[XI] Dĩ nhiên có vô số loại ảnh hưởng ngoài những ảnh hưởng xác định trong văn bản. Nó khác biệt nhau từ loại đơn giản được mô tả ở đoạn văn sau: “Ba năm sau... chúng tôi phát hiện ra bà ta đang viết cho ông ta, là một Bộ trưởng, để khẩn nài sự quan tâm của ông ta đối với đồng Curon để sống với tư cách đại diện cho một mục sư được yêu thích...” (Henry Chaplin, a Memoir, của Phu nhân Londonderry, trang 57) cho tới loại rất tinh tế được áp dụng bởi phu nhân Macbeth đối với chồng của bà ta. Ở đâu đó giữa hai loại này là ảnh hưởng được mô tả bởi D. H. Lawrence: “Với tôi thật là vô vọng khi cố làm bất cứ điều gì nếu tôi không có một người phụ nữ ở sau lưng tôi... Tôi không dám ngồi trong thế giới nếu tôi không có một phụ nữ đằng sau tôi... Nhưng một người phụ nữ mà tôi yêu phần nào đó giữ tôi trong sự giao tiếp trực tiếp với điều chưa biết, trong đó nếu khác đi tôi sẽ mất mát chút ít.” (Letters of D. H. Lawrence, trang 93, 94), mà chúng ta có thể so sánh với, dù sự sắp đặt theo trật tự khá lạ lùng, định nghĩa nổi tiếng và rất tương tự do cựu vương Edward VIII đưa ra trong lễ thoái vị của mình. Các điều kiện chính trị hiện thời ở nước ngoài dường như ủng hộ cho một sự quay lại với việc sử dụng ảnh hưởng vụ lợi. Ví dụ: “Một câu chuyện minh họa cho mức độ ảnh hưởng hiện tại của phụ nữ ở Vienna. Trong mùa thu vừa rồi, nhà nước dự định đề ra một biện pháp để giảm bớt hơn nữa các cơ hội nghề nghiệp của phụ nữ. Những kháng nghị, những khẩn nguyện, những lá thư, tất cả đều không có chút hiệu quả nào. Cuối cùng, trong sự tuyệt vọng, một nhóm các quý bà nổi tiếng của thành phố... tập hợp lại với nhau và lên kế hoạch. Trong nửa tháng kế tiếp, trong một số giờ cụ thể hàng ngày, nhiều người trong số các quý bà này gọi điện thoại cho các ông bộ trưởng mà họ quen biết riêng, bề ngoài là mời họ tới ăn tối ở nhà mình. Với tất cả sức quyến rũ của những phụ nữ thành Vienna, họ khơi gợi cho các ông bộ trưởng nói chuyện, hỏi han chuyện này chuyện nọ, và cuối cùng nhắc tới vấn đề khiến họ quá đổi phiền lòng. Khi các ông bộ trưởng bị gọi điện bởi nhiều quý bà, tất cả đều là những người mà họ không muốn xúc phạm, và bị ngăn trở khỏi những công vụ khẩn cấp của nhà nước bởi chiêu thức này, họ quyết định thỏa hiệp - và thế là biện pháp đó bị hoãn lại.” (Women Must Choose của Hilary Newitt, trang 129) Cách sử dụng tầm ảnh hưởng tương tự thường được chú tâm thực hiện trong cuộc đấu tranh cho

quyền bầu cử. Nhưng người ta bảo tầm ảnh hưởng của phụ nữ đã bị làm cho suy yếu bởi sự chiếm hữu một lá phiếu. Do vậy Đô đốc von Bieberstein có ý kiến rằng “Những người phụ nữ luôn dẫn dắt những người đàn ông... nhưng ông không muốn họ đi bầu cử.” (From One Century to Another của Elizabeth Haldane, trang 258.)

[XII] Phụ nữ Anh bị chỉ trích nhiều vì sử dụng vũ lực trong đấu tranh đòi quyền bầu cử. Năm 1910, khi ông Birrell bị “đập nát mũ” và bị đá vào hai ống quyển bởi những người đòi quyền bầu cử, Sir Almeric Fitzroy nhận xét, “một sự tấn công theo tính cách này đối với một ông già vô phương tự vệ bởi một băng nhóm có tổ chức của “những tên lính Thổ Nhĩ Kỳ” sẽ, người ta hy vọng, thuyết phục nhiều người mất trí và có tinh thần vô chính phủ phát động phong trào.” (Memoirs of Sir Almeric Fitzroy, tập II, trang 425.) Những nhận xét này rõ ràng không được áp dụng cho vũ lực trong cuộc chiến châu Âu. Thật ra, quyền bầu cử được trao cho phụ nữ Anh phần lớn là vì sự trợ giúp của họ đối với đàn ông Anh trong việc sử dụng vũ lực trong cuộc chiến tranh đó. “Ngày 14 tháng 8 (1916), bản thân ông Asquith đã thôi chống đối (quyền bầu cử của nữ giới). Ông nói, ‘Đúng là (phụ nữ) không thể chiến đấu theo ý nghĩa tiến ra với súng đạn vân vân, nhưng... họ đã trợ giúp bằng cách thức hiệu quả nhất trong việc theo đuổi chiến tranh.’” (The Cause of Ray Strachey, trang 354.) Điều này làm nảy sinh câu hỏi khó trả lời là những người không trợ giúp cho việc theo đuổi chiến tranh mà đã làm những gì họ có thể để ngăn cản việc theo đuổi chiến tranh có nên sử dụng quyền bầu cử mà họ đã được trao cho chủ yếu là vì những người khác “đã trợ giúp cho việc theo đuổi chiến tranh” hay không? Việc họ là những cô con ghê chứ không phải là con đẻ của nước Anh được chỉ ra bởi thực tế là họ thay đổi quốc tịch khi kết hôn. Một người phụ nữ, dù có giúp đánh bại nước Đức hay không, trở thành một người Đức nếu cô ta lấy một người Đức. Các quan điểm chính trị của cô ta khi đó phải hoàn toàn đảo ngược, và lòng hiếu thảo của cô ta đã chuyển biến.

[XIII] Sir Ernest Wild, K.C. của Robert J. Blackburn, trang 174, 175.

[XIV] Việc quyền bầu cử không phải là không đáng kể được chỉ ra bởi những thực tế được xuất bản rải rác theo thời gian bởi Hiệp hội Quyền bình đẳng công dân Quốc gia. “Xuất bản phẩm này (What the Vote Has Done) ban đầu chỉ là một tờ truyền đơn một trang; hiện giờ (1927) nó đã tăng trưởng một thành một cuốn sách mỏng sáu trang, và phải thường xuyên

được mở rộng thêm.” (Josephine Butler của M. G. Fawcett và E. M. Turner, chú giải, trang 101)

[XV] Không có sẵn những con số để kiểm chứng lại những thực tế mà hẳn phải có một phương diện rất quan trọng đối với tiểu sử và tâm lý của hai giới tính. Có thể thực hiện một sự bắt đầu trong bước mở đầu chủ yếu nhưng lại bị bỏ qua một cách lạ lùng này bằng đánh dùng phấn đánh dấu lên một tấm bản đồ cỡ to của tài sản nước Anh do những người đàn ông làm chủ, màu đỏ; do phụ nữ, màu xanh. Khi đó số lượng cừu và gia súc lớn được tiêu thụ bởi mỗi giới tính phải được so sánh; số thùng lớn đựng rượu vang và bia; những thùng thuốc lá; sau đó chúng ta phải cẩn thận kiểm tra những áp dụng về vật chất của chúng; người lao động nội địa; các tiện nghi cho giao tiếp giới tính, vân vân. Các nhà sử học dĩ nhiên quan tâm chủ yếu tới chiến tranh và chính trị; nhưng đôi khi cũng rọi sáng lên bản chất con người. Khi Macaulay giao dịch với những quý ông miền quê nước Anh hồi thế kỷ 17 ông đã nói như vậy: “Vợ và con gái của ông ta có những thị hiếu và tài năng dưới mức của một quản gia hay một nàng hầu trong phòng dạy kỹ năng của ngày nay. Họ may và se sợi, ủ rượu lý gai, chế thuốc chữa bệnh bằng hoa cúc vạn thọ và làm vỏ cho món thịt hươu nướng bọc bột.”

Một lần nữa, “Các bà chủ nhà mà công việc của họ thông thường là nấu ăn, rút lui để nghỉ ngơi ngay sau khi bữa ăn kết thúc, bỏ mặc các ông với cuộc chè chén bia bọt và thuốc lá của họ.” (Macaulay, History of England, Chương Ba) Nhưng các ông vẫn đang nhậu nhẹt và các bà vẫn rút lui sau đó khá lâu. “Vào thời mẹ tôi còn trẻ trước khi bà kết hôn, thói quen uống đến mềm môi lâu đời của Thời kỳ Nhiếp chính và của thế kỷ 18 vẫn còn tồn tại dai dẳng. Người quản gia già được tin cậy của gia đình ở Woburn Abbey có thói quen báo cáo hàng đêm cho bà tôi trong phòng khách. ‘Đêm nay các quý ông đã uống khá nhiều; đã tới lúc các tiểu thư nên đi nghỉ,’ hoặc ‘Đêm nay các ông uống rất ít,’ được thông báo theo hoàn cảnh bởi người hầu cận trung thực của gia đình này. Nếu các cô gái trẻ bị tổng lên gác, họ thích đứng ở một hành lang phía trên của cầu thang để ‘quan sát đám đông đang hò hét om xòm từ dưới phòng khách.’” (The Days Before Yesterday của Lord F. Hamilton, trang 322) Việc nói cho chúng ta biết hiệu quả của tài sản và việc chè chén đối với các nhiệm sắc thế là gì phải được để lại cho các nhà khoa học trong tương lai.

[XVI] Thực tế rằng cả hai giới tính đều có một tình yêu đối với y phục rất đáng chú ý dù khác biệt nhau dường như đã thoát khỏi sự chú ý của giới tính thống trị, phần lớn là vì người ta cho rằng nó là quyền lực thôi miên

của phe thống trị. Do vậy ông Justice MacCardie quá cố, khi tổng kết trường hợp của bà Frankau đã nhận xét: “Người ta không thể mong đợi những người phụ nữ từ bỏ một đặc tính chủ yếu của nữ tính hay từ bỏ một trong những niềm an ủi của bản chất vì một nhược điểm thể chất thường xuyên và không thể vượt qua... Y phục, nói cho cùng, là một trong những phương pháp chủ yếu của sự tự thể hiện của phụ nữ... Về vấn đề y phục, phụ nữ thường vẫn là trẻ con cho tới phút cuối. Người ta không được bỏ qua khía cạnh tâm lý của vấn đề này. Nhưng trong khi vẫn ghi nhớ những vấn đề bên trên, pháp luật đã quy định một cách đúng đắn rằng nguyên tắc về sự thận trọng và tính cân xứng phải được tuân thủ.” Vị quan tòa đã phát ngôn như vậy đang mặc một cái áo choàng đỏ thẫm, đội một cái mũ lông chồn, và một bộ tóc xoắn giả to tướng. Dù ông ta có tận hưởng “một trong những niềm an ủi của bản chất vì một nhược điểm thể chất thường xuyên và không thể vượt qua” hay không, một lần nữa, phải hoài nghi về việc bản thân ông ta có tuân thủ “nguyên tắc về sự thận trọng và tính cân xứng” hay không. Nhưng “người ta không được bỏ qua khía cạnh tâm lý của vấn đề này”; và thực tế rằng sự lập dị của ngoại hình của chính ông ta cùng với của những ngài đô đốc, tướng lĩnh, truyền lệnh sứ, kỵ binh hoàng gia, những kẻ ngang hàng, những người canh gác tháp London, vân vân, hoàn toàn vô hình đối với ông ta thế nên ông ta mới có thể lên lớp cho quý bà đó mà không có chút ý thức nào về việc chia sẻ nhược điểm của bà ta đã gợi ra hai câu hỏi: một hành vi phải được thực hiện thường xuyên đến thế nào trước khi nó trở thành truyền thống, và do đó đáng được tôn trọng; và mức độ nào của uy tín xã hội tạo nên sự mù lòa trước bản chất nổi bật của y phục của chính một người? Sự lập dị của y phục, khi không gắn liền với chức vị, hiếm khi thoát khỏi sự nhạo báng.

[XVII] Trong Danh sách vinh danh Năm mới cho năm 1937, 147 người đàn ông đã nhận được sự vinh danh so với bảy phụ nữ. Vì những nguyên do hiển nhiên, không thể xem điều này như là một thước đo của niềm khao khát tương đối của họ đối với một sự quảng cáo như thế. Nhưng việc về mặt tâm lý, việc một phụ nữ sẽ dễ dàng khước từ những danh dự hơn một người đàn ông dường như là điều không thể tranh cãi. Bởi thực tế rằng trí tuệ (nói đại khái) là tài sản chuyên môn chủ yếu của đàn ông, và rằng những ngôi sao và những dải ruy băng là những phương tiện quảng cáo trí tuệ chủ yếu của anh ta đã đề xuất rằng những ngôi sao và những dải ruy băng đồng dạng với phấn và son môi, phương pháp chủ yếu của một người phụ nữ để quảng

cáo tài sản chuyên môn chủ yếu của cô ta: vẻ đẹp. Do vậy sẽ là phi lý khi yêu cầu ông ta từ chối một tước hiệu Hiệp sĩ tương đương như khi yêu cầu cô ta từ chối một chiếc váy. Số tiền phải trả cho một tước hiệu Hiệp sĩ năm 1901 có vẻ như sẽ cung cấp được một khoản trợ cấp y phục rất hậu hĩnh; “21-4 (Chủ nhật) - Đi thăm Meynell, người thường có đầy những chuyện tầm phào. Có vẻ như những khoản nợ của nhà vua đã được thanh toán theo cách riêng tư bởi những bạn bè của ông ta, người ta bảo một trong số đó đã cho mượn 100.000 bảng, và tự hài lòng một khoản trả lại 25.000 bảng cộng thêm một tước hiệu Hiệp sĩ.” (My Diaries của Wilfrid Scawen Blunt, Phần II, trang 8)

[XVIII] Một kẻ ngoại cuộc khó mà biết được những con số chính xác là bao nhiêu. Nhưng việc những khoản thu nhập đó là có thật có thể ước đoán từ một nhận định vui vẻ cách nay vài năm của ông J. M. Keynes trong cuốn Nation of a history of Clare College, Cambridge. Cuốn sách “mà người ta đồn là phải tốn sáu ngàn bảng để xuất bản.” Cũng có lời đồn đại rằng một nhóm học sinh đã quay về vào lúc bình minh từ một cuộc hội hè nào đó vào khoảng thời gian đó đã nhìn thấy một đám mây trên bầu trời; mà khi họ nhìn lên trông như hình dáng của một phụ nữ; người mà khi được cầu khẩn đưa ra một dấu hiệu, đã thả xuống trong một trận mưa đá sáng lòa hai từ “Giẻ rách”. Câu chuyện này được diễn dịch để định nghĩa điều mà từ một trang khác cùng số của cuốn Nation có vẻ như là sự thật; rằng những học sinh của một trong những trường nữ trung học đã chịu đựng rất nhiều đau khổ từ “những căn phòng lạnh lẽo ẩm đạm dưới tầng trệt đầy nhóc chuột”. Người ta cho là sự hiện hình này có ý nghĩa đề xuất rằng nếu các quý ông của trường Clare muốn vinh danh bà ta, một tấm chi phiếu 6.000 bảng gửi tới bà Hiệu trưởng sẽ tôn vinh bà ta hơn là một cuốn sách ngay cả khi nó “được bọc trong lớp áo giấy và vải hồ cứng màu đen tốt nhất ...” Tuy nhiên, không có gì huyền hoặc về thực tế được ghi nhận trong cùng số trang của cuốn Nation rằng “Trường Somerville đã nhận với lòng biết ơn vô kể số tiền 7.000 bảng được gửi tới hồi năm ngoái từ quà mừng Lễ kỷ niệm và một khoản di sản tư nhân theo thừa kế.”

[XIX] Một sử gia lớn đã mô tả thế này về nguồn gốc và đặc điểm của các trường đại học, một trong số đó là nơi ông đã theo học: “Hai trường Oxford và Cambridge được thành lập trong một kỷ nguyên đen tối của nền khoa học giả trá và man rợ; và chúng vẫn còn mang vết nhơ của những điều xấu xa của nguồn gốc của chúng... Sự sáp nhập về mặt pháp lý của các tổ chức

này bởi những hiến chương của các giáo hoàng và các vị vua đã trao cho chúng một sự độc quyền hướng dẫn công chúng; và tinh thần của những kẻ độc quyền thì hẹp hòi, lười nhát và có tính chất áp đặt: hoạt động của chúng tốn kém hơn và ít năng suất hơn hoạt động của những nghệ sĩ độc lập; và những cải cách bị tóm lấy một cách nôn nóng bởi sự cạnh tranh của tự do, được thừa nhận với sự miễn cưỡng dần dà và sừng sĩa trong các tổ chức tự hào đó, bên trên nỗi e sợ một đối thủ, và bên dưới sự tự thú về một sai lầm. Chắc chắn là chúng ta không thể hy vọng rằng bất kỳ cải cách nào sẽ là một hành động tự nguyện; và chúng cắm rễ sâu vào luật pháp và thành kiến đến mức ngay cả quyền năng tuyệt đối của Quốc hội cũng sẽ co vùi trước một cuộc thăm tra tình trạng và những sự lạm dụng của hai trường đại học này. (Edward Gibbon, *Memoirs of My Life and Writings*) Tuy nhiên, “quyền năng tuyệt đối của Quốc hội” cũng đã mở một cuộc điều tra vào giữa thế kỷ 10 về “tình trạng của trường đại học (Oxford), ngành học của nó, các bộ môn nghiên cứu, và tổng thu nhập. Nhưng có nhiều cường kháng tiêu cực từ các trường đến độ hạng mục cuối cùng phải bị ủy ban cho qua. Tuy nhiên, chắc chắn rằng trong số 542 khoản học bổng trong tất cả các trường của Oxford chỉ có 22 khoản thật sự mở rộng cho sự cạnh tranh mà không có những điều kiện hạn chế về sự đỡ đầu, địa điểm hay dòng họ... Các ủy viên hội đồng... phát hiện ra rằng bản cáo trạng của Gibbon là có lý...” (Herbert Warren of Magdalen của Laurie Magnus, trang 47, 49) Tuy nhiên, uy tín của một nền giáo dục đại học vẫn còn cao; và các khoản học bổng được xem là rất đáng ao ước. Khi Pusey trở thành một Ủy viên Ban giám hiệu của Oriel, “những cái chuông của nhà thờ giáo xứ ở Pusey thể hiện sự mãn nguyện của cha ông và gia đình ông.” Một lần nữa, khi Newman được chọn làm một Ủy viên “tất cả những cái chuông của ba tháp chuông đều ngân vang - với chi phí của Newman.” (Oxford Apostles của Geoffrey Faber, trang 131, 69) Thế nhưng cả Pusey lẫn Newman đều là những người đàn ông có một bản chất tinh thần riêng biệt.

[XX] The Crystal Cabinet của Mary Butts, trang 138. Nguyên văn toàn câu thế này: “Vì ngay khi người ta nói với tôi rằng niềm khát khao học hỏi ở phụ nữ chống lại ý chí của Thượng đế, có rất nhiều sự tự do ngây thơ, niềm vui ngây thơ, đã bị khước từ nhân danh cùng một điều.” - một nhận xét khiến người ta phải ao ước rằng chúng ta nên có một tiểu sử từ ngòi bút của con gái của một người đàn ông trí thức của Thượng đế mà nhân danh ngài những hành động tàn bạo như thế đã được thực thi. Ảnh hưởng của tôn giáo

đối với học vấn của phụ nữ, cách này hay cách khác, chắc chắn là không bị đánh giá quá cao. Nếu, ví dụ, theo lời Thomas Gisborne, “những cách sử dụng âm nhạc được giải thích, đừng để cho hiệu quả của nó trong lòng mộ đạo được gia cố bị bỏ qua. Nếu vẽ tranh là chủ đề của nhận xét, hãy để cho các sinh viên được giáo huấn thường xuyên để chiêm nghiệm trong những tác phẩm sáng tạo sức mạnh, sự minh triết và tinh chất của tác giả của chúng.” (The Duties of the Female Sex của Thomas Gisborne, trang 85) Thực tế rằng ông Gisborne và những người giống như ông - một nhóm đông đảo - đặt các lý thuyết giáo dục của họ dựa trên nền tảng việc giảng dạy của trường St Paul dường như sẽ gợi ý rằng giới tính nữ phải được “giáo huấn thường xuyên để chiêm nghiệm trong những tác phẩm sáng tạo sức mạnh, sự minh triết và tinh chất” không phải là của Thượng đế, mà của ông Gisborne. Và từ đó chúng ta được dẫn tới kết luận rằng một tiểu sử của Thượng đế sẽ tự nó chuyển thành một Quyển từ điển về Tiểu sử Tăng lữ.

[XXI] Mary Astell của Florence M. Smith. “Thật không may, sự phản đối một ý tưởng mới mẻ đến thế (một trường cao đẳng cho phụ nữ) lại lớn hơn mỗi quan tâm tới nó, và xuất phát không phải từ những nhà văn châm biếm của thời đó, những kẻ, giống như những người hóm hỉnh của mọi thời, tìm ra từ người phụ nữ tiến bộ này một nguồn để chế giễu và biến Mary Astell thành chủ đề của những kho chuyện cười trong các vở hài kịch về kiểu mẫu Các Nữ học giả, mà là từ những người trong Giáo hội, những kẻ nhìn thấy trong kế hoạch đó một nỗ lực để mang lại chế độ giáo hoàng La Mã. Đối thủ mạnh nhất của ý tưởng này là một giám mục nổi tiếng, người mà, như Ballard đánh giá, đã ngăn cản không để cho một phu nhân lỗi lạc đóng góp 10.000 bảng cho kế hoạch này. Elizabeth Elstob đã cho Ballard biết tên của vị giám mục nổi tiếng này để đáp lại một yêu cầu từ ông ta: “Theo Elizabeth Elstob... chính Giám mục Burnet đã ngăn cản thiết kế tốt đẹp đó bằng cách khuyên can phu nhân đó đừng cố vũ nó.” (đã dẫn, trang 21, 22) “Phu nhân đó” có thể là Công chúa Ann, hay Phu nhân Elizabeth Hastings; nhưng dường như có lý do để nghĩ rằng đó chính là Công chúa. Việc Giáo hội đã nuốt trọn số tiền đó là một giả thiết, nhưng có lẽ là một giả thiết được phán xét bởi lịch sử Giáo hội.

[XXII] Tụng ca cho Âm nhạc (Ode for Music), biểu diễn ở Hội trường của Cambridge ngày 1-7-1769.

[XXIII] “Tôi bảo đảm với bà tôi không phải là một kẻ thù của những người phụ nữ. Tôi rất ủng hộ việc tuyển dụng họ với tư cách là những người lao động hay trong một khả năng làm người giúp việc khác. Tuy nhiên, tôi có những ngờ vực về khả năng thành công của họ trong hoạt động kinh doanh với tư cách là những nhà tư bản. Tôi chắc chắn đây thần kinh của đa số phụ nữ sẽ đứt tung dưới sự lo âu, và rằng đa số bọn họ cực kỳ thiếu hụt tính trầm lặng có kỷ luật cần thiết cho mọi loại hợp tác. Có thể sau hai ngàn năm nữa các bà có thể thay đổi tất cả những điều này, nhưng phụ nữ hiện tại chỉ ve vãn đàn ông, và gây gổ với nhau.” Đoạn trích từ một lá thư của Walter Bagehot gửi cho Emily Davies, người đã yêu cầu ông giúp đỡ để thành lập trường Girton.

[XXIV] Recollections and Reflections của Sir J. J. Thomson, trang 86-8, 296-7.

[XXV] “Đại học Cambridge vẫn thừa nhận toàn quyền trở thành thành viên của những người phụ nữ; nó chỉ ban cho họ những bằng cấp danh nghĩa và do đó họ không có phần chia trong Ban điều hành của trường đại học.” (Memorandum on the Position of English Women in Relation to that of English Men của Philippa Strachey, 1935, trang 26) Tuy nhiên, Chính phủ đã ban một “khoản trợ cấp hào phóng” từ tiền công cộng cho Đại học Cambridge.

[XXVI] “Tổng số sinh viên ở các học viện được công nhận cho nền giáo dục cao hơn của những người phụ nữ hiện đang được hưởng dẫn ở trường đại học hay đang làm việc trong các thư viện hay viện bảo tàng của trường đại học ở bất kỳ thời điểm nào sẽ không vượt quá năm trăm.” (The Student’s Handbook to Cambridge, 1934-5, trang 616.) Whitaker thông báo với chúng ta rằng con số nam sinh viên nội trú ở Cambridge hồi tháng 10-1935 là 5.328. Có vẻ như con số đó không có bất kỳ giới hạn nào.

[XXVII] Danh sách học bổng cho nam sinh viên ở Cambridge được in trong tờ The Times ngày 20-12-1937, đo đại khái chừng 32 in-sơ; danh sách học bổng cho nữ sinh viên ở Cambridge đo đại khái chừng 5 in-sơ. Tuy nhiên. Có 17 trường cao đẳng dành cho nam và danh sách được đo ở đây chỉ bao gồm 11 trường. Do đó độ dài 31 in-sơ phải được tăng thêm. Chỉ có hai trường cao đẳng dành cho nữ sinh viên; cả hai đều được đo ở đây.

[XXVIII] Cho tới khi Phu nhân Stanley xứ Alderley qua đời, không có nhà nguyện nào ở trường Girton. “Khi có người đề nghị xây dựng một nhà nguyện, bà đã phản đối, với lập luận rằng tất cả những nguồn quỹ đang có nên chi tiêu cho giáo dục. “Chừng nào tôi còn sống, sẽ không có nhà nguyện nào ở Girton,” tôi từng nghe bà nói thế. Ngôi nhà nguyện hiện tại được xây dựng ngay sau khi bà mất.” (The Amberley Papers của Patricia và Bertrand Russell, tập I, trang 17) Giá mà vong hồn của bà cũng có cùng ảnh hưởng như thân thể của bà! Nhưng những hồn ma, như người ta nói, không có những cuốn sổ chi phiếu.

[XXIX] Tôi cũng có một cảm giác rằng những trường nữ, nói chung, đã vui lòng chọn những phạm vi chung của nền giáo dục của chúng từ những thể chế được thiết lập lâu hơn cho chính tôi, giới tính yếu hơn. Cảm giác của riêng tôi là vấn đề nên bị tấn công bởi một thiên tài độc đáo nào đó trên những phạm vi hoàn toàn khác...” (Things Ancient and Modern của C. A. Alington, trang 216-17) Hầu như không cần phải có thiên tài hay sự độc đáo để nhìn thấy “những phạm vi”, ngay từ đầu, phải rẻ tiền hơn. Nhưng sẽ thú vị khi biết ý nghĩa nào chúng tôi đã gán cho từ “yếu hơn” trong ngữ cảnh này. Vì từ khi Tiến sĩ là Alington một cựu Hiệu trưởng của trường Eton, ông phải nhận thức rằng giới tính của ông đã không chỉ giành được mà còn giữ lại số tổng thu nhập lớn lao của ngôi trường lâu đời đó - một chứng cứ, người ta sẽ nghĩ, không phải về sự yếu kém giới tính mà của sức mạnh giới tính. Việc Eton không hề “yếu” chỉ ít từ quan điểm thực dụng, được chỉ ra bởi trích dẫn sau đây từ Tiến sĩ Dr Alington: “Trong lúc theo đuổi đề nghị của một trong các Ủy ban Giáo dục của Thủ tướng, Hiệu trưởng và các ủy viên ban giám hiệu vào thời của tôi đã quyết định rằng tất cả học bổng ở Eton nên có một giá trị cố định, có thể tự do tăng lên trong trường hợp cần thiết. Sự tăng thêm này đã hào phóng đến nỗi có nhiều sinh viên Cao đẳng mà bố mẹ họ không hề chi trả gì cho việc ăn ở hay giáo dục của họ.” Một trong những nhà hảo tâm là Lord Rosebery quá cố. “Ông ấy là một nhà hảo tâm rộng rãi đối với trường,” Tiến sĩ Dr Alington thông báo với chúng tôi, “và đã cung cấp một học bổng lịch sử, liên kết với nó là một hồi kịch tiêu biểu đã diễn ra. Ông ấy hỏi tôi khoản tài trợ có thích đáng không và tôi đề nghị rằng một khoản thêm 200 bảng nữa sẽ dùng để thanh toán cho người chấm thi. Ông ấy gửi một chi phiếu cho số tiền 2000 bảng: sự chú ý của ông ấy đã hướng tới sự khác biệt, và tôi còn giữ trong cuốn sổ của tôi lá thư trả lời trong đó ông ấy nói rằng ông ấy nghĩ một khoản tiền khá lớn sẽ tốt hơn

là một phần nhỏ.” (đã dẫn, trang 163, 186.) Tổng chi phí ở trường Cheltenham cho các cô gái năm 1854 về các khoản lương và thăm viếng thầy cô là 1.300 bảng, “và con số kế toán trong tháng 12 chỉ ra một khoản bội chi 400 bảng.” (Dorothea Beale of Cheltenham của Elizabeth Raikes, trang 91)

[XXX] Những từ “rỗng tuếch và không hợp cách” đòi hỏi sự định phẩm. Sẽ không ai xác nhận rằng những giảng viên và tất cả những bài giảng là “rỗng tuếch và không hợp cách”; nhiều chủ đề chỉ có thể được dạy với những biểu đồ và những chứng minh mang tính cá nhân. Những từ trong văn bản chỉ nói tới các cậu con trai và các cô con gái của những người đàn ông học thức đã giảng giải cho anh chị em của họ về văn học Anh; và vì những lý do rằng có một thực hành cổ xưa từ thời Trung cổ khi những cuốn sách còn hiếm hoi; rằng nó còn sống sót là nhờ ở những động cơ thuộc về tiền bạc; hay nhờ ở sự hiếu kỳ: rằng việc xuất bản dưới hình thức sách là chứng cứ đầy đủ về hiệu quả xấu xa của một lượng thính giả đối với một giảng viên về mặt trí tuệ; và rằng sự nổi tiếng về mặt tâm lý bên trên bục giảng khuyến khích sự phù phiếm và niềm khao khát thi thố quyền lực. Thêm nữa, sự giảm thiểu văn học Anh xuống thành một đề tài thi cử phải được xem xét với sự ngờ vực bởi tất cả những ai có kiến thức trực tiếp về độ khó của nghệ thuật này, và do đó của chính cái giá trị giả tạo của một sự chấp nhận hay không chấp nhận của một người chấm thi; và với niềm tiếc nuối sâu sắc bởi tất cả những ai mong muốn giữ gìn nghệ thuật của mình, ít ra là ngoài bàn tay của những người đàn ông giai cấp trung lưu, và tự do nằm ngoài, càng lâu càng tốt, mọi mối liên kết với sự cạnh tranh và kiếm tiền. Một lần nữa, bạo lực mà với nó hiện nay một trường phái văn học chống đối một trường phái khác, tốc độ nhanh chóng mà với nó một trường phái về thị hiếu thành công so với trường phái khác có thể bị truy nguyên một cách phi lý tới sức mạnh mà với nó một trí tuệ trưởng thành đang thuyết giảng cho những trí tuệ còn non nớt phải làm cho họ thêm nhiễm bởi những ý kiến mạnh mẽ, nếu ngẫu nhiên, và pha màu cho các ý kiến đó với xu hướng cá nhân. Cũng không thể xác nhận rằng tiêu chuẩn của văn học sáng tạo hay phê bình đã được nâng cao. Một chứng cứ thâm trầm về việc giới trẻ bị giảm thiểu thành những kẻ ngoan ngoãn về mặt tâm thần bởi các giảng viên là việc yêu cầu đối với những bài giảng về văn học Anh dần dần tăng lên (như mọi nhà văn có thể chứng kiến) và từ chính tầng lớp mà lẽ ra phải học đọc ở nhà - tầng lớp học thức. Nếu, như đôi khi cần có lý do, điều mà các tổ chức văn học

trong trường cao đẳng khao khát không phải là kiến thức về văn học mà là sự quen biết với những nhà văn, có những ly cốc-tai, và có rượu nâu; cả hai tốt hơn đừng bị pha với Proust. Dĩ nhiên không điều nào trong đây áp dụng cho những kẻ mà nhà họ không có đủ sách. Nếu giai cấp lao động thấy dễ tiêu hóa văn học Anh qua truyền khẩu hơn, họ hoàn toàn có quyền yêu cầu tầng lớp học thức giúp họ làm điều đó. Nhưng đối với những cậu con trai và những cô con gái của tầng lớp đó sau tuổi mười tám, việc tiếp tục nhấm nháp văn học Anh qua một cộng rơm là một thói quen dường như xứng đáng với mấy tờ rỗng tuếch và không hợp cách; các tờ đó có thể được áp dụng một cách chính xác với sức mạnh lớn hơn đối với những kẻ cố thỏa mãn cho họ.

[XXXI] Khó mà kiểm được những con số chính xác về các khoản đã trợ cấp cho con gái của những người đàn ông trí thức trước hôn nhân. Sophia Jex-Blake có một khoản trợ cấp từ 30 tới 40 bảng hàng năm; cha cô là một người thuộc tầng lớp trung lưu cao hơn. Phu nhân Lascelles, có cha là một bá tước, hình như được trợ cấp khoảng 100 bảng năm 1860; ông Barrett, một thương nhân giàu có, trợ cấp cho Elizabeth con gái ông “từ 40 tới 45 bảng... mỗi ba tháng, thuế thu nhập đã bị khấu trừ từ đầu.” Nhưng đây dường như là khoản lãi suất trên 8.000 bảng, “hoặc hơn hoặc kém... khó mà hỏi về nó,” mà cô ta có “trong các khoản ngân quỹ”, “số tiền được chia thành hai tỷ lệ phần trăm khác nhau” và rõ ràng, dù thuộc về Elizabeth, vẫn nằm dưới sự kiểm soát của ông Barrett. Nhưng đây là những phụ nữ chưa kết hôn.

Những phụ nữ đã kết hôn không được trợ cấp cho tài sản riêng cho tới khi thông qua Đạo luật về tài sản của phụ nữ đã kết hôn năm 1870. Phu nhân St Helier ghi lại rằng vì các điều khoản hôn nhân của bà đã được soạn thảo theo luật cũ, “Số tiền tôi có nằm trong tài sản của chồng tôi, và không phần nào của nó được giữ lại cho việc tiêu dùng riêng của tôi... Thậm chí tôi không có một cuốn sổ chi phiếu nào, tôi cũng không thể có chút tiền nào trừ phi hỏi xin chồng tôi. Ông tốt bụng và phóng khoáng nhưng ông mặc nhận với vị trí khi ấy đang tồn tại rằng tài sản của một phụ nữ thuộc về chồng của cô ta... ông trả mọi hóa đơn của tôi, ông giữ cuốn sổ ngân hàng của tôi, và cho tôi một khoản trợ cấp nhỏ để chi tiêu những việc cá nhân. (Memories of Fifty Years của Phu nhân St Helier, trang 341) Nhưng bà không nói chính xác số tiền là bao nhiêu. Những khoản tiền trợ cấp cho các cậu con trai của những người đàn ông trí thức lớn hơn một cách đáng kể. Một khoản trợ cấp 200 bảng được xem là chỉ vừa đủ cho một sinh viên chưa tốt nghiệp ở

Balliol, “vốn vẫn có những truyền thống tiết kiệm”, vào khoảng năm 1880. Trên khoản trợ cấp đó “họ không thể đi săn và chơi cờ bạc... Nhưng với sự quan tâm và với một ngôi nhà để quay về vào những kỳ nghỉ lễ, họ có thể thực hiện điều đó.” (Anthony Hope and His Books của Sir C. Mallet, trang 38) Số tiền cần tới hiện nay nhiều hơn đáng kể. Gino Watkins không bao giờ tiêu hơn 400 bảng trợ cấp mỗi năm mà với nó anh trả mọi hóa đơn cao đẳng và nghỉ lễ của mình.” (Gino Watkins của J. M. Scott, trang 59) Người này học ở Cambridge, cách đây vài năm.

[XXXII] Các độc giả tiểu thuyết đều biết những người phụ nữ đã bị nhạo báng liên miên ra sao suốt thế kỷ 19 do nỗ lực tiến vào nghề nghiệp duy nhất của họ, vì những nỗ lực đó cung cấp nửa phần kho dữ liệu cho văn học hư cấu. Nhưng tiểu sử cho thấy nó tự nhiên như thế nào, thậm chí trong thế kỷ hiện tại, vì đa số những người đàn ông có học đều quan niệm về tất cả những người phụ nữ như là những bà cô quá lứa lỡ thì, tất cả đều khao khát hôn nhân. Do vậy, có lần ông (G.L. Dickinson) đã buồn bã lẩm bẩm “Ôi chao, chuyện gì xảy ra với họ vậy?” khi một dòng lũ lượt những bà cô quá lứa đầy khao khát nhưng không gây được xúc động lượn quanh trước hoàng cung của nhà vua; “Tôi không biết và họ cũng không biết.” Và rồi với một giọng trầm hơn, như thể những kệ sách của ông có thể nghe lén ông, “Ôi Trời! Cái họ muốn là một ông chồng! (Goldsworthy Lowes Dickinson của E. M. Forster, trang 106) “Cái họ muốn” có thể là quán rượu, sàn chứng khoán hay những căn phòng trong những tòa nhà của Gibbs, nếu sự lựa chọn mở ra với họ. Nhưng nó không mở ra; và do đó nhận xét của ông Dickinson là một nhận xét rất tự nhiên.

[XXXIII] “Thi thoảng, ít nhất là trong những ngôi nhà lớn, sẽ có một đám quan khách tới dự tiệc, được chọn lọc và mời trước từ lâu, và trong những bữa tiệc đó luôn có một thần tượng nổi trội - con gà lôi. Săn bắn đã được sử dụng như một sự cảm dỗ. Vào thời ấy, người cha trong gia đình có xu hướng cố gắng. Nếu ngôi nhà của ông ta tràn ngập khách, rượu vang của ông ta được uống thả dàn, và ông đã cung cấp một khu vực săn bắn tốt nhất, vậy thì ông sẽ có những tay súng tốt nhất có thể có cho cuộc săn bắn. Bà mẹ của những cô con gái sẽ thất vọng biết bao nếu nghe nói rằng một người khách, kẻ mà trong tất cả những người khác bà mong mỏi mời cho được lại là một tay súng tồi và hoàn toàn không thể chấp nhận!” (‘Society and the Season,’ của Mary, Nữ bá tước xứ Lovelace, trong Fifty Years, 1882-1932, trang 29)

[XXXIV] Một ý tưởng về điều mà những người đàn ông hy vọng rằng vợ của họ có thể nói hay thực hiện, ít ra là trong thế kỷ 19, có thể thu thập từ những gợi ý sau đây trong một lá thư “gửi cho một tiểu thư, người mà anh ta đã có một quan tâm lớn không lâu trước khi cô ta kết hôn” của John Bowdler. “Trên tất cả, tránh mọi thứ có xu hướng nhỏ nhất tỏ ra khiếm nhã hay bất lịch sự. Chỉ một ít phụ nữ biết rằng những người đàn ông ghét thậm tệ tới mức nào sự tiếp cận nhẹ nhàng nhất với những điều đó ở bất kỳ người phụ nữ nào, nhất là ở một người mà họ gắn bó. Bởi việc chăm sóc phòng dành riêng cho trẻ con hay người đang nằm trên giường bệnh, những người phụ nữ quá có khuynh hướng thụ đắc một thói quen trong việc trò chuyện về những đề tài như thế bằng thứ ngôn ngữ khiến cho những người đàn ông lịch sự phải bị sốc.” (Life of John Bowdler, trang 123)

Nhưng dù sự duyên dáng có tính chất thiết yếu, nó có thể, sau hôn nhân, bị ghét cay ghét đắng. “Trong những năm bảy mươi của thế kỷ trước, cô Jex-Blake và các bạn đồng sự đã đấu tranh sôi nổi cho sự chấp nhận phụ nữ trong nghề nghiệp y khoa, và các vị bác sĩ vẫn mạnh mẽ chống đối sự lấn sân của họ, tuyên bố rằng thật không thích hợp và đòi phong bại tục khi một phụ nữ phải nghiên cứu và xử lý những vấn đề y khoa tinh tế và sâu sắc. Vào thời điểm đó, Ernest Hart, biên tập viên của Tạp chí Y khoa Anh Quốc có nói với tôi rằng đại đa số những đóng góp được gửi tới ông ta để xuất bản trong tạp chí đều dính dáng tới những vấn đề y khoa tinh tế và sâu sắc với nét chữ viết tay của vợ những ông bác sĩ, rõ ràng là họ đã đọc để các bà ấy viết lại. Vào thời đó không có máy đánh chữ hay người viết tốc ký. (The Doctor’s Second Thoughts của Sir J. Crichton- Browne, trang 73, 74)

Tuy nhiên, tính chất nước đôi của sự duyên dáng đã được quan sát từ lâu trước chuyện này. Mandeville đã nói thế này trong The Fable of the Bees (1714): “Lẽ ra trước hết tôi phải cho rằng sự khiêm tốn của phụ nữ là kết quả của tập quán và sự giáo dục, qua đó tất cả những sự lộ trần không đúng một và những cách diễn tả bẩn thỉu là sự thể hiện đáng sợ và kinh tởm đối với họ, và rằng dù có như thế, người phụ nữ trẻ đức hạnh đang còn sống thường thường sẽ có, bất chấp bộ rằng của cô ta, những ý nghĩ và ý tưởng ngượng ngùng về những sự vật nảy sinh trong trí tưởng tượng của mình, mà cô ta sẽ không tiết lộ cho một số người nào đó vì một ngàn thế giới.”

[I]. Xin trích dẫn chính xác những từ của một khẩn cầu như vậy: “Lá thư này là để yêu cầu bà giữ lại cho chúng tôi những y phục mà bà không còn dùng tới nữa... vớ dài mọi kiểu, bất kể rách tới độ nào, đều có thể chấp nhận... Ủy ban nhận thấy rằng bằng cách bán những quần áo này ở giá cả

hợp lý... chúng đang thực hiện một dịch vụ thật sự hữu ích cho những phụ nữ mà nghề chuyên môn của họ đòi hỏi họ phải có y phục ban ngày và ban đêm chỉnh tề mà có thể họ không có đủ khả năng mua.” (Trích một lá thư nhận từ tổ chức London and National Society for Women’s Service, 1938.)

{III}. Testament of Joad, by C. E. M. Joad, p. 210-11. Vì số lượng các hiệp hội do phụ nữ Anh điều hành trực tiếp hoặc gián tiếp là quá dài để trích dẫn (xem The Story of the Disarmament Declaration, p. 15, để tham khảo một danh sách các hoạt động hòa bình của phụ nữ thuộc tầng lớp lao động, kinh doanh và chuyên nghiệp) không cần thiết phải nghiêm túc chấp nhận sự chỉ trích của ông Joad, dù sao cũng soi sáng về mặt tâm lý học.

{III}. Experiment in Autobiography, by H. G. Wells, p. 486. “Phong trào của nam giới để “chống lại sự xóa bỏ một cách thực chất tự do của họ bởi Đức Quốc Xã hay những người theo chủ nghĩa Phát xít có thể được nhận thức rõ hơn. Nhưng việc nó thành công hơn thì còn đáng ngờ. Hiện Đức Quốc Xã đang kiểm soát toàn bộ nước Áo.” (Báo Daily, 12/3/ 1938).

{IV}. “Tôi nghĩ phụ nữ không nên ngồi cùng bàn với nam giới, sự hiện diện của họ phá hỏng cuộc đàm thoại, có xu hướng biến nó thành vật vãnh và cầu kỳ, hoặc tốt nhất chỉ đơn giản là thông minh.” (Under the Fifth Rib, by C. E. M. Joad, p. 58.) Đây là một ý kiến được nói huych toẹt ra một cách đáng ngưỡng mộ, và nếu tất cả những ai chia sẻ những cảm giác của ông Joad đều tự bày tỏ một cách cởi mở, tình trạng tiến thoái lưỡng nan của nữ chủ nhân - mời ai, không mời ai - sẽ được sáng tỏ và bà ta sẽ tiết kiệm được công sức. Nếu những người vốn thích hiệp hội của giới tính riêng của họ ngồi ở bàn tuyên bố sự thật, những người đàn ông, chẳng hạn, bằng cách mặc áo đỏ, phụ nữ bằng cách đeo nơ hoa hồng bạch, trong lúc những người thích pha trộn cả hai giới cài hoa trắng và đỏ pha trộn trên khuyết áo, thì không chỉ nhiều bất tiện và hiểu lầm được ngăn chặn, mà còn có khả năng là sự trung thực của cái khuyết áo sẽ giết chết một hình thức cụ thể của sự đạo đức giả trong giao tiếp xã hội hiện đang quá thịnh hành. Đồng thời, sự bộc trực của ông Joad xứng đáng lời ca tụng cao nhất, và những mong ước của ông ta đáng được tuân thủ tuyệt đối.

{V}. Theo bà H. M. Swanwick, W.S.P.U. có “một thu nhập từ những quà tặng trong năm 1912 trị giá £42,000.” (I Have Been Young, by H. M. Swanwick, p. 189.) Tổng thu của tổ chức Women’s Freedom League trong năm 1912 là £26,772 12s. 9d. (The Cause, by Ray Strachey, p. 311.) Như

vậy tổng thu của hai tổ chức này là £68,772 12s. 9d. Nhưng, tất nhiên hai hiệp hội này phản đối.

{VI}. “Nhưng, trừ những ngoại lệ, tổng thu nhập nói chung của phụ nữ là thấp, và 250 bảng một năm hoàn toàn là một thành tựu, ngay cả đối với một phụ nữ có khả năng cao với nhiều năm kinh nghiệm.” (Careers and Openings for Women, by Ray Strachey, p. 70.) Tuy nhiên, “Con số phụ nữ đang làm các công việc chuyên môn đã tăng rất nhanh trong hai mươi năm qua, và vào khoảng 400.000 trong năm 1931, cộng thêm những người làm nghề thư ký hay làm việc trong ngành công chức.” (op. cit, p. 44.)

{VII}. Thu nhập của Đảng Lao động năm 1936 là £50,153. (Daily Telegraph, 9/1937.)

{VIII}. The British Civil Service. The Public Service, by William A. Robson, p. 16.

Giáo sư Ernest Barker đề xuất rằng nên có một cuộc thi tùy chọn cho “nam giới và phụ nữ ở lứa tuổi cao hơn”, những người đã làm công việc xã hội và dịch vụ xã hội trong một số năm. “Nói riêng, ứng viên nữ có thể có lợi. Đây chỉ là một phần rất nhỏ của các nữ sinh viên thành công trong cuộc thi mở rộng hiện nay: thật sự có rất ít người ứng thí. Ở hệ thống tùy chọn đề nghị ở đây, có thể, và thật sự có khả năng là một tỷ lệ phụ nữ lớn hơn nhiều sẽ là những ứng viên. Phụ nữ có khả năng và tài năng bẩm sinh đối với công việc và dịch vụ xã hội. Hình thức thi tuyển chọn lựa sẽ cho họ một cơ hội để biểu lộ khả năng và tài năng bẩm sinh đó. Nó có thể cho họ một sự khích lệ mới để thi tuyển vào dịch vụ quản lý của quốc gia, trong đó tài năng và sự hiện diện của họ là cần thiết.” (The British Civil Servant. ‘The Home Civil Service,’ by Professor Ernest Barker, p. 41.) Nhưng trong khi sự phục vụ gia đình vẫn tồn tại chính xác như nó đang hiện hữu trong hiện tại, khó mà thấy một sự khích lệ có thể làm cho phụ nữ tự do để trao tặng “khả năng và tài năng bẩm sinh của họ” cho dịch vụ nhà nước, trừ phi quốc gia thực hiện việc chăm nom các bố mẹ lớn tuổi; hay quy định rằng những người già dù thuộc giới tính nào đòi hỏi sự phục vụ của các con gái ở nhà là vi phạm luật hình.

{IX}. Ông Baldwin, phát biểu ở Downing Street, trong một cuộc mít tinh với tư cách đại diện cho Quỹ Newnham College Building, 31/3/1936.

{X}. Ảnh hưởng của một phụ nữ trong giới tăng lữ được xác định như sau trong cuốn Women and the Ministry, Some Considerations on the Report of the Archbishops’ Commission on the Ministry of Women (1936), p. 24.

“Nhưng chúng tôi bảo lưu rằng sự chăm sóc của phụ nữ... sẽ có xu hướng tạo nên một sự hạ thấp tinh thần tín ngưỡng Công giáo, điều đó không nảy sinh bởi sự chăm sóc của nam giới trước khi những giáo đoàn mở rộng hay ưu tiên cho phụ nữ. Đó là một sự bày tỏ lòng tôn kính đối với phẩm chất của nữ tín đồ Công giáo nếu có thể đưa ra phát biểu này; nhưng nó sẽ có vẻ như một thực tế đơn giản rằng trong những ý nghĩ và mong muốn của giới tính đó tính tự nhiên dễ trở nên thấp kém hơn tính siêu nhiên, xác thịt thấp hơn tinh thần là trường hợp với nam giới; và rằng sự chăm sóc của một nam tu sĩ thông thường không khơi dậy khía cạnh đó của bản chất nữ giới vốn sẽ im lìm trong những thời gian của tình yêu mến Chúa. Mặt khác, chúng ta tin rằng các thành viên nam giới của giáo đoàn thuộc Giáo phái Anh không thể hiện diện ở một dịch vụ mà ở đó một phụ nữ được chăm sóc mà không trở nên ý thức một cách quá mức tới giới tính của mình.”

Do đó, theo ý của các Ủy viên Hội đồng Tổng Giám mục, nữ tín đồ Công giáo có đầu óc nghiêng về tinh thần hơn nam tín đồ - một nguyên do đáng chú ý, nhưng chắc chắn là thích đáng, để loại trừ họ khỏi giáo giới.

{XI} Daily Telegraph, 20/1/1936.

{XII} Daily Telegraph, 1936.

{XIII} Daily Telegraph, 22/1/1936.

{XIV} “Theo tôi biết, đến nay không có quy luật phổ quát nào về chủ đề này [chẳng hạn các quan hệ tính dục giữa những công chức]; nhưng những công chức và các quan chức đô thị ở cả hai giới hẳn nhiên được mong đợi được tuân thủ những quy định theo truyền thống và tránh thứ tư cách đạo đức có thể tự nó tìm đường đến những tờ nhật báo và bị mô tả là “đáng hổ thẹn” ở đó. Cho tới gần đây, các quan hệ giới tính giữa nam và nữ quan chức của Bưu điện có thể bị trừng phạt bằng cách sa thải ngay lập tức cả hai bên... Việc tránh sự công khai trên báo chí là một vấn đề khá dễ giải quyết miễn là có liên quan tới các vụ kiện tại tòa án: nhưng sự hạn chế ở giới văn phòng cần mở rộng hơn để ngăn các nữ công chức (thường là những người phải từ chức khi kết hôn) khỏi một quan hệ công khai ăn ở như vợ chồng với đàn ông nếu họ muốn làm như thế. Do đó, vấn đề này khoác một màu sắc mới.” (The British Civil Servant. The Public Service, by William A. Robson, pp. 14, 15.)

{XV} Phần lớn các câu lạc bộ của nam giới giam lỏng những người phụ nữ trong một phòng đặc biệt hoặc nhà phụ, và loại trừ họ khỏi các căn hộ khác, dù theo nguyên tắc được tuân thủ ở St Sofia rằng họ ô uế hoặc theo nguyên tắc được tuân thủ ở Pompeii rằng họ quá thuần khiết chỉ là một vấn đề để suy đoán.

{XVI} Quyền lực của báo giới trong việc im đi sự thảo luận về bất kỳ chủ đề không mong muốn nào đã từng, và hiện vẫn còn kinh khủng. Nó là một trong những “chướng ngại vật đặc biệt” mà Josephine Bulter đã đấu tranh chống trả trong chiến dịch chống Đạo luật về các bệnh truyền nhiễm. “Đầu năm 1870, báo giới London bắt đầu áp dụng chính sách im lặng đối với vấn đề này, và điều này kéo dài nhiều năm, và khuấy lên từ Hiệp hội Các quý bà “Văn bản phản đối chống lại âm mưu giữ im lặng”, ký bởi Harriet Martineau và Josephine E. Butler, trong đó có những từ sau: “Chắc chắn, trong khi một âm mưu giữ im lặng kiểu đó là khả dĩ và được thực hành ở các nhà báo hàng đầu, người Anh chúng ta cường điệu các đặc quyền của chúng ta với tư cách những người tự do khi chúng ta tuyên bố để động viên một nền báo chí tự do, và để nắm giữ quyền được nghe cả hai phía trong một vấn đề trọng đại về đạo đức và pháp chế.” (Personal Reminiscences of a Great Crusade, by Josephine E. Butler, p. 49.) Một lần nữa, trong trận chiến đòi quyền bầu cử, báo giới đã sử dụng sự tẩy chay một cách vô cùng hiệu quả. Và gần đây, hồi tháng 7/1937, trong một lá thư tựa đề “Một âm mưu giữ im lặng”, được in (xin vinh danh nó) bởi tờ Spectator, Cô Philippa Stratchey hầu như lặp lại những từ của bà Butler: “Nhiều trăm và nhiều ngàn đàn ông và phụ nữ đã tham gia vào một nỗ lực để thuyết phục Chính phủ xóa bỏ điều khoản trong Dự luật bổ sung lương hưu mới cho những công nhân áo đen vốn lần đầu tiên giới thiệu một giới hạn thu nhập phân biệt đối với những ứng viên nam và nữ... Trong tháng vừa qua, Dự luật này đã được trình ra Thượng viện, ở đó, điều khoản này đã gặp phải sự phản đối mạnh mẽ và dứt khoát từ mọi phía trong Tòa... Đây là những sự kiện mà hẳn người ta phải cho là đủ thú vị để được tường thuật trên báo chí hàng ngày. Nhưng chúng đã được thông qua trong im lặng tuyệt đối bởi những tờ báo, từ The Times cho tới Daily Herald... Sự đối xử phân biệt với nữ giới trong Dự luật này đã gợi lên trong họ một cảm giác căm giận vì đã không được chứng kiến từ khi ban bố quyền bầu cử... Người ta giải thích thế nào cho việc che đậy hoàn toàn này của báo giới?”

{XVII}. Những vết thương da thịt dĩ nhiên đã bị gây ra trong trận chiến ở Westminster. Thật sự, cuộc đấu tranh giành quyền bầu cử dường như nghiêm trọng hơn được thừa nhận hiện nay. Do vậy Flora Drummond nói rằng: “Dù chúng ta đạt được quyền bầu cử nhờ sự tích cực vận động của chúng ta, như tôi tin tưởng, hoặc chúng ta giành được nó vì những nguyên do khác, như một số người nói, tôi nghĩ nhiều người trong thế hệ trẻ hơn sẽ thấy khó mà tin rằng sự phẫn nộ và tàn bạo đã được khuấy động lên bởi sự đòi hỏi quyền bầu cử cho phụ nữ của chúng ta hồi gần ba mươi năm trước.” (Flora Drummond, in the Listener, 25 August 1937.) Có thể đoán là thế hệ trẻ hơn đã quá quen với sự phẫn nộ và tàn bạo để đòi tự do đến nỗi họ không có sẵn cảm xúc cho trường hợp cụ thể này. Ngoài ra, cuộc chiến cụ thể này không diễn ra trong những cuộc chiến đã biến nước Anh thành ngôi nhà, và biến người Anh thành những chiến sĩ, của tự do. Nhìn chung, cuộc chiến đòi quyền bầu cử vẫn được nhắc tới trong những từ ngữ phản kháng chua chát: “...và những người phụ nữ... đã không bắt đầu cái chiến dịch, quật bằng gậy và cắt xé tranh mà cuối cùng đã chứng minh cho cả hai nghị viện khả năng của họ đối với quyền bầu cử.” (Reflections and Memories, by Sir John Squire, p. 10.) Do đó, có thể tha thứ cho thế hệ trẻ hơn nếu họ tin rằng không có gì hào hùng trong một chiến dịch mà trong đó chỉ có vài cánh cửa sổ bị đập nát, vài ống quyển bị vỡ, và chân dung Henry James của Sargent bị phá hỏng, nhưng không thể sửa chữa, với một con dao. Đốt phá, quật gậy hay roi và rạch nát tranh dường như chỉ mang tính hào hùng khi được thực hiện trên một diện rộng bởi những người đàn ông mang súng.

{XVIII}. The Life of Sophia Jex-Blake, by Margaret Todd, M.D., p. 72.

{XIX}. “Mới đây, người ta đã nói và viết nhiều về những thành tựu và thực hiện của Sir Stanley Baldwin trong nhiệm kỳ thủ tướng của ông và quá nhiều là điều không thể có. Tôi có được phép kêu gọi sự chú ý tới những gì phu nhân Baldwin đã làm chăng? Khi tôi tham gia ủy ban của bệnh viện này lần đầu hồi năm 1929, những thứ thuốc giảm đau cho những ca sinh sản thông thường trong các khu sản phụ hầu như chưa được biết tới, hiện nay chúng được sử dụng hàng ngày và có sẵn cho 100% các ca, và điều gì đúng ở bệnh viện này cũng hầu như đúng đối với mọi bệnh viện tương tự. Thay đổi đáng chú ý trong một thời gian rất ngắn này là nhờ ở cảm hứng và những nỗ lực không mệt mỏi và sự cố động của phu nhân Stanley Baldwin, như hồi ấy bà đã thực hiện...” (Letter to The Times from C. S. Wentworth Stanley, Chairman House Committee, the City of London Maternity

Hospital, 1937.) Từ khi thuốc gây mê được áp dụng lần đầu cho Nữ hoàng Victoria khi sinh hạ Hoàng tử Leopold hồi tháng 4/1853 “những ca sinh sản ở các khu sản phụ” đã phải chờ đợi suốt 76 năm và sự ủng hộ tích cực của một thủ tướng phụ nhân để đạt được sự giải phóng này.

{XX}. Theo Debrett những Hiệp Sĩ and Phu nhân của Dames của Phẩm cấp Cao quý nhất của đế quốc Anh (The Most Excellent Order) đeo một huy hiệu bao gồm: “một chữ thập patonce, ngọc trai phủ men màu, ngoài phủ lông hay được phủ lên bởi một mề đai vàng với một đại diện của nước Anh ngồi bên trong một vòng tròn đồ khắc khắc hiệu ‘Vì Thượng đế và Đế chế’”. Đây là một trong vài phẩm cấp mở rộng cho phụ nữ, nhưng sự thấp kém của họ được đánh dấu bởi thực tế rằng dải ruy băng ở trường hợp của họ chỉ rộng hai và ¼ in-sơ, trong khi dải ruy băng của các Hiệp sĩ rộng 3 và ¾ in-sơ. Những ngôi sao cũng khác về kích cỡ. Tuy nhiên, câu khẩu hiệu thì giống nhau ở cả hai giới tính, và phải được duy trì để ngụ ý rằng những người đeo huy hiệu như thế nhìn thấy một sự kết nối giữa Thượng đế và Đế chế, và luôn sẵn sàng bảo vệ hai điều đó. Điều gì xảy ra nếu vị đại diện nước Anh ngồi trong một vòng tròn đồ chống đối với (như có thể hình dung) một nhân vật quyền lực khác mà chỗ ngồi không xác định trên tấm huy chương, Debrett không nói, và các Hiệp sĩ và Phu nhân phải tự quyết định.

{XXI}. Life of Sir Ernest Wild, K.C., by R. J. Rackham, p. 91.

{XXII}. Lord Baldwin, speech reported in The Times, 20 April 1936.

{XXIII}. Life of Charles Gore, by G. L. Prestige, D.D., pp. 240-41.

{XXIV}. Life of Sir William Broadbent, K.C.V.O., F.R.S., edited by his daughter, M. E. Broadbent, p. 242.

{XXV}. The Lost Historian, a Memoir of Sir Sidney Low, by Desmond Chapman-Huston, p. 198.

{XXVI}. Thoughts and Adventures, by the Rt Hon. Winston Churchill, p. 57.

{XXVII}. Speech at Belfast by Lord Londonderry, reported in The Times, 11 July 1936.

{XXVIII}. Thoughts and Adventures, by the Rt Hon. Winston Churchill, p. 279.

[{XXIX}](#) Daily Herald, 13 February 1935.

[{XXX}](#) Goethe's Faust, translated by Melian Stawell and G. L. Dickinson.

[{XXXI}](#) The Life of Charles Tomlinson, by his niece, Mary Tomlinson, p. 30.

[{XXXII}](#) Miss Weeton, Journal of a Governess, 1807-1811, edited by Edward Hall, pp. 14, xvii.

[{XXXIII}](#) A Memoir of Anne Jemima Clough, by B. A. Clough, p. 32.

[{XXXIV}](#) Personal Reminiscences of a Great Crusade, by Josephine Butler, p. 189.

[{XXXV}](#) “Bạn và tôi biết rằng không quan trọng mấy nếu chúng ta phải là những móng cầunăm ngoài tầm nhìn và đâm sâu xuống đầm lầy mà trên đó những chân cầu có thể nhìn thấy chống đỡ cho chiếc cầu. Chúng ta không bận tâm nếu, sau đó, mọi người quên rằng, không có gì ở thấp bên dưới; nếu ai đó phải bị sử dụng để thử một thí nghiệm, trước khi cách tốt nhất để dựng một chiếc cầu được tìm ra. Chúng ta hoàn toàn sẵn lòng nằm trong số đó. Chiếc cầu là thứ chúng ta quan tâm, chứ không phải vị trí của chúng ta bên trong nó, và chúng ta tin rằng, tới lúc kết thúc, mọi người sẽ lưu giữ trong ký ức rằng chỉ mỗi một điều này mới là đối tượng của chúng ta.” (Letter from Octavia Hill to Mrs N. Senior, 20 September 1874. The Life of Octavia Hill, by C. Edmund Maurice, pp. 307-8.)

Octavia Hill (1838-1912) đã khởi xướng phong trào “để bảo đảm có những ngôi nhà tốt hơn cho người nghèo và không gian mở cho công chúng...” “Hệ thống Octavia Hill đã được áp dụng cho quy hoạch mở rộng của [Amsterdam]. Vào tháng 1, 1928 có tới 28,648 nhà ở đã được xây dựng’ (Octavia Hill, from letters edited by Emily S. Maurice, pp. 10-11.)

[{XXXVI}](#) Hầu gái đóng một vai trò quan trọng trong đời sống giai cấp thượng lưu Anh từ những thời kỳ sớm nhất cho tới năm 1914 khi bà Monica Grenfell tới chăm sóc thương binh được hộ tống bởi một người hầu gái [Bright Armour, by Monica Salmond, p. 20] đến độ dường như phải kêu gọi một sự công nhận nào đó về những phục vụ của cô ta. Các bốn phận của cô ta rất lạ thường. Như cô ta phải hộ tống bà chủ của mình đi xuôi theo phố Piccadilly “nơi một vài quý ông trong câu lạc bộ có thể nhìn bà ta từ một cửa sổ,” nhưng không cần thiết ở Whitechapel, ‘nơi những gã bất lương lẫn

lút quanh từng góc phố”. Nhưng không ngờ gì nữa, công việc văn phòng của cô ta rất đổi gay go. Vai trò của Wilson trong cuộc sống riêng tư của Elizabeth Barrett rất phổ biến với những độc giả của những lá thư nổi tiếng. Muộn hơn trong thế kỷ đó (khoảng 1889-92) Gertrude Bell ‘đi cùng với Lizzie, hầu gái của bà, tới các cuộc triển lãm tranh; bà được Lizzie đưa về từ những bữa dạ tiệc; bà đi với Lizzie để xem Việc cư trú ở Whitechapel nơi Mary Talbot đang làm việc...’ (Early Letters of Gertrude Bell, edited by Lady Richmond.) Chúng ta chỉ cần xét tới những giờ cô ta chờ ở phòng giữ mũ áo, những mẫu Anh cô ta quần quật đi qua trong những phòng trưng bày tranh, những dặm cô ta lê bước dọc theo vỉa hè West End để kết luận rằng nếu hiện giờ ngày làm việc của Lizzie đã kết thúc, trong thời của nó đó là một ngày dài. Chúng ta hãy hy vọng rằng ý nghĩ rằng cô ta đang thực hiện những mệnh lệnh đặt ra bởi Thánh Paul trong những lá thư của người gửi cho Titus và những người thành Corin, là một sự ủng hộ; và hiểu biết rằng cô ta đang làm hết sức mình để giao trả nguyên vẹn thân thể của bà chủ cho ông chủ là một niềm an ủi. Ngay cả như vậy, với sự yếu đuối của xác thân và bóng tối của tầng hầm lúc nhúc bọ cánh cứng, hăn đôi lúc cô ta đã cay đắng phiến trách, một mặt là Thánh Paul vì sự trong trắng của người, và mặt khác là những quý ông ở phố Piccadilly vì sự dâm ô của họ. Chúng ta phải lấy làm tiếc rằng không có cuộc đời hầu gái nào, mà từ đó chúng ta có thể xây dựng một lý giải với tư liệu đầy đủ, được tìm thấy trong Từ điển tiểu sử quốc gia.

{XXXVII}. The Earlier Letters of Gertrude Bell, tuyển chọn và biên soạn bởi Elsa Richmond, pp. 217-18.

{XXXVIII}. Vấn đề trong trắng, cả ở tâm trí lẫn cơ thể, là mối quan tâm và sự phức tạp lớn lao nhất. Khái niệm về sự trong trắng của thời đại Victoria, Edward và phần đông ở thời Đế quốc Georgia dựa trên, để không đi ngược lại xa hơn, những lời của Thánh Paul. Để hiểu ý nghĩa của chúng, chúng ta phải hiểu tâm lý và môi trường của ông - không phải một công việc nhẹ nhàng khi xét tới thân thể thường xuyên mù mịt và sự thiếu chất liệu về tiểu sử của ông. Từ chứng cứ nội bộ, có vẻ như rõ ràng rằng ông là một nhà thơ và nhà tiên tri, nhưng thiếu năng lực luận lý, và thiếu một sự đào tạo về tâm lý vốn buộc ngay cả kẻ ít thơ mộng hay khả năng thấu thị nhất hiện nay phải đưa những cảm xúc cá nhân của họ ra thăm cứu. Như vậy tuyên bố nổi tiếng của ông về vấn đề mạng che mặt, mà hình như lý thuyết về sự trong trắng của phụ nữ đã dựa vào, rất dễ bị đả phá bởi những phê bình từ nhiều

góc cạnh. Trong Thư gửi những người Thành Corin, lập luận của ông rằng một phụ nữ phải che mặt khi cầu nguyện hay tiên tri dựa vào giả thuyết rằng không che mặt “là một và cùng một nghĩa như thể cô ta đã bị cạo trọc đầu”. Cứ cho là giả thuyết đó đúng, kế tiếp chúng ta phải hỏi: Có gì đáng xấu hổ trong việc cạo trọc đầu? Thay vì trả lời, Thánh Paul tiếp tục khẳng định, “Bởi một người nam thật sự không nên trùm vải lên đầu, vì anh ta là hình ảnh và vinh quang của Thượng đế”: từ đó có vẻ như không phải bản thân việc bị cạo trọc đầu là sai; mà chính việc là một phụ nữ và bị cạo trọc đầu thì sai. Có vẻ như nó sai đối với người phụ nữ vì “người phụ nữ là niềm vinh quang của đàn ông.” Nếu Thánh Paul nói công khai rằng ông thích mái tóc dài nhiều người trong số chúng ta hẳn sẽ đồng ý với ông, và nghĩ tốt hơn ông nên nói như vậy. Nhưng đối với ông những nguyên cơ khác có vẻ thích đáng hơn, như nhận xét kế tiếp của ông: “Vì đàn ông không phải là của phụ nữ, mà phụ nữ là của đàn ông; bởi không phải đàn ông được tạo ra cho phụ nữ; mà phụ nữ được tạo ra cho đàn ông: vì lý do này, phụ nữ nên có một dấu hiệu của quyền lực trên đầu mình, vì những thiên thần.’ Chúng ta không có cách gì để biết các thiên thần đánh giá mái tóc dài như thế nào; và bản thân Thánh Paul dường như nghi ngờ sự ủng hộ của họ hoặc có thể ông không nghĩ cần phải viện tới bản chất đồng lõa quen thuộc đó. “Phải chăng ngay cả bản thân tự nhiên dạy các người rằng, nếu một gã đàn ông có tóc dài, đó là một nỗi ô nhục của anh ta? Nhưng nếu một phụ nữ có tóc dài, đó là một vinh quang đối với cô ta: vì tóc cô ta che phủ cho cô ta. Nhưng nếu bất kỳ người đàn ông nào muốn tranh cãi, chúng ta không có tập quán đó, các giáo đường của Thượng đế cũng không.” Đối với chúng ta có vẻ như lập luận từ tự nhiên có thể bổ sung; tự nhiên khi liên kết với thuận lợi tài chính, hiếm khi có nguồn gốc thiêng liêng; nhưng nếu nền tảng của lập luận này không đáng tin, kết luận lại vững chắc. “Hãy để những người phụ nữ giữ im lặng trong những giáo đường: bởi họ không được phép phát ngôn; nhưng hãy để họ trong trạng thái khuất phục, như luật pháp cũng nói vậy.” Sau khi viện tới tam vị nhất thể đồng lõa quen thuộc nhưng luôn đáng ngờ là Các thiên thần, tự nhiên và luật pháp để củng cố cho quan điểm riêng của ông, Thánh Paul đi tới kết luận lù lù hiện ra trước mắt chúng ta:

“Và nếu họ muốn biết bất kỳ điều gì, hãy để họ hỏi chồng của họ ở nhà: vì việc một phụ nữ cất tiếng nói trong nhà thờ là điều đáng xấu hổ.” Bản chất của “sự xấu hổ” vốn nổi kết chặt chẽ với sự trong trắng, như lá thư cho thấy, đã bị giảm giá trị đáng kể. Bởi rõ ràng nó kết hợp cả những thành kiến về giới tính và cá nhân. Rõ ràng Thánh Paul không chỉ là một người độc

thân (về những quan hệ của ông với Lydia, xin đọc Renan, Saint Paul, p. 149. ‘Est-il cependant absolument impossible que Paul ait contracté avec cette soeur une union plus intime? On ne saurait l’affirmer’); và như nhiều gã độc thân khác, ngờ vực về giới tính khác; mà còn là một thi sĩ và như nhiều thi sĩ khác thích tiên tri về chính mình hơn là lắng nghe những lời tiên tri của người khác. Ông cũng là kiểu người cường tráng hay vượt trội, rất quen thuộc với ở Đức hiện nay, những người mà một đề tài về chủng tộc hay giới tính là chủ yếu để đem tới sự hài lòng. Sự trong trắng theo định nghĩa của Thánh Paul được xem như một khái niệm phức hợp, dựa trên tình yêu đối với mái tóc dài; tình yêu đối với sự chinh phục, tình yêu của một khan giả; tình yêu đối với việc đặt ra luật pháp, và, trong tiềm thức, dựa trên một khát khao mạnh mẽ và tự nhiên rằng tâm trí và thân thể của một phụ nữ phải được bảo lưu cho việc sử dụng của một người đàn ông và chỉ một mà thôi. Một khái niệm như thế khi được củng cố bởi các thánh thần, tự nhiên, pháp luật, tập quán và giáo hội, và được thực thi bởi một giới tính với một thích thú cá nhân mạnh mẽ muốn thực thi nó, và các phương tiện kinh tế, chắc chắn là phải đầy quyền lực. Có thể thấu hiểu điều đó trên bất kỳ trang sử nào chúng ta mở ra từ Thánh Paul cho tới Gertrude Bell. Sự trong trắng được viện dẫn để ngăn cản không cho bà học ngành y, không được vẽ tranh lõa thể; không được đọc Shakespeare; không được chơi trong các ban nhạc; không được đi bộ xuôi phố Bond một mình. Vào năm 1848, việc những cô con gái của một người làm vườn ngồi trong một cỗ xe ngựa hai bánh xuôi xuống Phố Regent là một “hành động xúc phạm không thể tha thứ. (Paxton and the Bachelor Duke, by Violet Markham, p. 288); hành động xúc phạm ấy trở thành một tội ác, các nhà thần học phải quyết định tầm trọng đại của tội ác đó, nếu những vạt áo bị để mở. Vào đầu thế kỷ hiện tại con gái của một người sản xuất gang (chúng ta đừng miệt thị những phân biệt được nói tới ngày nay là hệ trọng), Sir Hugh Bell, “đã tới tuổi 27 và kết hôn mà chưa bao giờ đi bộ một mình dọc phố Piccadilly... Gertrude, dĩ nhiên, chưa từng mơ tới việc thực hiện điều đó...” Phố Wesr End là khu vực ô uế. “Nó thuộc về một tầng lớp cấm kỵ;..” (The Earlier Letters of Gertrude Bell, collected and edited by Elsa Richmond, pp. 217-18.) Nhưng những rắc rối và mâu thuẫn của sự trong trắng là cùng một cô gái vốn đã mang mạng che mặt, chẳng hạn, được hộ tống bởi một người đàn ông hay một người hầu gái, ở phố Piccadilly có thể đến thăm Whitechapel, hay Seven Dials, thời đó là những nơi chốn của sự đồi bại và bệnh hoạn, với sự chấp thuận của cha mẹ. Sự dị thường này không hoàn toàn thoát khỏi lời bình phẩm. Charles Kingsley hồi còn trẻ đã thốt lên: “... và những cô gái nhồi vào họ đầy những trường học, việc tới chơi ở quận, tả lót và các câu lạc bộ rẻ tiền. Quý tha ma bắt!!! và đi loanh quanh trong những cảnh tượng rác rưởi khốn khổ

đáng tởm nhất, và tới thăm những người nghèo và đọc kinh Thánh cho họ nghe một cách không hợp khuôn phép. Mẹ tôi nói rằng những nơi họ đi vào không thích hợp để tới đối với bất kỳ cô gái nào, và rằng họ không nên biết những thứ như thế tồn tại.” (Charles Kingsley, by Margaret Farrand Thorp, p. 12.) Tuy nhiên, bà Kingsley là ngoại lệ. Hầu hết các cô con gái của những người đàn ông trí thức xem đó là những “cảnh tượng ghê tởm”, và biết rằng những thứ như thế tồn tại. Việc họ che đậy hiểu biết của họ là điều khả dĩ; sự che đậy đó có tác động thế nào về mặt tâm lý là không thể thắc mắc ở đây. Nhưng sự trong trắng đó, dù có thật hay áp đặt, là một thế lực to lớn, dù tốt dù xấu, không thể nghi ngờ điều đó. Thậm chí ngày nay cũng có khả năng rằng một phụ nữ phải tham gia một trận chiến tâm lý khá khốc liệt với hồn ma của Thánh Paul, trước khi cô ta có thể có quan hệ tình dục với một người đàn ông khác ngoài chồng mình. Không chỉ sự ô nhục xã hội được áp dụng với tư cách sự trong trắng, mà cả đạo luật Bastardy cũng cố hết sức áp đặt sự trong trắng bằng áp lực tài chính. Cho tới khi phụ nữ có quyền bầu cử vào năm 1918, đạo luật Bastardy năm 1872 ấn định tổng số 5s một tuần là số tối đa mà một ông bố, dù giàu có cỡ nào, có thể chi tiêu cho việc nuôi dưỡng con mình (Josephine Butler, by M. G. Fawcett and E. M. Turner, note, p. 101.) Hiện giờ Thánh Paul và các tông đồ của ông đã tự vén mạng che mặt của họ bởi khoa học hiện đại về sự trong trắng đã thực hiện một cải cách đáng kể. Thế nhưng thiên hạ nói có một phản ứng ủng hộ tới mức độ nào đó về sự trong trắng của cả hai giới tính. Điều này một phần là do các nguyên nhân kinh tế; sự bảo vệ trong trắng của những nàng hầu là một mục tổn kém trong ngân sách của nhà tư sản. Lập luận tâm lý ủng hộ cho sự trong trắng được thể hiện rõ bởi ông Upton Sinclair: “Ngày nay chúng ta nghe nói khá nhiều về những rắc rối tâm thần do sự kềm chế tình dục gây ra; đó là trạng thái của khoảnh khắc. Chúng ta không nghe bất kỳ điều gì về những phức cảm có thể bị gây ra bởi đam mê tình dục. Nhưng quan sát của tôi là những ai tự cho phép bản thân theo đuổi mọi thôi thúc tình dục là hoàn toàn khốn khổ không kém những ai đè nén mọi thôi thúc tình dục. Tôi nhớ một bạn học ở trường cao đẳng; tôi bảo với anh ta: ‘Anh có bao giờ nảy ra ý nghĩ dừng lại và nhìn vào tâm trí của mình không? Mọi thứ đến với anh đều biến thành tình dục.’” Trông anh ta có vẻ ngạc nhiên, và tôi thấy rằng đó là một ý tưởng mới đối với anh ta; anh ta ngẫm nghĩ rồi nói: ‘Tôi đoán là anh đúng.’” (Candid Reminiscences, by Upton Sinclair, p. 63.) Một minh họa bổ sung được cung cấp bởi giai thoại sau: “ Trong thư viện tuyệt vời của Đại học Columbia có những kho tàng chứa cái đẹp, những bản in khắc đắt tiền, và theo kiểu tham lam thường ngày của tôi, tôi tới những thứ này, dự định tìm hiểu mọi điều cần biết về mỹ thuật thời Phục hưng trong một hoặc hai tuần. Nhưng tôi phát hiện ra mình đang bị chôn

vùi bời cái khối trần truồng này; các tri giác của rối bù; và tôi phải ngưng lại. (op. cit., pp. 62-3.)

{XXXIX}. Bản dịch ở đây được sử dụng bởi Sir Richard Jebb (Sophocles, the Plays and Fragments, với những chú giải quan trọng, bình phẩm và dịch ra văn xuôi tiếng Anh). Không thể phán xét bất kỳ quyển sách nào từ một bản dịch, thế nhưng dù là đọc bản dịch, Antigone rõ ràng là một trong những tuyệt phẩm của kịch bản văn học. Dù sao, chắc chắn nó có thể được biến thành một tuyên truyền chống Phát xít, nếu cần. Bản thân vở kịch Antigone có thể chuyển hóa thành bà Pankhurst, kẻ đã đập vỡ một cửa sổ và bị giam ở Holloway; hay thành Frau Pommer, vợ của một quan chức khai mỏ người Phổ ở Essen, người đã nói: “Cái gai của sự căm ghét đã đâm đủ sâu vào mọi người bởi các xung đột tôn giáo, và đây là cao điểm để những người đàn ông hiện nay biến mất...” Bà đã bị bắt và cố gán cho tội sỉ nhục và vu khống Nhà nước và phong trào Đức Quốc Xã. (The Times, 12 August 1935.) Tội ác của Antigone có bản chất rất giống thế và đã bị trừng phạt rất giống thế. Những lời của cô, “Hãy xem những gì tôi gánh chịu và từ ai, vì tôi sợ phải vất bỏ nỗi sợ hãi trời cao!... Và luật trời nào tôi đã vi phạm? Vì sao, là kẻ không may, tôi có nên nhìn lên các thần thánh nữa không? Tôi nên cầu khẩn đồng minh nào - khi nhờ lòng mộ đạo tôi đã kiếm được cái tên nghịch đạo?” có thể được phát ngôn bởi bà Pankhurst, hay bà Frau Pommer; và tất nhiên có tính thời sự. Một lần nữa, Creon, kẻ đã “đẩy những đứa con của ánh thái dương vào bóng tối, và nhấn tâm nốt một linh hồn sống trong hầm mộ”; kẻ khẳng khẳng rằng “sự bất tuân là tội ác xấu xa nhất,” và rằng “bất cứ ai thành phố có thể bổ nhiệm, kẻ đó phải tuân phục, cả những điều nhỏ lẫn điều lớn, cả những điều công bình và bất công...” là một điển hình của những chính khách cụ thể trong quá khứ và của Herr Hitler và Signor Mussolini hiện tại. Nhưng dù để ép những nhân vật này vào tấm áo đã cập nhật, không thể giữ họ ở đó được. Họ đề xuất quá nhiều; và khi tấm màn hạ xuống chúng ta thông cảm, có thể ghi chú thế, ngay cả với chính Creon. Kết quả này, với tuyên truyền viên không mong muốn, dường như do thực tế rằng Sophocles (ngay cả ở một bản dịch) sử dụng tự do tất cả mọi khả năng có thể thủ đắc của một nhà văn; và do đó, đề nghị rằng nếu chúng ta sử dụng nghệ thuật để tuyên truyền những quan điểm chính trị, chúng ta phải ép nhà nghệ sĩ phải cắt xén và cầm tù tài năng của mình để trao một sự phục vụ rẻ tiền và ngăn ngui. Văn chương sẽ gánh chịu cùng sự cắt xẻo mà con la đã gánh chịu; và sẽ không còn con ngựa nào nữa.

{XXXX}. Năm từ của Antigone are: [văn bản Hy Lạp] ‘Bản chất của tôi không phải là căm ghét mà là yêu thương.’ (Antigone, dòng 523, Jebb.) Creon đáp lại: “Vậy thì hãy đi tới thế giới của người chết, và nếu người cần tình yêu, hãy yêu họ. Trong lúc ta còn sống, không mù đàn bà nào có thể thống trị ta.”

{XXXXI}. Ngay cả ở thời đại của áp lực chính trị lớn như hiện tại, rất đáng chú ý là có rất nhiều chỉ trích vẫn còn hướng tới những người phụ nữ. Lời thông báo: “Một nghiên cứu sắc sảo, thông minh và khiêu khích về phụ nữ hiện đại” xuất hiện bình quân ba lần mỗi năm trong bản danh sách của các nhà xuất bản. Tác giả, thường là một tiến sĩ ngữ văn, luôn luôn là nam giới, “với người đàn ông đơn giản” theo lời quảng cáo (xem Times Lit. Sup., 12 March 1938), “quyển sách này sẽ là một lời cảnh tỉnh.”

(I) Có thể hy vọng rằng một người làm việc có phương pháp nào đó đã lập được một bộ sưu tập các bản tuyên ngôn và các bản câu hỏi thăm dò phổ biến truyền qua đài phát thanh trong hai năm 1936-7. Những tư nhân không có trình độ chính trị được mời ký những đơn thỉnh nguyện yêu cầu chính phủ nước họ và các nước ngoài thay đổi chính sách; các nghệ sĩ được yêu cầu điền những mẫu đơn phát biểu các quan hệ thích đánh của họ với Nhà nước, tôn giáo, đạo đức; những bản cam kết yêu cầu nhà văn nên dùng tiếng Anh đúng ngữ pháp và tránh những thể hiện thô tục; và những người nằm mơ được mời tới để phân tích các giấc mơ của họ. Bằng cách khích lệ, nhìn chung công chúng nhận được các kết quả trong báo chí hàng ngày hay hàng tuần. Việc nói ra tác động của cuộc điều tra này đối với các chính phủ thuộc về nhà chính khách. Với văn học, vì sản lượng những cuốn sách dồi dào, và dường như ngữ pháp không tốt hơn cũng không tệ hơn, tác động khá mơ hồ. Nhưng cuộc điều tra có lợi ích lớn về mặt tâm lý và xã hội. Có thể đoán nó bắt nguồn từ trạng thái tinh thần do linh mục Inge đề xuất (The Rickman Godlee Lecture, tường thuật trong tờ The Times, 23/11/), “trong những lợi ích của chính chúng ta, chúng ta có đang di chuyển theo đúng hướng hay không. Nếu chúng ta tiếp tục như đang làm hiện nay, con người ở tương lai có siêu việt hơn chúng ta hay không?... Những người có suy nghĩ cân nhắc đang bắt đầu nhận ra rằng trước khi tự chúc mừng chúng ta về việc tiến nhanh, chúng ta nên biết chúng ta đang tiến tới đâu”: một sự tự bất mãn chung và ao ước “sống khác biệt”. Nó cũng chỉ ra một cách gián tiếp cái chết của người đàn bà quyền rũ, vị phụ nhân khá lỗ lã và thường là thuộc về tầng lớp thượng lưu đó, kẻ mà bằng cách giữ cho cửa ngôi nhà mở ra với

giới quý tộc, giới tài phiệt, giới trí thức, giới dốt nát, vân vân, đã cố cung cấp cho mọi giai tầng một sân chơi để trò chuyện hay một điểm hõn tạp nơi họ có thể làm tươi mới lại tâm hồn, thái độ và đạo đức một cách riêng tư hơn, và có lẽ hữu ích hơn. Vai trò mà người phụ nữ quyền rũ đóng trong việc nâng cao văn hóa và tự do trí tuệ trong thế kỷ 18 được lưu giữ lại bởi những sử gia có ý nghĩa khá quan trọng. Thậm chí ngay trong thời đại của chúng ta nàg ta vẫn có những giá trị hữu ích. Nhân chứng là W. B. Yeats - “Tôi thường ước rằng ông ta [Synge] có thể sống đủ lâu để tận hưởng sự đồng cảm với những người phụ nữ nhàn rỗi, quyền rũ, có học thức mà Balzac trong một trong những lời đề tặng của mình gọi là ‘niềm an ủi chính của thiên tài!’” (Dramatis Personae, W. B. Yeats, t. 127.) Tuy nhiên, phu nhân St Helier, người mà, giống như phu nhân Jeune, đã bảo tồn truyền thống của thế kỷ 18, thông báo với chúng ta rằng “trứng chim choi choi giá 2 shiling 6 hào một trứng, nước ép quả dâu tây, gà con... giờ hầu như được xem là một sự cần thiết cho bất kỳ một ai nổi hứng muốn làm một bữa ăn ngon.” (1909); và nhận xét của bà ta rằng “ngày tiếp khách rất nhọc mệt... tôi cảm thấy mệt nhoài khi bảy giờ rưỡi tới, và vui mừng biết bao khi lúc tám giờ tôi ngồi xuống và có một bữa ăn mặt đối mặt an bình với chồng tôi!” (Memories of Fifty Years của Phu nhân St Helier, t. 3, 5, 182) có thể lý giải vì sao những ngôi nhà như thế lại đóng kín cửa, vì sao những nữ chủ nhân như thế chết, và do đó vì sao giới trí thức, giới dốt nát, giới quý tộc, giới quan lại, giới tư sản, vân vân, bị thôi thúc (trừ phi một ai đó sẽ làm sống lại xã hội đó trên một nền tảng kinh tế) phải trò chuyện trước công chúng. Nhưng theo quan điểm của vô số những bản tuyên ngôn và bản câu hỏi thăm dò đang lưu hành hiện giờ, sẽ là ngu xuẩn khi đề nghị một kẻ khác thâm nhập vào tâm trí và động cơ của những nhà điều tra.

(II) “Tuy nhiên ông ta đã bắt đầu thuyết giảng hàng tuần từ ngày 13/5 (1844) ở trường cao đẳng Queen’s mà Maurice và các giáo sư khác ở trường King’s đã thành lập một năm trước, cơ bản là để kiểm tra và đào tạo các nữ gia sư. Kingsley sẵn sàng chia sẻ công việc ít phổ biến này vì ông tin vào nền giáo dục cao hơn của phụ nữ.” (Charles Kingsley của Margaret Farrand Thorp, t. 65.)

(III) Tiếng Pháp, như trích dẫn bên trên cho thấy, cũng tích cực như tiếng Anh trong việc lưu hành các bản tuyên ngôn. Việc người Pháp - kẻ từ chối cho phép phụ nữ Pháp bầu cử, và vẫn áp đặt lên họ những đạo luật hầu như khắc nghiệt không kém chi thời trung cổ mà có thể nghiên cứu trong cuốn

The Position of Women in Contemporary France của Frances Clark - khẩn khoản yêu cầu phụ nữ Anh giúp họ bảo vệ tự do và văn hóa hẳn phải gây kinh ngạc.

(IV) Độ chính xác nghiêm ngặt, ở đây hơi xung đột với nhịp điệu và luật hài âm, đòi hỏi từ “rượu pootô”. Một tấm ảnh trong nhật báo chụp “Những quý ông Tây Ban Nha trong một Phòng họp của những bậc cao niên sau bữa ăn (1937) cho thấy “một chiếc xe dọn thức ăn trong đó có cái bình cổ cong đựng rượu pootô băng qua một khoảng trống giữa những bữa ăn ở lò sưởi, và cứ thế tiếp tục vòng tròn của nó mà không ngang qua mặt trời.” Một bức ảnh khác cho thấy chiếc cốc “có đế” được sử dụng. Tập quán cổ của Oxford này quy định rằng kẻ đề cập tới những chủ đề cụ thể ở Hall có thể bị phạt uống ba panh (0,5 lít) bia liền một hơi...” Những ví dụ đó tự thân chúng đã đủ để chứng minh cây bút của một phụ nữ không thể nào mô tả được cuộc sống ở một trường nam cao đẳng nếu không phạm phải những thiếu sót không thể tha thứ trong phép xã giao. Nhưng các quý ông mà các tập quán của họ thông thường là bắt chước, e là như vậy, sẽ mở rộng sự độ lượng của họ khi họ phản ánh rằng người nữ tiểu thuyết gia, bất kể có ý định tôn kính thế nào, làm việc bên dưới những trở ngại vật chất nghiêm trọng. Nếu cô ta muốn, ví dụ, mô tả một bữa đại tiệc ở Trinity, Cambridge, cô ta phải “lắng nghe qua cái lỗ nhỏ để nhìn qua tường của bà Butler (vợ của ông Hiệu trưởng) những phát biểu diễn ra ở bữa tiệc được tổ chức ở trường Trinity College”. Nhận xét này được cô Haldane đưa ra vào năm khi cô phản ánh rằng “Toàn bộ khung cảnh hầu như giống với thời trung cổ.” (From One Century to Another của E. Haldane, t. 235.)

(V) Theo Whitaker có một Hội văn học Hoàng gia và cũng có một Viện Hàn lâm Anh Quốc, cả hai đều là giả đoán, vì chúng có văn phòng và quan chức, các cơ quan văn phòng, nhưng không thể nói những khả năng của chúng là gì, vì nếu Whitaker không xác nhận sự tồn tại của chúng, chắc chắn là sẽ không ai ngờ tới điều đó.

(VI) Rõ ràng phụ nữ đã bị trục xuất khỏi Phòng đọc của Viện bảo tàng Anh Quốc hồi thế kỷ 18. Thế này: “Cô Chudleigh khẩn nài được phép vào phòng đọc. Người nữ sinh viên duy nhất đã vinh danh chúng ta là bà Macaulay; và quý ngài có thể nhớ lại một sự kiện khiếm nhã thế nào đã xúc phạm tới sự tinh tế của bà.” (Daniel Wray to Lord Harwicke, 22/10/ 1768. Nichols, Literary Anecdotes of the Eighteenth Century, quyển I, t. 137.) Biên tập

viên nói thêm ở phần chú thích: “Câu này ám chỉ sự khiếm nhã của một quý ông ở đó, với sự hiện diện của bà Macaulay; những người tham sự sẽ không chịu đựng được sự lặp lại điều đó.”

(VII) The Autobiography and Letters of Mrs M. O. W. Oliphant, sắp xếp và biên tập bởi bà Harry Coghill. Bà Oliphant (1825-97) “sống trong sự bối rối liên tục do việc giáo dục và chăm nom các con của người anh trai góa vợ của mình, cộng thêm hai con trai của chính bà...” (Dictionary of National Biography.)

(VIII) History of England của Macaulay, quyển III, t. 278 (bản tiêu chuẩn).

(IX) Ông Littlewood, cho tới gần đây là nhà phê bình gây ấn tượng của tờ Morning Post, đã mô tả điều kiện của báo chí hiện thời ở một bữa ăn do ông tổ chức hôm 6/12/ 1937. Ông Littlewood nói: “Ông ta đã đấu tranh trong mùa hoạt động và mùa nghỉ để có thêm nhiều không gian cho sân khấu trong các chuyên mục của các tờ nhật báo London. Chính phố Fleet, nơi mà giữa mười một giờ và mười hai giờ rưỡi, không kể trước và sau đó, hàng ngàn ngôn từ và tư tưởng đẹp đẽ đã bị tàn sát một cách có hệ thống. Số phận của ông ta trong ít nhất hai trong bốn thập kỷ là quay trở lại cái lò sát sinh đó hàng đêm với viễn cảnh chắc chắn là người ta sẽ nói với ông rằng tờ báo đã đầy những tin tức quan trọng và không còn chỗ cho bất kỳ thứ đẫm máu nào về sân khấu. Điều may mắn của ông là thức giấc vào sáng hôm sau và nhận ra mình có thể giải đáp cho những mảnh sứ se còn lại của cái từng là một bài điểm kịch hay... Đó không phải là lỗi của các ông trong văn phòng. Một số trong bọn họ gạch bỏ bài với cây bút chì xanh trong lúc mất rưng rưng. Thủ phạm thật sự là cái công chúng to lớn không biết gì về sân khấu và người ta không thể mong chờ sự quan tâm của nó.” The Times, 6/12/1937.

Ông Douglas Jerrold đã mô tả cách xử sự của hoạt động chính trị trong báo giới: “Trong vài năm gần gũi đó (giữa 1928-33] sự thật đã rời bỏ phố Fleet. Bạn không bao giờ có thể nói hết sự thật vào mọi lúc. Bạn không bao giờ có thể làm như thế. Nhưng bạn đã từng có thể ít nhất là nói lên sự thật về các quốc gia khác. Trước 1933, bạn đã làm điều đó với những nguy cơ. Hồi năm 1928 không có sức ép chính trị trực tiếp từ những người quảng cáo. Ngày nay nó không chỉ trực tiếp mà còn đầy hiệu quả.”

Phê bình văn học dường như cũng nằm trong cùng trường hợp và vì cùng một nguyên do: “Không có nhà phê bình nào khiến công chúng có thêm bất

kỳ niềm tin nào vào họ. Họ tin tưởng, nếu có, vào những hội đọc sách khác nhau, và những tuyển chọn của các tờ báo cá nhân, và nhìn chung họ khôn ngoan... Hội đọc sách là những người bán sách thẳng thắn, và những tờ báo quốc gia lớn không đủ sức làm rối trí đọc giả của họ. Tất cả bọn họ phải chọn những cuốn sách có, ở mức độ thị hiếu thịnh hành của công chúng, một doanh số tiềm năng lớn.” (Georgian Adventure của Douglas Jerrold, t. 282, 283, 298.)

(X) Trong khi rõ ràng rằng dưới những điều kiện của báo chí hiện tại, phê bình văn học phải là chưa thỏa đáng, cũng rõ ràng rằng người ta không thể tạo ra một thay đổi nào nếu không có sự thay đổi của cấu trúc kinh tế của xã hội và cấu trúc tâm lý của nhà nghệ sĩ. Về mặt kinh tế, người điếm sách cần loan truyền về việc xuất bản một cuốn sách với tiếng hét của một anh mỗ của thị trấn: Ồ, vâng, ồ vâng, ồ vâng, một cuốn sách thế đó thế đó đã được xuất bản, chủ đề của nó là cái này, cái nọ, cái kia.” Về mặt tâm lý, sự phù phiếm và khát khao “được công nhận” vẫn còn mạnh mẽ ở các nghệ sĩ đến độ khiến họ chết đói vì quảng cáo và bị khước từ thường xuyên đọc nếu những chấn động của lời ca ngợi và khiển trách cũng nhanh chóng lan rộng như việc đưa thỏ vào Úc: sự cân bằng của tự nhiên sẽ bị phá hỏng và những hậu quả có thể rất nguy hiểm. Sự đề xuất trong văn bản là không đánh bóng sự phê bình công cộng; mà bổ sung nó bằng một dịch vụ mới dựa trên ví dụ củanghề nghiệp y khoa. Một nhóm nhà phê bình được tuyển dụng từ những người điếm sách (nhiều người trong số đó là những nhà phê bình tiềm năng có thị hiếu và hiểu biết sâu sắc) sẽ thực hành như những bác sĩ và trong sự riêng tư nghiêm ngặt. Khi sự quảng bá bị từ bỏ, theo sau đó là phần lớn những thứ gây rối trí và những thứ đòi bại sẽ không thể tránh khỏi khiến cho sự phê bình đương thời trở nên vô giá trị đối với nhà văn sẽ được đánh bóng; mọi khích lệ để ca tụng hay chê trách vì những lý do cá nhân sẽ bị tiêu diệt; doanh số hay sự phù hoa sẽ không bị ảnh hưởng; tác giả có thể tham gia phê bình mà không cần quan tâm tới tác động lên công chúng hay bằng hữu; nhà phê bình có thể phê bình mà không cần quan tâm tới cây bút chì xanh của biên tập viên hay thị hiếu của công chúng. Vì sự phê bình được khao khát nhiều ở người đang sống, như nhu cầu thường xuyên đối với nó chứng minh, và vì những cuốn sách mới ra lò cũng cần thiết cho tâm trí của nhà phê bình như thịt tươi cần thiết cho cơ thể của anh ta, mỗi thứ đều sẽ đạt được; văn học có thể hưởng lợi. Những thuận lợi của hệ thống phê bình công cộng hiện tại chủ yếu là về kinh tế; các tác động xấu về mặt tâm lý được chỉ ra bởi hai điếm sách hàng quý nổi tiếng về Keats và

Tennyson. Keats bị chấn thương nghiêm trọng; và “tác động lên chính bản thân Tennyson đang thâm nhập và kéo dài. Hành động đầu tiên của ông là ngay lập tức rút lui khỏi tờ báo *The Lover’s Tale*... Chúng ta sẽ phát hiện ra ông đang nghĩ tới việc hoàn toàn lìa bỏ nước Anh để sống ở nước ngoài.” (Tennyson của Harold Nicolson, t. 118.) Ảnh hưởng của ông Churton Collins lên Sir Edmund Gosse cũng khá giống như thế: “Sự tự tin của ông đã bị xói mòn, nhân cách của ông bị giảm thiểu... không phải mọi người đang quan sát cuộc đấu tranh của ông xem như ông đã tận số hay sao? Lý giải của chính ông về những cảm giác của mình là ông đang có cảm giác rằng ông đã bị lột da trong khi còn sống.” (*The Life and Letters of Sir Edmund Gosse* của Evan Charteris, t. 196.)

(XI) “Một kẻ giật chuông rồi bỏ chạy.” Cụm từ này đã được bịa đặt ra nhằm định nghĩa những kẻ lợi dụng ngôn từ với mong muốn gây tổn thương nhưng đồng thời thoát khỏi sự phát hiện. Trong một thời đại biến chuyển, khi nhiều phẩm chất đang thay đổi giá trị của chúng, những từ mới để diễn tả các giá trị mới rất đáng ao ước. Sự phù hoa, ví dụ, mà dường như sẽ dẫn tới những biến chứng nghiêm trọng của sự độc ác và sự chuyên chế, xét từ chúng cứ được cung cấp ở nước ngoài, vẫn còn được che đậy bởi một cái tên với nhiều liên tưởng tầm thường. Một bổ sung cho từ điển tiếng Anh Oxford là chỉ dấu.

(XII) *Memoir of Anne J. Clough* của B. A. Clough, t. 38, 67.

‘*The Sparrow’s Nest*’ của William Wordsworth.

(XIII) Hồi thế kỷ 19, nhiều công trình giá trị đã được thực hiện cho tầng lớp lao động bởi con gái của những người đàn ông bằng phương tiện duy nhất mở ra cho họ lúc đó. Nhưng hiện nay, khi một số trong số họ ít nhất cũng nhận được một nền giáo dục tốn kém, có thể lập luận rằng họ có thể hoạt động hiệu quả hơn nhiều bằng cách ở lại trong tầng lớp của mình và sử dụng những phương pháp của giai tầng đó để cải thiện một giai tầng hiện đang rất cần được cải thiện. Mặt khác nếu những người trí thức (như rất thường xảy ra) từ bỏ chính những phẩm chất mà giáo dục có thể mang đến - lý trí, sự độ lượng, kiến thức - và đóng vai trò phụ thuộc vào tầng lớp lao động và đi theo chính nghĩa của nó, họ chỉ phơi trần chính nghĩa đó ra trước sự chế giễu của tầng lớp trí thức, và không làm gì để cải thiện tầng lớp của chính họ. Nhưng số lượng sách được viết bởi những người trí thức về tầng lớp lao động dường như chỉ ra rằng sự quỵ rũ của tầng lớp lao động và sự

khuây khóa về mặt cảm xúc có được từ việc đi theo chính nghĩa của nó ngày nay là bất khả cưỡng kháng đối với tầng lớp trung lưu giống như sự quyến rũ của giới quý tộc hồi hai mươi năm trước. (xem A La Recherche du Temps Perdu.) Đồng thời, sẽ rất thú vị khi biết người đàn ông hay phụ nữ thật sự xuất thân từ giai tầng lao động nghĩ gì về những cậu con trai và cô con gái ăn chơi của tầng lớp trí thức, những kẻ đi theo chính nghĩa của tầng lớp lao động mà không hy sinh tư bản của tầng lớp trung lưu hay chia sẻ kinh nghiệm của tầng lớp lao động. “Người phụ nữ nội trợ bình thường,” theo bà Murphy, Giám đốc dịch vụ gia đình của Hiệp hội kinh doanh khí đốt Anh, “rửa một mẫu Anh chén đĩa dơ, một dậm ly tách và ba dậm quần áo và cọ rửa năm dậm sàn nhà mỗi năm.” (Daily Telegraph, 29 /12/ 1937.) Để biết thêm lý giải chi tiết về tầng lớp lao động, mới xem “Life as We Have Known It by Cooperative working women”, do Margaret Llewelyn Davies biên tập. Quyển The Life of Joseph Wright cũng đưa ra một giải thích trực tiếp đáng chú ý về đời sống của tầng lớp lao động không thông qua lăng kính vô sản.

(XIV) “Hôm qua đã có phát biểu ở Bộ chiến tranh rằng Hội đồng quân sự không có ý định tuyển mộ bất kỳ binh đoàn nữ nào.” (The Times, 22/10/1937.) Điều này đánh dấu một khác biệt chủ yếu giữa hai giới tính. Chủ nghĩa hòa bình bị áp đặt lên phụ nữ. Đàn ông vẫn được phép tự do chọn lựa.

(XV) Tuy nhiên, trích dẫn sau đây chỉ ra rằng nếu được ủng hộ, bản năng chiến đấu dễ dàng phát triển. “Đôi mắt chìm sâu trong hai hốc mắt, nét mặt tinh nhanh, người nữ chiến binh giữ thân người thật thẳng trên bàn đạp ở phía trước quân đoàn kỵ binh của mình... Năm vị Pháp quan Tối cao nhìn người phụ nữ với sự ngưỡng mộ đầy tôn kính và có chút bồn chồn mà người ta cảm thấy đối với một “con dã thú” thuộc một loài chưa được biết tới...”

— Hãy tới gần hơn, Amalia - vị nữ chỉ huy ra lệnh. Cô ta thúc ngựa về phía chúng tôi và vung gươm chào chỉ huy của mình.

— Trung sĩ Amalia Bonilla - vị nữ chỉ huy đoàn kỵ binh nói tiếp - cô bao nhiêu tuổi? - Ba mươi sáu - Cô sinh ở đâu? - Ở Granada - Vì sao cô gia nhập quân đội? - Hai con gái của tôi là nữ dân quân. Đứa trẻ hơn đã bị giết ở Alto de Leon. Tôi nghĩ tôi phải thế chỗ cho nó và trả thù cho nó - Thế cô đã giết được bao nhiêu kẻ thù để trả thù cho nó? - Bà biết điều đó, thưa chỉ huy, năm. Tên thứ sáu thì không chắc - Không, nhưng cô đã cướp được

ngựa của hãn. Thật sự nữ chiến binh Amalia đang cưỡi một con ngựa đốm xám tuyệt vời, với bộ lông bóng loáng, trông cứ như một con ngựa để duyệt binh... Người phụ nữ đã giết năm tên nhưng không chắc chắn về tên thứ sáu này, đối với các công sứ của Thượng viên là một người giới thiệu xuất sắc cho cuộc chiến Tây Ban Nha.” (The Martyrdom of Madrid, Inedited Witnesses của Louis Delaprée, t. 34, 5, 6. Madrid, 1937)

(XVI) Bằng phương tiện chứng cứ, có thể thực hiện một nỗ lực để lý giải những lý do được đưa ra bởi nhiều bộ trưởng của các Quốc hội khác nhau từ khoảng 1870 tới 1918 nhằm phản đối Dự luật về quyền bầu cử. Một nỗ lực khả dĩ đã được thực hiện bởi bà Oliver Strachey (xem chương ‘Sự lừa dối của chính trị’ trong cuốn The Cause của bà ta.)

(XVII) “Chúng ta chỉ mới có địa vị pháp lý về dân sự và chính trị trước Liên Hiệp từ năm 1935. Từ những báo cáo được trình lên về vị trí của phụ nữ với tư cách người vợ, người mẹ và người nội trợ, ‘người ta đã phát hiện một thực tế đáng buồn rằng vị trí kinh tế của bà ta ở nhiều nước (bao gồm Anh) rất mất ổn định. Bà ta không có quyền hưởng lương hay tiền công và có vô số bổn phận phải làm. Ở Anh, dù bà ta có thể cống hiến cả đời mình cho chồng con, ông chồng của bà ta, bất kể giàu có tới đâu, có thể để mặc bà ta trong tình trạng nghèo túng khi ông ta chết và bà ta không có một nền pháp lý nào. Chúng ta phải thay đổi điều này - bằng pháp chế.” (Linda P. Littlejohn, thuật lại trong The Listener, 10/11//1937)

(XVIII) Định nghĩa đặc thù này về công việc của phụ nữ không phải xuất phát từ một nguồn của Ý mà là của Đức. Có rất nhiều phiên bản và tất cả đều giống nhau đến độ dường như không cần thiết phải xác minh riêng rẽ từng phiên bản. Nhưng rất kỳ lạ khi thấy rằng việc trích dẫn nó từ những nguồn ở Anh thật dễ dàng. Ví dụ ông Gerhardi viết rằng: “Tôi chưa từng phạm sai lầm ở việc xem những nữ văn sĩ là những nghệ sĩ nghiêm túc. Đúng hơn, tôi thường thức họ như những người trợ giúp tinh thần, do được phú cho một khả năng nhạy cảm đối với sự đánh giá, họ có thể giúp vài người trong số chúng ta, những kẻ đau khổ với thiên tài, để vác cây thập giá của chúng ta với thái độ đàng hoàng. Vai trò thật sự của họ, do đó, đúng hơn là trao cho chúng ta miếng bọt biển, làm trán chúng ta mát lại, trong lúc chúng ta đổ máu. Nếu sự hiểu biết đồng cảm của họ thật sự có thể áp dụng cho một công dụng lãng mạn hơn, chúng ta sẽ yêu quý họ biết bao vì điều đó!” (Memoirs of a Polyglot của William Gerhardi, t. 320, 321.) Ý niệm

này về vai trò của phụ nữ phù hợp gần như chính xác với câu đã trích dẫn bên trên.

(XIX) Nói một cách chính xác, “một tấm thẻ bằng bạc lớn dưới hình thức một con chim ưng của đế chế Đức... do Tổng thống Hindenburg chế tạo cho các nhà khoa học và những công dân nổi bật khác... Nó không thể bị rách. Nó thường được đặt trên bàn viết của người nhận.” (báo Daily, 21/4/1936)

(XX) “Việc nhìn thấy một cô gái tự thỏa mãn mình với một cái bánh bao nhân nho hay một ổ bánh mì kẹp thay cho bữa ăn trưa là chuyện thường tình và dù có nhiều lý thuyết rằng đây là do sự chọn lựa... sự thật là họ thường không có đủ tiền để ăn cho đúng cách.” (Careers and Openings for Women của Ray Strachey, t. 74.) Cô E. Turner cũng so sánh: “... nhiều quan chức từng tự hỏi vì sao họ không hoàn thành công việc của họ êm xuôi như trước. Người ta phát hiện ra rằng những nhân viên đánh máy sơ cấp bị đuổi sức vào buổi chiều vì họ chỉ có đủ tiền mua một quả táo và một cái bánh mì kẹp cho bữa trưa. Những người tuyển dụng nên đáp ứng với giá cả tăng vọt bằng cách tăng lương.” (The Times, 28/3/)

(XXI) Thị trưởng phu nhân của thành phố Woolwich (bà Kathleen Rance) phát biểu tại một cuộc hội chợ, tờ Evening Standard tường thuật, 20/12/1937.

(XXII) Cô E. R. Clarke, tường thuật trong The Times, 24/12/1937.

(XXIII) Tường thuật trong Daily Herald, 15/8/1936.

(XXIV) Canon F. R. Barry, phát biểu tại một hội thảo do nhóm Giáo phái Anh tổ chức ở Oxford, tường thuật trong The Times, 10/1/1933.

(XXV) Nữ giáo đoàn, Báo cáo của Hội đồng Tổng Giám mục. VII. Secondary Schools and Universities, t. 65.

(XXVI) “Cô D. Carruthers, nữ hiệu trưởng trường trung học Green, Isleworth, nói rằng có một ‘sự bất mãn rất nghiêm trọng’ trong các nữ sinh lớn tuổi về cách thức thực hiện tôn giáo có tổ chức. ‘Dường như theo cách nào đó các giáo đường đã thất bại trong việc cung cấp các nhu cầu tinh thần của những người trẻ tuổi.’ Cô nói: ‘Đó là một sai lầm dường như khá phổ biến ở tất cả các giáo đường.’” (Sunday Times, 21/11/1937)

(XXVII) Life of Charles Gore của G. L. Prestige, D.D., t. 353.

(XXVIII) Nữ giáo đoàn, Báo cáo của Hội đồng Tổng Giám mục.

(XXIX) Dù tài năng thiên phú về tiên tri và về thi ca có cùng nguồn gốc hay không, đã có một khác biệt hình thành giữa các tài năng và nghề nghiệp đó suốt nhiều thế kỷ. Nhưng thực tế rằng Bài ca của những bài ca, tác phẩm của một thi nhân được đưa vào những cuốn sách thiêng liêng, và những bài thơ và tiểu thuyết tuyên truyền, tác phẩm của những nhà tiên tri nằm trong những cuốn sách thể tục, chỉ tới một kết luận. Những người yêu mến văn học Anh chắc chắn cũng phải biết ơn vì Shakespeare sống quá muộn để được Giáo hội phong thánh. Giá như những vở kịch được xếp vào hàng những cuốn sách thiêng, chúng ắt phải nhận cùng một cách đối đãi như Kinh Cựu ước và Tân ước; chúng ta hẳn sẽ nhận chúng một cách nhỏ giọt từng đoạn ngắn vào những ngày Chủ nhật từmiêng của những vị mục sư; khi thì một đoạn độc thoại của Hamlet; khi thì một đoạn đòi bại từ ngòi bút của một nhà báo ngái ngủ nào đó; khi thì một khúc ca tục tĩu; khi thì một nửa trang từ vở Antony và Cleopatra, như Kinh Cựu ước và Tân ước đã bị xén thành từng lát và đặt xen lẫn với những bài thánh ca trong dịch vụ của Giáo hội Anh; và hẳn Shakespeare cũng sẽ khó đọc như Kinh Thánh. Thế nhưng những ai từng bị ép buộc nghe những phần bị chia cắt như thế từ thời thơ ấu hàng tuần khẳng định rằng Kinh Thánh là một tác phẩm cực kỳ thú vị, cực kỳ đẹp đẽ và có ý nghĩa sâu sa.

(XXX) Nữ Giáo đoàn, Phụ lục I. ‘Những quan tâm tâm lý và sinh lý cụ thể’ của Professor Grensted, D.D., t. 79- 87.

(XXXI) “Hiện tại, một mục sư đã kết hôn có thể hoàn thành những yêu cầu của lễ thụ phong, ‘để từ bỏ và gạt sang bên mọi quan tâm thể tục và nghiên cứu,’ phần lớn là vì vợ ông ta có thể thực hiện việc chăm nom nhà cửa và gia đình...” (Nữ giáo đoàn, t.32)

Ở đây các Ủy viên Hội đồng phát biểu và chuẩn y một nguyên tắc vốn thường xuyên được phát biểu và chuẩn y bởi những tên độc tài. Cả Herr Hitler lẫn Signor Mussolini vẫn thường diễn tả với những từ rất giống thế rằng “Có hai thế giới trong đời sống của một quốc gia, thế giới của đàn ông và thế giới của đàn bà”; và đi đến một định nghĩa rất giống về những bốn phận. Tác động của sự phân biệt này đối với phụ nữ; bản chất nhỏ nhen và cá nhân của những quan tâm của cô ta; sự say mê của cô ta đối với thực hành; sự thiếu năng hiển nhiên của cô ta đối với thi ca và mạo hiểm - tất cả những thứ này đã bị biến thành nguyên vật liệu của rất nhiều cuốn tiểu thuyết, mục tiêu cho rất nhiều lời châm biếm; đã khẳng định với rất nhiều lý

thuyết gia với lý thuyết rằng do quy luật tự nhiên, phụ nữ ít có tính chất tâm linh hơn đàn ông, rằng không cần nói gì thêm để chứng minh rằng cô ta đã thực hiện, dù sẵn lòng hay không sẵn lòng, phần chia của mình trong bản hợp đồng. Nhưng có rất ít chú ý hướng tới tác động trí tuệ và tâm linh của sự phân chia các bốn phận này đối với những kẻ có thể thông qua nó “từ bỏ và gạt sang bên mọi quan tâm thế tục và nghiên cứu.” Thế nhưng không thể ngờ gì rằng nhờ sự chia tách này chúng ta có một lượng rất lớn những thiết bị và phương pháp của chiến tranh, những phức tạp ghê gớm của thần học; lượng trầm tích mênh mông của những chú thích ở dưới những văn bản tiếng Hy Lạp, Latin và thậm chí tiếng Anh; vô số những hình chạm khắc, những ron ren và các thứ trang trí không cần thiết của đồ nội thất và bát đĩa phổ biến của chúng ta ; những khác biệt vô số giữa Debrett và Burke; và tất cả những vòng vèo lắt léo vô nghĩa nhưng cực kỳ khéo léo mà trí tuệ tự cột nó vào đó khi dứt bỏ được “những quan tâm tới việc nhà và gia đình”. Sự nhấn mạnh của cả những giáo sĩ lẫn những tên độc tài lên sự cần thiết đối với hai thế giới đã đủ để chứng minh rằng nó có tính chất thiết yếu đối với sự thống trị.

(XXXII) Chứng cứ của bản chất phức tạp của niềm thỏa mãn từ sự thống trị được cung cấp bởi trích dẫn sau: “Chồng tôi khẳng khẳng rằng tôi phải gọi ông ta là ‘Ngài’”, một phụ nữ nói ở Sở Cảnh sát Bristol vào hôm qua, khi bà ta xin một lệnh cấp dưỡng. “Để giữ hòa bình, tôi phải thực hiện yêu cầu của ông ta,” bà ta nói thêm. “Tôi còn phải lau ủng của ông ta, đi lấy dao cạo cho ông ta khi ông ta cạo râu, và phải trả lời ngay lập tức khi ông ta đặt ra cho tôi những câu hỏi.” Trong cùng trang báo của cùng tờ báo, nó thuật lại rằng Sir E. F. Fletcher đã “hối thúc Hạ viện đứng lên chống lại những gã độc tài.” (Daily Herald, 1/8/1926) Dường như điều này chỉ ra rằng lương tâm chung bao gồm người chồng, người vợ và Hạ viện đang cảm thấy vào cùng một thời điểm một nỗi khát khao được thống trị, một nhu cầu cần thực hiện để giữ hòa bình, và sự cần thiết của việc chế ngự niềm khao khát thống trị - một xung đột tâm lý giúp lý giải nhiều thứ có vẻ như mâu thuẫn và hỗn loạn trong quan điểm đương thời. Tất nhiên lạc thú của sự thống trị còn trở nên phức tạp hơn bởi thực tế rằng nó vẫn, ở tầng lớp trí thức, liên kết chặt chẽ với những lạc thú về tài sản, uy tín xã hội và nghề nghiệp. Sự khác biệt giữa nó và những lạc thú tương đối đơn giản - như lạc thú đi tản bộ ở miền quê - được chứng minh bởi nỗi sợ bị chế giễu mà các tâm lý gia lỗi lạc, như Sophocles, đã phát hiện ở kẻ thống trị; vốn cũng là kẻ đặc biệt nhạy cảm đối với sự chế nhạo hay thách thức của kẻ ngang quyền lực ở giới nữ. Do đó, một nguyên tố chủ chốt của lạc thú này dường như không phát sinh từ bản

thân cảm giác mà từ sự phản ánh của cảm giác của những người khác, và từ đó nó có thể bị tác động bởi một thay đổi trong các cảm giác đó. Tiếng cười với ý nghĩa một thứ thuốc giải độc đối với sự thống trị có lẽ đã được chỉ ra.

(XXXIII) The Life of Charlotte Brontë của Mrs Gaskell.

(XXXIV) The Life of Sophia Jex-Blake của Margaret Todd, t. 67-9, 70- 71, 72.

(XXXV) Quan sát bên ngoài đề xuất rằng một người đàn ông vẫn cảm thấy bị một phụ nữ nhieć mắng là đồ hèn nhát là một sự sỉ nhục đặc biệt theo cùng một cách với khi một phụ nữ cảm thấy bị một người đàn ông mắng nhieć là đồ dâm ô. Trích dẫn sau ủng hộ cho quan điểm này. Ông Bernard Shaw viết: “Tôi sẽ không quên sự hài lòng mà chiến tranh mang tới cho bản năng thích gây gỗ và sự ngưỡng mộ lòng dũng cảm vốn rất mạnh mẽ ở phụ nữ... Ở Anh, khi chiến tranh sắp bùng nổ, những phụ nữ trẻ văn minh chạy quanh để trao những chiếc lông chim trắng cho tất cả những thanh niên không mặc quân phục. Điều này,” ông viết tiếp, “giống như việc những kẻ sống sót khỏi sự tàn bạo khác là hoàn toàn tự nhiên,” và ông chỉ ra rằng “ngày xưa cuộc đời của một phụ nữ và của con cái cô ta phụ thuộc vào lòng dũng cảm và khả năng giết chóc của bạn đời của cô ta.” Vì những số lượng lớn thanh niên đã làm công việc của họ trong suốt cuộc chiến trong những văn phòng không có bất kỳ thứ trang hoàng nào, và số lượng “những thanh nữ văn minh” gắn lông chim lên áo khoác phải là vô cùng nhỏ so với những người không làm điều gì tương tự như thế, sự cường điệu của ông Shaw là chứng cứ đầy đủ về ấn tượng tâm lý to lớn mà năm mươi hay sáu mươi cái lông chim (không có sẵn số liệu thống kê thực tế nào) vẫn có thể tạo ra. Dường như điều này chỉ ra rằng giống đực vẫn còn duy trì một sự nhạy cảm bất thường với những lời nhieć mắng như vậy. Do đó lòng dũng cảm và tính thích đánh nhau vẫn còn nằm trong số những thuộc tính chủ yếu của nam tính; do đó anh ta vẫn mong muốn được ngưỡng mộ vì sở hữu chúng; do đó bất kỳ sự nhạo báng nào đối với những phẩm chất đó sẽ có một tác động tương ứng. Dường như có khả năng “cảm xúc nam nhi chí” cũng nối kết với sự phụ thuộc về kinh tế. “Chúng tôi chưa từng biết một người đàn ông nào mà không, một cách công khai hay kín đáo, tự hào về việc có khả năng hỗ trợ cho những người phụ nữ; dù họ là chị em gái hay cô giáo của anh ta. Chúng tôi chưa từng biết một người phụ nữ nào mà không xem sự thay đổi từ độc lập về kinh tế vào một người tuyển dụng sang sự phụ thuộc về kinh

tế vào một người đàn ông là một bước tiến đầy binh hạnh. Người đàn ông và phụ nữ tốt lừa dối nhau điều gì về những điều này? Chúng ta không phải là người tạo ra chúng.” - (A. H. Orage của Philip Mairet, vii) - một phát biểu thú vị, G. K. Chesterton gán cho A. H. Orage.

(XXXVI) Theo cô Haldane, em gái của R. B. Haldane, cho tới đầu thập niên 80, không quý bà nào có thể làm việc. “Dĩ nhiên tôi thích đi học để có một nghề nghiệp, nhưng đó là một ý tưởng bất khả trừ phi người ta ở một vị trí đáng buồn là không có việc làm để tự kiếm bánh mì cho mình,” và đó hẳn phải là một tình trạng kinh khủng. Thậm chí một người anh em trai đã viết về một sự kiện buồn sau khi anh ta nhìn thấy hành động của bà Langtry: “Bà ấy là một phu nhân và đã hành động như một phu nhân, nhưng thật đáng buồn vì bà phải làm như thế!” (From One Century to Another của Elizabeth Haldane, t. 73-4.) Hồi đầu thế kỷ này, Harriet Martineau rất vui mừng khi gia đình cô ta phá sản, vì nhờ đó cô ta mất đi “dòng dõi trâm anh” của mình và được phép làm việc.

(XXXVII) Life of Sophia Jex-Blake của Margaret Todd, t. 69, 70.

(XXXVIII) Để biết lý giải về ông Leigh Smith, xem The Life of Emily Davies của Barbara Stephen. Barbara Leigh Smith trở thành Madame Bodichon.

(XXXIX) Sự mở ra đó chỉ có trên danh nghĩa ra sao được chỉ ra bởi lý giải sau về những điều kiện thực tế mà dưới đó phụ nữ làm việc trong các trường học R.A vào khoảng năm 1900. “Vì sao giống cái của loài không bao giờ nên được trao tặng cùng những thuận lợi như giống đực là điều khó mà hiểu được. Ở những trường học R.A., phụ nữ chúng tôi phải cạnh tranh với đàn ông để chiếm mọi giải thưởng và huy chương được trao tặng hàng năm, và chúng tôi chỉ được phép nhận phân nửa số giờ dạy và chỉ có phân nửa cơ hội nghiên cứu so với họ... Không người mẫu khóa thân nào được phép ở phòng vẽ của phụ nữ ở các trường học R.A.... Các nam sinh viên không chỉ làm việc từ những người mẫu khóa thân, cả nam lẫn nữ, trong ngày học, mà học còn được cho một lớp tối, nhờ đó họ có thể thực hiện những công trình nghiên cứu từ nhân vật.” Đối với các nữ sinh viên, điều này có vẻ “thật sự không công bằng”. Cô Collyer có đủ can đảm và địa vị xã hội cần thiết để đương đầu với trước tiên là ông Franklin Dicksee, người lập luận rằng vì nhiều cô con gái lấy chồng, tiền chi cho việc học của họ là tiền lãng phí; kế tiếp là ngài Leighton; và cuối cùng cái rìa mỏng của cái

nêm, nghĩa là thân hình lỏa thể, được cho phép. Nhưng, “chúng tôi không bao giờ đạt được những thuận lợi của lớp học đêm...” Do đó các nữ sinh viên cùng thành lập các câu lạc bộ và thuê phòng làm việc của một nhiếp ảnh gia ở phố Baker. “Số tiền mà chúng tôi, với tư cách ủy ban, phải tìm ra, đã giảm thiểu những bữa ăn của chúng tôi tới mức độ khẩu phần gần chết đói.” (Life of an Artist của Margaret Collyer, t. 19-81, 82.) Nguyên tắc tương tự được áp dụng ở Trường mỹ thuật Nottingham trong thế kỷ 20. ‘Phụ nữ không được vẽ từ người lỏa thể. Nếu bọn đàn ông làm việc từ mẫu sống, tôi phải đi sang phòng tranh cổ... nổi căm ghét những nhân vật bằng thạch cao đó ở lại với tôi cho tới hôm nay. Tôi chưa được lợi lộc gì từ sự nghiên cứu của họ.’ (Oil Paint and Grease Paint của Dame Laura Knight, t. 47.) Nhưng mỹ thuật không phải là nghề nghiệp duy nhất chỉ mở ra trên danh nghĩa. Nghề y khoa mở ra, nhưng “hầu như tất cả các trường gắn liền với các bệnh viện London đều cấm cửa nữ sinh viên, việc đào tạo họ ở London chỉ chủ yếu thực hiện ở trường Y khoa London.” (Memorandum on the Position of English Women in Relation to that of English Men, by Philippa Strachey, 1935, p. 26.) “Một số nữ sinh viên y ở Đại học Cambridge đã tự thành lập một nhóm để khai thông mỗi bất bình.” (Evening News, 25/3/1937) Năm 1922, nữ sinh viên được phép vào học tại Trường Cao đẳng Thú y Hoàng gia, Camden Town. “...từ đó nghề này đã thu hút nhiều phụ nữ đến độ gần đây con số đã bị giới hạn ở mức 50.” (Daily Telegraph, 1/10/1937)

(XL) The Life of Mary Kingsley, của Stephen Gwyn, t. 18, 26. Trong một phần của một lá thư Mary Kingsley viết: “Thi thoảng tôi cũng có ích, nhưng chỉ thế thôi - mấy tháng trước rất có ích khi ghé thăm một người bạn cô ta yêu cầu tôi lên phòng ngủ của cô ta và nhìn qua chiếc mũ của cô ta - một đề nghị khiến tôi lảo đảo, tôi biết ý kiến của cô ta về tôi trong những vấn đề như thế.” Ông Gwyn nói: “Lá thư không kể hết về cuộc phiêu lưu này của một vị hôn phu trái phép, nhưng tôi chắc chắn cô ta đã giúp anh ta rời khỏi mái nhà và tận hưởng trải nghiệm này một cách ồn ào.”

(XLI) The Life of Mary Kingsley, của Stephen Gwyn, t. 18, 26. Trong một phần của một lá thư Mary Kingsley viết: “Thi thoảng tôi cũng có ích, nhưng chỉ thế thôi - mấy tháng trước rất có ích khi ghé thăm một người bạn cô ta yêu cầu tôi lên phòng ngủ của cô ta và nhìn qua chiếc mũ của cô ta - một đề nghị khiến tôi lảo đảo, tôi biết ý kiến của cô ta về tôi trong những vấn đề như thế.” Ông Gwyn nói: “Lá thư không kể hết về cuộc phiêu lưu này của

một vị hôn phu trái phép, nhưng tôi chắc chắn cô ta đã giúp anh ta rời khỏi mái nhà và tận hưởng trải nghiệm này một cách ồn ào.”

(XLII) Theo Antigone có hai loại luật pháp, luật pháp thành văn và luật pháp bất thành văn, và bà Drummond quả quyết rằng đôi khi cần phải cải thiện luật pháp thành văn bằng cách vi phạm nó. Nhưng những hoạt động đa dạng của con gái của người đàn ông trí thức hồi thế kỷ 19 rõ ràng không chỉ đơn giản hay chủ yếu hướng tới việc vi phạm pháp luật. Trái lại, họ cố gắng thử một dạng thực nghiệm để khám phá những luật pháp bất thành văn là gì; đó là những luật pháp riêng quy định về những bản năng, những đam mê, các khao khát tinh thần và vật chất. Việc những thứ luật như thế tồn tại và được quan sát bởi những người văn minh, nhìn chung là được cho phép một cách khá công bằng, nhưng người ta bắt đầu đồng ý rằng chúng không được đặt ra bởi “Thượng đế”, kể mà hiện nay được xem là một khái niệm về nguồn gốc của chế độ gia trưởng, chỉ có hiệu lực đối với những chủng tộc nhất định, ở những giai đoạn và thời điểm nhất định; cũng không phải bởi tự nhiên, kể mà hiện nay được biết rất đa dạng trong những mệnh lệnh của nàng và đã nằm trong vòng kiểm soát phần lớn; mà phải được khám phá lại lần nữa bởi những thế hệ nối tiếp nhau, phần lớn bởi những nỗ lực về lý trí và trí tưởng tượng của chính họ. Tuy nhiên, vì lý trí và trí tưởng tượng ở một mức độ nhất định là sản phẩm của cơ thể chúng ta, và có hai loại cơ thể, giống đực và giống cái, và vì hai cơ thể này đã được chứng minh trong vòng vài năm qua là khác nhau một cách cơ bản, rõ ràng rằng những luật pháp mà họ nắm được và tôn trọng phải được diễn dịch một cách khác nhau. Do vậy Giáo sư Julian Huxley nói: “từ thời điểm thụ thai trở đi, nam và nữ khác nhau ở từng tế bào trong cơ thể họ theo số lượng nhiễm sắc thể của họ - những cơ thể mà, với mọi xa lạ của trần gian, đã được chỉ ra bởi công trình của thập kỷ qua là những kẻ mang theo tính di truyền, những kẻ quyết định tính cách và phẩm chất của chúng ta.” Do đó, bất chấp thực tế rằng “siêu cấu trúc của đời sống trí tuệ và thực hành có tiềm năng là như nhau ở cả hai giới tính” và rằng “Bản báo cáo của Ủy ban giáo dục về sự khác biệt của chương trình giảng dạy cho các em trai và em gái ở các trường phổ thông cơ sở ((London, 1923), đã nhận định rằng những khác biệt về trí tuệ giữa hai giới tính là rất không đáng kể so với niềm tin phổ biến cho phép. (Essays in Popular Science của Julian Huxley, t. 62-3), rõ ràng là hai giới tính hiện khác nhau và sẽ luôn luôn khác nhau. Nếu có khả năng không chỉ để cho mỗi giới tính xác định những luật nào là tốt trong

trường hợp riêng của nó, và để tôn trọng các luật của nhau; mà còn để chia sẻ những kết quả của các khám phá đó, có khả năng là mỗi giới tính có thể phát triển toàn vẹn và cải thiện phẩm chất mà không cần từ bỏ những tính cách đặc biệt của mình. Khái niệm cũ rằng một giới tính phải “thống trị” giới tính kia khi đó sẽ không chỉ trở thành lỗi thời, mà còn đáng ghét đến độ nếu vì các mục đích thực hành, một lực lượng thống trị cần phải quyết định những vấn đề cụ thể, công việc áp bức và thống trị kinh tế sẽ được giao cho một hiệp hội thấp kém và bí mật, cũng như việc tra tấn và hành hình tội phạm hiện đang được thực hiện bởi những người đeo mặt nạ và hoàn toàn vô danh tính. Nhưng đây chỉ là dự đoán.

(XLIII) Từ thông báo về ngày giỗ của H. W. Greene, giảng viên của Magdalen College, Oxford, thường gọi là ‘Grugger’, (The Time 6/2/1933)

(XLIV) “Vào năm 1747, cuộc họp hàng quý (của bệnh viện Middlesex) đã quyết định đặt riêng một số giường trong những trường hợp nằm dưới những quy định ngăn ngừa bất kỳ phụ nữ nào hành động với tư cách bà mẹ. Việc loại bỏ phụ nữ đã bảo tồn thái độ theo truyền thống. Năm 1861, cô Garrett, sau đó là bác sĩ Garrett Anderson, đã đạt được sự cho phép tham dự các lớp học... và được phép tới thăm các phân khoa với những quan chức nội trú, nhưng các sinh viên phản đối và các quan chức y khoa nhượng bộ. Ủy ban đã khước từ một đề nghị cung cấp một quỹ học bổng cho các nữ sinh viên từ bà ta.” (The Times, 17/5//1935)

(XLV) “Trong thế giới hiện đại, có một con người vĩ đại đạt được trình độ kiến thức cao... nhưng ngay khi bất kỳ đam mê mạnh mẽ nào xen vào làm thiên lệch trí phán đoán của chuyên gia này, ông ta trở nên không thể tin cậy được, bất kể ông ta có loại thiết bị khoa học nào.” (The Scientific Outlook của Bertrand Russell, t. 17)

(XLVI) Tuy nhiên, một trong những kẻ đập vỡ đĩa hát đã đưa ra một lý do cho việc đập vỡ đĩa hát đầy khả kính: “Khi đó, niềm tin của tôi rằng thỉnh thoảng phụ nữ nên làm cho chính họ những gì đàn ông đã thực hiện - và thỉnh thoảng những gì đàn ông chưa thực hiện - từ đó xác lập bản thân họ với tư cách những cá nhân, và có lẽ khuyến khích những phụ nữ khác hướng tới sự độc lập to lớn hơn về tư tưởng và hành động... Khi họ thất bại, thất bại của họ phải là một thách thức đối với những người khác.” (The Last Flight của Amelia Earhart, t. 21, 65.)

(XLVII) “Trên thực tế, quá trình này (sinh con) thật sự chỉ khiến phụ nữ trở nên bất lực trong một phần rất nhỏ trong hầu hết cuộc đời họ - thậm chí một phụ nữ có sáu đứa con chỉ cần nằm giường 12 tháng trong toàn bộ cuộc đời của họ.” (Careers and Openings for Women của Ray Strachey, t. 47-8.) Tuy nhiên, trong hiện tại, cô ta cần nghỉ ngơi lâu hơn. Một đề xuất mạnh mẽ đã được đưa ra rằng công việc này không chỉ là đặc quyền của người mẹ, mà có thể được chia sẻ bởi cả hai bố mẹ vì lợi ích chung.

(XLVIII) Bản chất của nam tính và bản chất của nữ tính thường xuyên được định nghĩa bởi cả những tên độc tài Ý lẫn Đức. Cả hai đều nhiều lần khẳng định rằng bản chất của đàn ông và thật sự ra yếu tính của đàn ông là chiến đấu. Ví dụ, Hitler vạch ra một khác biệt giữa “một quốc gia của những người theo chủ nghĩa hòa bình và một quốc gia của những người đàn ông”. Cả hai đều nhiều lần khẳng định rằng bản chất của phụ nữ là chữa trị những vết thương của kẻ chiến binh. Tuy nhiên một phong trào rất mạnh đang tiến tới việc giải phóng đàn ông khỏi “quy luật tự nhiên và vĩnh viễn” rằng đàn ông nhất thiết phải là một chiến binh, chứng nhân là sự tăng trưởng của chủ nghĩa hòa bình trong giới tính nam hiện nay. Xa hơn, hãy so sánh phát biểu của ngài Knebworth rằng “nếu đạt được hòa bình thường xuyên và những quân đội và lực lượng hải quân thối tòn tại, sẽ không có lối thoát cho những phẩm chất đàn ông mà việc chiến đấu phát triển,” với phát biểu sau của một thanh niên trẻ khác cùng giai tầng xã hội cách nay vài tháng: “...không đúng khi nói rằng từ đáy tim mọi cậu con trai đều khao khát chiến tranh. Đó chỉ là những người khác, kẻ dạy điều đó cho chúng ta bằng cách đưa cho chúng ta những thanh kiếm và những khẩu súng, những người lính và những bộ đồng phục để chơi đùa.” (Conquest of the Past của Hoàng tử Hubertus Loewenstein, t. 215.) Có khả năng rằng các nước phát xít bằng cách hé lộ cho thế hệ trẻ hơn ít nhất là nhu cầu được giải phóng khỏi khái niệm cũ về nam tính đang thực hiện cho giới tính nam điều mà các cuộc chiến Crime và châu Âu đã làm cho các chị em gái của họ. Tuy nhiên, Giáo sư Huxley cảnh báo chúng ta rằng “bất kỳ thay đổi đáng kể nào của thiết chế cha truyền con nối là một vấn đề của thiên niên kỷ chứ không phải vài thập kỷ.” Mặt khác, như khoa học cũng đã trấn an chúng ta rằng cuộc sống trên đời của chúng ta “là một vấn đề của thiên niên kỷ chứ không phải vài thập kỷ”, một thay đổi nào đó trong thiết chế cha truyền con nối có thể đáng để nỗ lực.

(XLIX) Tuy nhiên Coleridge diễn tả những quan điểm và mục đích của những kẻ ngoại cuộc với một mức độ chính xác nào đó trong đoạn sau đây: “Con người phải TỰ DO hay vì mục đích nào mà anh ta biến thành một Linh hồn của Lý trí, chứ không phải một Cỗ máy của Bản năng? Con người phải TUÂN PHỤC; Hoặc vì sao hẳn có một lương tâm? Những quyền lực tạo ra khó khăn này cũng hàm chứa giải pháp của nó tương tự như vậy; vì sự phục vụ CỦA HỌ là hoàn toàn tự do. Và bất cứ luật pháp hay hệ thống pháp luật nào mà áp đặt bất kỳ sự phục vụ nào khác, sẽ hèn hạ hóa bản chất của chúng ta, tự kết bầy với con thú chống lại bản chất thần thánh, giết chết trong chúng ta chính cái nguyên tắc vui vẻ làm điều tốt và chống lại nhân tính. Nếu từ đó xã hội đặt dưới một thể chế chính phủ ĐÚNG, và một thể chế có thể đặt ra cho Con người lý trí một nghĩa vụ thật sự và có tính đạo đức để tuân theo, nó phải được lồng trong những nguyên tắc rằng mỗi cá thể tuân theo Lý trí của chính mình, trong lúc anh ta tuân theo các lẽ luật của thể chế, và thực hiện ý chí của Nhà nước trong lúc tuân theo những mệnh lệnh của Lý trí của chính mình.” Điều này đã được xác định rõ ràng bởi Rousseau, kẻ phát biểu về vấn đề của một thể chế chính phủ hoàn hảo bằng những lời sau: “Tìm ra một hình thức xã hội mà theo đó mỗi người hợp nhất với toàn thể sẽ không chỉ tuân thủ mà còn duy trì sự tự do như trước đó. (The Friend của S. T. Coleridge, quyển I, t. 333, 334, 335; bản in năm 1818) Có thể bổ sung thêm một trích dẫn của Walt Whitman:

“Về Bình đẳng - như thể nó làm hại tôi, khi trao cho những kẻ khác cùng những cơ hội và quyền như của chính tôi - như thể nó không thể đền bù cho những quyền lợi riêng của tôi nếu những người khác cũng có quyền tương tự.”

Và cuối cùng là lời của một tiểu thuyết gia đã bị quên lãng nửa phần, George Sand, cũng đáng để xem xét:

“Mọi sự hiện hữu đều tương trợ lẫn nhau, và mỗi con người khi thể hiện chính hần mà không có kết nối nào với các cá thể khác, sẽ đưa ra một câu đố để lần dò... Bản thân cá thể này không có ý nghĩa gì và cũng không chút gì quan trọng. Hãy chọn lấy bất kỳ hướng nào bằng cách trở thành một mảnh của cuộc hiện tồn chung, trên nền tảng cá tính của mỗi một đồng bào của ta, và đây là nơi nó trở thành lịch sử.” (Histoire de ma Vie của George Sand, t. 240-41).

Chia sẻ ebook: <https://downloadsach.com>

Follow us on Facebook: <https://facebook.com/caphebuoitoi>